



Ra khơi
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2017





MỤC LỤC

- | | | | |
|----|--|----|-------------------------------|
| 01 | THÔNG TIN CHUNG | 05 | BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ |
| 02 | CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN | 06 | QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP |
| 03 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM | 07 | PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG |
| 04 | BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 08 | BÁO CÁO TÀI CHÍNH |

Lộng gió căng buồm Rẽ sóng *Ra khơi*

HDBank ngày nay đáp ứng mọi nhu cầu tài chính, ngân hàng của người dân, doanh nghiệp trên khắp đất nước và trong tâm thế sẵn sàng hội nhập của kỷ nguyên toàn cầu hóa và hội tụ, tích lũy sức mạnh, lướt đi mạnh mẽ trong những dòng chảy giao hòa, trong sự mênh mông rộng lớn của đại dương, đầy thách thức mà cũng đầy hứa hẹn để gặt hái thành công, thịnh vượng trên hải trình phía trước.





Tầm nhìn *Xa rộng* Đón đầu ngọn sóng

THÔNG TIN CHUNG

- | | | | |
|----|---|----|---|
| 06 | THÔNGIỆP CỦA CỔ ĐÔNG LỚN -
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 16 | GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT |
| 08 | THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 24 | NHỮNG DẤU ẤN VÀ GIẢI THƯỞNG
TIÊU BIỂU |
| 10 | THÔNGIỆP CỦA
TỔNG GIÁM ĐỐC | 32 | CÁC CHỈ TIÊU HOẠT
ĐỘNG CƠ BẢN (KPI) |
| 14 | TẦM NHÌN / SỨ MỆNH /
GIÁ TRỊ CỐT LÕI | | |

THÔNG điệp CỦA CỔ ĐÔNG LỚN - PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“HDBank tự hào về Hội đồng Quản trị giàu kinh nghiệm và có tầm nhìn, minh chứng bằng hệ thống quản lý rủi ro tốt mà kết quả là tỷ lệ nợ xấu của HDBank ở mức thấp nhất toàn ngành trong nhiều năm liền.”

HDBank có lịch sử hình thành gần 30 năm, nay đã thay đổi ngoạn mục với tốc độ tăng trưởng dẫn đầu toàn ngành, quy mô tăng trưởng gấp hơn 18 lần trong 10 năm qua, thuộc nhóm những ngân hàng lớn nhất trên thị trường, tập trung vào bán lẻ, SME và tiêu dùng.

HDBank hoạt động trong một thị trường Việt Nam chính trị ổn định, GDP tăng cao liên tục 6% - 7%/năm, nơi khu vực kinh tế tư nhân, nhất là doanh nghiệp SME tăng trưởng mạnh mẽ, thị trường tiêu dùng đang bùng nổ với dân số trẻ đang tiến tới 100 triệu người, thu nhập khả dụng của người dân tăng trưởng cao nhất trong khu vực. Mức thâm nhập của ngành ngân hàng vẫn còn thấp khi mức dân số trên 15 tuổi có sử dụng dịch vụ ngân hàng chỉ khoảng 30%.

Trong khi ngành ngân hàng Việt Nam rơi vào thời kỳ đầy biến động thì chúng tôi kiên định, tập trung vào xây dựng Ngân hàng đa năng, thực hiện thành công kế hoạch phát triển 05 năm 2011 – 2016, vươn lên nhóm những Ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam.

Đồng thời, chúng tôi chuẩn bị mọi nền tảng cho kế hoạch 2017 – 2021 tiếp theo với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu, phục vụ số lượng 15 triệu khách hàng vào năm 2021.

HDBank tự hào về Hội đồng Quản trị giàu kinh nghiệm và có tầm nhìn, minh chứng bằng hệ thống quản lý rủi ro tốt mà kết quả là tỷ lệ nợ xấu của HDBank ở mức thấp nhất toàn ngành trong nhiều năm liền.

HDBank cũng là ngân hàng thành công trong việc M&A các ngân hàng khác ở Việt Nam.

Với hệ sinh thái đặc quyền từ hàng không, siêu thị, viễn thông,... và năng lực M&A, chúng tôi hướng tới vị trí dẫn đầu trên thị trường. Chúng tôi tin tưởng ở khả năng duy trì tốc độ tăng trưởng cao và liên tục, khả năng phát triển doanh thu trên nền tảng kênh phân phối dày đặc dịch vụ rộng và hoàn chỉnh, hệ thống công nghệ tiên tiến, trong thị trường ngân hàng đang bùng nổ tại Việt Nam.

Hội đồng Quản trị HDBank điều hành, quản trị ngân hàng theo những chuẩn mực quốc tế tốt và minh bạch nhất của công ty niêm yết, tiếp tục mang lại những giá trị tăng trưởng cao nhất cho nhà đầu tư, đối tác, khách hàng và người lao động.

Thay mặt Nhà sáng lập - Cổ đông lớn



**Phó Chủ tịch thường trực
Nguyễn Thị Phương Thảo**



*Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Quản trị
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO*

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Chủ tịch Hội đồng Quản trị
LÊ THỊ BĂNG TÂM

Thưa Quý khách hàng, Quý cổ đông và toàn thể cán bộ nhân viên HDBank,

Năm 2017 vừa qua là một năm có ý nghĩa đặc biệt trong lịch sử hình thành và phát triển của HDBank. Cùng với những tin hiệu tích cực của nền kinh tế Việt Nam và tinh thần quyết tâm của cả hệ thống, HDBank đã nắm bắt, tận dụng các cơ hội, vượt qua mọi thách thức để đạt được kết quả hoạt động vô cùng ấn tượng, vượt xa kế hoạch đề ra. Những ngày đầu năm 2018, lịch sử phát triển HDBank tiếp tục ghi dấu một sự kiện trọng đại, mang tính bước ngoặt - Cổ phiếu HDB của Ngân hàng được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), đưa HDBank trở thành một trong những tổ chức tín dụng hàng đầu về vốn hóa trên toàn thị trường.

Tăng trưởng về quy mô hoạt động, năng lực tài chính, thị phần và khả năng cung ứng từ ngân hàng bán buôn, bán lẻ, ngân hàng số, thương hiệu có tầm ảnh hưởng trên thị trường đến giá cổ phiếu tăng ấn tượng và duy trì định giá thị trường ở mức cao với thanh khoản mạnh - Bức tranh toàn diện này đã thể hiện rõ nét chất lượng dịch vụ, năng lực hoạt động và chiến lược phát triển của HDBank, lý giải cho sự tin cậy, gắn bó lâu bền của khách hàng và nhà đầu tư trong suốt thời gian qua.

Năm qua, HDBank đã có những hoạt động ấn tượng tại APEC Việt Nam, ghi dấu ấn đẹp đẽ trước các nhà lãnh đạo và doanh nghiệp đến từ 21 cường quốc trên thế giới. Thành công ngoài mong đợi của APEC lần thứ 25 là vinh quang của quốc gia, cũng là mốc son của HDBank trên hành trình phát triển bền vững.

Sự tăng trưởng và đột phá về kết quả kinh doanh đã giúp HDBank mở ra những cánh cửa hội nhập với thị trường tài chính thế giới cùng đối tác, nhà đầu tư và khách hàng đa quốc gia; trong đó có các dịch vụ chuyên biệt tiên phong phục vụ các khách hàng quốc tế tại thị trường Việt Nam.

Bên cạnh các hoạt động kinh doanh nổi bật, HDBank luôn hướng đến tinh thần cống hiến, chia sẻ vì cộng đồng. Cán bộ nhân viên HDBank đã cùng đồng hành đến những vùng sâu, vùng xa, từ miền Tây Bắc đến quê hương Đồng Khởi để trao gửi những tấm áo ấm, tập vở cho trẻ em nghèo và người già neo đơn, mang đến ánh sáng cho 500.000 người mù và tặng hơn 14.000 thẻ Bảo hiểm y tế thông qua chuỗi hoạt động phối hợp cùng Hội bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh. Với đóng góp đáng kể cho sự phát triển kinh tế - xã hội và hoạt động an sinh cộng đồng, HDBank vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng.

“Với định hướng chiến lược rõ ràng, chủ động hội nhập, cùng triết lý kinh doanh cốt lõi: “Cam kết mang lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan”, HDBank mang theo lòng nhiệt huyết của tập thể CBNV, tâm huyết của Ban lãnh đạo để lan tỏa các giá trị tốt đẹp, trở thành nhân tố đóng góp đáng kể cho sự phát triển bền vững của mỗi cá nhân, nền kinh tế và toàn xã hội.”

Năm 2017 cũng là năm bản lề của chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021, chuẩn bị để con thuyền HDBank sẵn sàng hành trình “Ra khơi - Vươn ra biển lớn”. Với định hướng chiến lược rõ ràng, chủ động hội nhập, cùng triết lý kinh doanh cốt lõi “Cam kết lợi ích cao nhất”, HDBank mang theo lòng nhiệt huyết của tập thể cán bộ nhân viên, tâm huyết của Ban lãnh đạo để lan tỏa các giá trị tốt đẹp, trở thành nhân tố đóng góp đáng kể cho sự phát triển bền vững của mỗi cá nhân, nền kinh tế và toàn xã hội.

Hội đồng Quản trị tin rằng, tinh thần kinh doanh sáng tạo, không ngừng đổi mới của HDBank kết hợp với sức mạnh đoàn kết của toàn hệ thống, lòng tin của cổ đông, đối tác và sự hỗ trợ từ cơ quan quản lý các cấp sẽ giúp Ngân hàng thực hiện được tất cả mục tiêu đã đặt ra, nhanh chóng trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu trên thị trường.

Thay mặt Hội đồng Quản trị HDBank, tôi ghi nhận sự nỗ lực của toàn bộ tập thể cán bộ nhân viên và Ban Điều hành trong việc tận tâm thực hiện nhiệm vụ của mình, mang đến những thành quả vượt bậc trong năm vừa qua. Xin cảm ơn sự tin tưởng, ủng hộ của Quý cổ đông, Đối tác, Quý khách hàng và sự hỗ trợ của các cấp lãnh đạo, các cơ quan quản lý nhà nước. Hy vọng, trong năm 2018 và tương lai xa hơn nữa, chúng ta vẫn sẽ tiếp tục chung tay để xây dựng HDBank ngày càng phát triển lớn mạnh và vững bền.

Thay mặt Hội đồng Quản trị HDBank

Chủ tịch Lê Thị Băng Tâm



THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Tổng Giám đốc
NGUYỄN HỮU ĐẶNG

Thưa Quý khách hàng, Quý cổ đông và toàn thể Cán bộ nhân viên HDBank,

Năm 2017 là năm bản lề của chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021, với tầm nhìn trở thành ngân hàng bán lẻ, SME và tài chính tiêu dùng hàng đầu Việt Nam, quy mô và hiệu quả hoạt động của HDBank đang tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững, hoàn thành xuất sắc kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao. Tổng tài sản đạt 189.334 tỷ đồng, tăng 26%; huy động đạt 120.537 tỷ đồng, tăng 16,7%; tổng dư nợ tín dụng đạt 110.067 tỷ đồng, tăng 25,2% so với năm 2016; lợi nhuận trước thuế đạt 2.417 tỷ đồng, tăng 110,6% và đạt 185,9% kế hoạch, các hệ số ROE và ROA lần lượt đạt 15,8% và 1,2%, nằm trong Top 04 các ngân hàng có khả năng sinh lời cao nhất. Các chỉ số quản trị khác đều đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Để đạt được những thành quả trên là nhờ sự tin tưởng của hàng triệu khách hàng và các đối tác trong, ngoài nước; sự ủng hộ của hơn 2.000 cổ đông; sự chỉ đạo và giúp đỡ hiệu quả của các cấp lãnh đạo, các cơ quan quản lý nhà nước và nỗ lực, đóng góp của toàn thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên HDBank.

CHUYỂN MÌNH MẠNH MẼ

Sau thành công của chiến lược phát triển 05 năm giai đoạn 2011 - 2016, năm 2017 đã chứng kiến HDBank chuyển mình mạnh mẽ. Việc chào bán lần đầu cổ phần ra nước ngoài được các nhà đầu tư đặc biệt quan tâm, khối lượng đặt mua cao gấp 03 lần khối lượng chào bán, tạo nên đợt IPO lớn thứ hai lịch sử ngành ngân hàng Việt Nam đến nay. Trong số hơn 76 nhà đầu tư nước ngoài có nhiều quỹ đầu tư, định chế tài chính lớn trên thế giới như Deutsche Bank, Macquarie Bank, Credit Saison... Ngày 05/01/2018, cổ phiếu HDBank đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 ảnh hưởng ngày càng sâu rộng đến các ngành, nghề kinh tế, công nghệ thông tin tiếp tục được ngân hàng chú trọng phát triển, tăng cường ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản trị, điều hành kinh doanh.

Năm 2017, HDBank tự hào tiếp tục nhận được nhiều giải thưởng uy tín, xếp hạng tín nhiệm cao từ các tổ chức trong nước và quốc tế. Hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế Moody's Investors Service đã dành cho HDBank mức xếp hạng B2 – mức cao nhất trong nhóm các ngân hàng TMCP. Đặc biệt, ngày 27/01/2018 vừa qua, HDBank đã vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng. Đây là phần thưởng mang ý nghĩa to lớn, ghi nhận những nỗ lực và thành tích mà HDBank đã đạt được trong nhiều năm qua.

Cùng với sự tăng trưởng bền vững và ấn tượng trên các mặt hoạt động kinh doanh, HDBank đã và đang triển khai có hiệu quả nhiều chương trình, dự án nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị ngân hàng, tạo cơ sở vững chắc cho việc áp dụng các chuẩn mực và thông lệ quốc tế tốt nhất.

THÔNG điệp CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Điều hành HDBank tin tưởng rằng với sự đồng lòng, quyết tâm của toàn bộ lãnh đạo, nhân viên HDBank, sự tin tưởng của cổ đông, đối tác và sự hỗ trợ từ cơ quan quản lý các cấp, HDBank sẽ vượt qua mọi thách thức, nắm bắt cơ hội để thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch đã đặt ra.

GIƯỜNG BUỒM RA KHƠI

Tự hào đạt được những thành tựu vượt bậc năm 2017, năm 2018 HDBank chính thức bước vào giai đoạn lịch sử mới. Ngân hàng quyết tâm thực hiện các nhiệm vụ, chương trình hành động đã xây dựng để vươn cánh ra khơi. HDBank đã đề ra các mục tiêu cơ bản nhằm đẩy mạnh tăng trưởng và phát triển:

1. Mục tiêu kinh doanh:

Thực hiện các hoạt động kinh doanh theo định hướng: tăng trưởng bền vững, tín dụng an toàn, lợi nhuận tối ưu; đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng bán lẻ và doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với triết lý lấy nhu cầu của khách hàng làm trung tâm; đầu tư xây dựng hệ thống Digital Banking tiên tiến nhằm phát triển các sản phẩm, dịch vụ tiện ích và nhanh chóng cho khách hàng.

2. Mục tiêu tổ chức quản trị ngân hàng:

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật trong hoạt động của ngân hàng; tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tài sản: hạn chế tối đa các rủi ro trong hoạt động ngân hàng (tín dụng, hoạt động, thanh khoản...), đảm bảo các tỷ lệ an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Đổi mới và tinh gọn các quy trình, thủ tục, kết hợp với ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng.
- Triển khai thực hiện quản trị rủi ro theo Basel II.

3. Mục tiêu củng cố mạng lưới và tổ chức nhân sự:

- Tiếp tục hoàn thành kế hoạch phát triển và củng cố mạng lưới nhằm khai thác tối đa tiềm năng thị trường trong nước và vươn ra thị trường quốc tế trên cơ sở ứng dụng phương pháp quản trị hiện đại có hiệu quả.
- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực thông qua các chương trình đào tạo, chính sách thu hút nhân tài và xây dựng môi trường làm việc năng động, thân thiện, hiệu quả.

4. Mục tiêu phát triển công nghệ thông tin:

Trước bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 04 ảnh hưởng ngày càng sâu rộng đến các ngành, nghề kinh tế; công nghệ thông tin tiếp tục được Ngân hàng chú trọng phát triển. Phát triển mạnh công nghệ thông tin tạo nền tảng vững chắc cho việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử tiên tiến nhất, an toàn nhất; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong vận hành và quản lý ngân hàng.

5. Mục tiêu phát triển thương hiệu:

Đẩy mạnh phát triển thương hiệu HDBank và tăng cường nhận diện thương hiệu HDBank thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ; kết hợp với các hoạt động quảng bá, truyền thông phù hợp.

Bên cạnh mục tiêu kinh doanh, trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội cũng luôn được HĐQT và Ban Điều hành chú trọng, quan tâm. Năm 2018, HDBank cam kết tiếp tục triển khai các chương trình thiện nguyện ý nghĩa tại nhiều tỉnh thành trên khắp cả nước.

Định hướng chiến lược của HDBank là tập trung tạo lập các giá trị lâu dài cho khách hàng, cổ đông, các thành viên trong gia đình HDBank và cộng đồng xã hội.

Ban Điều hành HDBank tin tưởng rằng với sự đồng lòng, quyết tâm của toàn bộ lãnh đạo, nhân viên HDBank, sự tin tưởng của cổ đông, đối tác và sự hỗ trợ từ cơ quan quản lý các cấp, HDBank sẽ vượt qua mọi thách thức, nắm bắt cơ hội để thực hiện tốt mục tiêu kế hoạch đã đặt ra.

Thay mặt Ban Điều hành HDBank

Tổng Giám đốc Nguyễn Hữu Đăng

TẦM NHÌN

Trở thành một tập đoàn tài chính hàng đầu với cốt lõi là Ngân hàng thương mại thuộc top dẫn đầu tại Việt Nam, có sản phẩm và dịch vụ khách hàng vượt trội, mạng lưới quốc tế, hoạt động hiệu quả và có thương hiệu được các khách hàng tự hào tin dùng.

SỨ MỆNH

ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG

HDBank cam kết mang lại giá trị cao nhất cho khách hàng bằng các giải pháp tài chính trọn gói và sáng tạo, đáp ứng được nhu cầu đa dạng và luôn thay đổi dựa trên sự thấu hiểu khách hàng.

ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN

HDBank tạo ra một môi trường làm việc chuyên nghiệp, thú vị và có mức đãi ngộ xứng đáng giúp nhân viên có thể học hỏi, sáng tạo và cống hiến để cùng thành đạt về sự nghiệp.

ĐỐI VỚI ĐỐI TÁC

HDBank cam kết tối đa hóa lợi ích cho cổ đông và các đối tác nhờ tăng trưởng mạnh và bền vững đi cùng với hệ thống quản trị doanh nghiệp hiệu quả và quản lý rủi ro chặt chẽ.

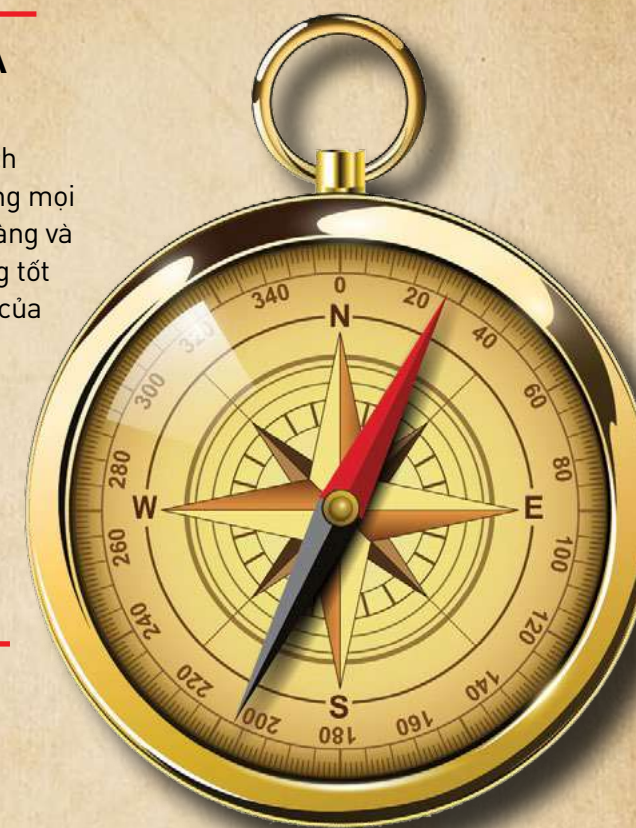
GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KHÁCH HÀNG LÀ TRỌNG TÂM

HDBank luôn coi khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của ngân hàng và luôn phấn đấu đáp ứng tốt nhất những mong đợi của khách hàng.

HIỆU QUẢ VÀ SÁNG TẠO

HDBank không ngừng học hỏi, sáng tạo và tự hoàn thiện để hoạt động hiệu quả và vượt trội trong việc phục vụ khách hàng.



CHUYÊN NGHIỆP VÀ HỢP TÁC

HDBank làm việc và ứng xử một cách chuyên nghiệp. HDBank chia sẻ và hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và đối tác dựa trên sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.

NHẤT QUẢN VÀ LINH HOẠT

HDBank hiểu rõ mục tiêu của mình và nhất quán trong việc theo đuổi các mục tiêu đó. Trong hành động, chúng tôi luôn năng động và linh hoạt để đạt được mục tiêu đã đề ra.

TRUNG THỰC VÀ TRÁCH NHIỆM

HDBank là một tập thể đáng tin cậy, trung thực, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.



Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của HDBank gồm chín (09) thành viên

Ông LÝ VINH QUANG
Thành viên HĐQT
độc lập

Ông LIM PENG KHOON
Thành viên HĐQT

Ông NGUYỄN THÀNH ĐÔ
Phó Chủ tịch, Thành viên
HĐQT độc lập

Bà NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
Phó Chủ tịch Thường trực

Bà LÊ THỊ BĂNG TÂM
Chủ tịch HĐQT

Bà NGUYỄN THỊ TÂM
Thành viên HĐQT

Ông LƯU ĐỨC KHÁNH
Phó Chủ tịch
chuyên trách

Ông NGUYỄN HỮU ĐẶNG
Thành viên HĐQT

Ông CHU VIỆT CƯỜNG
Thành viên HĐQT



Ban Kiểm soát



Ban Kiểm soát hiện tại của HDBank gồm ba (03) thành viên

Bà NGUYỄN THỊ TÍCH
Thành viên BKS

Ông ĐÀO DUY TƯỜNG
Trưởng BKS

Bà NGUYỄN THỊ PHỤNG
Thành viên BKS

Ban Điều hành



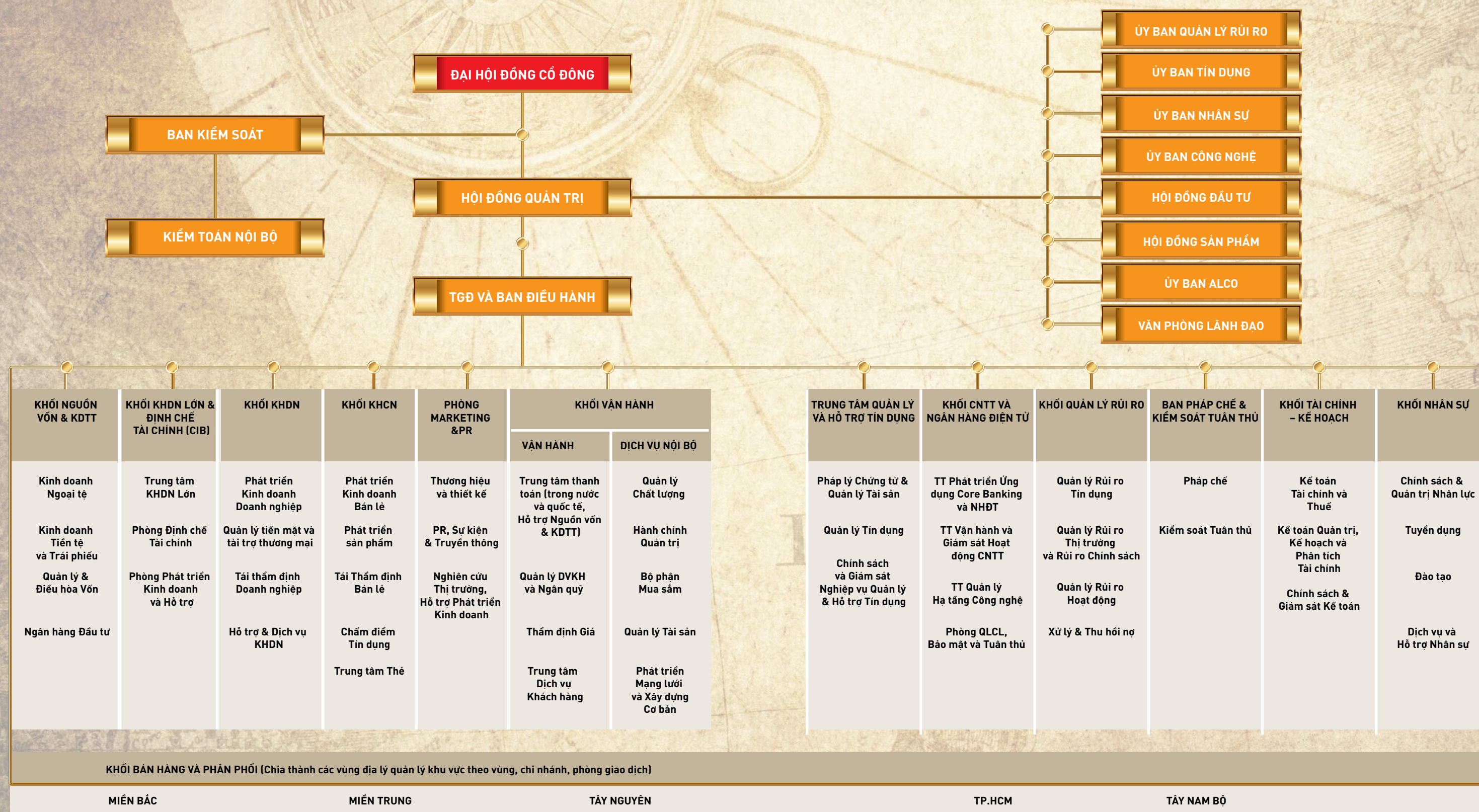
Ban Điều hành hiện tại của HDBank gồm mười ba (13) thành viên:

- | | |
|-------------------------|------------------------|
| 1 Ông NGUYỄN HỮU ĐẶNG | Tổng Giám đốc |
| 2 Bà NGUYỄN ĐOÀN DUY ÁI | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Bà PHAN THỊ TRÂM ANH | Giám đốc Khối Vận hành |

- | | |
|---------------------------|----------------------------------|
| 4 Ông NGUYỄN THANH PHƯƠNG | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 Ông TRẦN QUỐC ANH | Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân |
| 6 Ông TRẦN HOÀI NAM | Phó Tổng Giám đốc |
| 7 Bà HỒ ĐẶNG HOÀNG QUYÊN | Kế Toán Trưởng |
| 8 Ông NGUYỄN MINH ĐỨC | Phó Tổng Giám đốc |

- | | |
|------------------------|--------------------|
| 9 Ông LÊ THÀNH TRUNG | Phó Tổng Giám đốc |
| 10 Ông LÊ THANH TÙNG | Phó Tổng Giám đốc |
| 11 Ông PHẠM QUỐC THANH | Phó Tổng Giám đốc |
| 12 Ông PHẠM VĂN ĐẦU | Giám đốc Tài chính |
| 13 Ông TRẦN THÁI HOÀ | Phó Tổng Giám đốc |

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA HDBANK



NHỮNG DẤU ẤN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

10

DẤU ẤN & SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT CỦA HDBANK NĂM 2017



1.

ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHÌ

HDBank vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng vì những thành tích xuất sắc nổi bật trong hoạt động kinh doanh từ năm 2012 – 2016.

Bên cạnh đó, HDBank vinh dự đón nhận cờ Thi đua Chính phủ; được NHNN trao Cờ thi đua cho 03 tập thể, 22 kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp ngân hàng Việt Nam”; nhận 104 bằng khen của Thống đốc NHNN cho các tập thể và cá nhân xuất sắc của HDBank.



2.

KẾT QUẢ KINH DOANH VƯỢT TRỘI

Năm 2017 đánh dấu một năm kỷ lục của HDBank với 2.417 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 110,6% so với năm trước và hoàn thành 185,9% kế hoạch được ĐHCĐ thông qua đầu năm.

Lợi nhuận năm 2017 của HDBank đạt mức kỷ lục nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của thu nhập lãi thuần từ hoạt động cho vay truyền thống và hoạt động dịch vụ. Quy mô tài sản và dư nợ tín dụng đều tăng mạnh.

Cụ thể, tính đến 31/12/2017, HDBank đạt dư nợ tín dụng 110.067 tỷ đồng, tăng trưởng tín dụng đạt 25,2%, cao nhất trong khối ngân hàng; trong khi nợ xấu được kiểm soát chặt ở mức 1,5%. Huy động vốn thông qua tiền gửi khách hàng tăng 16,7%, chạm mốc 120.537 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế đạt 2.417 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế đạt 1.954 tỷ đồng, gấp 2,1 lần cùng kỳ nhờ hoạt động cho vay truyền thống tăng trưởng giúp thu nhập lãi thuần tăng 35,7%. Hoạt động dịch vụ, kinh doanh chứng khoán tăng trưởng lần lượt 66,2% và 110,0%. Quy mô tài sản của HDBank đến 31/12/2017 đạt 189.334 tỷ đồng, tăng trưởng 26,0% so với thời điểm đầu năm.

Năm 2017 cũng là năm đầu tiên HDBank thực hiện kế hoạch tăng trưởng bền vững 2017 – 2021.



3.

CỔ PHIẾU HDB LÊN SÀN, LẬP TỨC VÀO TOP 20 CỔ PHIẾU VỐN HÓA LỚN NHẤT SÀN HOSE

Sáng ngày 05/01/2018, gần 981 triệu cổ phiếu “HDB” của HDBank đã chính thức được giao dịch trên sàn HOSE và nhanh chóng lọt vào top 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất sàn HOSE.

Với việc niêm yết trên HOSE, HDBank cũng mở màn cho các doanh nghiệp vốn hóa lớn gia nhập thị trường chứng khoán, góp phần nâng cao thanh khoản thị trường, mang lại cơ hội cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Ngay trước thời điểm lên sàn, HDBank đã thực hiện bán vốn cho nhà đầu tư nước ngoài thu về 300 triệu USD. Với sự kiện này, HDBank đã tạo nên thương vụ IPO theo chuẩn quốc tế, có quy mô lớn thứ hai trong lịch sử hệ thống ngân hàng Việt Nam cho đến nay.

Sau gần 03 tháng lên sàn HOSE, giá cổ phiếu HDB tăng ấn tượng gần 50%.



4.

ĐỒNG HÀNH CÙNG APEC VIỆT NAM 2017

HDBank cùng các thành viên thuộc Tập đoàn Sovico vinh dự là nhà tài trợ chính cho tuần lễ APEC. Tại sự kiện, HDBank đã tổ chức các hoạt động giới thiệu những thành tựu, dịch vụ, sản phẩm tiêu biểu nhất đến các đại biểu tham dự như thiết lập trụ ATM, hệ thống quỹ thu đổi ngoại tệ phục vụ 24/24h... Kết thúc kỳ họp lần thứ 04 Hội đồng tư vấn kinh doanh APEC, gần 300 đại biểu đến từ các nền kinh tế APEC đã cùng tham gia đêm tiệc chúc mừng ABAC Culture Night được tổ chức vào tối ngày 06/11/2017.

Tại Hội nghị chính của APEC 2017 diễn ra vào ngày 07/11/2017, đại diện lãnh đạo HDBank đã có bài phát biểu quan trọng về thực trạng khó tiếp cận vốn vay Ngân hàng của các Doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ (SMEs) hiện nay, đồng thời chỉ ra tiềm năng của thị trường Ngân hàng bán lẻ tại Việt Nam.

Trước đó, trong khuôn khổ chuỗi hoạt động hướng tới APEC lần thứ 25, HDBank đã tổ chức nhiều hoạt động sôi



nổi kết nối doanh nghiệp tại Diễn đàn Xúc tiến Đầu tư Đà Nẵng. Tại gian hàng triển lãm, HDBank đã xây dựng mô hình mô phỏng hoạt động thực tế của phòng giao dịch, thu hút nhiều quan khách cấp cao và khách hàng đến tham quan.



5.

MANG LƯỚI ĐIỂM GIAO DỊCH TÀI CHÍNH LỚN NHẤT VIỆT NAM

Năm 2017, HDBank khai trương 19 chi nhánh và phòng giao dịch, đạt mốc 240 điểm giao dịch trên toàn quốc. Cùng việc mở rộng mạng lưới, HDBank đã phát triển thêm hơn 11,5% khách hàng cá nhân, 21,7% khách hàng doanh nghiệp. Riêng Công ty Tài chính tiêu dùng HD SAISON đã phục vụ được 3,6 triệu khách hàng với hơn 11.500 điểm bán hàng và giới thiệu dịch vụ (POS) - trở thành công ty có mạng lưới POS lớn nhất hiện nay.

Với những tiềm lực mạnh mẽ, HDBank vừa được NHNN Việt Nam phê chuẩn mở mới 45 chi nhánh, phòng giao dịch trong năm 2018.



6.

SÁT CẢNH CÙNG FUTSAL VIỆT NAM VƯƠN RA ĐẤU TRƯỜNG BÓNG ĐÁ QUỐC TẾ

Góp phần vào sự phát triển của nền thể thao Việt Nam, năm 2017, HDBank đã tài trợ giải Futsal Đông Nam Á và 02 giải Futsal trong nước là Cup quốc gia 2017 và giải Vô địch quốc gia 2017. Với sự đồng hành của HDBank, Futsal đã trở nên quen thuộc và có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với khán giả trong nước cũng như khu vực. Sự thành công của giải Futsal năm vừa qua hứa hẹn sẽ tạo tiền đề để bóng đá Việt Nam phát triển và đạt nhiều thành tích hơn nữa trong tương lai, làm rạng danh nền thể thao nước nhà.



7.

GIẢI CỜ VUA QUỐC TẾ HDBANK - ĐƯA TRÍ TUỆ VIỆT NAM VƯƠN RA THẾ GIỚI

Giải Cờ vua quốc tế HDBank thuộc hệ thống thi đấu của Liên đoàn Cờ thế giới (FIDE), được tổ chức thường niên tại Việt Nam từ năm 2011, trở thành sân chơi chuyên nghiệp của nhiều cao thủ cờ vua đến từ các châu lục.

Năm 2017, Giải đã thu hút sự tham gia của 230 kỳ thủ đến từ 24 quốc gia và vùng lãnh thổ trên 05 châu lục, trong đó có 92 kỳ thủ quốc tế; hệ số Elo trung bình của giải là 2.383; cấp độ chuyên môn 6/8 - cấp độ được đánh giá khá cao đối với các giải cờ vua quốc tế. Qua 07 mùa thi đấu, Giải Cờ vua quốc tế HDBank đã thu hút 1.108 lượt kỳ thủ đến từ 31 quốc gia của 05 châu lục.

Có thể nói, Giải Cờ vua quốc tế HDBank đã góp phần đưa trí tuệ Việt Nam vươn xa trên làng cờ thế giới, tạo dấu ấn đẹp trong lòng những người yêu môn thể thao này.

8. ĐẠT NHIỀU GIẢI THƯỞNG UY TÍN TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ

Tháng 09/2017, HDBank được tạp chí Asiamoney trao giải thưởng Best Bank in Vietnam 2017 - Ngân hàng tốt nhất năm 2017. Tháng 12/2017, The Asian Banker công bố HDBank xếp hạng 08 trên 15 Ngân hàng Việt Nam lọt TOP 500 Ngân hàng mạnh nhất châu Á Thái Bình Dương.

Bên cạnh đó, năm 2017, lần thứ hai HDBank vinh dự nhận giải Vàng trong cuộc thi Báo cáo thường niên Vision Awards do Hiệp hội các chuyên gia truyền thông Mỹ (League of American Communications Professionals) tổ chức.

Trong nước, HDBank vinh dự nhận Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam; Giải Ngân hàng phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất; Giải Ngân hàng bán lẻ và tài chính tiêu dùng tốt nhất do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.



9.

HỘI THAO TOÀN QUỐC “THẮP LỬA NIỀM TIN”

Nhằm tăng cường tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các thành viên trong Ngân hàng cũng như các đơn vị trực thuộc tập đoàn, HDBank thường xuyên tổ chức các hội thao, hội diễn văn nghệ toàn quốc và nhận được sự hưởng ứng nhiệt tình của toàn thể cán bộ nhân viên.

Năm 2017 - lần thứ 05 tổ chức, Hội thao HDBank đã diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An và Khánh Hòa; với sự tham gia của 200 vận động viên đến từ 26 đơn vị kinh doanh của HDBank trên toàn quốc và các đội khách mời gồm Hàng không VietJet, Công ty Tài chính HD SAISON và Công ty Furama.

10.

Báo cáo thường niên 2017



10.

HÀNH TRÌNH KẾT NỐI YÊU THƯƠNG

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, HDBank luôn hướng đến trách nhiệm cộng đồng qua những chương trình nối vòng tay nhân ái.

Từ nhiều năm qua, đồng hành cùng Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, HDBank đã triển khai nhiều chương trình thiết thực như tặng 14.000 thẻ bảo hiểm y tế cho người cận nghèo. Thông qua chương trình này, hàng ngàn người nghèo, người bệnh được tiếp cận dịch vụ khám chữa bệnh và tránh bẫy nghèo trong y tế.

Năm 2017, HDBank tiếp tục đồng hành cùng Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh phẫu thuật mắt miễn phí cho 5.000 trường hợp. Tính đến nay, thông qua chương trình “Mang lại ánh sáng cho người mù nghèo bị đục thủy tinh thể”, HDBank đã giúp 500.000 người chữa khỏi bệnh về mắt.

Các chương trình hướng đến sự an cư cho người nghèo như tặng hàng trăm căn nhà tình thương; hỗ trợ kinh phí xây đường ở nông thôn; tặng quà cho các gia đình khó khăn; trao tặng học bổng... cũng được HDBank triển khai thường xuyên. Ngoài ra, HDBank còn tổ chức đến thăm, tặng quà cho Cơ sở trợ giúp trẻ em - Quý Bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An, Làng trẻ em SOS Đà Nẵng, Trung tâm Bảo trợ trẻ em khuyết tật Thị Nghè, Thành phố Hồ Chí Minh; trao tặng bò giống cho bà con nghèo ở Quảng Ngãi, Long An; tài trợ xây dựng bia tưởng niệm đường dây giao liên A210 tại Bến Tre... Các hoạt động xã hội luôn được duy trì thường niên và trở thành truyền thống văn hóa tốt đẹp của HDBank.



NHỮNG DẤU ẤN VÀ GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



1. Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng



2. Cờ thi đua của NHNN Việt Nam cho 03 đơn vị



3. Bằng khen Ngân hàng Nhà Nước cho 31 tập thể, 73 cá nhân



4. Best Bank in Vietnam 2017 - Ngân hàng tốt nhất năm 2017 do tạp chí Asiamoney trao tặng



5. Xếp hạng 08 trong danh sách 15 Ngân hàng Việt Nam lọt TOP 500 Ngân hàng mạnh nhất châu Á Thái Bình Dương do The Asian Banker công bố



6. Giải Vàng trong cuộc thi Báo cáo thường niên Vision Awards 2016 do Hiệp hội các chuyên gia truyền thông Mỹ (League of American Communications Professionals - LACP) bình chọn



7. Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2017 do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng



8. Ngân hàng phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng



9. Ngân hàng bán lẻ và tài chính tiêu dùng tốt nhất do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng

CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CƠ BẢN NĂM 2017

Với định hướng chiến lược rõ ràng, chủ động hội nhập, HDBank chuẩn bị sẵn sàng một hành trình “Ra khơi”. HDBank mang theo lòng nhiệt huyết của tập thể cán bộ nhân viên, tâm huyết của Ban lãnh đạo, điều hành và kỳ vọng của toàn thể cổ đông.

TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ



1.954

Tăng trưởng: 113,7%

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG



7.506

Tăng trưởng: 38,5%

TỔNG TÀI SẢN



189.334

Tăng trưởng: 26,0%

VỐN CHỦ SỞ HỮU



14.759

Tăng trưởng: 48,4%

ROE



15,8%

NPL



1,5%

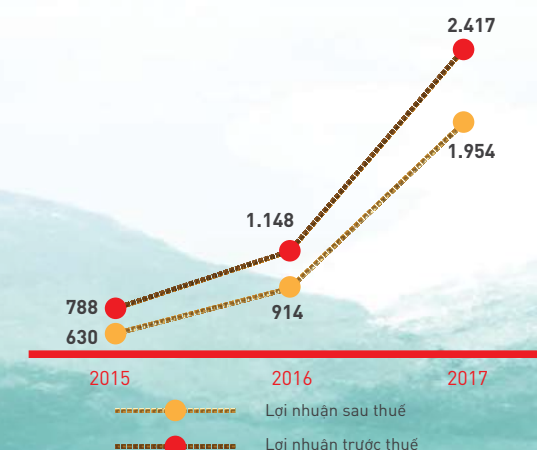
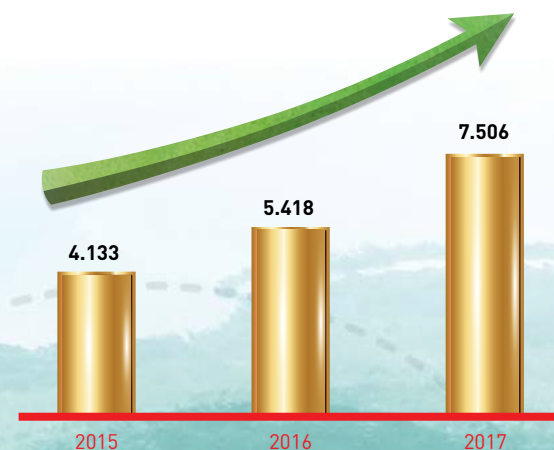
TĂNG TRƯỞNG QUA CÁC NĂM 2015 – 2017

TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG (TOI)

Tỷ đồng

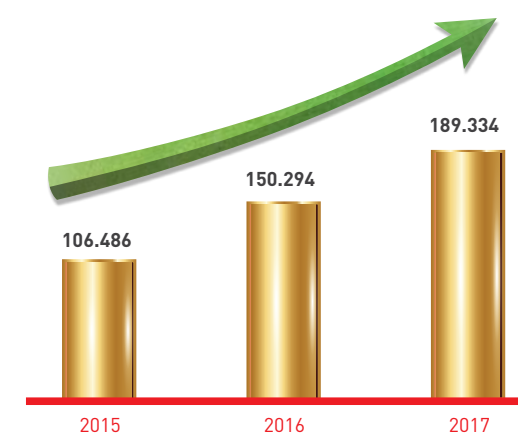
LỢI NHUẬN

Tỷ đồng



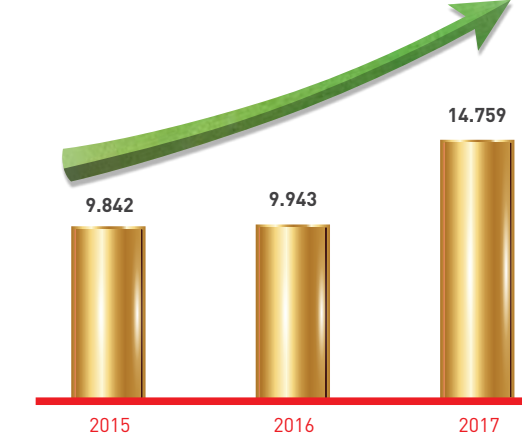
TỔNG TÀI SẢN

Tỷ đồng



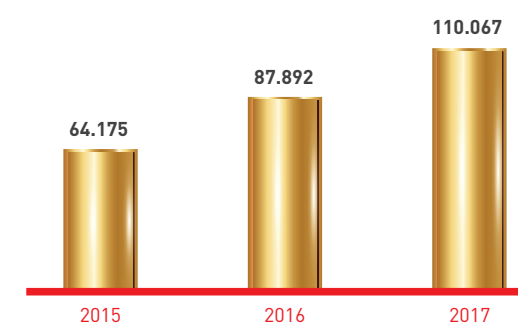
VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tỷ đồng



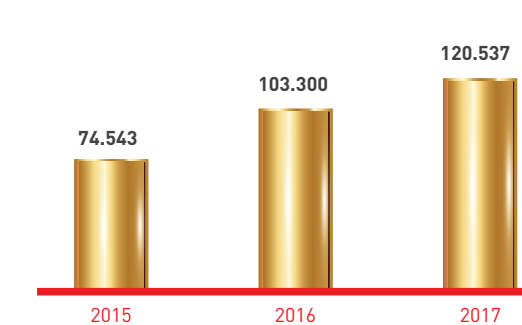
TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG

Tỷ đồng

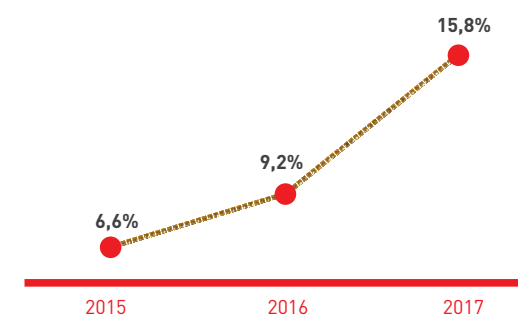


TỔNG TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG

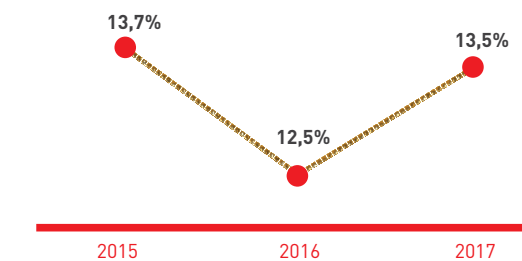
Tỷ đồng



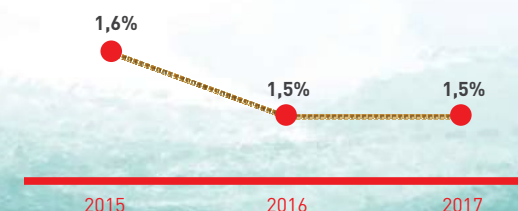
TỶ LỆ LỢI NHUẬN SAU THUẾ TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU



HỆ SỐ CAR

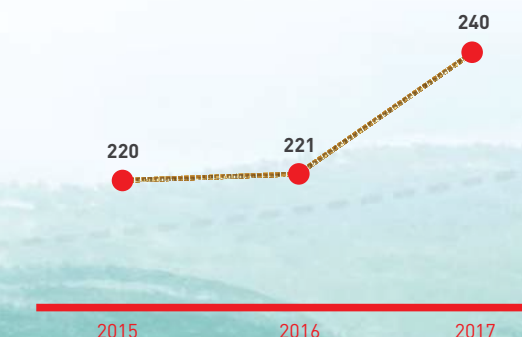


TỶ LỆ NỢ XẤU



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Điểm giao dịch





Vững bước hành trình
*Vươn ra
biển lớn*

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

36 TỔNG QUAN VỀ HDBANK

38 TÓM TẮT QUÁ TRÌNH
HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

40 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH
VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

41 CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU
ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT
ĐỘNG KINH DOANH

48 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

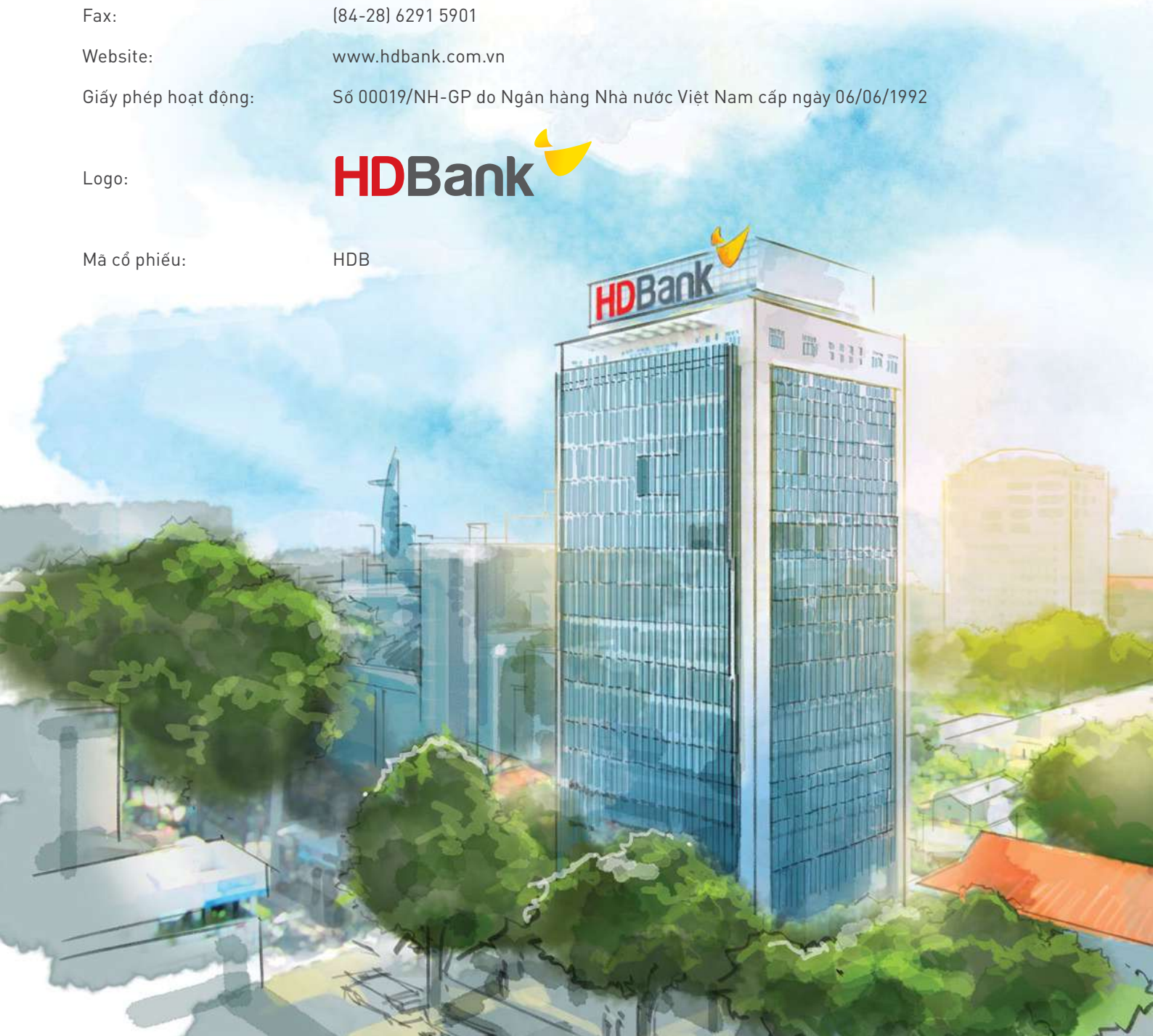


TỔNG QUAN VỀ HDBANK

Tên Doanh nghiệp:	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Tên tiếng Anh:	HO CHI MINH CITY DEVELOPMENT JOINT STOCK COMMERCIAL BANK
Tên viết tắt:	HDBank
Giấy CN ĐKDN:	Số 0300608092 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 11/08/1992 và thay đổi lần thứ 26 ngày 11/12/2017
VĐL hiện tại:	9.810 tỷ đồng
Vốn Đầu tư của Chủ sở hữu:	14.759 tỷ đồng
Trụ sở chính:	Số 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(84-28) 6291 5916
Fax:	(84-28) 6291 5901
Website:	www.hdbank.com.vn
Giấy phép hoạt động:	Số 00019/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 06/06/1992



Mã cổ phiếu: HDB



CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT THUỘC HDBANK

TÊN CÔNG TY	TỶ LỆ SỞ HỮU
Công ty con	
Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	100%
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	50%
Công ty liên kết	
HDBank không có công ty liên kết	

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Phát Triển Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“AMC HDBank”) tiền thân là công ty con thuộc sở hữu của Ngân hàng TMCP Đại Á, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13/01/2011 với số vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng và đến tháng 08/2011 tăng lên thành 150 tỷ đồng.

Sau khi hoàn tất việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á từ tháng 11/2013, AMC HDBank trở thành công ty con của HDBank và chuyển trụ sở từ Biên Hòa, Đồng Nai về Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2014.

Các hoạt động chính của AMC HDBank: quản lý tài sản có nguồn gốc từ xử lý nợ theo ủy thác của HDBank.

Công ty Tài chính TNHH HD SAISON Mảng tài chính tiêu dùng của HDBank nằm ở công ty con của Ngân hàng là HD SAISON. Tiền thân của HD SAISON là Công ty TNHH MTV Tài chính Việt - Société Générale (“SGVF”). Sau khi nhận được sự chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2532/QĐ-NHNN và Quyết định số 2533/QĐ-NHNN ngày

30/10/2013, Tập đoàn Société Générale S.A, chủ sở hữu duy nhất của SGVF đã chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu của SGVF cho HDBank và SGVF đã chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDFinance”).

Tiếp theo đó, sau khi nhận được sự chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 454/QĐ-NHNN và Quyết định số 455/QĐ-NHNN cùng ngày 31/03/2015, HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co.,Ltd. (Nhật Bản). HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên và thay đổi tên thành HD SAISON.

HD SAISON thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm cho vay để mua trả góp hàng điện máy, xe máy, xe tải nhẹ, du lịch và cho khách hàng thân thiết vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng cá nhân. Hoạt động cấp tín dụng của HD SAISON được thực hiện trên 11.500 điểm giao dịch tài chính tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

QUÁ TRÌNH TĂNG TRƯỞNG ẤN TƯỢNG

Số lượng chi nhánh và phòng giao dịch

33 65 96 120 121 190 209 220 221 240

TỔNG TÀI SẢN

31/12/2017 8.4 TỶ USD

2021 20.0 TỶ USD

Tổng tài sản của HDBank tăng trưởng gần 20 lần trong 10 năm qua



GIAI ĐOẠN HÌNH THÀNH

THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN MỚI

Nguồn: Dữ liệu công ty. Sử dụng tỷ giá 1 USD = 22.650 VND

Ghi chú: Năm 2013, HDBank mua lại 100% vốn cổ phần của Công ty TNHH Tài chính Société Générale Việt Nam (SGVF) thuộc Tập đoàn Société Générale (Cộng hòa Pháp) - một trong ba công ty tài chính tiêu dùng lớn nhất tại Việt Nam để trở thành công ty con của HDBank đặt tên là HDFinance, nay là HD SAISON.

Năm 2013, DaiA Bank đã có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, với vốn điều lệ là 3.100 tỷ đồng. Qua việc sáp nhập với DaiA Bank, HDBank tăng vốn điều lệ lên 8.100 tỷ đồng và trở thành một trong 10 ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam.

CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Mạng lưới hoạt động trong nước phân bố rộng khắp các tỉnh / thành phố giúp HDBank và các đơn vị thành viên tiếp cận khách hàng tại 63/63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc và các khu lân cận, cung cấp dịch vụ đa dạng cho nhiều đối tượng khách hàng từ cá nhân vay tiêu dùng đến các hộ gia đình sản xuất kinh doanh và các tổ chức, doanh nghiệp.

VỊ TRÍ ĐỊA LÝ	SỐ LƯỢNG CHI NHÁNH / PHÒNG GIAO DỊCH
Thành phố Hồ Chí Minh	61
Hà Nội	56
Miền Bắc	28
Miền Trung	19
Đông Nam Bộ - Tây Nguyên	56
Tây Nam Bộ	20

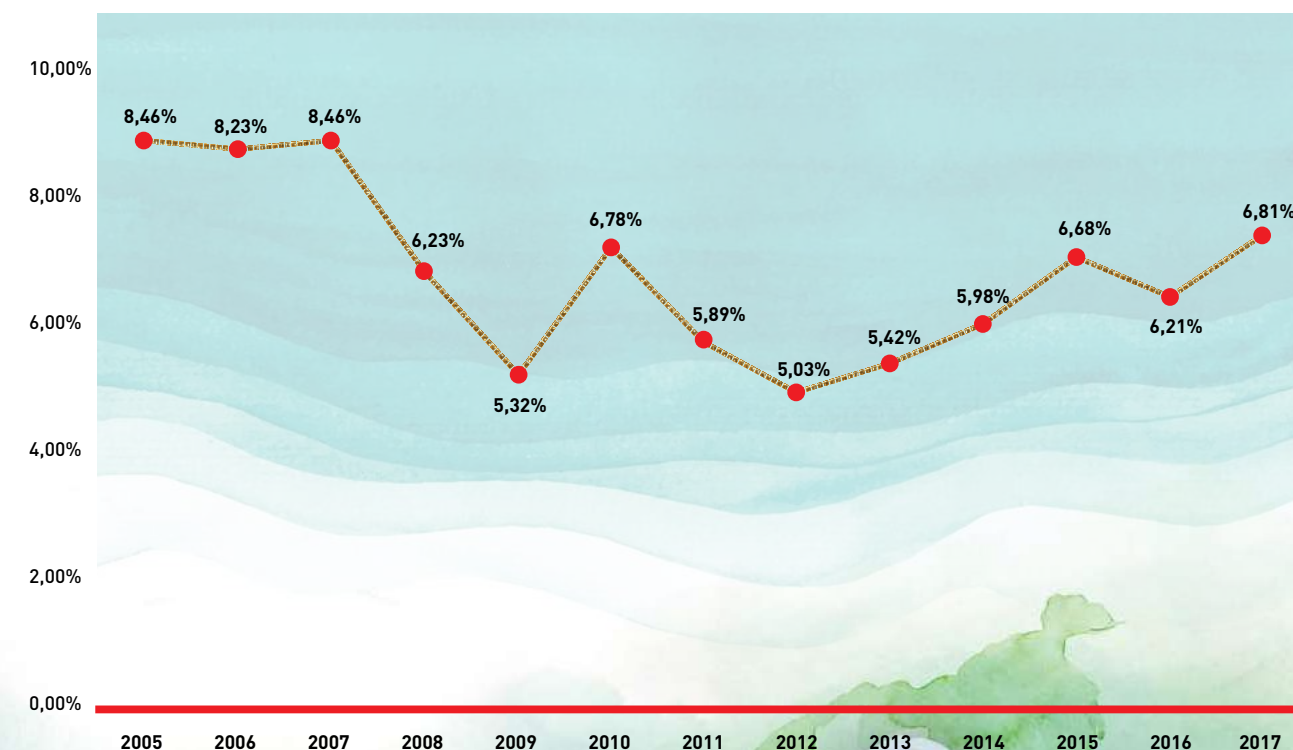
CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng phát triển của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”, “HDBank”) có thể bị ảnh hưởng bởi bất kỳ rủi ro nào được đề cập dưới đây.

Tăng trưởng kinh tế (tăng trưởng GDP): Là yếu tố vĩ mô quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của

hầu hết các lĩnh vực của nền kinh tế và có ảnh hưởng lớn đến chu kỳ tăng trưởng của ngành ngân hàng. Trong những năm gần đây, theo Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam tương đối khả quan với mức tăng lần lượt là 5,98% năm 2014, 6,68% năm 2015 và 6,21% năm 2016. Năm 2017, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%, vượt mục tiêu do Quốc hội đề ra (6,7%) và là mức tăng trưởng kinh tế cao nhất trong 10 năm trở lại đây.

TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG GDP CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 – 2017



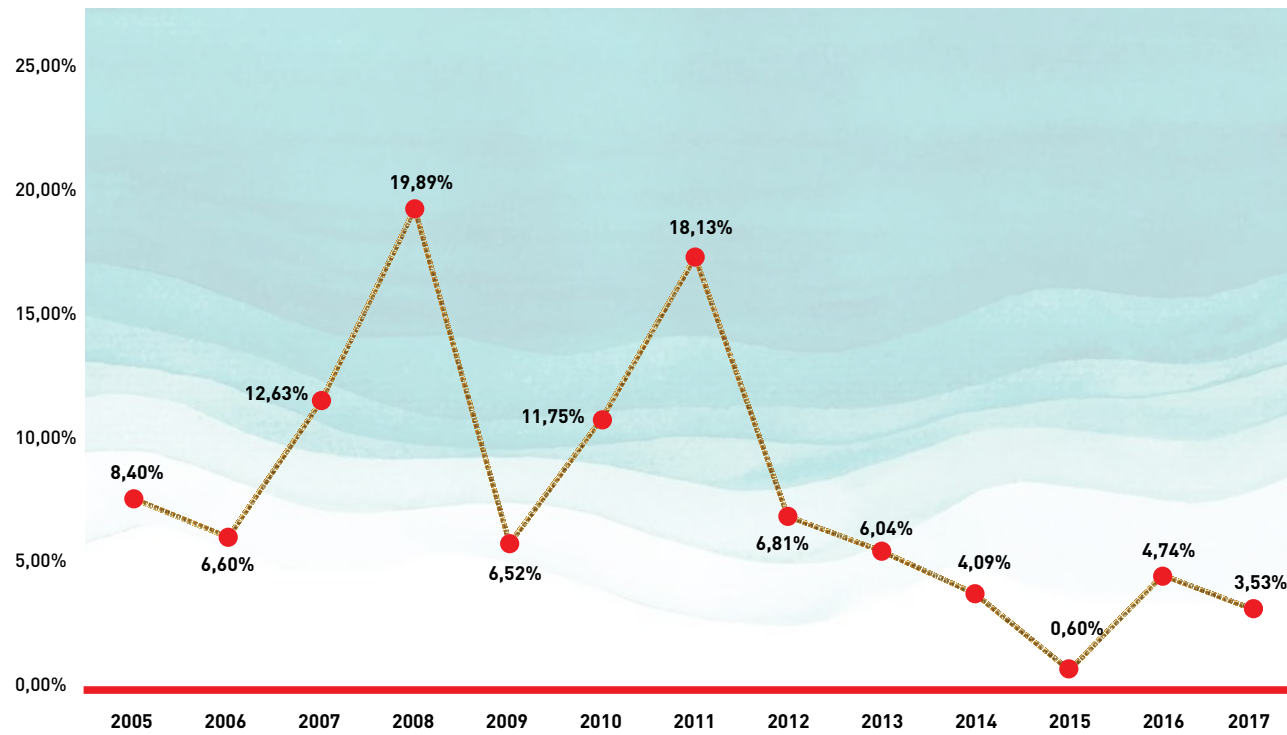
Nguồn: Tổng cục Thống kê



Lạm phát: Từ mức lạm phát hai con số vào những năm trước năm 2012, Chính phủ đã điều hành chính sách kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô một cách quyết liệt, từ đó, lạm phát đã giảm từ mức 6,84% năm 2012 xuống còn 0,63% năm 2015 và 4,74% năm 2016. Lạm phát thấp là dấu hiệu tích cực để NHNN giảm lãi suất

cho vay, nới lỏng chính sách tiền tệ, khuyến khích người dân và doanh nghiệp vay tiền ngân hàng. Năm 2017, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát, chỉ số giá tiêu dùng CPI được kiểm soát ở mức dưới 4% do Quốc hội đề ra, cụ thể tăng 3,53% so với bình quân năm 2016.

CHỈ SỐ LẠM PHÁT CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2005 – 2017



Nguồn: Tổng cục thống kê

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Rủi ro lãi suất là khả năng giảm thu nhập do lãi suất huy động, lãi suất cho vay thay đổi theo thị trường và chịu tác động bởi các yếu tố khác như cấu trúc, kỳ hạn điều chỉnh lãi suất của tài sản nợ và tài sản có.

Rủi ro lãi suất được đo lường bằng mức độ chênh lệch (ở từng thời điểm trong tương lai) giữa tổng số dư các khoản cấp tín dụng (tài sản có) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, so với tổng số dư các khoản huy động (tài sản nợ) mà ngân hàng phải điều chỉnh lãi suất mới, còn gọi là chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất (Re-pricing Gap).

Do vậy, nếu ngân hàng phải điều chỉnh tăng lãi suất huy động, trong khi không / chưa điều chỉnh lãi suất cho vay thì dẫn đến giảm thu nhập.

HDBank quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc xây dựng hệ thống quản lý tài sản nợ và tài sản có (được công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) bao gồm tổ chức Ủy ban ALCO, Phòng Quản lý tài sản nợ và tài sản có nhằm giám sát thường xuyên chênh lệch kỳ điều chỉnh lãi suất nêu trên và đưa ra các biện pháp kinh doanh hiệu quả với chênh lệch lãi suất ròng (NIM) hiệu quả nhất, đồng thời hạn chế rủi ro lãi suất.

RỦI RO VỀ TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro phát sinh khi khách hàng không trả được nợ hoặc trả nợ không đúng hạn làm giảm hoặc tổn thất giá trị tài sản có của Ngân hàng. Rủi ro này diễn ra trong quá trình cho vay, chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá, cho thuê tài chính, bảo lãnh, bao thanh toán của ngân hàng. Như vậy, rủi ro tín dụng là loại rủi ro liên quan đến chất lượng hoạt động tín dụng của ngân hàng. Nghiệp vụ tín dụng là nghiệp vụ cơ bản của các ngân hàng thương mại Việt Nam và là nguồn thu nhập lớn nhất, vì vậy, rủi ro tín dụng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng mức rủi ro của hoạt động toàn ngân hàng.

Để phòng chống rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro tín dụng bao gồm:

- Cơ cấu tổ chức liên quan hoạt động cấp tín dụng chặt chẽ từ Phòng giao dịch đến Chi nhánh, Khu vực, Hội sở đảm bảo nguyên tắc độc lập giữa các khâu thẩm định – kiểm soát – phê duyệt;
- Cơ chế phê duyệt chủ yếu tập trung về Hội sở và phân quyền phê duyệt cụ thể cho các cấp thẩm quyền phê duyệt;

- Hệ thống sản phẩm tín dụng, quy định tín dụng, các quy trình liên quan cấp tín dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, nhằm đảm bảo thực hiện theo chuẩn mực, mẫu biểu, thời gian, trách nhiệm cụ thể;

- Thiết lập hệ thống xếp hạng tín dụng (do công ty kiểm toán quốc tế hàng đầu tư vấn) và Hướng dẫn thẩm định tín dụng theo thông lệ quốc tế, nhằm đánh giá chính xác mức độ tin cậy và tính khả thi của phương án vay vốn của khách hàng;

- Thiết lập hệ thống các giới hạn cấp tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với một khách hàng, một nhóm khách hàng liên quan, một ngành nghề hoặc một mục đích sử dụng vốn vay cụ thể;

- Thiết lập hệ thống kiểm soát giải ngân từng khoản vay, giám sát từ xa, kiểm tra khách hàng sau cho vay, kiểm tra tại chỗ các chi nhánh... nhằm phát hiện, ngăn chặn kịp thời các rủi ro và dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của từng khách hàng, bên cạnh việc kiểm tra, định giá lại tài sản đảm bảo thường xuyên.



Rủi ro ngoại hối là rủi ro do biến động tỷ giá đối với trạng thái ngoại hối của Ngân hàng. Trạng thái ngoại hối là chênh lệch giữa tổng tài sản có và tổng tài sản nợ của từng loại ngoại tệ / vàng, bao gồm cả các cam kết ngoại bảng tương ứng.

Để phòng chống rủi ro về ngoại hối nêu trên, HDBank đã xây dựng quy trình kinh doanh ngoại hối thông qua 03 khâu độc lập: Kinh doanh (Front) – Kiểm soát (Middle) – Hỗ trợ (Back) và thiết lập chính sách quản lý tập trung, các giao dịch với khách hàng trên hạn mức đều được thực hiện cân bằng trạng thái với Hội sở, cuối ngày toàn bộ trạng thái ngoại hối tại chi nhánh được chuyển về Phòng kinh doanh ngoại hối tại Hội sở. Ngoài ra, HĐQT và Ban Điều hành ban hành các hạn mức cho rủi ro ngoại hối phù hợp với khẩu vị rủi ro của ngân hàng như hạn mức giao dịch với đối tác trong ngày, hạn mức trạng thái cuối ngày, hạn mức dừng lỗ (stoploss) v.v.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro khi ngân hàng gặp khó khăn trong việc thực hiện nghĩa vụ cho các công nợ tài chính đến hạn.

hạn thu chi. Chênh lệch này xảy ra do nhiều nguyên nhân: (i) người gửi tiền và / hoặc người vay tiền không thực hiện đúng thời hạn rút tiền / trả tiền; (ii) ngân hàng muốn đa dạng hóa và tối đa hóa kỳ hạn huy động, kỳ hạn cho vay dùng các khoản huy động ngắn hạn (có lãi suất thấp và luôn sẵn có) để cho vay trung dài hạn (có lãi suất cao và nguồn thường không nhiều).

khả năng thanh khoản và luôn tuân thủ các quy định về các chỉ số và quản lý thanh khoản của NHNN.

Bên cạnh đó, HDBank cũng đã xây dựng Kế hoạch phòng chống khủng hoảng thanh khoản, trong đó xác định các nguồn vốn dự phòng, các thủ tục và nguyên tắc thực hiện, các cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý kịp thời, hiệu quả.

Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng chủ yếu là một dạng rủi ro tín dụng đối với việc phát hành thư bảo lãnh, tín dụng thư (L/C) và các cam kết cấp tín dụng khác cho khách hàng. Các hình thức cấp tín dụng này được hạch toán ngoại bảng. Trường hợp khách hàng thực hiện không đầy đủ và / hoặc không đúng thời hạn đối với bên thụ hưởng theo cam kết nêu trên, thì HDBank buộc phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán thay cho khách hàng.

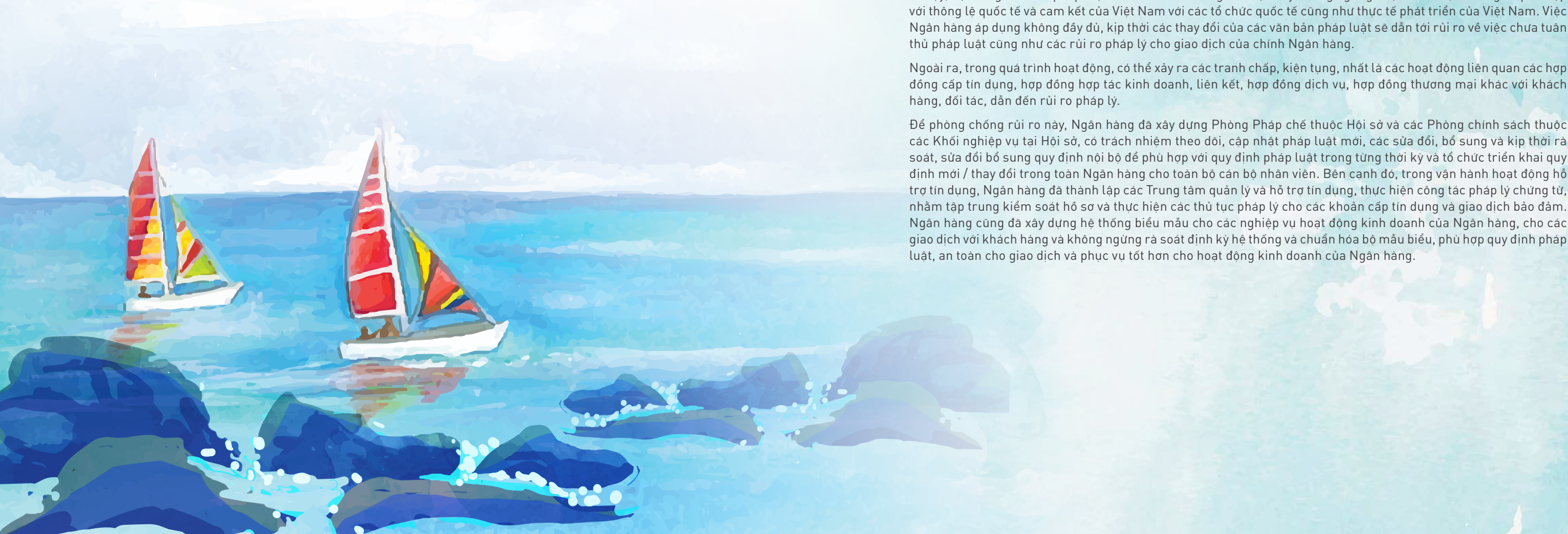
Lúc đó, các khoản cam kết ngoại bảng này sẽ trở thành các khoản trả nợ trả thay (còn gọi là khoản cho vay bắt buộc) và được chuyển sang hạch toán nội bảng như là một khoản vay quá hạn.

Để phòng chống rủi ro này, HDBank áp dụng các biện pháp tương tự như đối với rủi ro tín dụng, bên cạnh việc yêu cầu khách hàng phải ký quỹ, có tài sản bảo đảm phù hợp và xác định rất chặt chẽ các điều khoản trong hợp đồng bảo lãnh / cam kết cấp tín dụng.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính – tiền tệ, HDBank chịu sự điều chỉnh bởi Luật các tổ chức tín dụng và Pháp luật có liên quan về giao dịch bảo đảm, Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, v.v... Hiện nay, Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới, đặc biệt là lĩnh vực tài chính - tiền tệ là một lĩnh vực ảnh hưởng lớn đến nền kinh tế, do vậy, hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực này không ngừng được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với thông lệ quốc tế và cam kết của Việt Nam với các tổ chức quốc tế cũng như thực tế phát triển của Việt Nam. Việc Ngân hàng áp dụng không đầy đủ, kịp thời các thay đổi của các văn bản pháp luật sẽ dẫn tới rủi ro về việc chưa tuân thủ pháp luật cũng như các rủi ro pháp lý cho giao dịch của chính Ngân hàng.

Ngoài ra, trong quá trình hoạt động, có thể xảy ra các tranh chấp, kiện tụng, nhất là các hoạt động liên quan các hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng hợp tác kinh doanh, liên kết, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng thương mại khác với khách hàng, đối tác, dẫn đến rủi ro pháp lý.

Để phòng chống rủi ro này, Ngân hàng đã xây dựng Phòng Pháp chế thuộc Hội sở và các Phòng chính sách thuộc các Khối nghiệp vụ tại Hội sở, có trách nhiệm theo dõi, cập nhật pháp luật mới, các sửa đổi, bổ sung và kịp thời rà soát, sửa đổi bổ sung quy định nội bộ để phù hợp với quy định pháp luật trong từng thời kỳ và tổ chức triển khai quy định mới / thay đổi trong toàn Ngân hàng cho toàn bộ cán bộ nhân viên. Bên cạnh đó, trong vận hành hoạt động hỗ trợ tín dụng, Ngân hàng đã thành lập các Trung tâm quản lý và hỗ trợ tín dụng, thực hiện công tác pháp lý chứng từ, nhằm tập trung kiểm soát hồ sơ và thực hiện các thủ tục pháp lý cho các khoản cấp tín dụng và giao dịch bảo đảm. Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống biểu mẫu cho các nghiệp vụ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, cho các giao dịch với khách hàng và không ngừng rà soát định kỳ hệ thống và chuẩn hóa bộ mẫu biểu, phù hợp quy định pháp luật, an toàn cho giao dịch và phục vụ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.



RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro liên quan đến những sự cố gây ra tổn thất, có thể xảy ra trong quá trình hoạt động kinh doanh và hoạt động khác của Ngân hàng. Rủi ro hoạt động có thể xuất phát từ các nguyên nhân như: cán bộ nhân viên sai sót khi tác nghiệp hoặc khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng, cố tình gian lận; hệ thống máy móc thiết bị / công nghệ thông tin bị hư hỏng do hệ thống quy định / quy trình không hiệu quả, hoặc do bên ngoài tác động (thiên tai, bất khả kháng, kẻ gian v.v.).

Để hạn chế rủi ro trên, HDBank đã triển khai Khung quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm: chủ động rà soát hệ thống quy định/quy trình nhằm phát hiện sớm rủi ro (RCSA); tổ chức thu thập sự cố đã xảy ra và rút kinh nghiệm

phòng chống (LDC); xây dựng các Chỉ số rủi ro chính để giám sát các dấu hiệu rủi ro tiềm ẩn (KRI); xây dựng các kế hoạch đảm bảo hoạt động liên tục để sẵn sàng ứng phó những tình huống khẩn cấp (BCP); tổ chức giám sát các hoạt động đáng ngờ để phát hiện sai sót, gian lận nếu có (SAM).

HDBank đã ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp và khung kỷ luật đối với từng mức độ vi phạm nhằm định hướng và răn đe việc không tuân thủ. Bên cạnh đó, HDBank đã thường xuyên tổ chức đào tạo, truyền thông về ý thức quản lý rủi ro và phương pháp quản lý rủi ro cho toàn thể cán bộ nhân viên từ cấp nhân viên đến cấp quản lý.

RỦI RO VỀ BIẾN ĐỘNG GIÁ CỔ PHIẾU

Cổ phiếu HDBank khi niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh sẽ giúp Ngân hàng quảng bá thương hiệu, nâng cao hình ảnh, tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu, tạo điều kiện cho các chủ sở hữu có thể chuyển nhượng vốn dễ dàng, tạo cơ hội tiếp cận với nhiều nguồn tài chính khác nhau trong nước và quốc tế, làm tăng nguồn vốn cho đầu tư phát triển, chuẩn mực hóa hoạt động quản trị Ngân hàng và tăng tính minh bạch.

RỦI RO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Rủi ro phát triển bền vững là các tác động có thể ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững trong hệ thống Ngân hàng HDBank và các công ty con. Các tác động của môi trường, xã hội đối với HDBank và ngược lại các tác động từ hoạt động kinh doanh của HDBank với môi trường xã hội.

HDBank thực hiện quản lý rủi ro phát triển bền vững bằng các chỉ số tài chính và phi tài chính về mức độ ảnh hưởng, giám sát theo dõi định kỳ tại Ngân hàng, thực hiện quản lý bằng các quy trình, thủ tục, quy chế.

Tuy nhiên, rủi ro về biến động giá cổ phiếu HDBank sau khi niêm yết là điều khó tránh khỏi. Giá cổ phiếu trên thị trường được xác định bởi quan hệ cung cầu và mối quan hệ này phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: tình hình chính trị, xã hội, kinh tế trong nước và quốc tế, hoạt động của Ngân hàng, cũng như các thay đổi về luật và những quy định trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, giá cổ phiếu còn phụ thuộc vào tâm lý, cách thức giao dịch và khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trên thị trường. Chính vì vậy, sự tăng giảm giá cổ phiếu của HDBank sẽ là một yếu tố khó lường trước.

RỦI RO KHÁC

Ngoài các rủi ro nêu trên, một số rủi ro mang tính bất khả kháng tuy rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Các rủi ro khác có thể kể đến như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, khủng bố v.v. Ngân hàng đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại do các rủi ro này gây ra như chủ động mua bảo hiểm, xây dựng các kịch bản ứng phó với khủng hoảng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn đến năm 2021, HDBank sẽ trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam và có hiện diện tại khu vực Đông Nam Á với sự liên kết toàn cầu, cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính chất lượng vượt trội, công tác quản lý rủi ro và quản trị doanh nghiệp thận trọng, thiết lập sự hiện diện trong khu vực, phát triển HD SAISON trở thành công ty dẫn đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

HDBank đã hoàn thành chiến lược giai đoạn 2011 - 2016 và đạt được những mục tiêu, giải pháp phù hợp theo đúng định hướng phát triển của Chính phủ và NHNN, đồng thời luôn có những kịch bản dự phòng để thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh trong và ngoài nước. Năm 2017 chính là năm bản lề của chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021 để con tàu HDBank chuẩn bị sẵn sàng một hành trình "Vươn ra biển lớn", mang theo sứ mệnh hội nhập quốc tế sâu rộng, vươn tầm trở thành Ngân hàng bán lẻ và SME hàng đầu Việt Nam.

RA KHƠI ĐỂ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

TIẾP CẬN THỊ TRƯỜNG VỐN

Những ngày cuối năm 2017 đầu năm 2018 đã chứng kiến một sự kiện nổi bật trong lịch sử phát triển của HDBank khi cổ phiếu của Ngân hàng chính thức được niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Trước đó, HDBank đã thực hiện IPO thành công cho các nhà đầu tư nước ngoài lớn và có tên tuổi trên thị trường quốc tế. Đợt IPO này không chỉ giúp tăng cường năng lực tài chính cho HDBank mà còn khẳng định uy tín của Ngân hàng trong mắt các nhà đầu tư quốc tế. Đồng thời, HDBank sẽ tiến hành phát hành trái phiếu trong và ngoài nước cho các đối tác khi điều kiện thị trường thuận lợi, để gia tăng nguồn vốn trung và dài hạn với lãi suất hợp lý, phục vụ cho khách hàng và mở rộng kinh doanh và gia tăng hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CHUẨN QUỐC TẾ

HDBank rất quan tâm đến hoạt động quản trị rủi ro và luôn định hướng phải đảm bảo an toàn bên cạnh kinh doanh hiệu quả, trên cơ sở phù hợp với yêu cầu pháp luật và phù hợp với thông lệ tốt của quốc tế. Từ năm 2010 đến nay, HDBank đã liên tục thuê nhiều công ty tư vấn nước ngoài hàng đầu vào tư vấn xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro như hệ thống xếp hạng tín dụng, hệ thống quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất...

HDBank tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro dựa trên khung cơ bản bao gồm 04 yếu tố: hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và trách nhiệm; hoàn thiện hệ thống chính sách, quy định; hoàn thiện các mô hình đánh giá rủi ro tiên tiến; hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ. Khung quản trị rủi ro này sẽ được xây dựng, hoàn thiện rất chuyên biệt và phù hợp cho từng loại rủi ro khác nhau mà HDBank quan tâm, bao gồm: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro thị trường và rủi ro hoạt động (trong đó có rủi ro về an ninh mạng).

Trước năm 2020, HDBank sẽ hoàn thành các quy định theo Thông tư 41 của NHNN Việt Nam và theo tiêu chuẩn Basel II.

Hệ thống quản trị rủi ro được hoàn thiện nêu trên sẽ là một nhân tố rất quan trọng giúp HDBank phòng chống tốt hơn các loại rủi ro, giảm thiểu tổn thất và đồng thời quản lý hiệu quả nguồn vốn hoạt động, nâng cao lợi nhuận.

XÂY DỰNG NGÂN HÀNG KỸ THUẬT SỐ

Năm 2017 tiếp tục đánh dấu một năm chuyển đổi mạnh mẽ chiến lược số hóa của HDBank. Với mục tiêu trở thành ngân hàng đa năng, hiện đại, bắt nhịp cùng những xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế, HDBank sẽ tiếp tục đẩy mạnh quá trình số hóa, nâng cấp các ứng dụng trọng điểm giúp tự động hóa hoạt động, quy trình, giảm thiểu chi phí, tăng cường trải nghiệm của khách hàng và nâng cao năng lực cạnh tranh.

Với nền tảng công nghệ hiện đại, HDBank không ngừng cải tiến chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa các sản phẩm, đồng thời tăng cường các phương pháp bảo mật tối ưu cho tất cả thông tin khách hàng, thông tin giao dịch.

Năm 2018, HDBank sẽ tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng Công nghệ thông tin, các giải pháp thanh toán hiện đại và các ứng dụng hỗ trợ phân tích dữ liệu khách hàng tự động. Với định hướng tăng cường khai thác khách hàng trong Hệ sinh thái HDBank, HD SAISON và Vietjet Air, HDBank sẽ bổ sung các tiện ích tối ưu cho kênh giao dịch ngân hàng điện tử, phân tích cơ sở dữ liệu khách hàng

nhằm phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng bán lẻ tiên tiến, hiệu quả.

Bên cạnh đó, các giải pháp khác nhằm chuyển đổi sang mô hình ngân hàng số cũng tiếp tục được triển khai: tăng cường khai thác khách hàng mục tiêu thông qua ứng dụng các Phân tích dữ liệu Lớn (Big Data) và Phân tích dữ liệu POS; thu hút khách hàng tiềm năng thông qua gia tăng các tiện ích thanh toán trên thiết bị di động và các điểm giao dịch tự động với sự hỗ trợ của các công ty thành viên và đối tác.

Thông qua chiến lược ngân hàng điện tử, HDBank sẽ đồng thời gia tăng được số lượng giao dịch ngân hàng trực tuyến và nâng cao năng lực dịch vụ thanh toán qua thiết bị di động. HDBank đang tích cực ứng dụng công nghệ để quản lý hiệu quả hơn, tự động hóa quy trình và tăng năng suất nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh và tăng trưởng lợi nhuận bền vững. Năm 2018, thông qua các quy trình số hóa, HDBank mong muốn giảm tỷ lệ chi phí / thu nhập từ mức 54% hiện nay xuống còn 52% hoặc thấp hơn.





QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG THEO CHUẨN QUỐC TẾ

Trong những năm gần đây, kinh tế Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực; đầu tư nước ngoài tăng mạnh; thị trường tài chính đặc biệt là thị trường vốn đang phát triển mạnh mẽ. Nhận ra những sự thay đổi này, HDBank đang từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế để lập các chỉ tiêu tài chính, quản trị giúp tăng cường khả năng so sánh, tính minh bạch và mức độ tin cậy đối với các thông tin tài chính. Các yếu tố này là điều kiện tiên quyết giúp ngân hàng có thể tiếp cận thị trường vốn quốc tế nhanh chóng và hiệu quả hơn.

ÁP DỤNG CÁC TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nhằm hướng đến chiến lược phát triển bền vững trong dài hạn, bên cạnh các mục tiêu tăng trưởng về kinh tế, HDBank kết hợp với các mục tiêu phát triển xã hội, môi trường để từ đó, đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng. HDBank hướng tới áp dụng đầy đủ các Tiêu chí phát triển bền vững của GRI để báo cáo về những tác động đối với nền kinh tế, môi trường và xã hội. Bộ tiêu chuẩn GRI tương thích với phạm vi và tiêu chuẩn toàn cầu về

Trong năm 2018, để nâng cao và hoàn thiện các quy định về quản trị doanh nghiệp đồng thời đảm bảo sự phát triển bền vững, HDBank tiếp tục áp dụng quy chế thẻ điểm quản trị ASEAN để đánh giá và cải tiến mô hình quản trị Ngân hàng. HDBank tin rằng, việc áp dụng thẻ điểm quản trị ASEAN sẽ giúp các cơ quan quản lý và nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện hơn về hiện trạng quản trị của HDBank theo các chuẩn mực quốc tế nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập sâu rộng vào hệ thống tài chính, ngân hàng khu vực và thế giới.

công bố thông tin Phát triển bền vững, từ đó minh bạch hóa các tác động về kinh tế, môi trường và xã hội. Sử dụng các tiêu chuẩn toàn cầu cũng là một cách đồng bộ hóa phương thức truyền đạt giữa các doanh nghiệp tới các bên liên quan. Thông qua đó, các tác động đến từ HDBank có thể được truyền đạt và đánh giá bởi các bên liên quan.

RA KHƠI ĐỂ VƯỜN TẮM

KHÁCH HÀNG LÀ ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã có sự tăng trưởng mạnh mẽ cùng với việc gia tăng dân số, trong khi tỷ lệ dân số chưa sử dụng hoặc chưa tiếp cận được dịch vụ ngân hàng còn cao. HDBank đã đề ra chiến lược tiếp tục tập trung vào phân khúc bán lẻ trong vòng 05 năm tới. Với hệ sinh thái đặc quyền từ hàng không, siêu thị, viễn thông..., nền tảng kênh phân phối dày đặc và năng lực M&A, HDBank hướng tới vị trí dẫn đầu tại thị trường.

Bên cạnh đó, khách hàng SME đã được khẳng định là lực lượng chủ yếu trong thành phần kinh tế tư nhân. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ chiếm khoảng 97% tổng số doanh nghiệp tại Việt Nam và đóng góp 41% tổng GDP. Tuy nhiên, thực tế cho thấy các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng. Nhận thức được điều đó, từ năm 2011 đến nay, HDBank đã đề ra những chiến lược

và chương trình cụ thể để phát triển phân khúc khách hàng này với mục tiêu trở thành Ngân hàng SME hàng đầu tại thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.

Để tiếp tục gia tăng doanh số và số lượng sản phẩm cung cấp tới mỗi khách hàng, Ngân hàng sẽ tiếp tục thực hiện các giải pháp sau:

- Tăng cường kết nối với khách hàng hiện hữu thông qua các kênh tiếp thị, quảng cáo, quà tặng trong những dịp đặc biệt để xây dựng niềm tin;
- Đa dạng hóa sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu từng đối tượng khách hàng tại từng thời điểm thông qua việc phân tích cơ sở dữ liệu;
- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để tự động hóa giao dịch ngân hàng bán lẻ, tăng tiện ích cho khách hàng.





TĂNG CƯỜNG KẾT NỐI VỚI KHÁCH HÀNG

Để tăng cường nhận diện thương hiệu HDBank đối với khách hàng, Ngân hàng đẩy mạnh công tác truyền thông phù hợp với các đối tượng khách hàng mục tiêu khác nhau. HDBank nhìn nhận việc khuyến mãi, tặng quà khách hàng không chỉ là phương tiện khuyến khích khách hàng lựa chọn sản phẩm của mình, giúp tăng doanh số mà còn là một hoạt động tri ân khách hàng.

Bên cạnh đó, HDBank cũng chú trọng đến phát triển mạng lưới rộng khắp, nhằm tăng thị phần và cơ sở phục vụ khách hàng hiện hữu cũng như thu hút khách hàng mới.

ĐA DẠNG HÓA SẢN PHẨM

Ngoài việc mở rộng quy mô hoạt động từ tăng số lượng mạng lưới chi nhánh, HDBank còn chú trọng công tác nâng cao, cải thiện chất lượng sản phẩm. HDBank có kế hoạch gia tăng các sản phẩm dành cho khách hàng bán lẻ, tài chính tiêu dùng và khách hàng SME để đa dạng hóa nhu cầu sử dụng ngân hàng. Ngân hàng định hướng lấy công nghệ làm nền tảng để phát triển các sản phẩm gắn gũi và phù hợp với từng phân khúc khách hàng theo đặc thù kinh tế từng vùng miền. Trong đó tập trung xây dựng gói sản phẩm dịch vụ tài chính phục vụ nhu cầu tài chính đối với khách hàng cá nhân. Đồng thời không ngừng nghiên cứu, triển khai các gói sản phẩm dịch vụ trọn gói dành cho khách hàng SME. Việc đa dạng hoá các loại hình sản phẩm dịch vụ ngoài mục đích phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng mà còn giúp HDBank phân tán và giảm thiểu rủi ro, giảm thiểu chi phí hoạt động và tăng lợi nhuận.

Đến cuối năm 2017, số lượng chi nhánh, phòng giao dịch đã đạt 240 điểm và hơn 11.500 điểm giao dịch tài chính. Dự kiến đến cuối năm 2021, HDBank sẽ nâng số lượng chi nhánh, phòng giao dịch lên 400 điểm, mạng lưới điểm giao dịch tài chính đạt hơn 12.000, phủ kín lãnh thổ Việt Nam. HDBank cũng đã thành lập Văn phòng đại diện tại Myanmar và khi điều kiện thị trường phù hợp sẽ mở Chi nhánh tại đây. Song song đó, Ngân hàng tiếp tục nghiên cứu mở rộng thị trường tại các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam Á trong giai đoạn 2017 - 2021.



RA KHƠI ĐỂ MANG LẠI LỢI ÍCH CAO NHẤT CHO CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tiếp nối những thành công đã đạt được, HDBank đã xây dựng một nền tảng vận hành vững chắc, tạo tiền đề cho sự bứt phá mạnh mẽ trong thời gian tới. Năm 2018, HDBank sẵn sàng để tăng tốc phát triển hơn nữa cả ở chiều rộng lẫn chiều sâu trên thị trường trong nước và quốc tế.

Cốt lõi của sự thành công đó đến từ mối quan hệ bền vững giữa HDBank với các bên liên quan (khách hàng, cổ đông, người lao động, cộng đồng).



CAM KẾT LỢI ÍCH VỚI KHÁCH HÀNG:

HDBank tự hào được phục vụ hàng triệu khách hàng thân thiết trên khắp toàn quốc với giá trị cốt lõi “Lấy khách hàng là trọng tâm”. HDBank luôn cam kết cung cấp các dịch vụ sản phẩm tài chính tối ưu cho nền kinh tế và người dân. HDBank luôn đa dạng hóa sản phẩm với chất lượng dịch vụ tốt nhất để phục vụ cho các nhóm phân khúc khách hàng khác nhau từ cá nhân, đến doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa đến doanh nghiệp lớn và định chế tài chính.

HDBank luôn đưa ra các giải pháp tài chính cạnh tranh, đáp ứng nhu cầu tài chính của khách hàng theo từng phân khúc và từng khu vực. Trong những năm qua, Ngân hàng đã mở rộng mạng lưới trên toàn quốc, thiết lập một nền tảng mạnh mẽ cung cấp một cơ sở khách hàng tập trung rộng lớn. HDBank đồng thời đảm bảo chuẩn hóa chất lượng dịch vụ khách hàng trên toàn hệ thống.

CAM KẾT LỢI ÍCH VỚI CỔ ĐÔNG:

HDBank tự hào là một trong số ít các Ngân hàng TMCP thực hiện chia cổ tức đều đặn qua các năm.

Trong năm 2017, HDBank đã thực hiện tốt các cam kết với ĐHĐCĐ, hoàn thành xuất sắc kế hoạch kinh doanh năm 2017 cũng như các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính đề ra trong năm. Quyền và lợi ích của cổ đông luôn là ưu tiên hàng đầu tại HDBank. Các hoạt động quan hệ cổ đông luôn được đảm bảo thông tin minh bạch,

Năm 2018, HDBank tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ khách hàng nhằm thấu hiểu nhu cầu của khách hàng dựa trên nhiều phương thức khác nhau:

- Đa dạng kênh thông tin phản hồi khách hàng
- Áp dụng công nghệ thông tin nhằm tối ưu quy trình tương tác với khách hàng

Bên cạnh đó, uy tín Ngân hàng luôn được HDBank đặt lên hàng đầu. Đội ngũ cán bộ nhân viên HDBank đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành, nội quy Ngân hàng và các chuẩn mực, giá trị đạo đức nghề nghiệp, luôn đặt lợi ích khách hàng làm trọng tâm.

giúp cổ đông hiểu rõ hơn hoạt động của Ngân hàng.

Năm 2018, HDBank đặt mục tiêu đạt được tất cả các chỉ tiêu lợi nhuận và doanh thu để ra nhằm đảm bảo lợi ích tối ưu cho các cổ đông. Sự tin tưởng của cổ đông luôn là một yếu tố quan trọng, là động lực to lớn để HDBank bước sang giai đoạn phát triển bứt phá, chinh phục những thử thách, vươn tầm, hướng tới những đỉnh cao, thành công mới.

CAM KẾT LỢI ÍCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Những thành tựu mà HDBank đạt được trong thời gian qua chính là kết quả của sự cố gắng bền bỉ và nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên HDBank trong suốt gần 30 năm, đang ước thành trái ngọt.

Hiện tại, HDBank và các công ty con có đội ngũ nhân sự gần 14.000 cán bộ nhân viên làm việc tại 240 chi nhánh, phòng giao dịch và hơn 11.500 điểm giao dịch tài chính trên cả nước. HDBank luôn xem nguồn nhân lực là tài sản quý giá của Ngân hàng. Năm 2018, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới, HDBank tiếp tục phát triển chính sách nguồn nhân lực, tuyển dụng nhằm thu hút nhân tài cũng như đẩy mạnh chiến lược đào tạo đội ngũ kế thừa cho cán bộ cấp quản lý.

Chính sách tuyển dụng:

Luôn bảo đảm các tiêu chí:

- Minh bạch mọi bước trong quy trình hoạt động, rõ ràng trong mọi chính sách chế độ dành cho ứng viên;

- Chuyên nghiệp: quá trình tuyển dụng nhanh gọn, thuận tiện cho mọi ứng viên trên cả nước;

- Công bằng: cam kết mọi ứng viên đều được đối xử như nhau trong suốt quá trình tuyển dụng, từ khâu tham gia phỏng vấn trực tiếp đến thi nghiệp vụ.

Chính sách Lương và Chế độ phúc lợi:

Luôn quan tâm đến việc xem xét năng lực, trả lương đúng, đủ. Đặc biệt chú trọng đến tinh thần cạnh tranh về lương trên thị trường ngành nhằm phát triển và lưu giữ nhân tài. Tạo thu nhập ổn định và đủ tính kích thích người lao động gia tăng năng suất và hiệu quả hoàn thành công việc.

Chính sách đào tạo:

Chú trọng công tác đào tạo để nâng cao trình độ cho cán bộ nhân viên từ nghiệp vụ đến kỹ năng. HDBank đã xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng vị trí chức danh để tạo cơ hội cho tất cả các nhân viên tiềm năng trở thành những nhà lãnh đạo ngân hàng trong tương lai.

CAM KẾT LỢI ÍCH VỚI CỘNG ĐỒNG:

Bên cạnh kết quả kinh doanh nổi bật, HDBank còn hướng đến cộng đồng thông qua những nghĩa cử nhân văn. Năm 2017, HDBank tiếp tục triển khai các chương trình thiện nguyện trên khắp cả nước như tặng nhà tình thương cho các hộ khó khăn; cứu trợ đồng bào bị thiên tai; trao quà cho trẻ em khuyết tật, mồ côi; hỗ trợ kinh phí xây cầu và mua trâu bò giống cho bà con nghèo; gửi tặng áo ấm cho trẻ em vùng cao...

Cam kết mang lại lợi ích cho cộng đồng, HDBank đã và đang nỗ lực góp phần phát triển kinh tế địa phương bằng việc mở rộng mạng lưới phòng giao dịch và cung cấp dịch vụ ngân hàng tốt nhất đến khách hàng vùng sâu vùng xa. Bên cạnh đó, Ngân hàng còn rộng mở nhiều cơ hội nghề nghiệp, gia tăng thu nhập cho người dân bản địa.





Đội ngũ *Vững vàng*
Vượt ngàn đại dương



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM

58 TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH NĂM 2017

68 BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA
CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

TỔNG QUAN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2017



Năm 2017 khép lại với tình hình kinh tế khả quan, quy mô và hiệu quả hoạt động của HDBank tăng trưởng và phát triển khá bền vững, hoàn thành xuất sắc kế hoạch ĐHCĐ giao. Với định hướng chiến lược rõ ràng, chủ động hội nhập, HDBank chuẩn bị sẵn sàng cho hành trình “Ra khơi”, mang theo lòng nhiệt huyết của tập thể cán bộ nhân viên, tâm huyết của Ban lãnh đạo, Điều hành và kỳ vọng của toàn thể cổ đông.

ĐVT: Tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	2015	2016	2017	(+/-) 2017 VS 2016
Tổng tài sản	106.486	150.294	189.334	26,0%
Vốn chủ sở hữu	9.842	9.943	14.759	48,4%
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	4.133	5.418	7.506	38,5%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	158	233	462	98,3%
Lợi nhuận trước thuế	788	1.148	2.417	110,6%
Lợi nhuận sau thuế	630	914	1.954	113,7%
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	6,6%	9,2%	15,8%	71,2%

TỔNG TÀI SẢN

Năm 2017, tổng tài sản của HDBank tăng trưởng tốt so với năm 2016, với mức tăng 26%, đạt 105,9% kế hoạch. Đóng góp chính cho mức tăng trưởng này là sự gia tăng dư nợ tín dụng, với mức tăng 25,2% so với năm 2016, từ 87.892 tỷ đồng lên mức 110.067 tỷ đồng. Chiến lược tăng trưởng hiệu quả đã giúp HDBank trở thành Ngân hàng TMCP lớn tại Việt Nam về tổng tài sản.

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Sau khi sáp nhập thành công Ngân hàng TMCP Đại Á vào năm 2013, HDBank đã chính thức tăng vốn điều lệ từ 5.000 tỷ đồng lên 8.100 tỷ đồng. Đến cuối năm 2017, Ngân hàng đã hoàn thành chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, theo đó vốn điều lệ của HDBank tăng lên 9.810 tỷ đồng.

Mặt khác, vốn chủ sở hữu tăng trưởng tốt trong giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2017 với tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) là 22,5% và đạt giá trị 14.759 tỷ đồng.

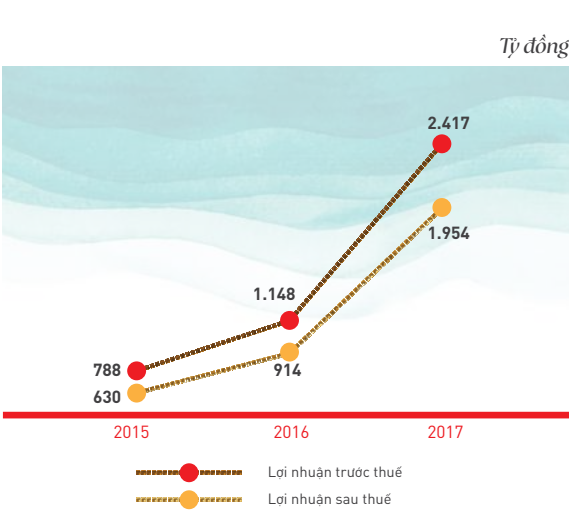
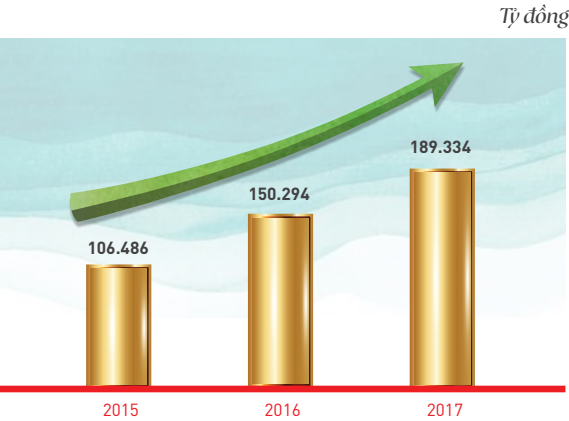
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG (TOI)

Trong năm 2017, tổng thu nhập hoạt động (“TOI”) đạt 7.506 tỷ đồng, tăng 38,5% so với năm 2016 nhờ vào hiệu quả hoạt động rất tốt của HDBank trong năm thông qua việc giới thiệu sản phẩm mới, cải thiện chất lượng tài sản, thay đổi cấu trúc sản phẩm, bán chéo sản phẩm, cơ cấu huy động và sử dụng nguồn vốn tài chính hiệu quả hơn. Thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất với 84,6% trên tổng TOI nhờ tăng trưởng dư nợ tín dụng (25,2%) và việc mở rộng nhanh chóng danh mục cho vay của HD SAISON (dư nợ của HD SAISON tăng 17,3% so với năm 2016).

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Lợi nhuận trước thuế năm 2017 của Ngân hàng đạt 2.417 tỷ đồng, tăng trưởng mạnh 110,6% so với năm 2016, đạt 185,9% kế hoạch. Tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của HDBank thuộc top dẫn đầu các ngân hàng niêm yết tại Việt Nam nhờ vào các yếu tố:

- Thu nhập lãi thuần tăng trưởng 35,7% trong năm 2017, nhờ dư nợ tín dụng tăng trưởng mạnh khoảng 25,2% so với năm 2016, với hệ số NIM đạt 4,2%;
- Thu nhập phi lãi tăng trưởng 56,5% trong năm 2017 so với năm 2016, chủ yếu là từ thu nhập từ các khoản đầu tư chứng khoán (bao gồm mua bán trái phiếu Chính phủ và chứng khoán vốn);
- Quản lý chất lượng tín dụng và thực hiện công tác thu hồi nợ tốt nên giảm được tối đa chi phí dự phòng phải trích lập.



Tổng dư nợ tín dụng

Tính đến thời điểm 31/12/2017, tổng dư nợ tín dụng của HDBank đạt 110.067 tỷ đồng, đạt 103,8% kế hoạch. Trong đó, các phân khúc Khách hàng Cá nhân, SME, định chế tài chính và tài chính tiêu dùng chiếm tỷ trọng lần lượt 37,2%, 49,1%, 4,7% và 9,0% trong tổng số dư nợ tín dụng. Điều này cho thấy cơ cấu dư nợ tín dụng được cân bằng một cách hợp lý, góp phần mang lại sự tăng trưởng cao trong khi vẫn duy trì được chất lượng tài sản tốt.

Ngoài việc cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, bán chéo sản phẩm giữa 02 Khối Khách hàng Cá nhân và Khách hàng Doanh nghiệp, triển khai chương trình tài trợ chuỗi của Khách hàng Doanh nghiệp, HDBank còn gia tăng các tiện ích, dịch vụ đi kèm với sản phẩm, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Song song với việc tăng trưởng tín dụng theo quy định của NHNN, việc kiểm soát chất lượng tín dụng luôn được HDBank chú trọng quan tâm thông qua việc thẩm định khách hàng chặt chẽ, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ nên tỷ lệ nợ xấu hợp nhất tại thời điểm 31/12/2017 được kiểm soát ở mức 1,5%.

Tổng tiền gửi khách hàng

Tiền gửi của khách hàng là nguồn vốn chính của Ngân hàng, chiếm 70,6% tổng huy động vốn trong năm 2017. Đến 31/12/2017, tổng tiền gửi của khách hàng tăng 16,7% so với đầu năm, trong đó 63,8% tiền gửi của HDBank đến từ các khách hàng cá nhân, 27,8% từ khách hàng SME và 8,4% từ khách hàng định chế tài chính. Để thu hút tiền gửi của khách hàng, Ngân hàng đã thực hiện nhiều hoạt động, bao gồm đổi mới sản phẩm, mở rộng mạng lưới chi nhánh, cải tiến dịch vụ khách hàng, triển khai hệ thống Ngân hàng Điện tử tiên tiến để thu hút tiền gửi trực tuyến nhằm đa dạng kênh huy động cho HDBank.

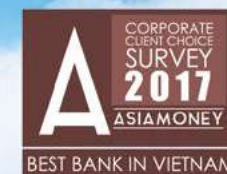
Sản phẩm huy động vốn của HDBank được thiết kế đa dạng, phong phú. Trong đó, tiêu biểu là các sản phẩm áp dụng đối với nhóm khách hàng cá nhân với nhiều sản phẩm huy động từ các loại tiền gửi không kỳ hạn đến có kỳ hạn, linh hoạt trong phương thức trả lãi, luôn cam kết lãi suất tốt nhất cho khách hàng với nhiều tiện ích.



HDBank
Cam kết lợi ích cao nhất

Moody's
INVESTORS SERVICE

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CAO
VÀ TRIỂN VỌNG ỔN ĐỊNH



NGÂN HÀNG TỐT NHẤT VIỆT NAM

ASIAMONEY

DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TIỀN MẶT
TỐT NHẤT VIỆT NAM



DOANH NGHIỆP QUẢN LÝ TỐT NHẤT
KHU VỰC CHÂU Á THÁI BÌNH DƯƠNG

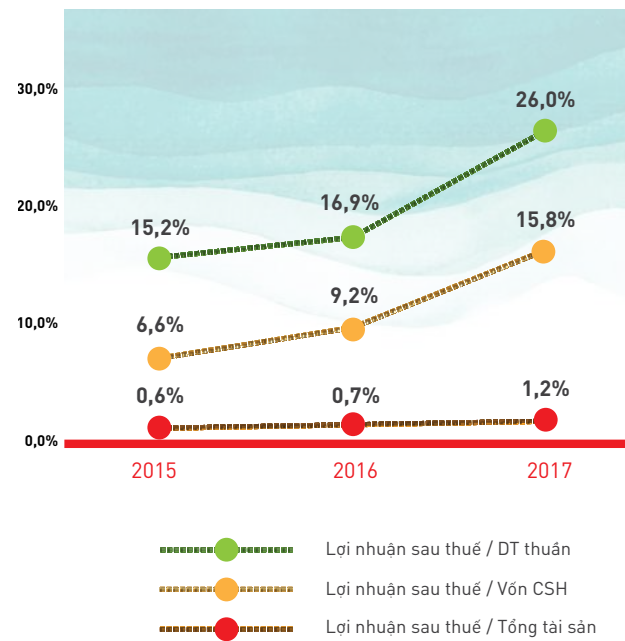


TOP 500 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT CHÂU Á
& TOP 8 NGÂN HÀNG MẠNH NHẤT VIỆT NAM

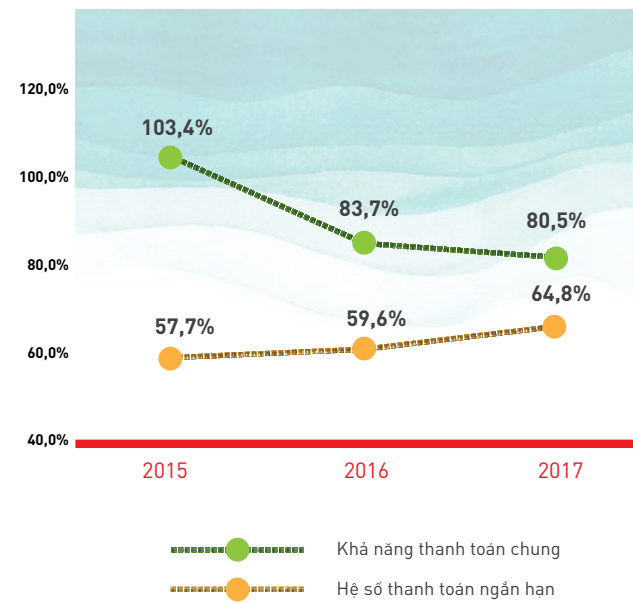


a/ Các chỉ số hoạt động chính

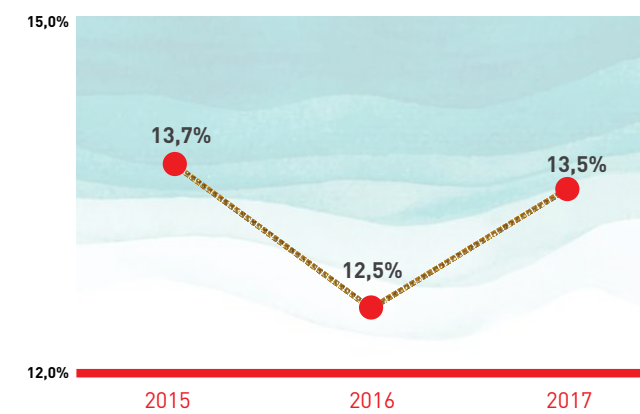
Khả năng sinh lời



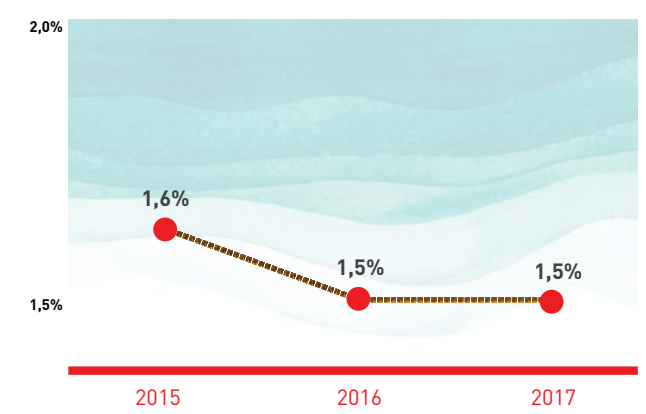
Khả năng thanh toán



Tỷ lệ an toàn vốn



Tỷ lệ nợ xấu



Tính đến 31/12/2017, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất của HDBank đạt 13,5%, tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 và cấp 2 lần lượt là 9,9% và 3,6%, đáp ứng tốt quy định tối thiểu của NHNN ở mức 9%. Hiện tại, HDBank đã và đang xây dựng lộ trình tính tỷ lệ an toàn vốn theo Basel II, tạo được lòng tin với nhà đầu tư và có điều kiện thuận lợi tăng vốn điều lệ, đảm bảo an toàn vốn trong dài hạn.

Tỷ lệ nợ xấu của HDBank có xu hướng giảm dần qua các năm và chứng lại ở năm 2017 là 1,5%. HDBank duy trì tỷ lệ nợ xấu khá tốt, công tác thu hồi nợ được chú trọng. Cụ thể, HDBank đã và đang xây dựng đề án thành lập trung tâm xử lý nợ (dự kiến thành lập vào Quý I/2018), tận dụng triệt để các công cụ, biện pháp nhằm kiểm soát tốt nợ xấu mới phát sinh và thu hồi tốt các khoản nợ xấu góp phần nâng cao thu nhập và uy tín của ngân hàng.

Năm 2017, tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần (ROS), lợi nhuận sau thuế / vốn chủ sở hữu (ROE), lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA) của HDBank lần lượt là 26,0%, 15,8% và 1,2%, tăng trưởng khá so với năm 2015, 2016. Chỉ số ROS, ROA, ROE tăng cao cho thấy lợi nhuận sau thuế của HDBank tăng trưởng tốt, sử dụng hiệu quả tài sản, vốn góp của cổ đông để tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng.

Năm 2017, khả năng thanh toán chung của HDBank đạt 80,5%, hệ số thanh toán ngắn hạn là 64,8%. Hệ số thanh toán của HDBank thể hiện khả năng thanh toán tốt, ở mức hợp lý và tuân thủ quy định của NHNN. Ngoài việc cho vay khách hàng, HDBank dùng một phần vốn huy động để đầu tư trái phiếu, chủ yếu là trái phiếu chính phủ giúp tăng hiệu quả sử dụng vốn.





b/ Tình hình thực hiện so với kế hoạch

ĐVT: Tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	31/12/2016	31/12/2017	SO VỚI 31/12/2016		KẾ HOẠCH ĐHCĐ 2017	% THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 2017
			+/- TỶ ĐỒNG	+/- %		
Tổng tài sản	150.294	189.334	39.040	26,0%	178.800	105,9%
Vốn điều lệ	8.100	9.810	1.710	21,1%	8.829	111,1%
Huy động khách hàng	103.300	120.537	17.237	16,7%	124.000	97,2%
Dư nợ tín dụng (không bao gồm dư nợ trái phiếu VAMC)	87.892	110.067	22.175	25,2%	106.088	103,8%
Trong đó: Dư nợ cho vay khách hàng	82.233	104.505	22.272	27,1%		
Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ cho vay khách hàng	1,5%	1,5%	0,06%	4,1%	< 3%	
Lợi nhuận trước thuế	1.148	2.417	1.269	110,6%	1.300	185,9%
Lợi nhuận sau thuế	914	1.954	1.040	113,7%	1.000	195,4%
ROAA	0,7%	1,2%			0,6%	188,5%
ROAE	9,2%	15,8%			9,3%	169,9%
Mạng lưới điểm giao dịch	221 điểm	240 điểm	19 điểm	9%	240 điểm	100%

- Tổng tài sản của HDBank tăng trưởng ổn định, đạt 189.334 tỷ đồng, đạt 105,9% kế hoạch, với cơ cấu nguồn vốn và sử dụng nguồn phù hợp, đảm bảo an toàn rủi ro tiền tệ, rủi ro thanh khoản và rủi ro về lãi suất.

- Vốn điều lệ: 9.810 tỷ đồng, đạt 111,1% kế hoạch thông qua các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (2%), phát hành cổ phiếu trả cổ tức (7%) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2017.



- Tiền gửi của khách hàng: 120.537 tỷ đồng, đạt 97,2% kế hoạch, tăng 16,7% so với năm trước. Trong năm, HDBank đã và đang tái cơ cấu tiền gửi khách hàng cá nhân theo hướng tăng tỷ trọng huy động ngắn hạn, giảm tỷ trọng huy động trung và dài hạn nhằm đáp ứng kế hoạch sử dụng vốn, giảm chi phí huy động và tối đa hóa lợi nhuận cho ngân hàng. Bên cạnh đó, HDBank không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm dịch vụ mang nhiều tiện ích cho khách hàng kết hợp với hàng loạt chương trình khuyến mãi, ưu đãi về lãi suất và không ngừng đầu tư các công nghệ hiện đại bảo mật tối ưu thông tin và tài sản của khách hàng.
- Với định hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ theo từng địa phương, từng phân khúc khách hàng, đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục cho vay, dư nợ tín dụng đạt 110.067 tỷ đồng, đạt 103,8% kế hoạch. Bên cạnh đó, HDBank luôn chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng, tập trung thu hồi nợ xấu, trích lập dự phòng để đảm bảo an toàn trong hoạt động.
- Lợi nhuận trước thuế 2.417 tỷ đồng, đạt 185,9% kế hoạch. Thu nhập lãi thuần 6.347 tỷ đồng, tăng 1.669 tỷ đồng so với năm 2016; thu thuần dịch vụ 196 tỷ đồng, tăng 78 tỷ đồng so với năm 2016; thu nhập từ kinh doanh chứng khoán 491 tỷ đồng, tăng 257 tỷ đồng so với năm 2016.

c/ Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Ngân hàng không thực hiện đầu tư vào các dự án lớn nào ngoại trừ đầu tư tài chính vào các công ty con sau:

TÊN CÔNG TY CON	GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG	LĨNH VỰC KINH DOANH	TỶ LỆ NĂM GIỮ (%)
Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh	Số 3602376446 ngày 13/01/2015	Quản lý Tài sản	100
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON	Số 0304990133 ngày 05/02/2018	Tài chính Ngân hàng	50



THÔNG TIN CÁC CÔNG TY CON VÀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

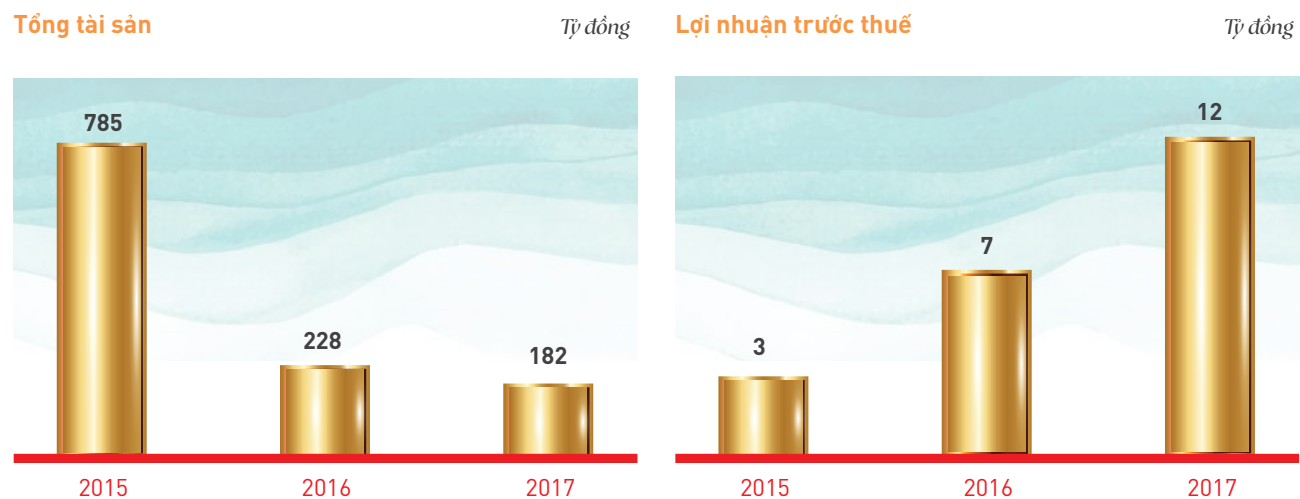
CÔNG TY TNHH MTV QUẢN LÝ NỢ VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN – NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (AMC HDBANK)

Địa chỉ: Tầng 3-4, Tòa nhà 519 Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 150 tỷ đồng

Lịch sử hình thành: Trước đây, là Công ty con thuộc sở hữu của Ngân hàng TMCP Đại Á (DaiABank), chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13/01/2011, có vốn điều lệ 150 tỷ đồng. Sau khi DaiABank sáp nhập vào HDBank thì trở thành Công ty con của HDBank từ tháng 11/2013 và chuyển trụ sở từ Biên Hòa, Đồng Nai về Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2014.

Hoạt động kinh doanh chính của AMC HDBank là tiếp nhận và quản lý các khoản nợ tồn đọng; chủ động khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của HDBank nhằm đem lại lợi nhuận cho chính công ty và cho HDBank; cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm và chuyển đổi nợ thành vốn góp. Mua bán các khoản nợ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác. Sau khi được sáp nhập vào HDBank, AMC HDBank đã triển khai nhiều biện pháp xử lý và thu hồi nợ cho Ngân hàng.



CÔNG TY TÀI CHÍNH TNHH HD SAISON (HD SAISON)

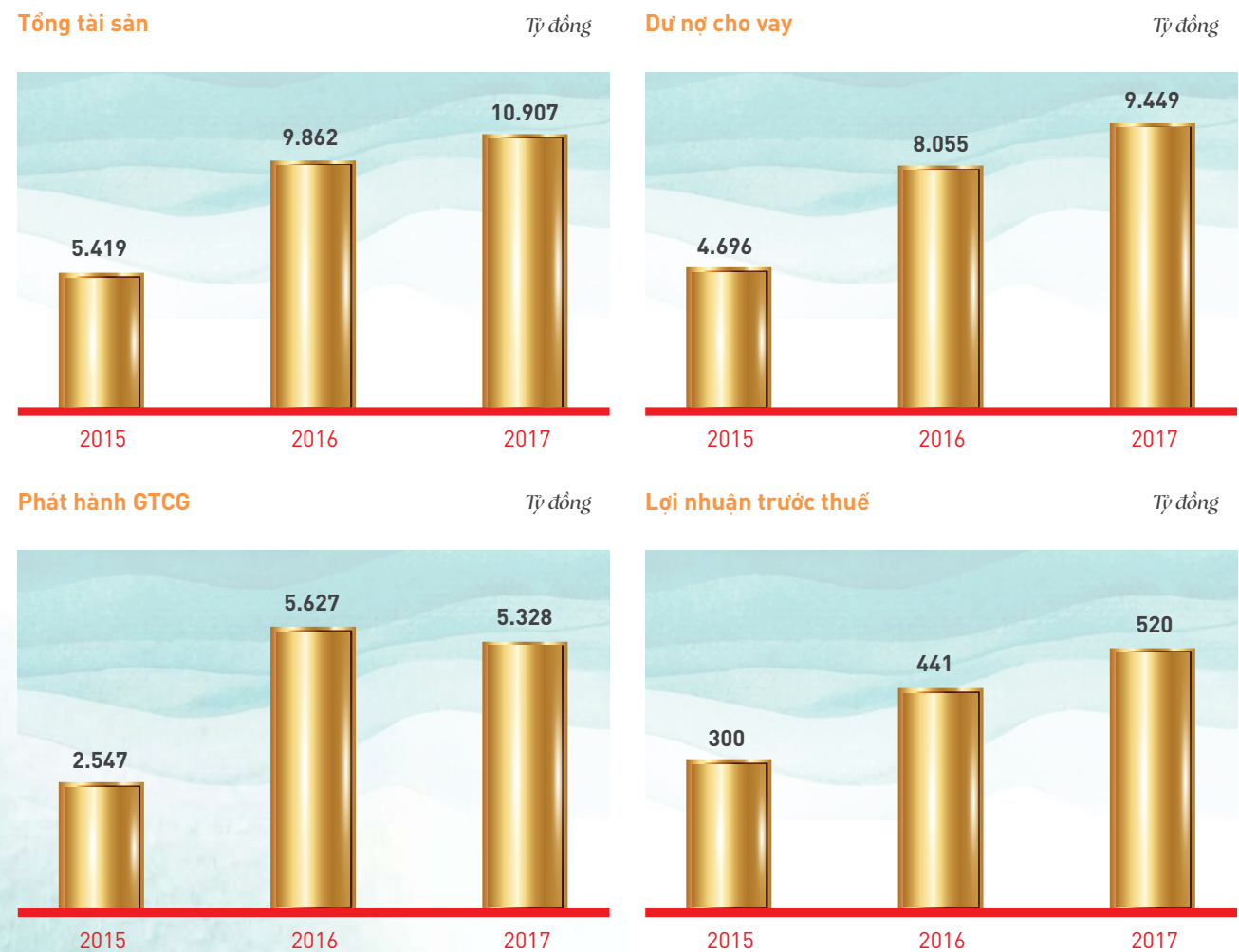
Địa chỉ: Tầng 8-9-10, Tòa Nhà Gilimex, 24C Phan Đăng Lưu, Phường 6, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ: 800 tỷ

Lịch sử hình thành: HD SAISON là Công ty Tài chính tiêu dùng. Tiền thân Công ty có tên gọi tắt là SGVF, thuộc sở hữu của Ngân hàng Pháp Société Générale. Sau khi được HDBank mua lại, SGVF đổi tên thành HDFinance. Đến tháng 3/2015, CREDIT SAISON (Nhật Bản) đầu tư vào HDFinance, nắm giữ 49% vốn điều lệ và HDFinance được đổi tên thành HD SAISON như hiện nay. Tính đến thời điểm 31/12/2017, HDBank sở hữu 50% vốn điều lệ của HD SAISON và tỷ lệ biểu quyết là 51%.

Quy mô: Hơn 11.500 điểm giao dịch tài chính tại tất cả 63 tỉnh thành trên toàn quốc.

HD SAISON là một công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu tại Việt Nam. HD SAISON tập trung vào sản phẩm cho vay tiêu dùng cá nhân như xe máy, điện thoại, điện máy gia dụng trả góp... HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt đối với các khách hàng đã sử dụng dịch vụ vay tiêu dùng ở HD SAISON và có lịch sử trả nợ tốt.





BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC KHỐI

Với định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng để trở thành ngân hàng bán lẻ hàng đầu của Việt Nam, HDBank hiện đang thực hiện đầy đủ các chức năng của một Ngân hàng Thương mại. Danh mục sản phẩm của HDBank rất đa dạng tập trung vào các phân khúc khách hàng mục tiêu, bao gồm cá nhân và doanh nghiệp nhỏ và vừa. Các sản phẩm của HDBank được chia theo bốn khối kinh doanh chính: (i) Khối Khách hàng Cá nhân, (ii) Khối Khách hàng Doanh nghiệp, (iii) Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính và (iv) Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ.

1. KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Năm 2017 là một năm hoạt động bán lẻ của HDBank phát triển mạnh mẽ. Nhiều giải pháp tài chính toàn diện được giới thiệu đến khách hàng cá nhân đã được đón nhận nồng nhiệt, tạo đà tăng trưởng cao trong hoạt động tín dụng và dịch vụ ngân hàng bán lẻ HDBank.

Tăng trưởng tín dụng của Khối Khách hàng Cá nhân cao hơn 30% so với cùng kỳ năm trước, trọng tâm phát triển phù hợp với định hướng của chính phủ.

Cho vay nông nghiệp: các hoạt động cho vay nông nghiệp, nông thôn được triển khai mạnh mẽ, rộng khắp cho người nông dân qua các chương trình tư vấn tài chính nông thôn của HDBank trên toàn quốc. Các chương này đã mang đến cho người nông dân kiến thức tốt về tài chính và cả kiến thức

về kỹ thuật canh tác thông qua sự hợp tác của HDBank với các đối tác lớn. Nhờ đó, cho vay nông nghiệp, nông thôn là lĩnh vực tăng trưởng cao nhất trong cơ cấu tín dụng đối với Khách hàng Cá nhân, đạt gần 50% về quy mô.

Cho vay hoạt động sản xuất kinh doanh và phục vụ đời sống: với thế mạnh về hoạt động liên kết và hợp tác kinh doanh với các nhà phân phối ngành hàng Nông nghiệp, thực phẩm, thức uống và hàng tiêu dùng HDBank đã xây dựng các gói sản phẩm tài chính trọn gói cho các Hộ kinh doanh cá thể từ tài trợ thanh toán hàng tiêu dùng, đến mua sắm máy móc thiết bị, công nghệ và thực hiện các dịch vụ thu hộ cùng nhiều dịch vụ khác.

Cho vay nhà ở: xác định hướng tới phân khúc là người tiêu dùng cuối cùng.

Cho vay mua ô tô: với mức độ ưu tiên cho đối tác hợp tác sâu rộng.

Các sản phẩm, dịch vụ tài chính cá nhân: đáp ứng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với quy định của pháp luật.

Huy động:

Khách hàng của HDBank ngày càng có nhiều sự lựa chọn với những sản phẩm sinh lời cao như Tiết kiệm Online, tiết kiệm linh lãi cuối kỳ, định kỳ. Đồng thời, HDBank còn xây dựng các chính sách ưu đãi cho khách hàng hiện hữu, chính sách chăm sóc toàn diện cho khách hàng hạng Premier, triển khai nhiều chương trình ưu đãi cho khách hàng mở và duy trì tài khoản thanh toán tại Ngân hàng như tặng thêm lãi suất khi Khách hàng gửi tiết kiệm trả lãi định kỳ vào tài khoản, miễn giảm phí cho các KH của đối tác.

Tất cả những nỗ lực trên của HDBank không chỉ nhằm gia tăng hiệu quả kinh doanh mà còn hướng đến mang lợi ích cao nhất cho các khách hàng gắn bó lâu dài với, chăm sóc khách hàng hiện hữu cũng như thu hút khách hàng mới.

Dịch vụ Ngân hàng:

Được sự tin tưởng của khách hàng, ngoài các lĩnh vực cho vay và huy động, các dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân của HDBank đang đáp ứng được thị hiếu của khách hàng cả về quy cách phục vụ, chất lượng sản phẩm. Dịch vụ thanh toán được mở rộng với công nghệ ứng dụng thanh toán hiện đại, góp phần gia tăng doanh số phí dịch vụ ngân hàng tăng gần gấp đôi so với cùng kỳ năm trước.

Ngân hàng điện tử và thẻ:

Tiện ích Ngân hàng điện tử: Bảo mật và thông minh

HDBank tự hào cung cấp dịch vụ Ngân hàng điện tử với các tiện ích đầy đủ, cạnh tranh và vượt trội so với thị trường như chuyển tiền trong/ ngoài hệ thống hệ thống HDBank, chuyển tiền nhanh qua số thẻ, số tài khoản, chuyển tiền định kỳ, chuyển tiền nhận bằng số CMND, thanh toán hóa đơn, gửi tiết kiệm online.

Thẻ: HDBank đã tích cực phối hợp với các đối tác, nhà cung ứng, chuỗi bán lẻ nhằm tạo tiện ích cho người sử dụng.

2. KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

Trong bối cảnh doanh nghiệp SME ngày càng đóng vai trò to lớn hơn trong sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam, từ năm 2011 đến nay, HDBank đã xem khách hàng SME là một trong hai đối tượng khách hàng chiến lược. Khối Khách hàng Doanh nghiệp với nhiệm vụ cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng với chất lượng vượt trội cho khách hàng SME là một trong những Khối trọng tâm của HDBank.

Tiếp nối thành công của những năm trước đó, năm 2017, Khối Khách hàng Doanh nghiệp tiếp tục gặt hái kết quả ấn tượng khi được tin tưởng lựa chọn là nhà cung cấp sản phẩm tài trợ chuỗi cung ứng, chuỗi phân phối cho nhiều tập đoàn lớn như Coca Cola Việt Nam, Công ty cổ phần sữa Việt Nam (Vinamilk), Tổng công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), Công ty cổ phần Thực phẩm Dinh dưỡng Nutifood, Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau, Công ty cổ phần Hàng không Vietjet, Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam (CP Việt Nam) và nhiều công ty đối tác khác. Thông qua chuỗi cung ứng, HDBank đã cung cấp đa dạng những sản phẩm dịch vụ tài chính trọn gói như tài trợ vốn, tài trợ thương mại, dịch vụ quản lý tiền mặt cho hệ thống cung ứng và phân phối của các tập đoàn đối tác lớn, giúp khách hàng củng cố sức mạnh tài chính và tăng cường năng lực cạnh tranh, gia tăng doanh số, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Để có được thành công này, trong năm, Khối Khách hàng Doanh nghiệp đã tập trung phát triển và cung cấp các sản phẩm tài trợ nhà thầu kèm bảo lãnh, triển khai quyết liệt cơ chế phê duyệt ưu đãi lãi suất cho vay đối với khách hàng sử dụng đồng thời nhiều sản phẩm dịch vụ; hợp tác với công ty bảo hiểm nhân thọ và phi nhân thọ bán chéo sản phẩm bankassurance; mở rộng cung cấp sản phẩm tài trợ thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C); triển khai mạnh mẽ dịch vụ thư tín dụng điện tử (e-LC)

trên nền tảng Internet Banking. Kết quả là thu phí dịch vụ từ khách hàng SME tăng gần 180% so với năm trước.

Luôn đồng hành cùng doanh nghiệp, HDBank cũng chú trọng thu xếp các nguồn vốn giá rẻ để hỗ trợ doanh nghiệp SME tiết giảm chi phí tài chính như: Ưu đãi lãi suất cho khách hàng là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, doanh nghiệp SME hoạt động tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, doanh nghiệp FDI, khách hàng hiện hữu thân thiết cũng như khách hàng mới tiềm năng, mở rộng đối tượng doanh nghiệp được hưởng lợi từ chương trình vốn giá rẻ của các tổ chức quốc tế như JBIC – JICA.

Bên cạnh đó, HDBank cũng đẩy mạnh triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin vào mọi khâu trong quá trình tương tác, cung cấp sản phẩm dịch vụ tới khách hàng doanh nghiệp, nhằm đem đến cho khách hàng những trải nghiệm mới về tốc độ xử lý yêu cầu nhanh chóng, tiện ích và bảo mật như: Quyết định cấp tín dụng online, triển khai các ứng dụng chuẩn hóa việc cấp hạn mức và quản lý dòng tiền cho nhà thầu thi công, dịch vụ e-LC trên Internet Banking, triển khai rộng rãi ứng dụng HDBank Sales Tool trên máy tính bảng để hỗ trợ cập nhật nhanh thông tin khách hàng khi khách hàng SMEs sử dụng các sản phẩm, dịch vụ tại HDBank.

Trong năm 2017, HDBank được tạp chí Asia Money trao giải thưởng Best Bank in Viet Nam 2017. Để đạt được giải thưởng này, HDBank đã được xếp điểm cao nhất ở 02 tiêu chí quan trọng. Một trong hai tiêu chí đó là HDBank có 06 nhóm sản phẩm dịch vụ tiên tiến được khách hàng tin dùng và ưu tiên lựa chọn hàng đầu về các dịch vụ tài trợ thương mại, dịch vụ quản lý tiền mặt, dịch vụ ngoại hối, lãi suất, dịch vụ tín dụng và thị trường vốn. Giải thưởng này một lần nữa ghi nhận năng lực của HDBank trong thị trường trong nước và quốc tế.

3. KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP LỚN VÀ ĐỊNH CHẾ TÀI CHÍNH

Trong năm 2017, Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính đã có những đóng góp quan trọng vào thành công chung của HDBank, khẳng định mạnh mẽ uy tín thương hiệu HDBank ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

Tiếp sau thành công năm 2015 và 2016, HDBank tiếp tục là một trong số ít ngân hàng TMCP được Chính phủ và Bộ Tài chính lựa chọn là cơ quan cho vay lại các Dự án sử dụng nguồn vốn ODA quốc tế của Ngân hàng Thế giới (World Bank), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Ngân hàng Tái thiết Đức (KfW) và nhiều cơ quan hỗ trợ phát triển uy tín, chính phủ các quốc gia khác. Đến hết năm 2017, tổng cộng HDBank đã được chọn làm cơ quan cho vay lại và ngân hàng phục vụ tại 07 dự án sử dụng vốn ODA, với tổng trị giá vốn quản lý tương đương trên 500 triệu USD. Các dự án này đã khẳng định sự tin tưởng của Bộ Tài chính và NHNN đối với HDBank, nâng cao uy tín của HDBank trên thị trường quốc tế, đồng thời minh chứng cho cam kết của HDBank trong việc đem lại lợi ích cao nhất cho cộng đồng, xã hội, phục vụ sự phát triển đất nước.

Kể từ tháng 11/2016 đến nay, HDBank là một trong những ngân hàng TMCP được Moody's - Hãng xếp hạng tín nhiệm quốc tế - xếp hạng tín nhiệm ở mức B2, với triển vọng "Ổn định". Với kết quả này, uy tín của HDBank không ngừng được khẳng định và hướng tới các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại của thế giới.

Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục được Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) và các ngân hàng thương mại hàng đầu thế giới như JPMorgan Chase của Mỹ, ICBC của Trung Quốc, Commerzbank của Đức, BNP Paribas của Pháp, Bank of Tokyo – Mitsubishi UFJ của Nhật,... cấp hạn mức tín dụng, đề xuất tăng cường hợp tác. Tất cả những thành công trên đều có dấu ấn đậm nét của Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và định chế tài chính với vai trò là những đại sứ thương hiệu, cầu nối HDBank với các tập đoàn, tổng công ty, tổ chức, định chế tài chính trong nước và quốc tế.

Đồng thời, để khẳng định hơn nữa uy tín và vị thế của HDBank, Khối Khách hàng Doanh nghiệp lớn và định chế tài chính sẽ tiếp tục giữ vai trò đầu mối trong việc củng cố mạng lưới ngân hàng đại lý quốc tế, phát huy tối đa sự hợp tác hỗ trợ từ các Định chế tài chính như ADB, IFC... và các tổ chức quốc tế nhằm mang lại các cơ hội phát triển kinh doanh không những cho HDBank mà còn giúp các Khách hàng của HDBank tối ưu hóa hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh của mình đặc biệt trong các hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại tại các thị trường nước ngoài trọng yếu.



4. KHỐI NGUỒN VỐN & KINH DOANH TIỀN TỆ

Khối Nguồn vốn & Kinh doanh Tiền tệ của HDBank là một trong các khối kinh doanh có hiệu quả cao, đóng góp tích cực vào tổng lợi nhuận của HDBank hàng năm. Chức năng, nhiệm vụ chính của Khối Nguồn vốn là: chịu trách nhiệm quản lý thanh khoản, tham mưu chính sách lãi suất tỷ giá trong quá trình hoạt động hàng ngày cho Tổng Giám đốc và Ủy ban ALCO; đồng thời thực hiện hiện các chức năng kinh doanh nguồn vốn, ngoại hối, giấy tờ có giá và các công cụ nợ trên thị trường tiền tệ, ngoại hối, vốn để tìm kiếm lợi nhuận. Hoạt động kinh doanh tiền tệ và ngoại hối của Khối Nguồn vốn khá tích cực, quy mô giao dịch lớn và có uy tín cao trên thị trường tiền tệ, ngoại hối.

Hiện nay, HDBank là thành viên của thị trường Trái phiếu Chính phủ sơ cấp và thứ cấp, là một trong những nhà tạo lập trên thị trường tiền tệ và ngoại hối liên ngân hàng.

Năm 2017 là năm tiếp tục khẳng định sự mở rộng và phát triển của hoạt động quản lý nguồn vốn, kinh doanh tiền tệ và đầu tư. HDBank không ngừng khẳng định vị thế, uy tín trên thị trường tiền tệ và thị trường vốn; duy trì vai trò chủ động và tích cực trong hoạt động giao dịch về nguồn vốn, đầu tư và kinh doanh tiền tệ. HDBank nằm trong top 10 các thành viên giao dịch và đấu thầu Trái phiếu Chính phủ lớn nhất theo kết quả xếp loại của Bộ Tài chính và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) năm 2017.





Hoạt động quản lý nguồn vốn và thanh khoản:

Khối Nguồn vốn & Kinh doanh Tiền tệ thực hiện quản lý toàn bộ nguồn vốn và sử dụng vốn của HDBank, đồng thời thực hiện quản lý và điều hành thanh khoản của toàn hệ thống, đảm bảo khả năng chi trả và khả năng thanh khoản trong suốt quá trình hoạt động của HDBank. Bên cạnh việc cân đối nguồn vốn và sử dụng vốn, khả năng thanh khoản thì Khối cũng thực hiện việc sử dụng hiệu quả nguồn vốn huy động khả dụng và nguồn vốn liên ngân hàng để kinh doanh vốn.

HDBank đã vận hành một cách khá hoàn chỉnh, minh bạch cơ chế FTP giữa Hội sở và các Chi nhánh, giữa Sở kinh doanh và Sở ngân hàng, tạo điều kiện kích thích phát triển kinh doanh, xác định hiệu quả kinh doanh một cách chính xác và công bằng.

Hoạt động kinh doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng:

Bên cạnh việc quản lý an toàn nguồn vốn, HDBank cũng đã sử dụng và khai thác rất hiệu quả nguồn vốn huy động và nguồn vốn liên ngân hàng để thực hiện kinh doanh nguồn vốn. Không chỉ chú trọng đến việc đa dạng sản phẩm, nghiệp vụ và tăng trưởng về quy mô, thị phần trên thị trường tiền tệ, HDBank còn luôn đảm bảo sự uy tín, hỗ trợ đối tác, cạnh tranh lành mạnh. Hoạt động giao dịch và kinh doanh nguồn vốn trên thị trường cũng góp phần điều tiết cung, cầu tiền tệ cũng như duy trì sự ổn định trên thị trường liên ngân hàng phù hợp với mục tiêu và chính sách của NHNN.

Hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

Thị trường ngoại hối 2017 đã có rất nhiều biến động phức tạp, tỷ giá biến động mạnh do ảnh hưởng của thị trường thế giới. Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh ngoại tệ trong năm 2017 đã hạn chế được rủi ro, tránh được những biến động bất lợi của thị trường, tăng trưởng mạnh trong bối cảnh các doanh nghiệp vẫn chưa thật sự thoát khỏi khó khăn, nhu cầu thanh toán ngoại tệ không lớn, không có nhiều cơ hội kinh doanh và chịu sự cạnh tranh gay gắt về thị phần. Để làm được điều này, HDBank đã tích cực duy trì, mở rộng và đa dạng hóa khách hàng, đẩy mạnh kinh doanh tự doanh, đồng kết hợp chặt chẽ với kinh doanh vốn trong hoạt động bán chéo và tăng cường sản phẩm phái sinh song song với việc chủ động, linh hoạt trong công tác nắm bắt, phân tích thông tin thị trường.

Năm 2017 cũng là năm HDBank tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng Công nghệ thông tin và ban hành đầy đủ các quy định liên quan, mang lại hiệu quả đáng kể trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng như nâng cao năng lực quản lý và tuân thủ về quản lý rủi ro, quản lý trạng thái ngoại hối.

Hoạt động kinh doanh vàng tuy không còn nhộn nhịp như những năm trước đây nhưng với mạng lưới 100 điểm giao dịch mua bán vàng trải rộng cả nước, HDBank đã góp phần cung cấp, đáp ứng nhu cầu trao đổi và mua bán vàng miếng của khách hàng cũng như ổn định chính sách về vàng của NHNN.

Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán:

Năm 2017, một năm sau khi HDBank trở thành thành viên chính thức đầu thầu sơ cấp và thứ cấp trái phiếu Chính phủ và trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh trên HNX, hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán tiếp tục khẳng định vai trò chủ đạo và chiếm tỷ lệ đáng kể trong kết quả kinh doanh của HDBank. Năm 2017 tiếp tục đẩy mạnh hoạt động kinh doanh Trái phiếu chính phủ và Trái phiếu được chính phủ bảo lãnh và HDBank là một trong những thành viên tích cực và thường xuyên trên cả thị trường sơ cấp và thứ cấp. Danh mục nắm giữ cũng như doanh số giao dịch của HDBank đã gia tăng đáng kể, đa dạng về loại và kỳ hạn, nâng cao vị trí và uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư và kinh doanh Trái phiếu doanh nghiệp và chứng khoán vốn cũng đã được cơ cấu lại danh mục theo hướng giảm tỷ trọng trong danh mục đầu tư. Hoạt động đầu tư và kinh doanh chứng khoán cũng được cơ cấu lại theo nguyên tắc tuân thủ quy định của pháp luật, theo đó Ngân hàng tập trung và phát triển kinh doanh chứng khoán nợ (trái phiếu chính phủ và trái phiếu tổ chức tín dụng), sắp xếp và cơ cấu lại hoạt động đầu tư kinh doanh chứng khoán vốn theo quy định mới.



VỊ THẾ CỦA HDBANK TRONG NGÀNH

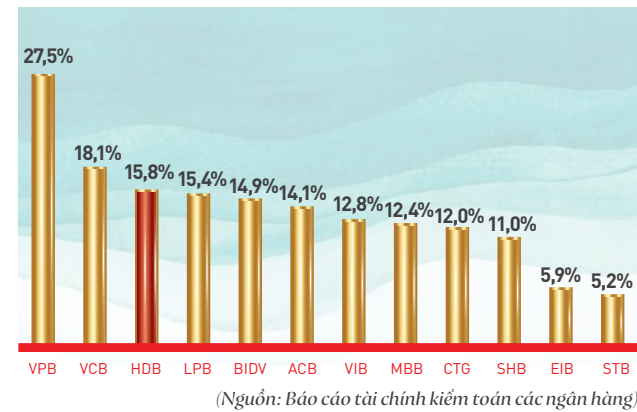
TỔNG TÀI SẢN VÀ LỢI NHUẬN

Trong 10 năm từ 2008 – 2017, tổng tài sản của HDBank tăng gần 20 lần và số lượng chi nhánh, phòng giao dịch đã tăng gấp 07 lần, qua đó cải thiện mạnh mẽ vị thế của HDBank từ top 30 ngân hàng TMCP lên Top 08 ngân hàng lớn nhất hệ thống.

Ngoài sự tăng trưởng nội tại, quy mô tổng tài sản, vốn và mạng lưới của Ngân hàng cũng tăng nhanh thông qua các hoạt động sáp nhập và hợp nhất. Năm 2013 đã đánh dấu một mốc quan trọng cho HDBank khi Ngân hàng sáp nhập với Ngân hàng TMCP Đại Á. Vốn điều lệ của HDBank tăng từ 5.000 tỷ đồng lên 8.100 tỷ đồng và trở thành một trong 10 ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam.

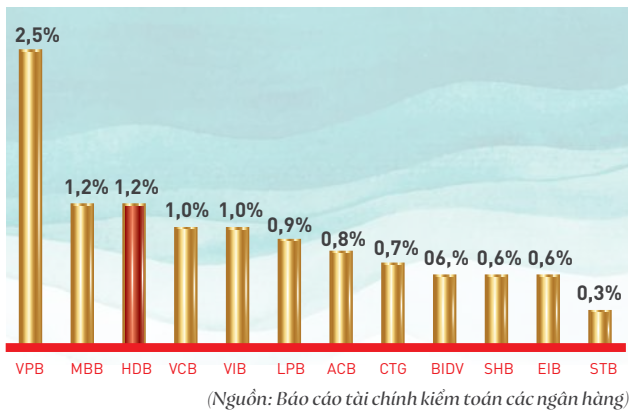
Cùng với sự tăng trưởng mạnh mẽ về quy mô, hiệu quả hoạt động HDBank được khẳng định với các chỉ số về tăng trưởng lợi nhuận, khả năng sinh lời/vốn chủ sở hữu (ROE), hiệu quả khai thác tài sản (ROA) năm 2017 thuộc nhóm cao nhất trong số các ngân hàng TMCP đã niêm yết.

HDBank có khả năng sinh lời / vốn chủ sở hữu bình quân thuộc Top 3 các ngân hàng niêm yết



Ngân hàng cũng đã giành được nhiều giải thưởng, bao gồm “Công ty được quản lý tốt nhất châu Á” vào năm 2015 và 2016 của Tạp chí Euromoney, “Top 500 ngân hàng châu Á”, “Top 08 ngân hàng thương mại tại Việt Nam” vào năm 2017 của Asian Banker và “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” trong năm 2017 của Asia Money.

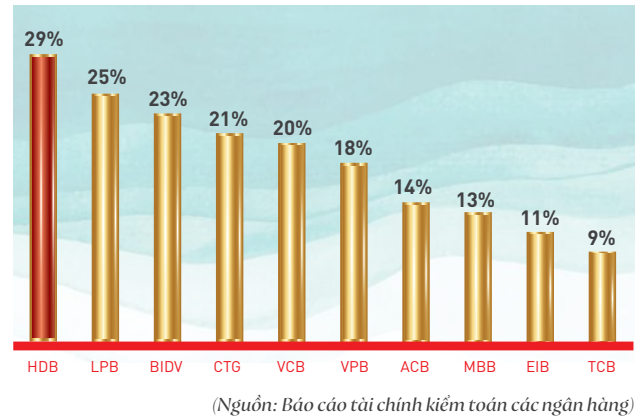
Hiệu quả khai thác tài sản của HDBank thuộc top dẫn đầu các ngân hàng niêm yết



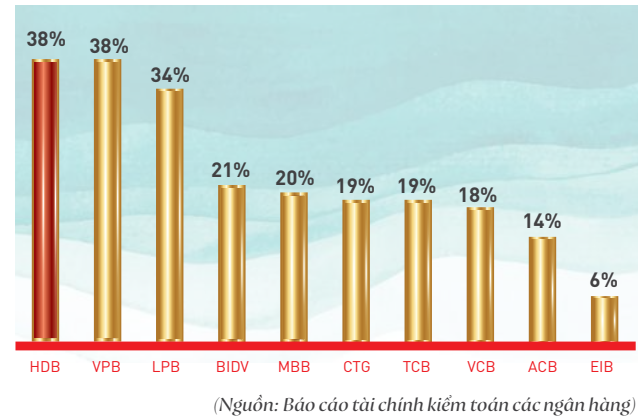
TĂNG TRƯỞNG

Trong giai đoạn 2012 – 2017, HDBank đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 38% về dư nợ tín dụng và 29% đối với số dư tiền gửi, dẫn đầu toàn ngành. Thành công này đã khẳng định sự đúng đắn và thành công của chiến lược phát triển ngân hàng bán lẻ, SME và tiêu dùng được tập thể lãnh đạo Ngân hàng tiên phong xây dựng và kiên định triển khai suốt những năm qua.

Tăng trưởng CAGR tiền gửi (2012 – 2017)



Tăng trưởng CAGR cho vay (2012 – 2017)



CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN VÀ TỈ LỆ NỢ XẤU

HDBank đã xây dựng được hệ thống quản lý rủi ro hiện đại theo tiêu chuẩn quốc tế và theo mô hình 03 tuyến bảo vệ của Basel. Hệ thống quản lý rủi ro bao gồm kiểm tra và đánh giá độc lập bởi Ban kiểm soát / Kiểm toán viên nội bộ, triển khai hệ thống giám sát của các phòng ban tại Hội sở và Kiểm soát giao dịch tại các đơn vị kinh doanh. Các hoạt động quản lý rủi ro tiên tiến của HDBank đã đem lại hiệu quả hoạt động tốt nhất thị trường. Tính đến ngày 31/12/2017, tỷ lệ nợ xấu theo báo cáo hợp nhất

(với HD SAISON) và riêng lẻ của Ngân hàng lần lượt là 1,5% và 1,1%, đây là mức thấp trong ngành ngân hàng. Trạng thái vốn của Ngân hàng hiện ở mức tốt, với hệ số an toàn vốn (CAR) tại thời điểm 31/12/2017 là 13,5%, cao hơn nhiều so với mức quy định của NHNN Việt Nam (CAR 9%).

Nợ xấu của HDBank tiếp tục được cải thiện do Ngân hàng áp dụng nghiêm ngặt các quy trình thẩm định cho vay cũng như đẩy mạnh công tác thu hồi nợ.

So sánh hiệu quả hoạt động của HDBank và một số ngân hàng niêm yết trong năm 2017

ĐVT: Nghìn tỷ đồng

CHỈ TIÊU	BIDV	CTG	VCB	STB	MBB	SHB	ACB	VPB	HDB	LPB	EIB	VIB
Tổng tài sản	1.202	1.095	1.035	368	314	286	284	278	189	163	149	123
Vốn chủ sở hữu	49	64	53	23	30	15	16	30	15	9	14	9
Tiền gửi khách hàng	860	753	709	320	220	195	241	134	121	128	118	68
Cho vay khách hàng	867	791	543	224	184	198	199	183	105	101	101	81
Tổng thu nhập hoạt động	39,02	32,62	29,41	8,65	13,87	6,45	11,44	25,03	7,51	5,10	3,83	4,09
Lợi nhuận sau thuế	6,95	7,46	9,11	1,18	3,49	1,54	2,12	6,44	1,95	1,37	0,82	1,12
ROA	0,6%	0,7%	1,0%	0,3%	1,2%	0,6%	0,8%	2,5%	1,2%	0,9%	0,6%	1,0%
ROE	14,9%	12,0%	18,1%	5,2%	12,4%	11,0%	14,1%	27,5%	15,8%	15,4%	5,9%	12,8%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán các ngân hàng)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN



Hoạt động Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty TNHH MTV Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“AMC HDBank”) tiền thân là công ty con thuộc sở hữu của Ngân hàng TMCP Đại Á, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 13/01/2011 với số vốn điều lệ ban đầu là 20 tỷ đồng và đến tháng 08/2011 tăng lên thành 150 tỷ đồng.

Sau khi hoàn tất việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á từ tháng 11/2013, AMC HDBank trở thành Công ty con của HDBank và chuyển trụ sở từ Biên Hòa, Đồng Nai về Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 10/2014.

Các hoạt động chính của AMC HDBank: tiếp nhận và quản lý các khoản nợ tồn đọng; chủ động khai thác các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của HDBank nhằm đem lại lợi nhuận cho chính công ty và cho HDBank; cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng biện pháp giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm và chuyển đổi nợ thành vốn góp; mua bán các khoản nợ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác.

Hoạt động của AMC HDBank

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017
Tổng tài sản	785	228	182
Tổng vốn chủ sở hữu	151	157	166
Doanh thu thuần	5	17	67
Lợi nhuận trước thuế	3	7	12
Lợi nhuận sau thuế	3	6	9
Nợ ngắn hạn	603	41	16
Nợ dài hạn	31	30	-

Hoạt động mua bán nợ của AMC HDBank trong năm 2017 hiệu quả với tổng giá trị thu hồi vượt chỉ tiêu 149%, trong khi doanh thu và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng mạnh so với năm 2016 với mức tăng lần lượt 3,9 lần và 1,5 lần.

Hiện tại, AMC HDBank đang tăng cường phối hợp đơn vị kinh doanh xử lý và thu hồi nợ xấu hiện hữu, quản lý xử lý tài sản có nguồn gốc từ xử lý nợ theo ủy thác từ HDBank. Đồng thời, tái cấu trúc sắp xếp lại bộ máy Phòng Xử lý nợ theo mô hình quản lý tập trung giúp tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả xử lý nợ.

Định hướng kinh doanh 2018 của AMC HDBank tập trung vào 03 mục tiêu chính:

- Khai thác hiệu quả các tài sản được giao quản lý;
- Đảm bảo hiệu quả kinh doanh theo chỉ tiêu được giao năm 2018;
- Thành lập Trung tâm Xử lý nợ theo Đề án đã được phê duyệt.

Hoạt động Công ty Tài chính TNHH HD SAISON

Mảng tài chính tiêu dùng của HDBank nằm ở công ty con của Ngân hàng là HD SAISON. Tiền thân của HD SAISON là Công ty TNHH MTV Tài chính Việt – Société Générale (“SGVF”). Sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 2532/QĐ-NHNN và Quyết định số 2533/QĐ-NHNN ngày 30/10/2013, Tập đoàn Société Générale S.A., chủ sở hữu duy nhất của SGVF đã chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu của SGVF cho HDBank và SGVF đã chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“HDFinance”).

Tiếp theo đó, sau khi nhận được chấp thuận của NHNN tại Quyết định số 454/QĐ-NHNN và Quyết định số 455/QĐ-NHNN cùng ngày 31/03/2015, HDBank chuyển nhượng thành công 49% vốn điều lệ tại HDFinance cho Credit Saison Co.,Ltd. (Nhật Bản). HDFinance chính thức thay đổi loại hình doanh nghiệp từ công ty TNHH một thành viên thành công ty TNHH hai thành viên trở lên và thay đổi tên thành HD SAISON.

HD SAISON thực hiện các hoạt động cho vay tiêu dùng bao gồm cho vay để mua trả góp hàng điện máy, xe máy, xe tải nhẹ, du lịch và cho khách hàng thân thiết vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng cá nhân. Bên cạnh việc duy trì chiến lược kinh doanh nêu trên, HD SAISON cũng tập trung cải thiện và tiến hành nghiêm túc công tác quản trị rủi ro nhằm nâng cao chất lượng tài sản, kiểm soát chất lượng tín dụng và giảm nợ xấu. Theo đó, hoạt động kinh doanh của HD SAISON đã đạt hiệu quả và bắt đầu có lãi. Năm 2010, sau 03 năm đầu tiên hoạt động khá thành công, HD SAISON đã đạt điểm hòa vốn sớm hơn so với mong đợi, cụ thể thu nhập 05 tỷ đồng đã bù đắp chi phí hoạt động hằng năm và chi phí rủi ro.

Tính đến ngày 31/12/2017, HD SAISON hiện là công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu tại Việt Nam với tổng dư nợ tín dụng là 9.449 tỷ đồng.

Hoạt động cấp tín dụng của HD SAISON được thực hiện thông qua các đơn vị mạng lưới bao gồm 01 chi nhánh tại Hà Nội và hệ thống 11.502 điểm bán hàng đặt tại 63 tỉnh, thành phố trên toàn quốc.

TẦM NHÌN, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH:

Tầm nhìn HD SAISON:

Trở thành công ty tài chính tiêu dùng được người tiêu dùng tin cậy lựa chọn nhiều nhất.

Mục tiêu HD SAISON:

HD SAISON phấn đấu để trở thành công ty tài chính tiêu dùng hàng đầu về hiệu quả kinh doanh và chất lượng dịch vụ tại Việt Nam.

Định hướng kinh doanh:

HD SAISON định hướng hoạt động kinh doanh với các điểm sau:

- (1) Tập trung vào chiến lược sản phẩm cho vay để mua hàng hóa tiêu dùng, qua đó từng bước phục vụ tất cả các nhu cầu tiêu dùng đa dạng của đại đa số người dân Việt Nam;
- (2) Chọn lựa phương thức cần trọng, an toàn trong hoạt động cho vay; hướng đến phát triển cân bằng, bền vững và tồn tại lâu dài;
- (3) Luôn nỗ lực tận dụng công nghệ ứng dụng vào các hoạt động kinh doanh và vận hành nhằm đạt hiệu quả tối ưu;
- (4) Cam kết luôn mang lại các giá trị tốt đẹp nhất cho khách hàng khi đã lựa chọn sử dụng dịch vụ của công ty, bằng chất lượng dịch vụ hoàn hảo;
- (5) Luôn hành động có trách nhiệm cao với xã hội thông qua các hoạt động thiện nguyện phong phú.

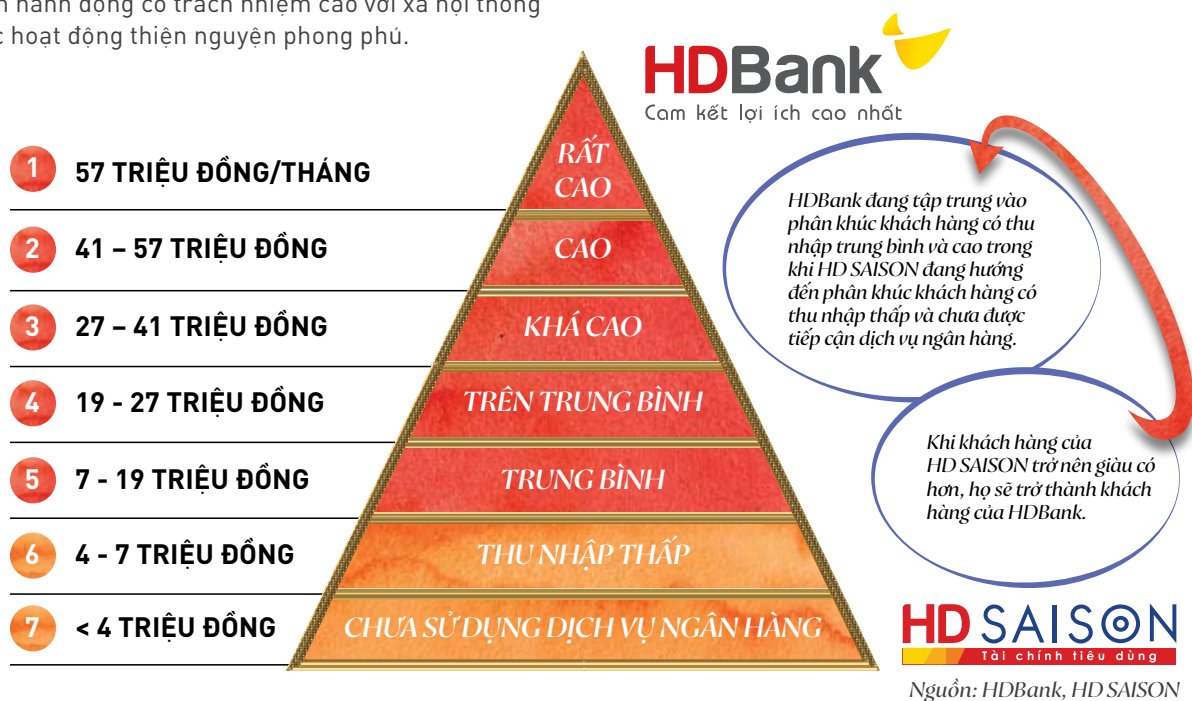
a. Mô hình hoạt động

Tính đến ngày 31/12/2017, HD SAISON phục vụ hơn 3,6 triệu khách hàng.

Phân khúc khách hàng mục tiêu của HD SAISON hướng đến nhóm khách hàng chưa được các ngân hàng chú ý và nhóm khách hàng có thu nhập thấp đến trung bình với mức thu nhập hàng tháng là từ 02 - 07 triệu đồng. Hai phân khúc này phần lớn là khách hàng hiện tại của HD SAISON. Khoảng một nửa số khách hàng của HD SAISON dưới 30 tuổi và đang đi làm, nhưng chưa được các ngân hàng phục vụ do các khoản vay của các đối tượng này thường có quy mô nhỏ lẻ và các ngân hàng chưa có hệ thống quản lý hoàn chỉnh cũng như công nghệ có tính chuyên biệt để phục vụ phân khúc này một cách chuyên nghiệp, nhanh chóng và hiệu quả.

Số lượng khách hàng thu nhập thấp và chưa tiếp cận được ngân hàng chiếm khoảng 83% dân số lao động tại Việt Nam, cho thấy thị trường cho vay tiêu dùng vẫn còn khá hấp dẫn và chưa được khai thác hết. Theo Nielsen, những phân khúc này dự kiến sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm là 20%, chủ yếu đến từ việc đô thị hóa, tăng trưởng kinh tế và gia tăng dân số.

Nền tảng khách hàng của HD SAISON



b. Sản phẩm và dịch vụ chính:

HD SAISON hiện là một trong những công ty tài chính tiêu dùng có thị phần lớn nhất tại Việt Nam tập trung các dòng sản phẩm chính như sau:

- Cho vay mua xe máy;
- Cho vay mua thiết bị gia dụng;
- Cho vay bằng tiền mặt cho các khách hàng vay mua xe máy hoặc thiết bị gia dụng có lịch sử trả nợ tốt.

Tính đến ngày 31/12/2017, danh mục cho vay của HD SAISON bao gồm 40,9% cho vay xe máy; 24,1% cho vay thiết bị gia dụng; 32,5% cho vay tiền mặt và gần 2,5% cho vay các sản phẩm mới khác như xe tải và giáo dục. Đối với các khoản vay bằng tiền mặt, không giống như hầu hết các công ty tài chính tiêu dùng khác trên thị trường, HD SAISON tuân theo một tiêu chuẩn nghiêm ngặt về quản lý rủi ro. Cụ thể, HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt đối với khách hàng hiện tại có hồ sơ tín dụng đã được chứng minh có lịch sử trả nợ tốt.

c. Hiệu quả hoạt động

Hoạt động kinh doanh của HD SAISON trong năm 2017 đạt kết quả khả quan với mức tăng trưởng từ thu nhập hoạt động và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 31,7% và 17,9% tương ứng với giá trị tuyệt đối là 2.895 tỷ đồng và 416 tỷ đồng.

HD SAISON đạt được kết quả trên nhờ vào việc đẩy mạnh tăng trưởng dư nợ tín dụng lên đến 17,3% trong năm 2017.

Hoạt động kinh doanh của HD SAISON qua các năm

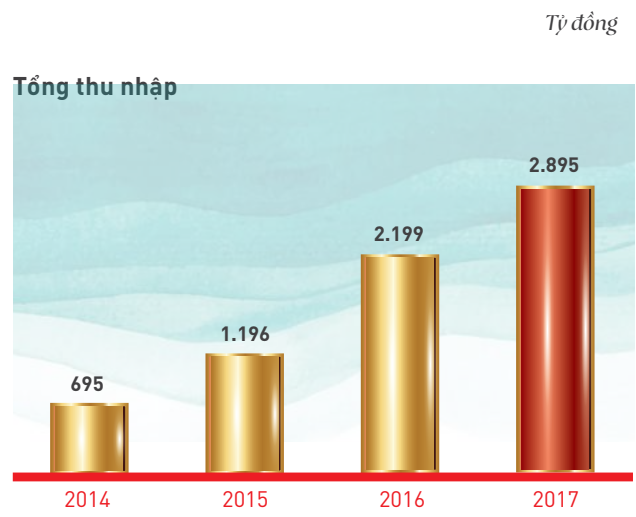
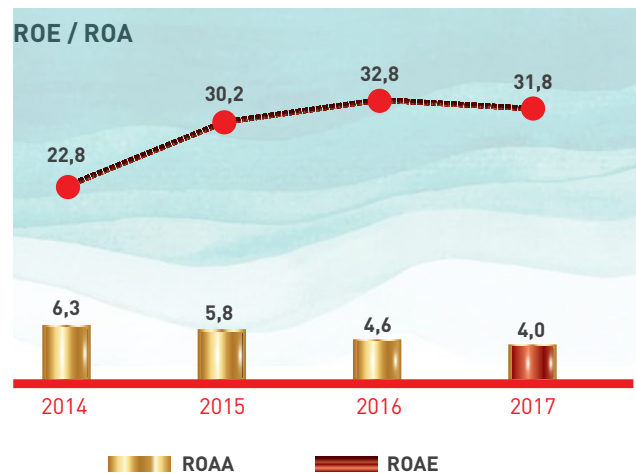
DVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017
Tổng tài sản	5.419	9.862	10.907
Dư nợ cho vay	4.696	8.055	9.449
Tổng giá trị huy động	4.160	7.843	8.380
Tổng thu nhập hoạt động (TOI)	1.196	2.199	2.895
Lợi nhuận sau thuế	236	353	416

Ngoài ra, HD SAISON có tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 31,8% trong năm 2017, khá cao trong ngành tài chính tiêu dùng. Tỷ lệ nợ xấu của HD SAISON đạt 5,7% trong năm 2017, thấp so với nhiều công ty tài chính cùng ngành, do ban lãnh đạo công ty xác lập chiến lược phát triển lâu dài và bền vững là không theo đuổi lợi nhuận trước mắt bằng cách hy sinh các nguyên tắc chuẩn mực về quản trị rủi ro tín dụng. Cụ thể, danh mục cho vay của HD SAISON cho thấy sự đa dạng hóa giữa các sản phẩm vay mua xe máy, thiết bị gia dụng và cho vay bằng tiền mặt (nghĩa là khoảng 1/3 trong mỗi phân khúc).

Danh mục cho vay của HD SAISON gồm các khoản cho vay ngắn hạn, trong đó cho vay kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống chiếm 45,5% tổng dư nợ tín dụng.

Kết quả kinh doanh của HD SAISON

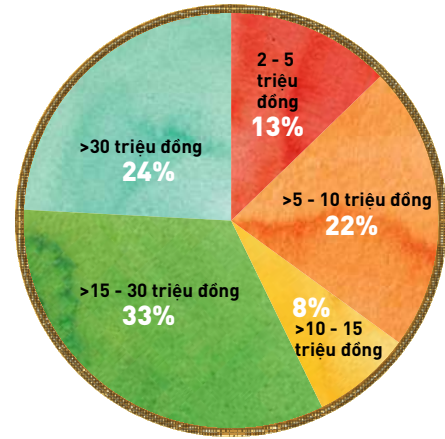


Nguồn: HD SAISON

Chiến lược của HD SAISON là phân tán rủi ro giữa các khách hàng, nhằm tăng trưởng cho vay bằng cách tiếp nhận thêm khách hàng thay vì gia tăng khoản vay cho khách hàng hiện hữu. Việc duy trì quy mô khoản vay cho mỗi khách hàng ở mức thấp sẽ làm giảm rủi ro đối với HD SAISON.

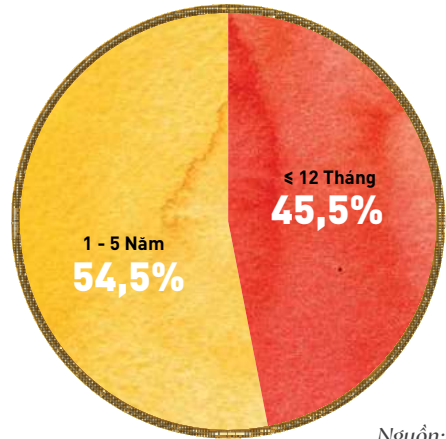
Giá trị khoản vay và thời hạn (31/12/2017)

Giá trị khoản vay



Thêm vào đó, HD SAISON tập trung vào các khoản vay giá trị nhỏ và thời hạn ngắn, phần lớn các khoản vay có giá trị dưới 30 triệu đồng và thời hạn dưới một năm. Việc này giúp Công ty kiểm soát được rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng và giảm thiểu rủi ro tập trung của danh mục cho vay của Công ty. HD SAISON chỉ cho vay tiền mặt dành các khách hàng hiện hữu có lịch sử thanh toán tốt nhằm đa dạng danh mục cho vay và gia tăng lợi nhuận.

Thời hạn cho vay



Nguồn: HD SAISON

d. Thị phần

Là một trong ba công ty hàng đầu trong ngành tài chính tiêu dùng, HD SAISON có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng với các dòng sản phẩm chủ đạo như: hỗ trợ tài chính mua xe máy, hàng điện máy, cho vay tiền mặt vì mục đích tiêu dùng, mua xe tải, hỗ trợ du lịch, vay mua sản phẩm trực tuyến...

Mạng lưới phân phối rộng khắp toàn quốc với độ bao phủ lớn là một trong những lợi thế cạnh tranh lớn của HD SAISON. Mạng lưới phân phối rất quan trọng đối với hoạt động cho vay tiêu dùng vì đa phần công ty tài chính

tiêu dùng phục vụ cho những người có thu nhập trung bình thấp và chưa được các ngân hàng chú ý, chủ yếu là công nhân nhà máy, sinh viên học sinh, và người lao động – những đối tượng được chi trả bằng tiền mặt thay vì chuyển khoản. Để tiếp cận được phân khúc khách hàng này thì chính sách tiếp thị tốt nhất là mở rộng các điểm giao dịch tài chính (POS).

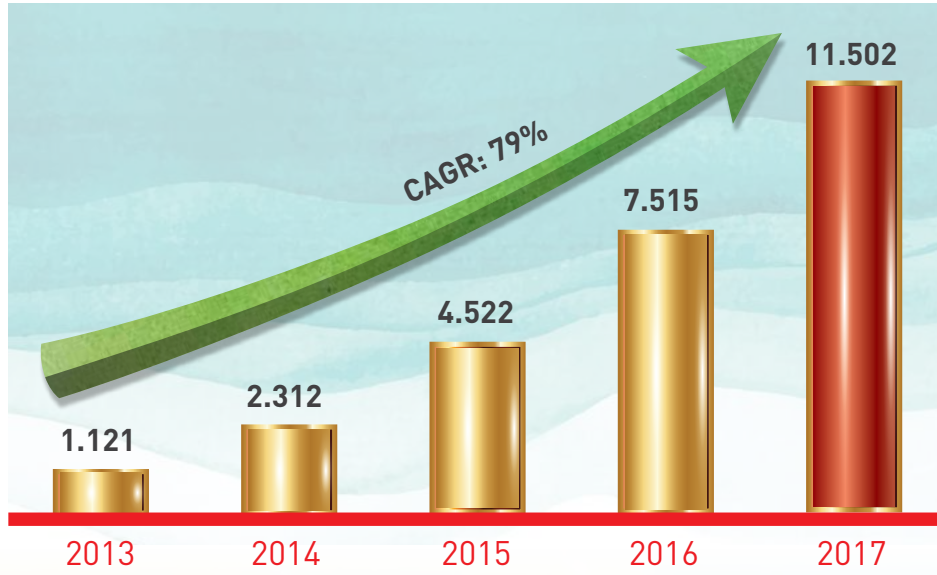
Tính đến ngày 31/12/2017, HD SAISON hiện có hơn 11.500 POS trên 63 tỉnh thành Việt Nam với hơn 3,6 triệu khách hàng. HD SAISON đứng đầu Việt Nam về mạng lưới POS.



Vị thế thị trường của HD SAISON thời điểm 31/12/2017

Tăng trưởng điểm bán hàng

Điểm



Nguồn: HD SAISON

HD SAISON đã phát triển và tăng trưởng các kênh bán hàng thông qua nhân viên bán hàng trực tiếp tại các điểm bán hàng hợp tác với các đối tác kinh doanh. Sắp tới, HD SAISON có kế hoạch tiếp tục thiết lập các kênh phân phối mới bao gồm các sản phẩm thẻ tín dụng đồng thương hiệu và sản phẩm cho vay trực tuyến mua vé máy bay Vietjet Air. Bên cạnh đó, HD SAISON sẽ chú trọng tối đa hóa doanh thu từ việc bán chéo sản phẩm bảo hiểm cũng như mở rộng danh mục các sản phẩm bảo hiểm cung cấp cho người vay, bao gồm nhưng không giới hạn các dòng sản phẩm chăm sóc y tế cho gia đình, v.v...



Nỗ lực **không ngừng**
Thành công vượt trội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

86 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

98 MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG
KẾ HOẠCH KINH DOANH

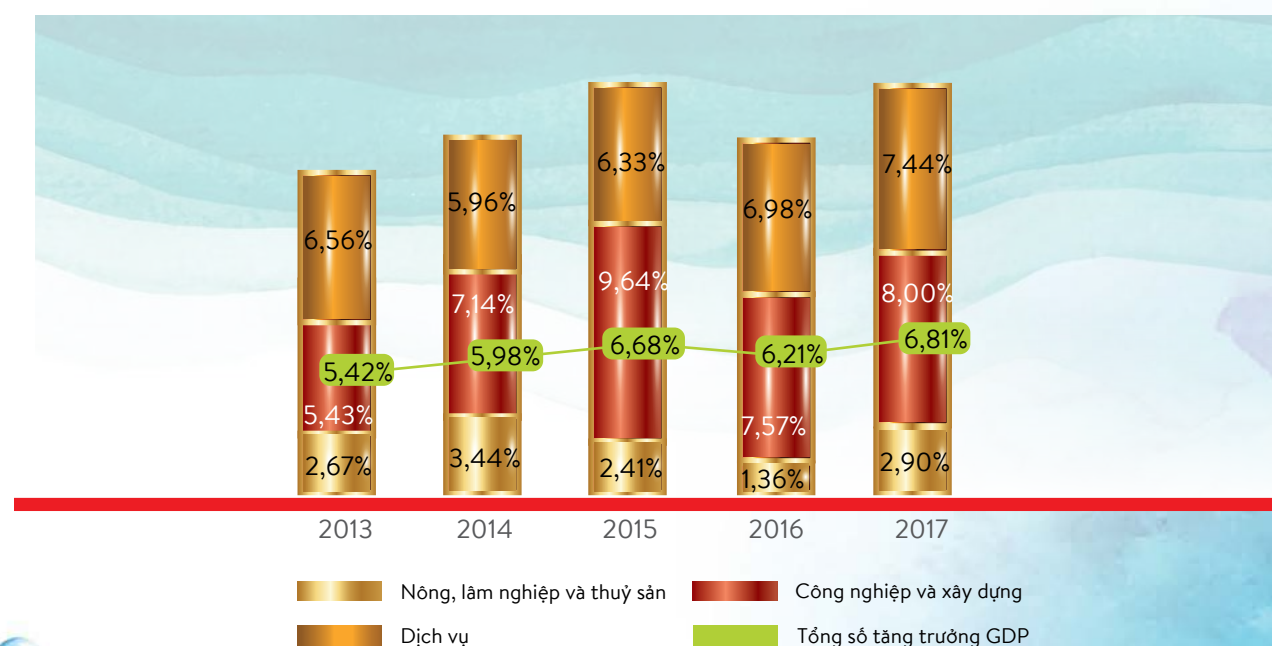
BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN VĨ MÔ, KHÓ KHĂN THÁCH THỨC, THÀNH TỰU KINH TẾ, NHÂN LỰC, XÃ HỘI

TỔNG QUAN VĨ MÔ

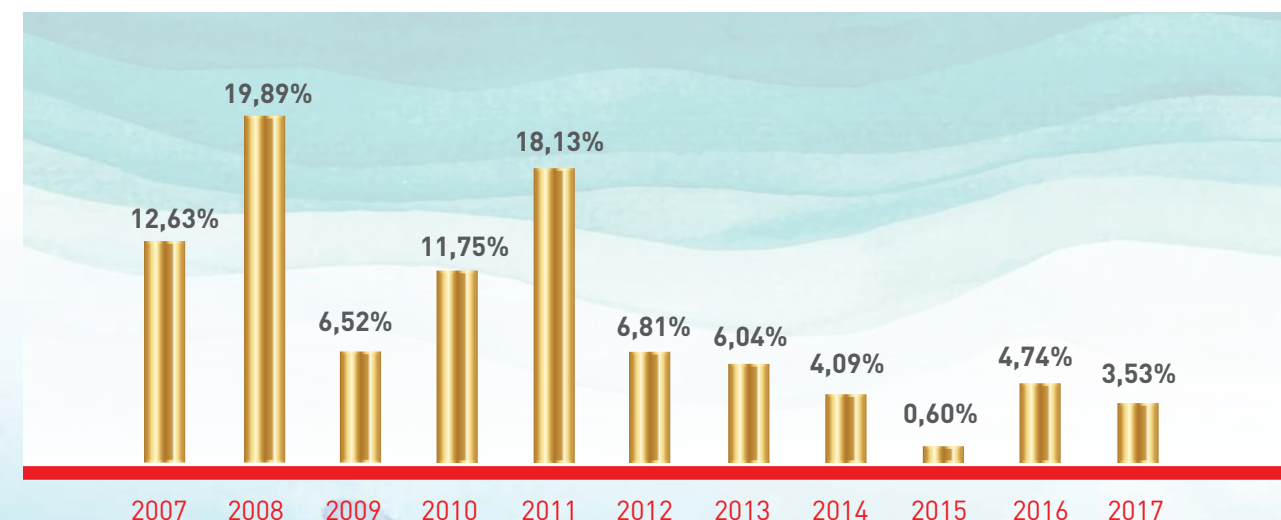
Năm 2017 đánh dấu kỷ lục về tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, kim ngạch thương mại và lượng khách du lịch đến Việt Nam. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm. Tuy nhiên, bội chi ngân sách, nợ công, năng suất lao động thấp, thiên tai vẫn là những thách thức với nền kinh tế.

TĂNG TRƯỞNG GDP GIAI ĐOẠN 2013 - 2017



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

CPI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2007 - 2017



(Nguồn: Tổng cục Thống kê)

THỊ TRƯỜNG NGÂN HÀNG - TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

Tin dụng và huy động vốn giữ được tốc độ tăng trưởng cao tương đương năm 2016, thanh khoản của hệ thống ngân hàng tương đối ổn định. Hệ thống tổ chức tín dụng đã tích cực xử lý nợ xấu nhanh và triệt để hơn trong năm. Năm 2017, hệ thống tổ chức tín dụng đã xử lý được khoảng 70 nghìn tỷ đồng nợ xấu, tăng 40% so với năm trước.

Các tổ chức tín dụng hạn chế chuyển nợ sang cho VAMC và tích cực xử lý thông qua nhiều hình thức như bán nợ, phát mãi tài sản đảm bảo, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng và các hình thức khác. Nợ xấu chủ yếu tập trung ở các ngân hàng thương mại yếu kém, trong diện tái cơ cấu.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN KẾT QUẢ KINH DOANH
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2017

ĐVT: Tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	NĂM 2015	NĂM 2016	NĂM 2017
1. Quy mô vốn			
Vốn điều lệ	8.100	8.100	9.810
Tổng tài sản có	106.486	150.294	189.334
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	13,7%	12,5%	13,5%
2. Kết quả hoạt động kinh doanh & Các chỉ số tài chính			
Huy động khách hàng	74.543	103.300	120.537
Tổng dư nợ tín dụng	64.175	87.892	110.067
Lợi nhuận trước thuế	788	1.148	2.417
Lợi nhuận sau thuế	630	914	1.954
Tỷ lệ nợ xấu	1,6%	1,5%	1,5%
ROA	0,6%	0,7%	1,2%
ROE	6,6%	9,2%	15,8%
LLR	78,3%	76,5%	73,2%
CIR	58,3%	60,5%	54,3%
Khả năng thanh toán chung	103,4%	83,7%	80,9%
Thu nhập lãi / Tổng thu nhập	78,5%	86,3%	84,6%
Thu nhập ngoài lãi / Tổng thu nhập	21,5%	13,7%	15,4%
Thu dịch vụ / Tổng thu nhập	4,6%	2,2%	2,6%

1. TỔNG TÀI SẢN:

Tình hình tài sản

- Tổng tài sản đến ngày 31/12/2017 đạt 189.334 tỷ đồng, tăng 26,0% so với năm 2016.
- Dư nợ tín dụng: đi cùng với việc tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam, năm 2017 dư nợ tín dụng tăng 25,2% so với năm 2016. Dư nợ HDBank tập trung ở phân khúc khách hàng cá nhân và doanh nghiệp nhỏ lẻ, các ngành nghề được Chính phủ khuyến khích phát triển. Nợ xấu của HDBank được kiểm soát tốt ở mức 1,5%.
- Hoạt động đầu tư: đầu tư trái phiếu chính phủ tăng mạnh 48,1% so với năm 2016.
- Tài sản không sinh lời được HDBank quản lý tốt.

2. VỐN ĐIỀU LỆ:

Tính đến thời điểm hiện tại, vốn điều lệ của Ngân hàng đạt 9.810 tỷ đồng, tăng 21,11% so với thời điểm cuối năm 2016 thông qua các đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (2%), phát hành cổ phiếu trả cổ tức (7%) và phát hành cổ phiếu riêng lẻ trong năm 2017.

Hệ số an toàn vốn CAR

Tính đến ngày 31/12/2017, tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất của HDBank đạt 13,5%, cao hơn mức trung bình của các tổ chức tín dụng là 11,1% (theo Báo cáo Tổng quan thị trường tài chính 2017 của Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia). Tỷ lệ an toàn vốn cấp 1 và cấp 2 lần lượt là 9,9% và 3,6%. Giai đoạn 2014 - 2016, sau thành công trong việc sáp nhập Ngân hàng TMCP Đại Á và mua lại 100% SGVF, HDBank vẫn duy trì mức vốn điều lệ là 8.100 tỷ đồng bởi trong giai đoạn này tình hình huy động khá khó khăn, các ngân hàng khác đối mặt với việc kiểm soát đặc biệt từ NHNN thậm chí có ngân hàng bị mua lại với giá 0 Đồng nên HDBank

Tình hình nợ phải trả

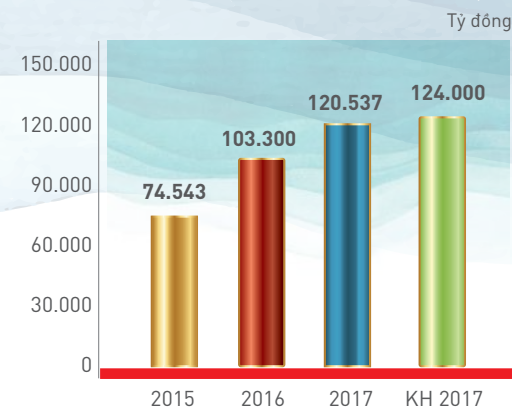
- Tổng nợ phải trả đến ngày 31/12/2017 đạt 174.575 tỷ đồng, tăng 24,4% so với năm 2016.
- Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác tăng mạnh.
- Tiền gửi của khách hàng tăng 16,7% so với năm 2016, tiền gửi không kỳ hạn tăng 5.104 đồng, tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn / tổng tiền gửi khách hàng đạt 12,1%.
- Vốn chủ sở hữu 14.759 tỷ đồng, tăng 48,4% so với năm 2016 (trong đó lợi nhuận chưa phân phối đạt 1.769 tỷ đồng, tăng 136,9% so với năm 2016). Vốn chủ sở hữu chiếm tỷ trọng 7,8% tổng nguồn vốn, là cơ sở vững chắc để HDBank phát triển các chiến lược dài hạn.

không tăng vốn trong thời gian này. Tuy nhiên, HDBank đã phát hành thành công 2.500 tỷ đồng trái phiếu 10 năm trong năm 2015 và 2016 để tăng nguồn vốn cấp 2, qua đó hệ số CAR của HDBank đã đạt 12,5% vào cuối năm 2016 và 13,5% tại thời điểm ngày 31/12/2017.

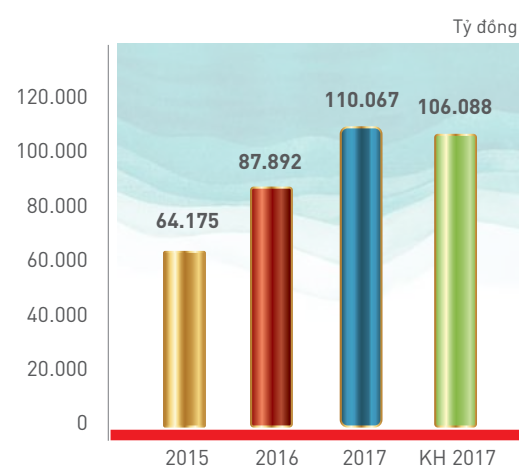
Tỷ lệ nợ xấu

Kể từ năm 2015 trở đi, nợ xấu có khuynh hướng giảm dần và luôn duy trì ở ngưỡng dưới 2%. HDBank đã tích cực trong việc giám sát nợ, thu hồi và xử lý nợ xấu bằng nhiều hình thức, trong đó có việc bán nợ cho VAMC theo quy định và yêu cầu của NHNN. Dư nợ trái phiếu đặc biệt VAMC tính đến ngày 31/12/2017 của HDBank là 1.839 tỷ đồng và đã trích dự phòng 874 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của HDBank hợp nhất lần lượt là 1,6%, 1,5% và 1,5% vào năm 2015, 2016 và 2017. HDBank luôn trích lập đầy đủ dự phòng theo đúng quy định của NHNN.

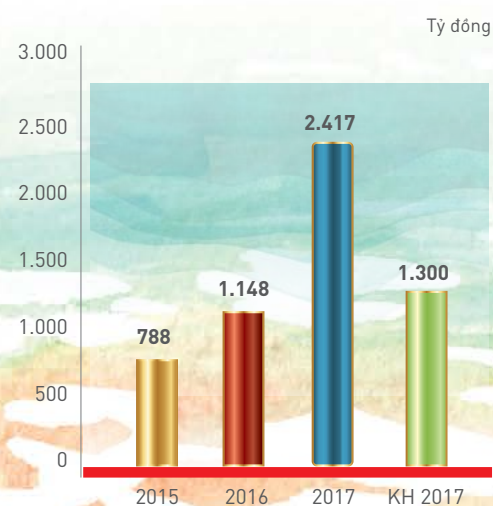




TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG



DƯ NỢ TÍN DỤNG



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

3. HUY ĐỘNG VỐN

Tính đến ngày 31/12/2017, tiền gửi khách hàng của HDBank đạt 120.537 tỷ đồng, tăng 17.237 tỷ đồng so với năm 2016. Cơ cấu nguồn vốn của HDBank năm 2017 được duy trì theo hướng bền vững, phục vụ nhu cầu tăng trưởng tín dụng, đầu tư của HDBank và đáp ứng các tỷ lệ an toàn theo quy định của NHNN.

Với mục tiêu tăng trưởng bền vững và ổn định, bên cạnh việc tạo ra sự an tâm cho món tiền gửi của khách hàng tại một ngân hàng uy tín, HDBank liên tục triển khai nhiều chương trình ưu đãi, đồng hành cùng khách hàng trong các sự kiện đặc biệt vào dịp lễ, tết với mong muốn đem đến lợi ích cao nhất cho khách hàng.

4. DƯ NỢ TÍN DỤNG

Tổng dư nợ tín dụng năm 2017 đạt 110.067 tỷ đồng, tăng 25,2% so với năm 2016, đạt 103,8% kế hoạch. Song song với việc tăng trưởng tín dụng, HDBank chú trọng kiểm soát chất lượng tín dụng, tập trung thu hồi nợ xấu, trích lập dự phòng để đảm bảo an toàn trong hoạt động.

Với định hướng đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục cho vay, kiểm soát rủi ro tín dụng chặt chẽ, chuyên môn hóa nghiệp vụ, nâng cao chất lượng phục vụ, HDBank tập trung khai thác đối tượng khách hàng mục tiêu theo từng địa bàn để triển khai các sản phẩm cho vay phù hợp.

5. LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

Thực tế cho thấy, trong hai năm gần đây, HDBank đã đạt được thành tích vượt bậc từ tăng trưởng nhanh tổng thu nhập hoạt động và lợi nhuận trước thuế, dẫn đến tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân và tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân năm 2017 lần lượt là 15,8% và 1,2%.

Tổng thu nhập hoạt động đạt 7.506 tỷ đồng, tăng 38,5% so với năm 2016 nhờ vào hiệu quả hoạt động rất tốt của HDBank trong năm từ việc giới thiệu sản phẩm mới, cải thiện chất lượng tài sản, thay đổi cấu trúc sản phẩm, bán chéo, cơ cấu huy động và sử dụng nguồn vốn tài chính hiệu quả hơn. Thu nhập lãi thuần chiếm tỷ trọng lớn nhất với 84,6% trên tổng thu nhập hoạt động nhờ tăng trưởng dư nợ tín dụng và việc mở rộng nhanh chóng của HD SAISON (dư nợ của HD SAISON tăng 17,3% so với năm 2016).

6. KINH DOANH VỐN TRÊN THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG

Hoạt động kinh doanh nguồn vốn kinh doanh tiền tệ của HDBank năm 2017 có sự tăng trưởng và phát triển vượt bậc, đóng góp quan trọng vào kết quả chung của toàn ngân hàng. Thông qua các hoạt động giao dịch trên thị trường, HDBank đã nâng cao được uy tín, hình ảnh và mức độ ảnh hưởng trên thị trường tiền tệ, ngoại hối, thị trường vốn liên ngân hàng, được đối tác và cơ quan quản lý đánh giá cao. Ngân hàng đã thực hiện cân đối nguồn vốn và sử dụng một cách hiệu quả, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thanh khoản và khả năng chi trả.

7. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Hoạt động đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá được đánh giá là phát triển mạnh mẽ nhất trong năm 2017, Ngân hàng là thành viên trực tiếp của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và thành viên đấu thầu trái phiếu Chính phủ của Bộ Tài chính. Trong năm 2017, doanh số giao dịch và đấu thầu trái phiếu Chính phủ của HDBank luôn lọt Top 10 các thành viên giao dịch lớn nhất thị trường, ngân hàng đã trở thành một trong các đối tác giao dịch lớn và có mức ảnh hưởng đáng kể trên thị trường. Bên cạnh đó, hoạt động đầu tư, kinh doanh giấy tờ có giá cũng thực hiện các hoạt động đầu tư vào giấy tờ có giá do các tổ chức tín dụng có uy tín phát hành. Hoạt động đầu tư và kinh doanh giấy tờ có giá luôn tuân thủ chặt chẽ các quy trình của HDBank và quy định của NHNN, mang lại hiệu quả cao.

8. SẢN PHẨM THẺ

Với nền tảng công nghệ hiện đại, đón đầu xu hướng tiêu dùng, HDBank triển khai nhiều sản phẩm thẻ hiện đại: thẻ đồng thương hiệu VietJet Air, thẻ hình ảnh, thẻ doanh nghiệp và các tiện ích thanh toán thông qua QR Code, dịch vụ xác thực trực tuyến cho thẻ Visa – 3Dsecure để phục vụ nhu cầu đa dạng của khách hàng. Bên cạnh các sản phẩm dịch vụ hiện đại, HDBank đã liên kết với Lazada, Vietjet Air, BBQ,... triển khai nhiều chương trình ưu đãi cho khách hàng khi thanh toán bằng thẻ HDBank đã thu hút số lượng lớn khách hàng tham gia. HDBank tiến hành chuyển đổi tất cả thẻ quốc tế thành thẻ chip EMV, công nghệ bảo mật giao dịch trực tuyến 3D Secure Verify by Visa HDBank nhằm hoàn thiện thêm cơ chế bảo mật cho dữ liệu thẻ của khách hàng.



9. CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ

Nằm trong chiến lược số hóa của HDBank, năm 2017 HDBank tiếp tục có những bước chuyển đổi mạnh mẽ và triển khai nhiều dự án trọng điểm:

- Tự động hóa trong giao dịch với khách hàng, giảm thiểu giấy tờ, thủ tục trong nghiệp vụ huy động và cho vay;
- Xây dựng ứng dụng hỗ trợ chuyên viên quan hệ khách hàng thường xuyên di chuyển, tạo tính chuyên nghiệp, thuận tiện khi giao tiếp với khách hàng, giảm thiểu chi phí cho ngân hàng;
- Đẩy mạnh dịch vụ ngân hàng số, phát triển sản phẩm dịch vụ và các chương trình khuyến mãi nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng các kênh giao dịch trực tuyến: chương trình khuyến mãi gửi góp tiết kiệm online, nạp card điện thoại trên Internet banking...;

- Cải tiến, kết nối các ứng dụng hỗ trợ kinh doanh;
- Khai thác hệ sinh thái khách hàng, cung cấp các dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng của HD SAISON và Vietjet Air;
- Triển khai các dự án bảo mật an toàn hệ thống, đảm bảo hệ thống vận hành xuyên suốt, ổn định và đảm bảo an toàn bảo mật thông tin khách hàng, tạo niềm tin cho khách hàng khi giao dịch với HDBank.

10. CÔNG TÁC QUẢN LÝ RỦI RO VÀ ĐẢM BẢO AN TOÀN TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

Công tác quản lý rủi ro của HDBank năm 2017 tiếp tục được hoàn thiện, tuân thủ tốt quy định của NHNN, tiệm cận nhanh hơn các chuẩn mực quốc tế. Với định hướng trở thành một trong những ngân hàng có hệ thống quản lý rủi ro hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, HDBank tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình 03 tuyến bảo vệ của Basel II; các công cụ quản lý rủi ro được rà soát, sửa đổi phù hợp với tình hình thực tế và quy định của Pháp luật, hướng đến các chuẩn mực quốc tế; hệ thống hỗ trợ được xây dựng theo hướng tự động hóa nhằm phát hiện kịp thời và cảnh báo sớm các rủi ro hoạt động. Trong năm 2017, với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin, HDBank đã triển khai phần mềm đơn đốc nhắc nợ, phối hợp Phòng Quản lý Rủi ro hoàn thành giai đoạn phân tích GAP của tiêu chuẩn Basel II, hoàn thành việc thay đổi hệ thống ngân hàng lõi để đáp ứng các thông tư quy định của NHNN.

11. CÔNG TÁC VẬN HÀNH

Việc tiếp tục duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008 và nâng cấp lên phiên bản mới nhất ISO 9001-2015 vào tháng 05/2017 đã mang lại cho HDBank những hiệu quả tích cực trong công tác quản lý. Các yêu cầu của khách hàng được đáp ứng tốt hơn, chất lượng dịch vụ được nâng cao nhờ sự thay đổi diện mạo HDBank đến thái độ phục vụ khách hàng, cải tiến các quy trình nghiệp vụ đạt chuẩn quốc tế.

Mô hình quản lý tập trung, chuyên môn hóa, đơn giản hóa các giấy tờ, thủ tục đã giảm thời gian thao tác nghiệp vụ, nâng cao hiệu quả và giảm thiểu rủi ro vận hành.

Với vai trò là cầu nối giữa ngân hàng và khách hàng, Trung tâm Dịch vụ khách hàng cũng không ngừng đa dạng các kênh tiếp nhận và xử lý thông tin để nâng cao hơn nữa sự hài lòng của khách hàng đối với chất lượng phục vụ và sản phẩm, dịch vụ của HDBank.

HDBank E-banking



12. CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ ĐÀO TẠO

Trong năm 2017, HDBank tiếp tục nâng cao chất lượng và dịch vụ nhân sự thông qua việc đánh giá mức độ hài lòng khách hàng bên ngoài và kỹ năng xử lý nghiệp vụ thông qua khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng nội bộ.

Xây dựng chương trình cán bộ nguồn nhằm tuyển chọn, đào tạo các ứng viên nội bộ ưu tú, có tố chất lãnh đạo đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới hoạt động trong dài hạn.

Bên cạnh việc thường xuyên tổ chức đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự, HDBank cũng hoàn thiện chế độ lương thưởng cạnh tranh với các Ngân hàng khác nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân sự chất lượng cao gắn bó với HDBank. Đến cuối năm 2017, tổng số cán bộ nhân viên toàn hệ thống HDBank là gần 14.000 người.

13. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

Trong năm 2017, HDBank thành lập thêm 05 chi nhánh và 14 phòng giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch trên toàn hệ thống HDBank từ 221 điểm (31/12/2016) lên 240 điểm bao gồm: 01 Trụ sở chính, 01 Văn phòng đại diện Khu vực miền Bắc, 57 Chi nhánh và 181 Phòng giao dịch.

14. CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ VÀ HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

Bên cạnh hoạt động kinh doanh hiệu quả đóng góp vào sự phát triển chung của toàn ngành ngân hàng, HDBank luôn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện xã hội nhằm góp phần chung tay vì sự phát triển của cộng đồng. Năm 2017, HDBank đã tài trợ chi phí xây dựng 15 nhà tình thương tại Quảng Bình, Tiền Giang, Phú Yên, Ninh Bình, Bắc Giang, Kiên Giang, Đồng Nai, Vĩnh Long, Long An; tài trợ hơn 4.000 thẻ BHYT cho bà con hộ cận nghèo tại các tỉnh Bến Tre, Đồng Tháp, Bình Thuận, Bình Định, Vĩnh Long, Nghệ An, Hà Tĩnh; tài trợ chi phí 1.000 ca mổ mắt cho bà con nghèo bị đục thủy tinh thể tại Thành phố Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Long An, Trà Vinh, Cần Thơ, Vĩnh Long; tặng quà, thực phẩm, quần áo ấm cho bà con vùng cao, tặng học bổng cho học sinh nghèo, cứu trợ cho đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung, chăm lo tết cho người nghèo và các trẻ em tại Trung tâm Bảo trợ trẻ tàn tật mồ côi Thị Nghè, Quỹ Bảo trợ trẻ em Nghệ An...

15. CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

- Huân chương Lao động Hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng;
- Cờ thi đua của NHNN Việt Nam cho 03 đơn vị;
- Bằng khen NHNN Việt Nam cho 31 tập thể, 73 đơn vị;
- Best Bank in Vietnam 2017 - Ngân hàng tốt nhất năm 2017 do tạp chí Asiamoney trao tặng;
- Xếp hạng 08 trong danh sách 15 Ngân hàng Việt Nam lọt TOP 500 ngân hàng mạnh nhất châu Á Thái Bình Dương do The Asian Banker công bố;
- Giải Vàng trong cuộc thi Báo cáo thường niên Vision Awards 2016 do Hiệp hội các chuyên gia truyền thông Mỹ (League of American Communications Professionals - LACP) bình chọn;
- Thương hiệu mạnh Việt Nam năm 2017 do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng;
- Ngân hàng phục vụ doanh nghiệp vừa và nhỏ tốt nhất do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng;
- Ngân hàng bán lẻ và tài chính tiêu dùng tốt nhất do Thời báo Kinh tế Việt Nam trao tặng.



16. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG NĂM 2017

Chương trình 1: Tăng trưởng bền vững, tín dụng an toàn, lợi nhuận tối ưu

- Tổng huy động khách hàng: 120.537 tỷ đồng, tăng 16,7% so với năm 2016.
- Tổng dư nợ tín dụng 110.067 tỷ đồng, tăng 25,2% so với năm 2016.
- Tỷ lệ nợ xấu 1,5%.
- Lợi nhuận trước thuế 2.417 tỷ đồng, tăng 110,6% so với năm 2016.
- Mở rộng mạng lưới giao dịch thêm 05 chi nhánh và 14 phòng giao dịch, nâng tổng số điểm giao dịch của HDBank lên 240 điểm.
- Chủ động hội nhập thị trường tài chính quốc tế, HDBank đã tiên phong thực hiện và lập kế hoạch IPO, triển khai đưa cổ phiếu HDBank niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Chương trình 2: Phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý và vận hành Ngân hàng

- Giảm thiểu được thủ tục, giấy tờ cho nghiệp vụ huy động, cho vay.
- Định hướng hoạt động theo mô hình hiện đại.
- Tự động hóa các thao tác vận hành, thanh toán: triển khai giải ngân online trên toàn hệ thống, xây dựng mới phần mềm xếp hạng tín dụng.
- Luôn đảm bảo các dịch vụ, hệ thống mạng phục vụ khách hàng được hoạt động liên tục.
- Triển khai chiến lược phát triển ngân hàng số.
- Khối công nghệ thông tin rà soát toàn bộ thiết bị, hệ thống, nâng cao bảo mật chống tấn công từ các phần mềm gián điệp như virus Wannacry và các chương trình nguy hại khác.

Chương trình 3: Tăng cường quản lý rủi ro, giám sát, kiểm soát và thu hồi nợ xấu

- Thành lập trung tâm quản lý hỗ trợ tín dụng.
- Công tác quản lý theo hướng tập trung đã kiểm soát tốt rủi ro hoạt động.
- Triển khai Basel II đã hoàn thành giai đoạn đánh giá chênh lệch, đưa ra khuyến nghị, tính thử QIS.
- Ban hành quy chế quản lý rủi ro thị trường, quy định về chỉ số rủi ro (KRI) phù hợp với Basel.
- Ban hành “Sổ tay kiến thức an toàn thông tin” nhằm nâng cao nhận thức an toàn bảo mật thông tin cho cán bộ nhân viên toàn hệ thống.
- Tăng cường công tác giám sát ATM, phát hiện kịp thời các thiết bị lấy cắp thông tin khách hàng, triển khai dịch vụ xác thực giao dịch thẻ trực tuyến 3D Secure.
- Kiểm soát tốt nợ xấu mới phát sinh, đảm bảo tỷ lệ nợ xấu toàn hàng dưới 2%.
- Triển khai thành lập Trung tâm Xử lý nợ.

Chương trình 4: Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao chất lượng nhân sự

- Đã xây dựng được khung chương trình đào tạo cho các chức danh, cán bộ nguồn và triển khai 02 khóa đào tạo cán bộ nguồn.
- Đưa vào vận hành chính thức chương trình quản lý nhân sự iHRP từ tháng 06/2017.
- Rà soát, chuẩn hóa các quy trình, quy định nhằm xây dựng văn hóa, tác phong làm việc của cán bộ nhân viên HDBank ngày càng chuyên nghiệp, năng động hơn.
- Triển khai chương trình khảo sát hài lòng khách hàng nội bộ, phối hợp với các đơn vị điều chỉnh bộ câu hỏi phù hợp với thực tế hoạt động của đơn vị.
- Khảo sát thông tin lương, phúc lợi trong ngành ngân hàng để xây dựng chính sách, chế độ đãi ngộ của HDBank phù hợp với thị trường nhằm đảm bảo giữ được nguồn lực giỏi.

Chương trình 5: Phát triển thương hiệu HDBank

- Thống nhất chuẩn nhận diện thương hiệu HDBank trên toàn hệ thống.
- Đẩy mạnh truyền thông thương hiệu HDBank trên các chương trình truyền hình.
- Truyền thông các sự kiện nội bộ như thành lập Chi nhánh, Phòng Giao dịch, chương trình cán bộ nguồn,...
- Truyền thông hình ảnh HDBank thông qua các hoạt động cộng đồng.
- Quảng cáo hình ảnh HDBank tại các sự kiện quan trọng như APEC.
- Đồng hành cùng chương trình “Tiền khéo, tiền khôn” của VTV3.



MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018

TĂNG TRƯỞNG GDP 2018
Mục tiêu Chính phủ

6,7%
Dự báo
6,5% - 6,8%

TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG NĂM 2018

Triển vọng thị trường toàn cầu năm 2018 được dự đoán sẽ tiếp tục tăng trưởng tốt hơn so với năm 2017 nhờ sự phục hồi của đầu tư, thương mại và công nghiệp chế tạo. Tuy nhiên vẫn tồn tại rủi ro bất nguồn từ việc các ngân hàng trung ương sẽ hạn chế các biện pháp kích cầu từng được áp dụng sau khủng hoảng tài chính thế giới. Thị trường Việt Nam được dự báo sẽ có những yếu tố thuận lợi nhờ những hiệp định tự do thương mại được ký kết. Dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2018 sẽ ở mức 6,5% - 6,8%.

CƠ HỘI

KINH TẾ VĨ MÔ

Năm 2018, Chính phủ tiếp tục đặt kế hoạch đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7%, chỉ số giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%, bằng mức mục tiêu năm 2017 và tổng kim ngạch xuất nhập kế hoạch đạt 36 - 37 tỷ USD, kiểm soát nhập siêu dưới 3% so với tổng kim ngạch xuất khẩu. Việt Nam có thể giữ vững mức tăng trưởng ấn tượng như năm 2017 khi các cơ quan nhà nước tiếp tục thực hiện những cải cách về thể chế và thủ tục hành chính, đồng thời cải tiến môi trường đầu tư - kinh doanh và giảm các chi phí trong sản xuất.

Khối kinh tế tư nhân ở Việt Nam trong năm 2018 được mong đợi sẽ có bước phát triển vượt bậc khi Chính phủ thực thi Nghị quyết Hội Nghị Trung ương 5 về đẩy mạnh những cải cách về thể chế, thúc đẩy tăng trưởng trong kinh tế tư nhân. Bằng việc cổ phần hóa và thoái vốn để tái cấu trúc, nhiều kỳ vọng cũng được đặt ra nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của khu vực doanh nghiệp Nhà nước.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

Xu hướng chủ đạo trong năm 2018 sẽ tiếp tục là dịch vụ bán lẻ. Trong khi đó sẽ có thêm nhiều chính sách mới liên quan đến thanh toán điện tử được NHNN ban hành để thúc đẩy sự phát triển của thanh toán không dùng tiền mặt.

Tỷ giá USD / VND được dự đoán sẽ gặp nhiều tác động từ việc FED tiếp tục thắt chặt chính sách tiền tệ khiến lãi suất đồng USD có xu hướng tăng trong năm 2018. Ngoài ra, các chính sách của tổng thống Mỹ về mậu dịch cũng sẽ ảnh hưởng nhiều đến thương mại và dòng kiều hối của Việt Nam. Bên cạnh đó, nhờ vào xu thế phát triển của nền kinh tế thế giới và thương mại toàn cầu tại các nước đang phát triển khiến cán cân thương mại được dự đoán sẽ tiếp tục thặng dư và dòng vốn từ nước ngoài được giữ ổn định.

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2018, dự toán ngân sách Nhà nước phấn đấu đạt tỷ lệ huy động trên GDP vào khoảng 21%, dự toán thu nội địa tăng bình quân tối thiểu 12 - 14% và dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu tăng bình quân tối thiểu 5 - 7% so với đánh giá năm 2017. Nhìn chung, nợ công năm 2018 có khả năng hoàn thành các mục tiêu đề ra do tăng trưởng kinh tế thế giới dẫn đến việc phục hồi giá dầu thô và kim ngạch xuất nhập khẩu được dự báo có nhiều tin hiệu tích cực.

Bộ Tài chính cam kết sẽ theo dõi tình hình thực tế để điều chỉnh, bổ sung các giải pháp ngân sách, đáp ứng các nhu cầu về kinh tế, an toàn nợ công và đảm bảo an ninh tài chính quốc gia. Bộ sẽ thắt chặt quản lý chi ngân sách, cơ cấu lại theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên và chú trọng tính hiệu quả trong việc tăng chi cho các hoạt động đầu tư, cụ thể là đầu tư dự án cơ sở hạ tầng. Kèm theo đó, cơ chế quản lý được điều chỉnh để ngăn ngừa xảy ra thất thoát, phân cấp rõ ràng trách nhiệm quyền hạn và siết chặt kỷ cương tài chính.

Ngoài ra, Bộ Tài chính sẽ tăng cường việc quản lý thu, đặc biệt chú trọng đến khu vực kinh tế phi chính thức, cách thức tính giá thuế, mở rộng cơ sở thu thuế, quản lý gian lận thương mại nhằm giảm tỷ lệ nợ đọng thuế và phấn đấu tăng thu ngân sách 3% so với chỉ tiêu của Quốc hội. Với những giải pháp trên, Chính phủ cố gắng giữ bội chi ngân sách Nhà nước trong phạm vi 3,7% GDP, đi kèm với tăng thu và tiết kiệm chi tiêu, hướng tới việc giảm bội chi Ngân sách Nhà nước.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Với các yếu tố hỗ trợ từ bối cảnh kinh tế vĩ mô, sự quyết liệt trong quá trình cổ phần hóa và thoái vốn của Nhà nước cùng với dòng vốn khổng lồ từ nước ngoài, thị trường chứng khoán trong năm 2018 dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.

Ngoài ra, việc nằm trong top những thị trường chứng khoán tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong năm 2017 đã gây sự chú ý cho nhiều nhà đầu tư. Trong năm 2018 - 2019, kỳ vọng thị trường Việt Nam sẽ được MSCI đưa vào "Danh sách theo dõi" và sau đó sẽ được chính thức nâng hạng lên "Thị trường mới nổi" vào năm 2020. Việc nâng hạng sẽ tạo đà cho thị trường Việt Nam tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ.

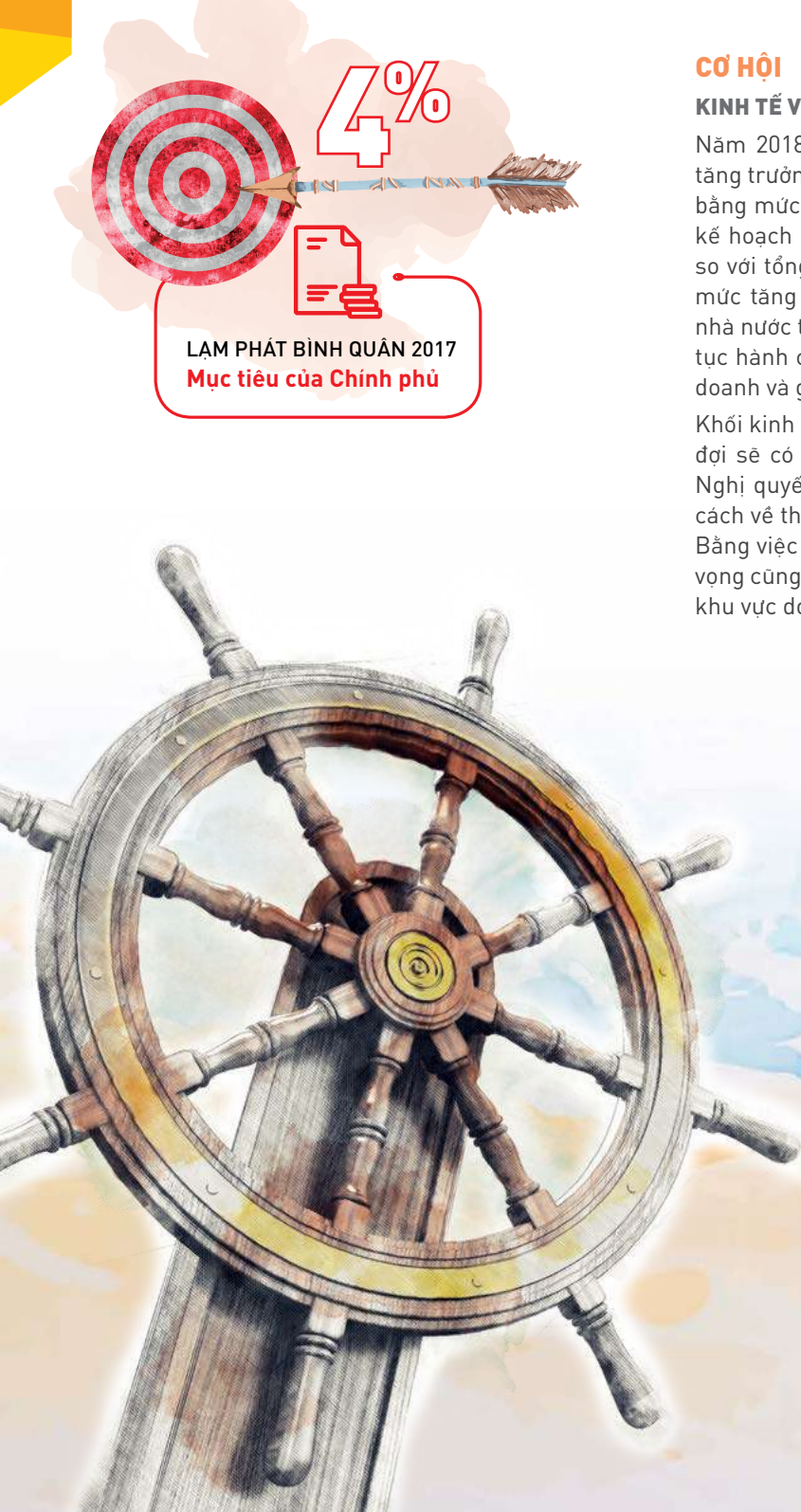
THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Các yếu tố vĩ mô ổn định kết hợp với các chính sách tài khóa chặt chẽ và chính sách tiền tệ linh hoạt sẽ là nền tảng cho sự phát triển mạnh mẽ của thị trường trái phiếu trong năm 2018.

Ngoài ra, các sản phẩm mới liên quan đến trái phiếu Chính phủ như vay để bán, bán kết hợp mua lại và hợp đồng tương lai sẽ được đưa vào thị trường, giúp cho nhà đầu tư có nhiều lựa chọn hơn, phản ứng linh hoạt và kiểm soát rủi ro hiệu quả hơn. Điều này sẽ góp phần giúp cho thị trường trái phiếu phát triển vững vàng hơn trước các biến động thị trường.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Trong năm 2018, thị trường bất động sản chưa có các dấu hiệu biến động lớn và được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển do Chính phủ đã có các công cụ để quản lý, giám sát. Dưới bối cảnh nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ so với các nước trong khu vực, thị trường bất động sản trong nước sẽ tiếp tục hấp dẫn các nhà đầu tư bất động sản với trọng tâm vào phân khúc văn phòng và khách sạn. Theo thống kê, bất động sản là một trong các nhóm ngành thu hút nhiều lượng vốn FDI nhất tại Việt Nam. Nguyên nhân đến từ việc thay đổi tích cực trong các chính sách và khung pháp lý rõ ràng, cùng với lợi thế cạnh tranh của thị trường.



THÁCH THỨC

KINH TẾ VĨ MÔ

Nền kinh tế trong năm 2018 sẽ đối mặt với nhiều khó khăn để cải thiện mức độ tăng trưởng so với năm 2017.

Mức tăng trưởng đột biến ở khu vực chế biến, chế tạo - động lực chính cho tăng trưởng cao của năm 2017 khó có khả năng duy trì khi việc mở rộng sản xuất của Samsung đã được tận dụng trong năm 2017 và chưa có những dự án FDI mới về chế biến, chế tạo quy mô lớn. Thêm vào đó, mức sản xuất của ngành công nghiệp khai khoáng đang giảm dần và điều kiện thời tiết không thuận lợi có thể làm giảm đáng kể năng lực sản xuất nông nghiệp. Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đang làm giảm đi sự cạnh tranh từ lao động giá rẻ và năng lực cạnh tranh giá cả, chất lượng sản phẩm cũng đang đối diện với nhiều nguy cơ từ việc giảm thuế xuất nhập khẩu trong khối ASEAN với nhiều mặt hàng.

Năm 2018, lạm phát sẽ là vấn đề cần quan tâm do năm 2017 tăng trưởng tín dụng đã khá cao, gần 19%. Điều này sẽ tạo ra rủi ro lạm phát trong năm khi cung tiền đẩy ra thị trường nhiều. Ngoài ra, giá cả của các mặt hàng trong thị trường Việt Nam có thể sẽ thay đổi bởi quyết định nâng mức lương tối thiểu vùng (01/01/2018) và tăng lương cơ bản (01/07/2018). Bên cạnh đó, tốc độ xử lý các tập đoàn kinh tế, sắp xếp, đổi mới, đẩy mạnh tư nhân hóa doanh nghiệp Nhà nước vẫn chậm do cả nguyên nhân chủ quan và khách quan.

THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ - NGÂN HÀNG

Những thách thức của NHNN vẫn chủ yếu đến từ việc cải tiến khả năng kiểm soát nợ xấu, nợ đọng, sở hữu chéo và những rủi ro, bất cập vẫn còn tồn tại trong quản trị ngân hàng. Việc bùng nổ cách mạng công nghiệp 4.0 khiến xu hướng phát triển công nghệ ngân hàng tăng nhanh chóng và gia tăng sự cạnh tranh qua tự do hóa tài chính - tiền tệ, tiến trình mở cửa cũng ảnh hưởng đến nhiệm vụ phát triển kinh tế trong năm 2018.

NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Việc triển khai dự toán ngân sách Nhà nước năm 2018 đối mặt với một số thách thức. Thứ nhất, tỷ lệ thu nội địa tăng cao hơn mức tăng trưởng GDP dự kiến (6,5 - 6,8%). Thứ hai, dự phòng ngân sách Nhà nước không đủ để bù đắp các khoản chi phát sinh đột xuất nếu có. Thứ ba, do Việt Nam dừng nhận các khoản vay ưu đãi từ Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA), lãi suất cho vay tăng lên dẫn đến khó khăn trong việc huy động vốn nhằm mục đích cân đối ngân sách. Ngoài ra, tăng trưởng trong hoạt động ngân hàng làm giảm đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, khiến cho mặt bằng lãi suất chung dao động ở mức cao hơn so với năm 2017.

THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Thị trường chứng khoán vẫn còn tồn tại một số rủi ro nhất định như rủi ro từ vụ việc xử lý các sai phạm quản lý doanh nghiệp Nhà nước hay sự trì trệ trong quá trình thoái vốn, niêm yết doanh nghiệp Nhà nước. Những vụ việc này sẽ ảnh hưởng nhiều đến tâm lý và lòng tin của nhà đầu tư, gây nên những tác động tiêu cực trên thị trường. Những biến động địa - chính trị trong khu vực và quốc tế cũng có những tác động rất lớn đến tâm lý của nhà đầu tư nói riêng và thị trường nói chung.

THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

Do sức ép tăng lên đối với thị trường lãi suất, dẫn đến có nhiều khó khăn và thách thức để đạt được mục tiêu 250.000 tỷ đồng. Ngoài ra, hệ thống ngân hàng thương mại hiện đang là nhà đầu tư chủ lực trên thị trường trái phiếu cũng khó để tăng khả năng tiếp nhận lượng trái phiếu lớn để duy trì mức thanh khoản tốt như năm qua. Bên cạnh đó, Fed đang có ý định tăng lãi suất để kích thích dòng đầu tư quay trở lại thị trường Mỹ làm tăng thêm thách thức trong việc hấp dẫn vốn đầu tư nước ngoài vào thị trường trái phiếu.

THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Thị trường bất động sản Việt Nam còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức do sự phát triển thiếu đồng bộ, thiếu minh bạch và bền vững. Các nguyên nhân chủ yếu đến từ: Thứ nhất, nguồn vốn đầu tư chưa đa dạng, chủ yếu từ các tổ chức tín dụng và khách hàng, kiểm soát tín dụng đầu tư vào lĩnh vực này còn nhiều khó khăn. Thứ hai, cơ cấu các sản phẩm bất động sản chưa hợp lý và chưa được kiểm soát chặt chẽ, dư cung ở một số phân khúc bất động sản cao cấp và nghỉ dưỡng, trong khi phân khúc nhà bình dân, giá rẻ chưa được coi trọng đầu tư để đáp ứng nhu cầu của bộ phận lớn người dân thu nhập thấp. Thứ ba, năng lực của các cơ quan quản lý Nhà nước vẫn còn một số hạn chế, xuất phát từ việc thiếu các công cụ và thể chế để kiểm soát hiệu quả các nguồn lực phát triển bất động sản. Ngoài ra, vẫn còn các vấn đề tồn đọng khác như quy mô và sản phẩm bất động sản của nhiều doanh nghiệp chưa đáp ứng được nhu cầu thị trường; năng lực quản lý yếu kém làm chậm tiến độ và lãng phí nguồn tài nguyên; các quy định Pháp luật chưa được bên liên quan tuân thủ dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện.



KẾ HOẠCH KINH DOANH 2018 CỦA HDBANK

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH

Năm 2018 được dự báo với những cải thiện tích cực của nền kinh tế thế giới và trong nước, là năm thứ hai HDBank thực hiện chiến lược 05 năm 2017 – 2021, tiếp nối những thành công vượt bậc trong năm 2017, bám sát định hướng phát triển ngành ngân hàng của NHNN, HDBank đề ra các giải pháp hành động nhằm từng bước hoàn thiện và hướng đến tầm nhìn trở thành ngân hàng bán lẻ và SME hàng đầu Việt Nam, phấn đấu đưa HD SAISON trở thành công ty hàng đầu trong lĩnh vực tài chính tiêu dùng.

ĐVT: Tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	NĂM 2017	KẾ HOẠCH 2018	SỐ SÁNH TĂNG/GIẢM
Tổng tài sản	189.334	242.865	28,3%
Tổng nguồn vốn huy động (*)	170.476	222.184	30,3%
Trong đó: Huy động từ các tổ chức kinh tế và dân cư	130.330	183.279	40,6%
Tổng dư nợ tín dụng (**)	110.067	154.510	
Tỷ lệ nợ xấu (***)	1,5%	< 2%	
Lợi nhuận trước thuế	2.417	3.933	62,7%
Lợi nhuận sau thuế	1.954	3.146	61,0%
ROA	1,2%	1,3%	12,2%
ROE	15,8%	20,4%	29,1%
Mạng lưới điểm giao dịch	240 điểm	285 điểm	18,8%

(*) Tổng huy động vốn bao gồm: huy động tiền gửi khách hàng, phát hành giấy tờ có giá, vốn tài trợ ủy thác đầu tư, tiền gửi và vay các Tổ chức tín dụng.
(**) Dư nợ tín dụng tối đa không vượt quá hạn mức tăng trưởng do NHNN phê duyệt.
(***) Tỷ lệ nợ xấu: được tính trên dư nợ cho vay khách hàng.

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 2018

Để đạt được các mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2018, HDBank đề ra 06 chương trình hành động:

- Tăng trưởng hiệu quả, lợi nhuận và các chỉ số tài chính đạt theo chiến lược cam kết với cổ đông và các nhà đầu tư, kiểm soát tốt chất lượng tín dụng;
- Phát triển ngân hàng điện tử, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ;
- Tăng cường công tác quản lý rủi ro, giám sát và đẩy mạnh công tác quản lý, thu hồi nợ xấu;
- Xây dựng nguồn nhân lực đủ về số lượng và nâng cao chất lượng;
- Nâng cao chất lượng hoạt động vận hành;
- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phát triển thương hiệu HDBank.

MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG KẾ HOẠCH KINH DOANH TRUNG - DÀI HẠN

Với mục tiêu trở thành ngân hàng bán lẻ và SME hàng đầu Việt Nam, hội nhập quốc tế sâu rộng, HDBank đã đề ra chiến lược kinh doanh trung - dài hạn tập trung vào:

- Tiếp cận thị trường vốn trong nước và nước ngoài;
- Hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo chuẩn quốc tế.
- Tăng cường công khai, minh bạch thông tin về hoạt động ngân hàng, tuân thủ kỷ luật thị trường;
- Xây dựng ngân hàng số đa năng, hiện đại, bắt nhịp cùng xu hướng công nghệ 4.0 để vươn tầm quốc tế;
- Theo dõi các chỉ số quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế;
- Tăng trưởng kinh doanh kết hợp với phát triển xã hội, môi trường nhằm đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

106

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG
KINH DOANH CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

108

ĐỊNH HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG 2018

Tăng cường *hợp tác*
Kết nối cơ hội



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HDBank đã hoàn thành tốt kế hoạch kinh doanh được ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2016 thông qua. Hội đồng quản trị đã bám sát định hướng hoạt động mà ĐHĐCĐ đã tin tưởng giao nhiệm vụ; thực hiện vai trò chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch kinh doanh, đảm bảo ngân hàng phát triển ổn định và an toàn.

ĐVT: Tỷ đồng, %

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2017	KẾ HOẠCH NĂM 2017	SỐ SÁNH THỰC HIỆN VỚI KẾ HOẠCH	+/- SỐ VỚI NĂM 2016
Tổng tài sản	189.334	178.800	105,9%	26,0%
Vốn điều lệ	9.810	8.829	111,1%	21,1%
Huy động khách hàng	120.537	124.000	97,2%	16,7%
Dư nợ tín dụng	110.067	106.088	103,8%	25,2%
Tỷ lệ nợ xấu	1,5%	<3%	đạt KH	
Lợi nhuận sau thuế	1.954	1.000	195,4%	113,7%
Lợi nhuận trước thuế	2.417	1.300	185,9%	110,6%
ROA	1,2%	0,6%	188,5%	61,5%
ROE	15,8%	9,3%	169,9%	71,2%

Về thực hiện chiến lược phát triển ngân hàng

Trên cơ sở các Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc tăng vốn điều lệ, ủy quyền cho HĐQT quyết định các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển HDBank, HĐQT đã nghiên cứu, xem xét kỹ lưỡng và đưa ra những quyết định thích hợp, chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết để tăng vốn điều lệ, chào bán cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài và niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng trên sàn giao dịch chứng khoán. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Về vốn điều lệ: sau 02 lần tăng vốn, đến 31/12/2017, vốn điều lệ của HDBank đạt 9.809.999.790.000 đồng (tăng 1.709.999.790.000 đồng, tương đương 21,11% so với cùng kỳ năm 2016).
- Về việc chào bán cổ phiếu cho các nhà đầu tư nước ngoài: HDBank đã thực hiện các đợt roadshow được đánh giá là có chất lượng và thành công trên các thị trường tài chính lớn như London, Hongkong, Singapore.... với sự tham gia của rất nhiều tổ chức, quỹ tài chính lớn, có uy tín trên thế giới.
- Về việc niêm yết cổ phiếu của Ngân hàng trên sàn giao dịch chứng khoán: Ngày 05/01/2018, cổ phiếu HDBank đã được chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mức giá chào sàn 33.000 đồng/cổ phiếu và tăng ổn định trong thời gian qua.
- Về công tác quản trị rủi ro: Ngân hàng đã tiếp tục hoàn thiện, tăng cường hệ thống quản trị rủi ro như hệ thống xếp hạng tín dụng khách hàng, hệ thống quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất... nhằm áp dụng các quy định của Basel II.
- Về hoạt động công nghệ thông tin: Ngân hàng đã triển khai thành công bộ sản phẩm công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển các sản phẩm Ngân hàng điện tử, xây dựng các ứng dụng trên các thiết bị di động, đẩy mạnh quảng bá ứng dụng di động đến khách hàng.



Về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm khác

Về chính sách nhân sự: HDBank đã xây dựng chính sách quản lý, phát triển nguồn nhân lực, tuyển dụng nhân sự chuyên nghiệp nhằm thu hút nhân tài cũng như đẩy mạnh chiến lược đào tạo đội ngũ kế thừa cho cán bộ cấp quản lý. Theo đó trong năm 2017, HDBank và các công ty con có đội ngũ nhân sự gần 14.000 cán bộ nhân viên, làm việc tại 240 chi nhánh, phòng giao dịch và hơn 11.500 điểm giao dịch tài chính trên cả nước.

Về nhiệm vụ xã hội: Bên cạnh kết quả kinh doanh nổi bật, HDBank đã tới tận những vùng sâu, vùng xa thực hiện công tác từ thiện trao tặng áo ấm, tập vở cho trẻ em nghèo và người già neo đơn, mang đến ánh sáng cho hơn 500.000 người mù và thực thi trao hơn 14.000 thẻ bảo hiểm y tế thông qua chuỗi hoạt động hợp tác cùng Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh... để đóng góp cho sự phát triển kinh tế và an sinh xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt các kế hoạch, mục tiêu tài chính đề ra trong năm như duy trì tăng trưởng tổng tài sản, đẩy mạnh hoạt động tín dụng, huy động tiền gửi, đảm bảo thanh khoản, an toàn vốn và kiểm soát tỷ lệ nợ xấu. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng rất thành công trong việc cải thiện đội ngũ lao động, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, gắn kết người lao động trong các hoạt động của ngân hàng.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG 2018

- **Hoạt động kinh doanh:** Thực hiện các hoạt động kinh doanh theo nguyên tắc “Tăng trưởng bền vững, tín dụng an toàn, lợi nhuận tối ưu”; đẩy mạnh các hoạt động ngân hàng bán lẻ, phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; phấn đấu đạt được các chỉ tiêu kinh doanh đặt ra cho năm 2018, cụ thể:

CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH NĂM 2018	TĂNG TRƯỞNG SO VỚI NĂM 2017
Tổng tài sản	242.865	28,3%
Tổng nguồn vốn huy động	222.184	30,3%
Trong đó: Huy động từ dân cư và tổ chức kinh tế	183.279	40,6%
Dư nợ tín dụng*	154.510	
Tỷ lệ nợ xấu	<2%	
Lợi nhuận trước thuế	3.933	62,7%
Lợi nhuận sau thuế	3.146	61,0%
ROA	1,3%	12,2%
ROE	20,4%	29,1%

(*) Dư nợ tín dụng tối đa không vượt quá hạn mức tăng trưởng do NHNN phê duyệt.

- **Tổ chức quản trị ngân hàng:**

- Đảm bảo chấp hành nghiêm các quy định của Pháp luật, của NHNN trong hoạt động ngân hàng, nâng cao hiệu quả quản trị nội bộ, điều hành và hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ nhằm hạn chế các vi phạm. Tăng cường tính minh bạch, công khai trong hoạt động của ngân hàng. Tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro và xử lý nợ xấu: hạn chế tối đa rủi ro tín dụng, duy trì tỷ lệ nợ xấu trong phạm vi cho phép của NHNN.
- Triển khai thực hiện quản trị rủi ro theo Basel II.

- **Tổ chức nhân sự:** Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả cao; chú trọng nâng cao trình độ, chất lượng, đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng.

- **Công nghệ thông tin:** Phát triển mạnh công nghệ thông tin nhằm xây dựng nền tảng vững chắc cho việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử tiên tiến nhất, an toàn nhất; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị và vận hành Ngân hàng.

- **Quan hệ đối tác, mở rộng quy mô:** Tiếp tục thực hiện mở rộng quy mô mạng lưới, củng cố, gia tăng mối quan hệ với các đối tác trong nước và quốc tế.

- **Trách nhiệm xã hội:** Tiếp tục thực hiện các chương trình, công tác xã hội thể hiện trách nhiệm của HDBank với cộng đồng.

- **Quan hệ nhà đầu tư:** Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của hoạt động Quan hệ nhà đầu tư (IR) thông qua hoàn thiện các quy trình, quy định về hoạt động IR đi đôi với xây dựng và triển khai các kế hoạch hành động cụ thể. Tổ chức công việc một cách khoa học, nhằm tạo điều kiện tốt nhất, linh hoạt nhất cho cổ đông và nhà đầu tư trong việc tìm hiểu, trao đổi thông tin với Ngân hàng; luôn đảm bảo tính kịp thời, hợp lý và sự hài lòng cao nhất của cổ đông, nhà đầu tư khi cung cấp các thông tin; đảm bảo tính công bằng và minh bạch trong công bố thông tin đến tất cả các bên có liên quan.

- **Phát triển thương hiệu:** Giữ vững và phát triển thương hiệu HDBank thông qua chất lượng sản phẩm dịch vụ vượt trội, đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, thân thiện với khách hàng, kết hợp với các hoạt động quảng bá, truyền thông phù hợp.





*Khéo léo **tay chèo**
Chinh phục sóng cả*

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

112	TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG	173	QUẢN LÝ RỦI RO
134	BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	176	PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ
166	BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT	178	QUAN HỆ CỔ ĐÔNG
170	KIỂM SOÁT NỘI BỘ	182	THÔNG TIN VỀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ THÔNG TIN GIÁ CỔ PHIẾU



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

Hệ thống quản trị ngân hàng là nền tảng và yếu tố cốt lõi quyết định hiệu quả quản lý và vận hành của một ngân hàng. Tại HDBank, hệ thống quản trị ngân hàng được xây dựng khoa học và chặt chẽ, tuân thủ cao nhất các quy định của Pháp luật Việt Nam và tiệm cận các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại trên thế giới, nhằm đảm bảo công tác điều hành nhất quán và linh hoạt, theo sát tình hình thực tế, thông suốt và hiệu quả, giúp ngân hàng hoạt động an toàn, bền vững và đem lại giá trị cam kết với cổ đông, khách hàng, các đối tác, cán bộ nhân viên và cộng đồng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Mô hình quản trị HDBank được xây dựng và vận hành dựa trên 05 giá trị cốt lõi sau:



Khách hàng là trọng tâm: HDBank luôn coi khách hàng là trọng tâm trong mọi hoạt động của ngân hàng và luôn phấn đấu đáp ứng tốt nhất những mong đợi của khách hàng.

Nhất quán và linh hoạt: HDBank hiểu rõ mục tiêu của mình và nhất quán trong việc theo đuổi các mục tiêu đó. Trong hành động, chúng ta luôn năng động và linh hoạt để đạt được mục tiêu đã đề ra.

Hiệu quả và sáng tạo: HDBank không ngừng học hỏi, sáng tạo và tự hoàn thiện để hoạt động hiệu quả và vượt trội trong việc phục vụ khách hàng.

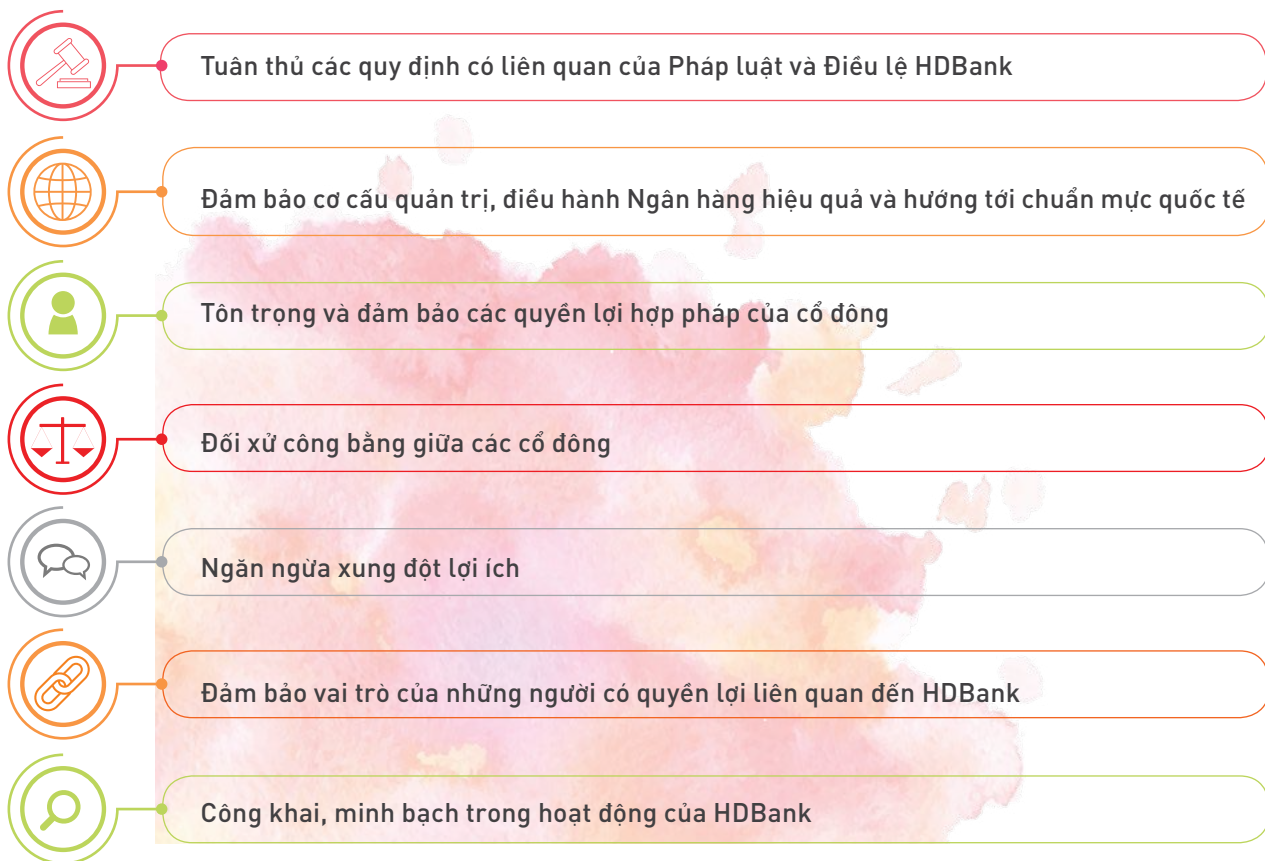
Chuyên nghiệp và hợp tác: HDBank làm việc và ứng xử một cách chuyên nghiệp. HDBank chia sẻ và hợp tác thân thiện với đồng nghiệp và đối tác dựa trên sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau.

Trung thực và trách nhiệm: HDBank là người đáng tin cậy, trung thực, dám nghĩ, dám làm và dám chịu trách nhiệm.



Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng của HDBank đảm bảo cho Ngân hàng được điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc quy định Pháp luật về quản trị Ngân hàng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và Ngân hàng, giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng

CÁC NGUYÊN TẮC TRỌNG YẾU TRONG MÔ HÌNH QUẢN TRỊ CỦA HDBANK



Tuân thủ Pháp luật: HDBank kiên quyết tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp Luật trong mọi hoạt động của ngân hàng; thường xuyên cập nhật, hoàn thiện các quy trình, quy định, quy chế nhằm kịp thời tuân thủ các quy định Pháp luật liên quan đến hoạt động của ngân hàng như Luật Doanh nghiệp, Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ HDBank... nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh. Trong đó, tăng cường các biện pháp phòng ngừa rủi ro hoạt động và rủi ro liên quan đến đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên, gắn liền với công tác đào tạo, tuyên truyền, giám sát luôn được ưu tiên thực hiện.

Hướng tới các chuẩn mực quản trị quốc tế: HDBank không ngừng hoàn thiện, kiện toàn mô hình quản trị ngân hàng nhằm đảm bảo tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững, từng bước chuẩn hóa các quy trình, xây dựng và áp dụng các bộ chỉ số quản trị theo các chuẩn mực quốc tế như Basel II, ISO 9001:2015... và khuyến nghị của các tổ chức quốc tế Moody's, IFC, ADB.



Đảm bảo quyền lợi hợp pháp của cổ đông – Công khai, minh bạch trong hoạt động của HDBank: Đối với HDBank, quyền và lợi ích của cổ đông luôn là ưu tiên hàng đầu trong quản trị Ngân hàng. Các hoạt động quan hệ cổ đông luôn được chú trọng với yêu cầu đảm bảo thông tin minh bạch, đầy đủ, kịp thời, giúp cổ đông hiểu rõ hoạt động của ngân hàng và các quyền lợi của cổ đông. Bên cạnh đó, HDBank tiếp tục nỗ lực đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin nhằm nắm bắt và phản hồi kịp thời các yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của cổ đông và nhà đầu tư, qua đó củng cố mối liên kết bền chặt giữa HDBank và cổ đông.

Đối xử công bằng giữa các cổ đông: Các cổ đông của HDBank luôn được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, trong đó bao gồm cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. HDBank đảm bảo cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền và lợi ích của Ngân hàng và của các cổ đông khác.

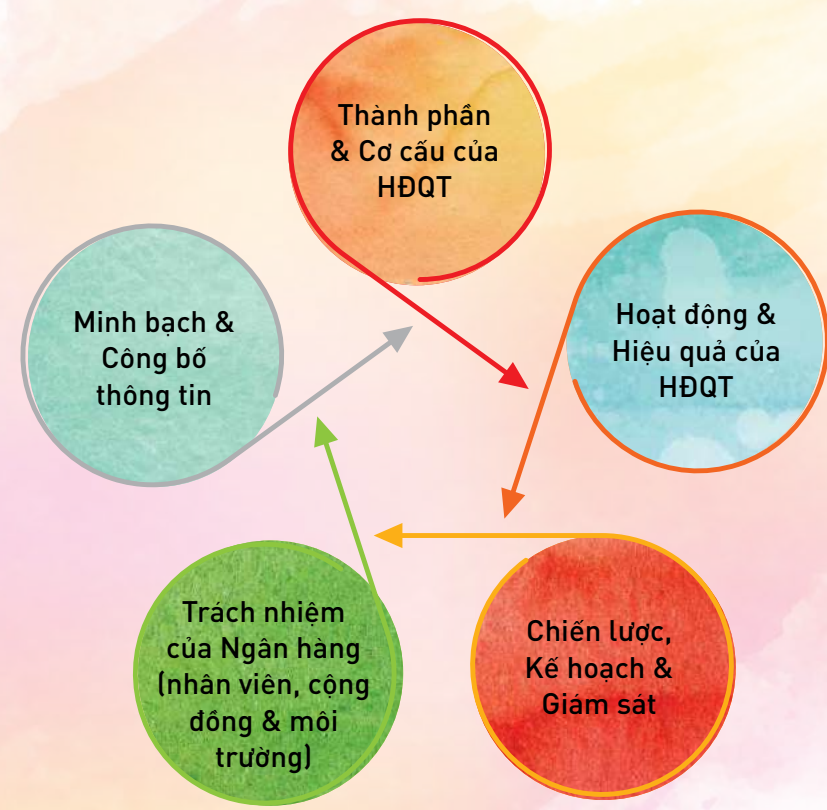
Ngăn ngừa xung đột lợi ích - Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến HDBank: Cơ cấu quản trị tại HDBank tuân thủ tuyệt đối các quy định của Pháp luật hiện hành và Điều lệ Ngân hàng về trách nhiệm giải trình và ngăn ngừa các xung đột về quyền lợi, bao gồm giao dịch với cổ đông, thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này.

HDBank cũng cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm với cộng đồng, người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng, các quy định Pháp luật về Lao động, Môi trường và Xã hội. Đối với người lao động, quy chế trả lương và hệ thống bảng lương của HDBank được xây dựng dựa trên kết quả lao động thực tế và xứng đáng với từng nhân viên, phù hợp với tình hình kinh doanh của ngân hàng và thị trường, chiến lược phát triển nguồn lực của HDBank. Chính sách lương công bằng, minh bạch của HDBank

tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành của Pháp luật đối với người lao động, tạo điều kiện tối ưu cho mỗi nhân viên tại HDBank phát huy năng suất lao động, nâng cao lợi thế cạnh tranh thu hút nguồn lực trong thị trường lao động hiện nay. Mỗi cán bộ nhân viên tại HDBank đều được tôn trọng, lắng nghe và có quyền tham gia đề xuất kiến nghị trong việc xây dựng và phát triển HDBank. Mọi cán bộ nhân viên đều có cơ hội như nhau trong hoạt động đào tạo, phát triển kỹ năng và cơ hội thăng tiến.

HDBank luôn tin tưởng vào sự tăng trưởng kinh tế đi đôi với trách nhiệm của ngân hàng đối với người dân, an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. HDBank cam kết tiếp tục triển khai sâu rộng trên cả nước các chương trình thiện nguyện ý nghĩa: tặng nhà tình nghĩa, tình thương cho các hộ gia đình nghèo; cứu trợ đồng bào bị bão lụt, sạt lở đất; trao quà cho trẻ em khuyết tật, mồ côi; trao kinh phí xây cầu nông thôn; trao kinh phí mua trâu bò giống cho bà con nghèo; trao áo ấm cho trẻ em nghèo vùng sâu, vùng xa. Các hoạt động xã hội thường niên sẽ luôn được duy trì, đẩy mạnh và trở thành văn hóa truyền thống tốt đẹp của HDBank.

KHUNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP CỦA HDBANK



Minh bạch & Công bố thông tin

- Báo cáo tài chính
- Tăng cường công tác báo cáo và các kênh công bố thông tin
- (Tham khảo phần Báo cáo tài chính của Báo cáo thường niên)

Chiến lược, Kế hoạch & Giám sát

- Tầm nhìn và sứ mệnh
- Kế hoạch chiến lược, kế hoạch kinh doanh
- Quản lý nguồn lực
- (Tham khảo phần Tổng quan của Báo cáo thường niên)

Trách nhiệm của Ngân hàng (nhân viên, cộng đồng & môi trường)

- Chính sách phúc lợi cho nhân viên
- Trách nhiệm xã hội, cộng đồng và môi trường
- Tham khảo phần Phát triển bền vững của Báo cáo thường niên)

Thành phần & Cơ cấu của HĐQT

- Thành phần & tổ chức
- Phân công nhiệm vụ & Thù lao cho HĐQT
- Hoạt động & Định hướng
- (Tham khảo nội dung Báo cáo của HĐQT, Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát)

Hoạt động & Hiệu quả của HĐQT

- Nhiệm vụ & trách nhiệm của các thành viên HĐQT
- Trách nhiệm các Ủy ban thuộc HĐQT
- (Tham khảo nội dung Báo cáo của HĐQT và các Ủy ban thuộc HĐQT)



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO HDBANK

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ LÊ THỊ BĂNG TÂM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà rất thành công trong lĩnh vực quản lý tài chính và ngân sách quốc gia và đặc biệt thành công trong công tác tài chính đối ngoại. Là người đứng đầu HDBank, Bà đã có những đóng góp đáng kể trong các thành quả mà HDBank đã đạt được trong thời gian qua cũng như việc hoạch định chiến lược phát triển ngân hàng trong thời gian tới. Bà đã từng là Cục trưởng, Tổng giám đốc kho bạc Nhà nước Trung ương - Bộ tài chính; Thứ trưởng, ủy viên Ban cán sự Bộ tài chính, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC); Bà từng là tư vấn cấp cao cho một số tổ chức tài chính nước ngoài. Hiện tại bà cũng đồng thời đang đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT của Tổng Công ty Sữa Việt Nam (Vinamilk).

Bà tham gia vào HDBank từ năm 2010. Bà có đóng góp lớn trong việc quản trị ngân hàng theo chuẩn mực quốc tế, dẫn dắt HDBank tham gia vào các dự án quốc tế: World Bank, ADB; các dự án lớn của Chính phủ, Bộ Tài chính, NHNN... Bà từng nhận được nhiều Huân chương của Chủ tịch nước, nhiều bằng khen của Chính Phủ và Bộ trưởng, các danh hiệu về thành tích đối ngoại, xây dựng chính sách, khoa học, phụ nữ,... Bà tốt nghiệp khóa học Quản lý kinh tế cao cấp tại Liên Xô, Tiến sỹ Kinh tế tại Liên Xô chuyên ngành tài chính tín dụng, Chứng chỉ Tài chính quốc tế tại North University London.

BÀ NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động kinh tế tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là Tài chính - Ngân hàng, tham gia điều hành một số ngân hàng ở nước ngoài, sáng lập và quản trị một số ngân hàng tại Việt Nam. Với cương vị là Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Quản trị HDBank, Bà đã thực hiện nhiều đổi mới, đóng góp vào sự tăng trưởng và phát triển bền vững của HDBank. Bên cạnh việc kinh doanh hiệu quả, Bà tham gia tích cực trong các tổ chức giáo dục đào tạo, xã hội, từ thiện... với mục đích gắn kết cộng đồng. Bà tham gia vào HDBank từ năm 2008 và là người chủ trì các chương trình đổi mới, cải cách tại HDBank, đưa HDBank từng bước vươn lên vị trí dẫn đầu hệ thống ngân hàng.

Bà là Tiến sỹ Học viện Mendeleev ngành Điều khiển học Kinh tế, Cử nhân Tài chính tín dụng tại Học viện Thương mại Matcova, Cử nhân ngành Quản lý kinh tế lao động Trường Kinh tế Quốc dân Matcova, Ủy viên sáng lập Viện Hàn Lâm Nghiên cứu Hệ thống Liên Bang Nga.



ÔNG LƯU ĐỨC KHÁNH

PHÓ CHỦ TỊCH CHUYÊN TRÁCH
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông là chuyên gia của lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng. Tham gia vào HĐQT HDBank, ông đã có nhiều định hướng chiến lược cho các hoạt động kinh doanh, quản trị rủi ro, công nghệ... nhằm phát triển HDBank trở thành ngân hàng hiện đại tiêu chuẩn quốc tế. Ông đã từng giữ các vị trí lãnh đạo quan trọng tại các Ngân hàng như: HSBC, Techcombank, ABBANK... góp phần giúp các ngân hàng này đạt được những thành công vững chắc tại thị trường Việt Nam.

Ông có bằng Cử nhân tại Đại học Bách khoa Lvov (Liên Xô), Cử nhân kinh tế trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh và bằng MBA của Đại học New England (Úc).

ÔNG NGUYỄN THÀNH ĐÔ

PHÓ CHỦ TỊCH, THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Ông có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý tài chính và công tác tài chính đối ngoại. Ông từng là Phó vụ trưởng, Vụ trưởng Vụ Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Tài chính đối ngoại – Bộ Tài chính. Ông gia nhập HDBank với cương vị Cố vấn cao cấp Hội đồng quản trị từ tháng 11/2014 - tháng 04/2017 và đã có những đóng góp hiệu quả cho việc hoạch định chiến lược phát triển của HDBank.

Ông là Tiến sỹ ngành Tài chính Ngân hàng - Trường Đại học Tài chính Matxcova.

ÔNG NGUYỄN HỮU ĐẶNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
TỔNG GIÁM ĐỐC

**Kinh nghiệm:**

Ông đã có gần 20 năm gắn bó với HDBank. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, ông thường xuyên đưa ra những hướng đi mới, đem lại kết quả thiết thực cho sự phát triển của HDBank. Ông từng giữ các vị trí: Cán bộ chuyên quản các Tổ chức Tín dụng ngoài quốc doanh, cán bộ tín dụng... Ông đã có thời gian công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Công Thương.

Ông là Thạc sỹ ngành Ngân hàng.

BÀ NGUYỄN THỊ TÂM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà là chuyên gia cao cấp, đã hoạt động 35 năm trong lĩnh vực tài chính- ngân hàng. Đặc biệt, bà có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý, điều hành tổ chức tín dụng và thanh toán quốc tế. Bà từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Vietcombank, gần đây nhất là cương vị Phó Tổng giám đốc kiêm Ủy viên HĐQT và Cố vấn cho HĐQT Vietcombank.

Bà là Cử nhân tiếng Anh, Chứng chỉ cao cấp lý luận ngân hàng, Chứng chỉ quản trị kinh doanh của Tổ chức hợp tác quốc tế Thụy Điển và Trường Đại học AMOS TUCK Hoa Kỳ, Lý luận cao cấp chính trị. Bà từng nhận được nhiều Huân chương, Bằng khen của Chủ tịch nước, Chính phủ và ngành Ngân hàng.

ÔNG CHU VIỆT CƯỜNG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông có nhiều năm kinh nghiệm quản lý điều hành tại các tổ chức Tài chính - Tín dụng và các doanh nghiệp lớn trong nước và nước ngoài. Ông từng là Tổng Giám đốc BNP Paribas- Prevoir JV, Phó Tổng giám đốc Prudential Assurance LTD, Chủ tịch HĐQT Ngân hàng Đại Á...

Ông là Cử nhân/ Thạc sỹ kinh tế Đại học Tổng hợp Khaccop, Liên Xô, Thạc sỹ Kinh tế Quốc tế Đại học Sussex Anh Quốc và Thạc sỹ MIT Hoa Kỳ/NTU Singapore.



ÔNG LÝ VINH QUANG
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông có hơn 30 năm làm việc và giữ vị trí lãnh đạo trong các lĩnh vực giáo dục, thương mại, ngân hàng. Riêng trong ngành Ngân hàng, ông đã từng giữ các chức vụ cao tại Techcombank, BacABank, ABBank... Đặc biệt, ông nguyên là Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc HDBank giai đoạn 1999- 2003.

Ông trở thành Thành viên Hội đồng quản trị độc lập HDBank từ tháng 4/2017.

Ông là Tiến sỹ kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân Matxcova mang tên Plekhanop, nay là Viện Hàn lâm kinh tế Liên bang Nga.



ÔNG LIM PENG KHOON
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Ông có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, chứng khoán và Công nghệ thông tin. Trước khi gia nhập HDBank, ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại Ngân hàng HSBC Malaysia và HSBC Hong Kong, Ủy ban chứng khoán Hong Kong, Cơ quan Quản lý tiền tệ Hong Kong và là thành viên HĐQT độc lập một số ngân hàng niêm yết tại Việt Nam.

Ông có chứng chỉ của Học viện ngân hàng tại Anh Quốc và Học viện Ngân hàng Malaysia.





BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG NGUYỄN HỮU ĐẶNG

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KIỂM TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông đã có gần 20 năm gắn bó với HDBank. Với nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, ông thường xuyên đưa ra những hướng đi mới, đem lại kết quả thiết thực cho sự phát triển của HDBank. Ông từng giữ các vị trí: Cán bộ chuyên quản các Tổ chức Tín dụng ngoài quốc doanh, cán bộ tín dụng... Ông đã có thời gian công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Đồng Tháp, Ngân hàng Công Thương.

Ông là Thạc sỹ ngành Ngân hàng.

ÔNG NGUYỄN MINH ĐỨC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông có trên 25 năm kinh nghiệm quản lý điều hành tổ chức tài chính tín dụng. Ông đã đóng góp vào nhiều thành công của HDBank, đặc biệt là trong lĩnh vực Quản lý rủi ro, Kiểm soát tuân thủ... Ông nguyên là Giảng viên Khoa Kinh tế, Trường Đại Học Hàng Hải, đã từng giữ chức vụ cao ở một số ngân hàng tại Việt Nam.

Ông là Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Luật.

ÔNG PHẠM QUỐC THANH

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông đã có hơn 25 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng. Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị rủi ro, xây dựng và điều hành mạng kinh doanh khách hàng doanh nghiệp. Ông từng nắm giữ nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp tại các ngân hàng HSBC, ACB, ABBank, Techcombank.

Ông là Cử nhân ngành Tín dụng ngân hàng và Cử nhân ngoại ngữ.

**ÔNG LÊ THÀNH TRUNG**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông có hơn 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng trong và ngoài nước. Đặc biệt ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản trị điều hành hệ thống, tổ chức bộ máy, quản trị rủi ro, quan hệ khách hàng... Ông từng giữ các vị trí lãnh đạo cao cấp tại Công ty cho thuê tài chính Vietcombank và các ngân hàng: Vietcombank, Shinhan Vina Bank.

Ông là Tiến sỹ Kinh tế và là Cử nhân Luật.

ÔNG LÊ THANH TÙNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông đã gắn bó với HDBank hơn 20 năm qua các chức vụ như: Giám đốc chi nhánh, Giám đốc khu vực. Với năng lực lãnh đạo và sự nhạy bén, ông đã quản lý, phát triển hoạt động kinh doanh của các CN/PGD trong phạm vi khu vực, đóng góp không nhỏ vào công tác mở rộng mạng lưới hoạt động, góp phần vào sự tăng trưởng vượt bậc của HDBank trong thời gian qua. Ông có nhiều năm kinh nghiệm làm việc, quản lý trong các công ty tài chính, ngân hàng trước khi gia nhập HDBank và hiện là Bí Thư Đảng Bộ HDBank.

Ông là Thạc sỹ Quản Trị Kinh Doanh và Cử nhân Luật.

BÀ NGUYỄN ĐOÀN DUY ÁI
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Bà là một người phụ nữ năng động, tự tin và giàu kiến thức trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong suốt thời gian gắn bó với HDBank, Bà đã có đóng góp không nhỏ vào thành công của ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực Kinh doanh tiền tệ, đảm bảo an toàn thanh khoản cho toàn hệ thống, đóng góp vào thành công của HDBank hôm nay.

Bà đã từng công tác nhiều năm trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế và tài chính ngân hàng tại Techcombank; VPBank...

Bà là Cử nhân ngành Tín dụng Ngân hàng.

ÔNG TRẦN THÁI HÒA
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ông là người giàu kinh nghiệm làm việc và quản lý trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng với hơn 20 năm công tác tại các ngân hàng khác nhau. Trước khi gia nhập HDBank, ông đã có 17 năm làm việc tại ngân hàng Nhà nước TP. Hồ Chí Minh và tại VietABank với vai trò lãnh đạo như Trưởng phòng, Phó Tổng Giám đốc.

Ông là Cử nhân trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.



ÔNG TRẦN HOÀI NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng, đặc biệt trong quản lý các hoạt động về khách hàng doanh nghiệp và định chế tài chính. Ông là một lãnh đạo năng động, có nhiều sáng kiến đổi mới. Hiện tại, Ông đang đảm nhiệm việc quản lý và phát triển khách hàng doanh nghiệp lớn và Định chế Tài chính tại HDBank, đẩy mạnh hợp tác giữa HDBank với những đơn vị lớn, uy tín trong và ngoài nước.

Ông từng nắm giữ các vị trí lãnh đạo tại các đơn vị như: Bộ Khoa học Công nghệ, Citibank, VIB...

Ông là Thạc sỹ Học viện Kỹ thuật Châu Á (AIT), Cử nhân Đại học Bách Khoa Hà Nội.

ÔNG NGUYỄN THANH PHƯƠNG
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông đã có 20 năm hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, trong đó có hơn 10 năm gắn bó với HDBank, trải qua các vị trí từ Phó/Trưởng phòng kinh doanh đến Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc vùng. Với năng lực lãnh đạo và sự nhạy bén, ông đã góp phần phát triển hoạt động của các điểm kinh doanh trong phạm vi khu vực quản lý, góp phần vào sự tăng trưởng vượt bậc của HDBank trong thời gian qua.

Ông là Thạc sĩ Quản trị kinh doanh và Cử nhân Luật.

ÔNG PHẠM VĂN ĐẦU
GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH



Ông có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng. Trong đó, ông am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về tín dụng, kế toán, tài chính, nguồn vốn và kế hoạch. Ông là người nắm giữ nhiệm vụ quan trọng trong lĩnh vực tài chính của Ngân hàng, đảm bảo nguồn vốn được sử dụng hiệu quả nhất, đồng thời xây dựng các kế hoạch chi tiết cho quá trình phát triển của HDBank.

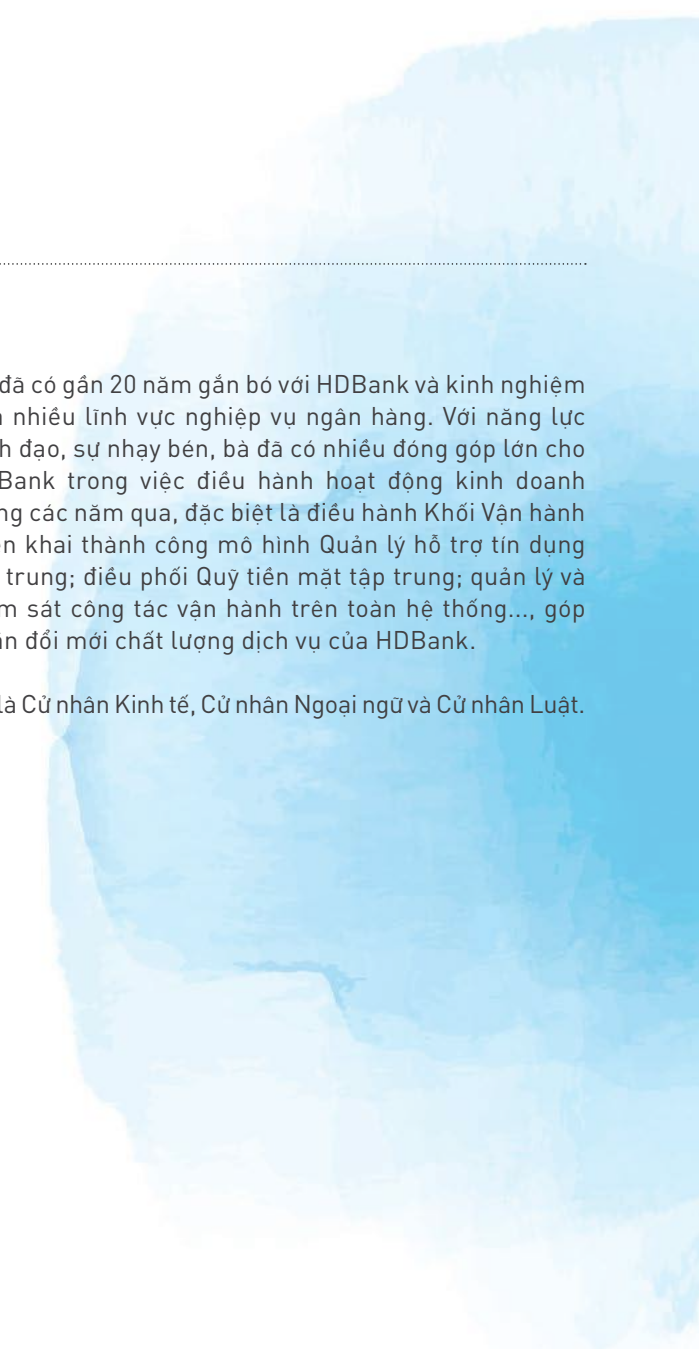
Ông là Thạc sỹ Kinh tế.

BÀ PHAN THỊ TRÂM ANH
GIÁM ĐỐC KHỐI VẬN HÀNH



Bà đã có gần 20 năm gắn bó với HDBank và kinh nghiệm qua nhiều lĩnh vực nghiệp vụ ngân hàng. Với năng lực lãnh đạo, sự nhạy bén, bà đã có nhiều đóng góp lớn cho HDBank trong việc điều hành hoạt động kinh doanh trong các năm qua, đặc biệt là điều hành Khối Vận hành triển khai thành công mô hình Quản lý hỗ trợ tín dụng tập trung; điều phối Quý tiền mặt tập trung; quản lý và giám sát công tác vận hành trên toàn hệ thống..., góp phần đổi mới chất lượng dịch vụ của HDBank.

Bà là Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ và Cử nhân Luật.



ÔNG TRẦN QUỐC ANH

GIÁM ĐỐC KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN



Ông đã có gần 25 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Ngân hàng. Đặc biệt, ông có nhiều kinh nghiệm và đam mê kinh doanh trong lĩnh vực Ngân hàng Bán lẻ hiện đại. Trước khi gia nhập HDBank, ông đã có nhiều năm làm việc tại ACB với nhiều vị trí quan trọng tại Khối Bán lẻ như Giám đốc Sản phẩm, Giám đốc Trung tâm tín dụng, Phó trưởng Ban Tín dụng Hội sở...

Ông là Cử nhân ngành Ngân hàng - Đại học Ngân hàng Tp. HCM.

BÀ HỒ ĐẶNG HOÀNG QUYÊN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Bà có trên 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán. Trong đó, bà am hiểu và nắm vững các nghiệp vụ về kế toán, tài chính. Bà có nhiều năm gắn bó với HDBank với các vị trí thanh toán viên, chuyên viên kế toán, kiểm soát viên, phó Giám đốc chi nhánh, Trưởng Phòng Kế toán- Tài chính...

Bà là Thạc sĩ Kinh tế.





BAN KIỂM SOÁT

ÔNG ĐÀO DUY TƯỜNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Ông có trên 15 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính- kế toán. Là một cán bộ vững chuyên môn, chuẩn mực, ông đóng vai trò quan trọng trong việc kiểm soát mọi hoạt động, đảm bảo các chỉ tiêu hoạt động an toàn & hiệu quả theo đúng yêu cầu của HDBank và NHNN. Ông gia nhập Ban kiểm soát HDBank từ năm 2010. Trước đây, ông đã từng là Kế toán trưởng Xí nghiệp 347, Công ty Sông Hồng - Bộ quốc phòng, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An, Công ty Cổ phần Đầu tư Sóng Việt.

Ông là Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế Toán.

BÀ NGUYỄN THỊ TÍCH

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà từng công tác tại Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lào Cai, tỉnh Thái Nguyên, Agribank. Trước khi gia nhập HDBank, bà từng làm việc trong nhiều lĩnh vực nghiệp vụ của ngành ngân hàng và từng giữ vị trí Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc tại Techcombank.

Bà là Cử nhân Kinh tế.

Bà từng nhận nhiều Huy chương của Nhà nước và ngành Ngân hàng.

BÀ NGUYỄN THỊ PHỤNG

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà có gần 20 năm kinh nghiệm trong ngành Tài chính - Ngân hàng. Bà đã có những đóng góp tích cực trong sự phát triển của HDBank trong những năm qua. Bà gia nhập HDBank từ năm 2003 với vị trí kiểm soát viên và kiểm toán viên nội bộ. Từ năm 2008, bà là thành viên Ban kiểm soát HDBank.

Bà là Cử nhân chuyên ngành Tiền tệ Tín dụng.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CƠ CẤU THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA HDBANK GỒM 09 THÀNH VIÊN:

HỌ TÊN	CHỨC VỤ	TỶ LỆ CỔ PHẦN NẪM GIỮ	CÁC CHỨC VỤ ĐANG NẪM GIỮ TẠI TỔ CHỨC KHÁC
Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch HĐQT	0,0000%	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (Vinamilk)
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực	3,6658%	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sovico Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch chuyên trách	0,2778%	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet
Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch, Thành viên HĐQT độc lập	0,0000%	Không
Ông Nguyễn Hữu Đặng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	2,6656%	Thành viên HĐQT HD SAISON
Nguyễn Thị Tâm	Thành viên HĐQT	0,0000%	Không
Ông Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	0,0102%	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet Phó Tổng Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Sovico
Ông Lim Peng Khoon	Thành viên HĐQT	0,0000%	Không
Ông Lý Vinh Quang	Thành viên HĐQT độc lập	0,0000%	Không

HDBank tự hào có đội ngũ lãnh đạo giàu kinh nghiệm, bản lĩnh, cam kết gắn bó lâu dài với Ngân hàng. Cơ cấu HĐQT của Ngân hàng đảm bảo tuân thủ theo quy định Pháp luật. Theo đó, 08/09 thành viên HĐQT là thành viên không điều hành và 02/09 thành viên HĐQT là thành viên độc lập. Không có thành viên HĐQT nào đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác. Chủ tịch HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc nhằm thể hiện sự độc lập và phân định trách nhiệm rõ ràng giữa HĐQT và Ban Điều hành, tăng trách nhiệm giải trình và nâng cao tính độc lập.

Trong năm qua, có 02 thành viên HĐQT được bầu mới theo nghị quyết của ĐHĐCĐ số 20/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 04 năm 2017 là ông Lý Vinh Quang và ông Nguyễn Thành Đô.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM

Năm 2017, Hội đồng Quản trị đã có 09 cuộc họp thường kỳ. Các cuộc họp HĐQT đã tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm liên quan đến chỉ đạo tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2017; xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2017 và chiến lược kinh doanh giai đoạn 2017 – 2021 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; chỉ đạo sát sao việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn hệ thống Ngân hàng và thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017... Các nghị quyết được HĐQT thống nhất đưa ra tại các cuộc họp là những định hướng quan trọng giúp Ban Điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh một cách hiệu quả. Ngoài ra, trong các cuộc họp của HĐQT đều có sự tham gia của đại diện Ban Kiểm soát với vai trò quan sát viên.

Chi tiết các cuộc họp của HĐQT

TT	NGÀY	NỘI DUNG CHÍNH	KẾT QUẢ
1	14/03/2017	Thẩm định điều kiện, tiêu chuẩn đối với các ứng cử viên đề cử, ứng cử làm Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022	Thông qua danh sách dự kiến nhân sự đề cử, ứng cử làm Thành viên HĐQT và Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 – 2022
2	21/04/2017	Phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT	Thông qua việc bầu các chức danh Chủ tịch và các Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017 - 2022
3	20/07/2017	Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017, đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thành các chỉ tiêu cả năm 2017	- HĐQT thông qua kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 - HĐQT đưa ra các giải pháp để nâng cao chất lượng kinh doanh, nhằm hoàn thành các chỉ tiêu cả năm 2017
4	18/09/2017	Thảo luận chủ trương thành lập mới 05 chi nhánh và 42 phòng giao dịch của HDBank tại các vùng miền trên cả nước	HĐQT thông qua chủ trương thành lập mới 05 chi nhánh và 42 phòng giao dịch tại các vùng miền trên cả nước
5	18/10/2017	Thảo luận việc thực hiện tăng vốn điều lệ HDBank từ 8.100 tỷ đồng lên 8.828,999 tỷ đồng	HĐQT thông qua nội dung thực hiện tăng vốn điều lệ HDBank từ 8.100 tỷ đồng lên 8.828,999 tỷ đồng
6	19/10/2017	- Thảo luận phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư trong nước - Thảo luận các vấn đề liên quan đến việc đăng ký chứng khoán - Thảo luận các vấn đề liên quan đến việc niêm yết	HĐQT thông qua: - Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư trong nước - Thông qua các vấn đề liên quan đến việc đăng ký chứng khoán - Thông qua các vấn đề liên quan đến việc niêm yết
7	04/12/2017	Báo cáo kết quả việc chào bán cổ phần cho các đối tác nước ngoài, trình thông qua các thủ tục niêm yết cổ phiếu HDBank trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)	HĐQT thông qua: - Kết quả chào bán cổ phần cho các đối tác nước ngoài - Thủ tục niêm yết cổ phiếu HDBank trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
8	08/12/2017	- Thảo luận việc thực hiện tăng vốn Điều lệ của HDBank từ 8.828,99 tỷ đồng lên 9.809,999 tỷ đồng - Thảo luận việc sửa đổi, bổ sung khoản 01, Điều 14 của Điều lệ HDBank	HĐQT thông qua: - Việc thực hiện tăng vốn Điều lệ của HDBank từ 8.828,99 tỷ đồng lên 9.809,999 tỷ đồng - Việc sửa đổi, bổ sung khoản 01, Điều 14 của Điều lệ HDBank
9	29/12/2017	- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 11 tháng năm 2017, định hướng xây dựng kế hoạch năm 2018 - Báo cáo bản thảo Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP)	HĐQT thông qua: - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 11 tháng năm 2017, định hướng xây dựng kế hoạch năm 2018 - Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Theo đó, tình hình tham dự các cuộc họp thường kỳ của thành viên HĐQT năm 2017 như sau:

TT	THÀNH VIÊN HĐQT	CHỨC VỤ	NGÀY BẮT ĐẦU/ KHÔNG CÒN LÀ THÀNH VIÊN HĐQT	SỐ BUỔI HỌP HĐQT THAM DỰ	TỶ LỆ THAM DỰ HỌP	LÝ DO KHÔNG THAM DỰ HỌP
1	Bà Lê Thị Bằng Tâm	Chủ tịch HĐQT	Bắt đầu 22/10/2010	9/9	100%	
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	Bắt đầu 30/06/2005	9/9	100%	
3	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch Chuyên trách HĐQT	Bắt đầu 03/07/2009	9/9	100%	
4	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT – Thành viên HĐQT độc lập	Bắt đầu 21/04/2017	8/9	88,89%	Được bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 21/04/2017
5	Ông Nguyễn Hữu Đặng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Bắt đầu 31/12/2010	9/9	100%	
6	Ông Lưu Văn Sơn	Thành viên HĐQT	Không còn là thành viên HĐQT ngày 21/04/2017	1/9	11,11%	Kết thúc nhiệm kỳ làm thành viên HĐQT ngày 21/04/2017
7	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên HĐQT	Bắt đầu 26/04/2013	9/9	100%	
8	Ông Lim Peng Khoon	Thành viên HĐQT	Bắt đầu 25/04/2014	9/9	100%	
9	Ông Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	Bắt đầu 25/04/2014	9/9	100%	
10	Ông Lý Vinh Quang	Thành viên HĐQT độc lập	Bắt đầu 21/04/2017	8/9	88,89%	Được bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 21/04/2017

Bên cạnh đó, để tăng cường hiệu quả hoạt động của Ban Điều hành, HĐQT cũng thường xuyên tham gia vào các cuộc họp định kỳ của Ban Điều hành để có thể theo dõi sát sao và đưa ra ý kiến đóng góp kịp thời cho Ban Điều hành trong quá trình triển khai nhiệm vụ được ĐHĐCĐ và HĐQT giao phó.



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Hội đồng Quản trị HDBank có 02 thành viên độc lập không điều hành. Theo phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT tại Biên bản họp HĐQT số 02/2017/BB-HĐQT, các thành viên độc lập được phân công phụ trách các mảng công việc phù hợp với khả năng và kinh nghiệm của từng thành viên:

- Ông Nguyễn Thành Đô – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Thành viên HĐQT độc lập: thay mặt HĐQT quản lý các hoạt động của khu vực phía Bắc, làm việc với các cơ quan quản lý Nhà nước...
- Ông Lý Vinh Quang – Thành viên HĐQT độc lập: Tham gia vào Ủy ban Nhân sự với cương vị Phó chủ tịch Ủy ban Nhân sự, tham mưu cho HĐQT về công tác Nhân sự và Đào tạo.

Trong năm 2017, thành viên độc lập không điều hành tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT và các ủy ban có liên quan.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Các thành viên đã hoàn thành tốt vai trò giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành nhằm đảm bảo ngân hàng hoạt động theo đúng quy định của Pháp luật cũng như Điều lệ của HDBank, phù hợp với chủ trương và định hướng đề ra của ĐHĐCĐ. Bên cạnh đó, 02 thành viên độc lập còn hoàn thành tốt vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT trong các lĩnh vực phù hợp với chuyên môn.

LẤY Ý KIẾN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BẰNG VĂN BẢN ĐỂ THÔNG QUA CÁC QUYẾT ĐỊNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị có 32 lần xin ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản, để chỉ đạo giải quyết các sự vụ cụ thể thuộc thẩm quyền của HĐQT theo tờ trình của Tổng Giám đốc và các Ủy ban thuộc HĐQT. Trong năm 2017, HĐQT đã giải quyết nhiều vấn đề có liên quan đến các định hướng lớn về quản trị doanh nghiệp, hoàn thiện và ban hành các quy chế quản trị nội bộ, đầu tư phát triển nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy lãnh đạo, định hướng hoạt động đầu tư tập trung trên toàn hệ thống v.v... chỉ đạo điều chỉnh cơ cấu tổ chức quản trị, giám sát chặt chẽ hoạt động của Ban Điều hành trong việc thực thi các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.

Các Nghị quyết / Quyết định được các Thành viên HĐQT thông qua theo hình thức này có hiệu lực và giá trị như các Nghị quyết / Quyết định được thông qua tại các cuộc họp HĐQT thường kỳ và được ban hành dựa trên sự đồng thuận, tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Ngân hàng.

CÁC NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ BAN HÀNH TRONG NĂM 2017

Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành 26 nghị quyết liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau của Ngân hàng, làm cơ sở, định hướng cho hoạt động của Ban Điều hành. HĐQT đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Các nghị quyết HĐQT ban hành trong năm 2017 (Bao gồm các Nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp HĐQT định kỳ hàng Quý và các Nghị quyết thông qua theo phương thức lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản):

STT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG
01	09/01/2017	Vv tìm mua và đặt cọc tiền mua tài sản làm trụ sở làm việc của HDBank để phục vụ phát triển mạng lưới - Chi nhánh Lâm Đồng
02	09/01/2017	Vv tìm mua và đặt cọc tiền mua tài sản làm trụ sở làm việc của HDBank để phục vụ phát triển mạng lưới - Phòng Giao dịch thuộc Chi nhánh Lâm Đồng
03	09/01/2017	Vv tìm mua và đặt cọc tiền mua tài sản làm trụ sở làm việc của HDBank để phục vụ phát triển mạng lưới - Chi nhánh Kiên Giang
04	08/02/2017	Vv phê duyệt bán danh mục cổ phiếu niêm yết
05	14/03/2017	Vv đề cử ứng viên để bầu Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 tại ĐHĐCĐ thường niên 2016
06	15/03/2017	Vv phát hành 5.000 tỷ đồng trái phiếu trong năm 2017 để huy động vốn
07	13/04/2017	Vv ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 và 2016 theo tiêu chuẩn quốc tế IFRS
08	21/04/2017	Vv thông qua việc bầu các chức danh trong HĐQT HDBank nhiệm kỳ 2017 - 2022
09	28/04/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh Ninh Bình
10	28/04/2017	Vv nhận chuyển nhượng tài sản tại thôn Việt Yên, xã Đông Yên, huyện Quốc Oai, TP. Hà Nội
11	05/05/2017	Vv phát hành 5.000 tỷ đồng trái phiếu trong năm 2017 để huy động vốn
12	19/05/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh Bắc Giang
13	19/05/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh Gia Định
14	12/06/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh Bắc Ninh
15	15/06/2017	Vv ký hợp đồng lựa chọn và duyệt giá phí đối với tổ chức kiểm toán báo cáo tài chính và kiểm toán độc lập hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của HDBank và các Công ty con cho các năm tài chính từ năm 2017
16	21/06/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh Quảng Bình
17	21/06/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh Phú Yên
18	26/06/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh Tiền Giang
19	19/09/2017	Vv mở rộng mạng lưới hoạt động năm 2017
20	19/09/2017	Vv nâng cấp Phòng Giao dịch Sa Đéc thuộc cụm HDBank Đồng Tháp thành Phòng Giao dịch đặc thù
21	19/09/2017	Vv nâng cấp Phòng Giao dịch Cẩm Phả thuộc cụm HDBank Quảng Ninh thành Phòng Giao dịch đặc thù
22	19/09/2017	Vv chuyển nhượng tài sản thông qua hình thức bán đấu giá
23	28/09/2017	Vv ký hợp đồng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính 09 tháng năm 2017
24	08/12/2017	Vv thay đổi địa điểm Chi nhánh An Giang
25	13/12/2017	Vv phê duyệt bán cổ phiếu Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương
26	26/12/2017	Vv mua địa điểm trụ sở làm việc của Phòng Giao dịch Vũng Áng trực thuộc Chi nhánh Hà Tĩnh

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị HDBank có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và tuân thủ với các quy định trong Điều lệ của Ngân hàng, Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp cùng các văn bản Pháp luật liên quan khác. Ngoài ra, HĐQT HDBank cần đáp ứng việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- Đảm bảo các hoạt động của Ngân hàng tuân thủ chặt chẽ những quy định của Pháp luật và Điều lệ; đối xử bình đẳng với tất cả các cổ đông; chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Ngân hàng và tôn trọng lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng;
- Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục để cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm các thành viên HĐQT theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và các nghị quyết ĐHĐCĐ, bao gồm tiêu chuẩn thành viên, cách thức để cử và ứng cử vào các vị trí thành viên, cách thức bầu cử thành viên, các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên và đưa ra thông báo tương ứng;
- Xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục tổ chức họp HĐQT, bao gồm các nội dung như: thông báo họp HĐQT, điều kiện tổ chức, cách thức biểu quyết, cách thức thông qua Nghị quyết của HĐQT, ghi biên bản họp và thông báo các quyết định của HĐQT;
- Xây dựng các quy trình về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc theo quyền hạn của HĐQT quy định tại Điều lệ, bao gồm tiêu chuẩn lựa chọn Tổng Giám đốc, bổ nhiệm Tổng Giám đốc, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, các trường hợp miễn nhiệm, bổ nhiệm Tổng Giám đốc và đưa ra thông báo tương ứng;
- Xây dựng các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc;
- Xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT và các thành viên thuộc Ban Điều hành;
- Báo cáo các hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định nội bộ.



Hội đồng Quản trị HDBank đã thống nhất phân công nhiệm vụ các thành viên HĐQT như sau:

THÀNH VIÊN HĐQT	NHIỆM VỤ
Bà Lê Thị Băng Tâm Chủ tịch HĐQT	Điều hành, lãnh đạo và quản lý toàn diện mọi hoạt động chung của HĐQT; phụ trách và chịu trách nhiệm về các lĩnh vực tổ chức và hoạt động của HDBank liên quan đến Quản trị, Kinh doanh, Đối ngoại bao gồm: - Phát triển, định hướng chiến lược kinh doanh trung, dài hạn của HDBank; - Giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh của HDBank; - Xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm của HĐQT; - Phê duyệt, chỉ đạo các Ủy ban trực thuộc HĐQT; - Phụ trách chung về hoạt động của HĐQT, chiến lược phát triển và kế hoạch tài cấu trúc HDBank; - Phụ trách đối ngoại, quan hệ với đối tác chiến lược trong và ngoài nước; - Hỗ trợ các hoạt động đầu tư tài chính; - Chủ tịch Ủy ban Nhân sự HDBank.
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	- Thay mặt HĐQT trực tiếp giải quyết các vấn đề theo ủy quyền của Chủ tịch HĐQT; - Chủ tịch Ủy ban tín dụng, Thành viên Ủy ban Nhân sự, Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Quản lý rủi ro; - Thường trực xử lý các vấn đề hàng ngày thuộc phạm vi trách nhiệm của HĐQT; - Theo dõi, giám sát hoạt động của Ban Điều hành.
Ông Lưu Đức Khánh Phó Chủ tịch Chuyên trách HĐQT	- Giúp HĐQT chỉ đạo triển khai phương án chiến lược; - Phụ trách dự án tái cấu trúc hệ thống, nâng cao năng lực cạnh tranh HDBank, lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài; - Phụ trách hoạt động phát triển mạng lưới; - Phó Chủ tịch Ủy ban Tín dụng;
Ông Nguyễn Thành Đô Thành viên độc lập, Phó Chủ tịch HĐQT	Phụ trách Khu vực phía Bắc: thay mặt HĐQT quản lý các hoạt động Khu vực phía Bắc.
Ông Nguyễn Hữu Đặng Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Trực tiếp triển khai thực hiện các lĩnh vực công tác sau: - Xây dựng, trình phê duyệt và giám sát việc tổ chức thực hiện Chiến lược, Kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn của HDBank; - Theo dõi, giám sát hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ của HDBank; - Tổ chức thực hiện các nghị quyết thông qua của HĐQT; - Chủ nhiệm Ủy ban ALCO; - Trực tiếp chỉ đạo điều hành hoạt động của HDBank, Tổ chức thực hiện các chủ trương, quyết định của Hội đồng Quản trị trên toàn hệ thống HDBank; - Phụ trách việc tổ chức triển khai phương án tái cấu trúc hoạt động của HDBank theo Nghị quyết của HĐQT; - Là thành viên của Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự; Phó Chủ tịch Ủy ban Tín dụng; là Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng.

THÀNH VIÊN HĐQT	NHIỆM VỤ
Bà Nguyễn Thị Tâm Thành viên HĐQT	Phối hợp với các thành viên HĐQT thực hiện các công tác sau: - Quản trị ngân hàng và nâng cao kỹ năng thực hành quản trị ngân hàng tại HDBank theo quy định Pháp luật và theo chuẩn quốc tế; - Quản lý nội bộ của HDBank thuộc thẩm quyền; - Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro; - Chịu trách nhiệm định hướng hoạt động, tổ chức cho Khối Khách hàng doanh nghiệp (CMB), Khối Khách hàng doanh nghiệp và Định chế tài chính (CIB); - Theo dõi Bảng cân đối Tài sản, các chỉ số hoạt động, chỉ số rủi ro của Hệ thống; - Theo dõi hoạt động của Hội đồng ALCO.
Ông Chu Việt Cường Thành viên HĐQT	- Phụ trách công tác PR&Marketing, IT toàn ngân hàng; - Phụ trách công tác công bố thông tin, đầu mối làm việc về cung cấp thông tin cho báo chí, cơ quan ngôn luận khác của HĐQT.
Ông Lim Peng Khoon Thành viên HĐQT	- Chủ tịch Ủy ban Công nghệ Thông tin HDBank; - Phụ trách mảng Công nghệ Thông tin toàn hệ thống HDBank; - Hỗ trợ xây dựng các chỉ tiêu báo cáo của Ban Điều hành để chuẩn hóa hơn các báo cáo. Đồng thời hỗ trợ xây dựng phương pháp phân tích về số liệu huy động, cho vay, chi phí... để đánh giá hiệu quả các hoạt động của Ngân hàng, xác định hiệu quả kinh doanh của từng Chi nhánh như tính toán các chi phí tài sản cố định; - Cố vấn Khối Khách hàng Cá nhân, Khối Vận hành.
Ông Lý Vinh Quang Thành viên HĐQT độc lập	- Phụ trách mảng Nhân sự và Đào tạo; - Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân sự.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban Nhân sự và Thư ký HĐQT chịu trách nhiệm tham mưu cho HĐQT trong quá trình thực hiện đánh giá. Các tiêu chí đánh giá được xây dựng dựa trên trách nhiệm của HĐQT nêu trên và tham khảo thông lệ về đánh giá hoạt động của HĐQT và thành viên HĐQT theo các chuẩn mực quốc tế.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Các thành viên HĐQT phải thực hiện tuân thủ đầy đủ nhiệm vụ theo quyền hạn, quy định theo Điều lệ của Ngân Hàng, Luật Doanh nghiệp, các văn bản Pháp luật liên quan và các nghĩa vụ, trách nhiệm sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và nêu ý kiến rõ ràng về các vấn đề thảo luận trong cuộc họp. Thành viên chỉ có quyền không tham dự cuộc họp trong các trường hợp bất khả kháng hoặc vì lý do công tác;
- Báo cáo đầy đủ và kịp thời với HĐQT về các khoản thù lao thành viên được nhận từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác, mà thành viên là người đại diện cho phần vốn góp của Ngân hàng;
- Khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng, các thành viên HĐQT cùng người có liên quan có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh; đồng thời thực hiện việc công bố thông tin về các giao dịch này theo đúng quy định của Pháp luật;
- Thực hiện các nghĩa vụ và quyền hạn một cách trung thực, thận trọng với mục đích vì quyền lợi cao nhất của cổ đông và của Ngân hàng.

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, CÁC ỦY BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã phát huy tốt vai trò và trách nhiệm trong việc xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản lý nội bộ nhằm tạo ra cơ chế quản trị thống nhất và xuyên suốt nhằm kiểm soát, giám sát hoạt động và vận hành hiệu quả mô hình quản trị, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và hài hòa lợi ích của các bên liên quan bao gồm khách hàng, người lao động và cộng đồng. Nhờ đó, HDBank đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo cơ cấu tổ chức và hoạt động theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Ngân hàng.

HĐQT chỉ đạo Ban Điều hành, các đơn vị của HDBank nghiêm túc triển khai thực hiện hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ (gồm nghị quyết thường niên và Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) và hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đề ra cho năm 2017. Những kết quả nổi bật như sau:

- HDBank đã tăng thành công vốn điều lệ lên mức 9.810 tỷ đồng bằng hình thức phát hành cổ phiếu riêng lẻ theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 17/10/2017 và HĐQT thông qua vào

ngày 06/11/2017. Cụ thể, HDBank đã tăng vốn 9%, từ 8.100 tỷ đồng lên 8.829 tỷ đồng (trong đó phát hành trả cổ tức 2016 tỷ lệ 7% và cổ phiếu thưởng 2%). Tiếp theo, trong đợt tăng vốn lần 02 năm 2017, ngân hàng đã phát hành riêng lẻ cho cổ đông hiện hữu với khối lượng gần 98 triệu cổ phiếu để tăng vốn lên 9.810 tỷ đồng. Sau hai đợt phát hành, thặng dư vốn cổ phần của HDBank tăng lên 2.100 tỷ đồng;

- Trong năm 2017, HDBank cũng đã hoàn tất thủ tục nộp hồ sơ lên Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn việc niêm yết cổ phiếu trên HOSE;
- Cuối năm 2017, tổng tài sản của ngân hàng đạt 189.334 tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch và tăng 26% so với năm 2016. Dư nợ tín dụng tăng trưởng mạnh mẽ đạt 110.067 tỷ, tăng 25,2% so với 2016, trong khi tăng trưởng tín dụng trung bình toàn hệ thống đạt 17%. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 2.417 tỷ đồng, tăng 110,6% so với năm 2016 và tương đương 185% kế hoạch.

Các Ủy ban thuộc HĐQT đã góp phần quan trọng trong việc tham mưu cho HĐQT các vấn đề thuộc chức năng nhiệm vụ của Ủy ban như: quản lý rủi ro, hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro; quyết định các vấn đề liên quan đến các kế hoạch phân chia cổ phiếu dành cho cán bộ nhân viên của Ngân hàng theo Luật Doanh nghiệp, tăng trưởng tín dụng, đề án cải tiến hệ thống công nghệ thông tin, chính sách phát triển vốn... nhằm tối ưu hóa lợi nhuận và đáp ứng tốt nhu cầu tăng trưởng của HDBank.

Các thành viên HĐQT được phân công nhiệm vụ cụ thể và đã tích cực, nỗ lực hết mình thực hiện nhiệm vụ được giao, góp phần thành công cho kết quả kinh doanh năm 2017 mà Đại hội đã thông qua. Các thành viên đã phát huy hiệu quả vai trò những người lãnh đạo trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh hướng tới thực hiện chiến lược tăng trưởng và phát triển bền vững. Với kinh nghiệm dày dặn về lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng, các thành viên HĐQT đã chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề có thẩm quyền, tạo ra môi trường minh bạch, hiệu quả, góp phần đảm bảo lợi ích cho cổ đông và sự hài hòa với lợi ích của các bên liên quan. Kết quả của mô hình quản trị minh bạch và hiệu quả đã tạo ra niềm tin cho các cổ đông và nhà đầu tư. Nhờ vậy, sự kiện cổ phiếu HDBank chào sàn ngày 05/01/2018 đã tạo ra một phiên bùng nổ cả về giá và lượng. Cổ phiếu HDBank đã lọt vào top 20 cổ phiếu vốn hóa lớn nhất HOSE với giá trị 1,4 tỷ USD. Bên cạnh đó, HDBank đã bán được 21,5% cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài với giá 32.000 đồng / cổ phiếu.

Chủ tịch HĐQT phát huy hiệu quả vai trò trong việc triển khai các hoạt động của HĐQT, khuyến khích thành viên HĐQT tham gia ý kiến vào các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và đảm bảo xây dựng các kế hoạch hoạt động của HĐQT trước năm tài chính nhằm phát huy sức mạnh tổng thể của cả Ngân hàng.

THAM GIA CÁC CHƯƠNG TRÌNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TRONG NĂM

HĐQT HDBank luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện để cấp lãnh đạo Ngân hàng tham gia các khóa học, thảo luận liên quan đến hoạt động quản trị ngân hàng theo chuẩn trong nước và quốc tế. Các thành viên HĐQT của HDBank đã từng tham dự một số hội thảo về quản trị công ty và giàu kinh nghiệm quản trị nhiều tổ chức kinh tế và tổ chức tín dụng.

ĐÁNH GIÁ QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VÀ THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY THEO CHUẨN QUỐC TẾ (ASEAN)

Công tác quản trị doanh nghiệp của HDBank đảm bảo phù hợp với các quy định của Pháp luật về quản trị doanh nghiệp như Luật các Tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP về Quy định quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng, Thông tư 155/2015/TT-BTC về Hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và các Thông tư, quy định khác.

PHẦN A – QUYỀN CỔ ĐÔNG

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
A.1	Quyền cơ bản của cổ đông		
A.1.1	Trả cổ tức trong vòng 30 ngày sau khi công bố hoặc sau khi được thông qua bởi ĐHĐCĐ	Tốt	
A.2	Quyền tham gia vào các quyết định liên quan đến những thay đổi cơ bản của công ty		
Cổ đông có quyền tham gia			
A.2.1	Sửa đổi quy chế (Điều lệ) công ty?	Tốt	
A.2.2	Cho phép phát hành thêm cổ phiếu?	Tốt	
A.2.3	Chuyển nhượng toàn bộ hay phần lớn tài sản của công ty, dẫn đến việc bán công ty?	Tốt	
A.3	Quyền tham gia một cách hiệu quả và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông và phải được thông tin về quy định họp Đại hội đồng Cổ đông , bao gồm cả thủ tục biểu quyết		
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thù lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) hoặc mọi khoản tăng thù lao cho thành viên / ủy viên HĐQT không điều hành	Tốt	
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông không có quyền kiểm soát quyền đề cử thành viên / ủy viên HĐQT	Tốt	
A.3.3	Cổ đông có quyền bỏ phiếu cho từng ứng cử viên HĐQT	Tốt	
A.3.4	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành	Tốt	

Trong năm, HDBank đã chủ động rà soát công tác quản trị doanh nghiệp với các tiêu chí tại thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện các quy định về quản trị doanh nghiệp nhằm đảm bảo phù hợp quy định của Pháp luật, yêu cầu thực tiễn hoạt động của HDBank và tiệm cận các chuẩn mực quản trị ngân hàng hiện đại của thế giới.

Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN là một sáng kiến của diễn đàn thị trường vốn ASEAN (ACMF) với sự hỗ trợ và hợp tác của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB). Đây là một dự án của Tổ quốc gia ASEAN (bao gồm Indonesia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Việt Nam) trong nỗ lực xây dựng cộng đồng kinh tế chung ASEAN.

05 lĩnh vực được đánh giá tại thẻ điểm Quản trị công ty khu vực ASEAN: (i) Quyền của cổ đông; (ii) Đối xử công bằng với các cổ đông; (iii) Vai trò của các bên có quyền lợi liên quan; (iv) Công bố thông tin và minh bạch và (v) Trách nhiệm của HĐQT.



MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
A.3.5	Biên bản họp có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi và nêu vấn đề tại ĐHĐCĐ	Tốt	
A.3.6	Biên bản họp có tường thuật lại câu hỏi của các cổ đông và câu trả lời tương ứng	Tốt	
A.3.7	Công ty có công bố Nghị quyết đại hội bằng tiếng Anh	Tốt	
A.3.8	Trong Nghị quyết / Biên bản họp nêu rõ tỷ lệ phiếu thông qua, phân đối và phiếu trắng cho từng mục	Tốt	
A.3.9	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ không?	Tốt	
A.3.10	Chủ tịch HĐQT có tham dự ĐHĐCĐ không?	Tốt	
A.3.11	Tổng Giám đốc có tham dự ĐHĐCĐ không?	Tốt	
A.3.12	Trường Ban Kiểm soát có tham dự ĐHĐCĐ không?	Tốt	
A.3.13	Công ty có tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất ở địa điểm dễ tới?	Tốt	
A.3.14	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	Tốt	
A.3.15	Tất cả các nghị quyết ở ĐHĐCĐ đều được biểu quyết thông qua bằng cách bỏ phiếu, không phải bằng cách giơ tay	Tốt	
A.3.16	Công ty có cử một bên thứ ba độc lập kiểm phiếu hoặc giám sát quá trình kiểm phiếu tại ĐHĐCĐ	Tốt	
A.3.17	Kết quả kiểm phiếu được công bố rộng rãi ngay ngày làm việc tiếp theo sau ĐHĐCĐ	Tốt	
A.3.18	Các tờ trình cần thiết được công bố ít nhất hai mươi mốt (21) ngày trước khi diễn ra ĐHĐCĐ	Tốt	
A.3.19	Các tờ trình trong tài liệu ĐHĐCĐ cung cấp đầy đủ thông tin về vấn đề cần được thông qua trong ĐHĐCĐ	Tốt	
A.4	Thị trường giao dịch thầu tóm công ty phải được phép hoạt động một cách hiệu quả và minh bạch		
A.4.1	Trong trường hợp sát nhập và hợp nhất cần phải thông qua sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT có cử một bên độc lập đánh giá xem xét tính công bằng của giao dịch này	Tốt	
A.5	Cần tạo điều kiện thực hiện quyền sở hữu cho mọi cổ đông, bao gồm cả các nhà đầu tư tổ chức		
A.5.1	Công ty có công bố chính sách và các hoạt động nhằm khuyến khích các cổ đông, đặc biệt là cổ đông tổ chức, tham dự ĐHĐCĐ và tham gia vào các quyết định quan trọng của công ty	Tốt	

PHẦN B – ĐỐI XỬ BÌNH ĐẲNG VỚI CỔ ĐÔNG

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
B.1	Cổ phiếu và quyền biểu quyết		
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết	Tốt	
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, công ty có công bố quyền bỏ phiếu tương ứng cho từng loại cổ phiếu	Tốt	
B.2	Thông báo của Đại hội đồng Cổ đông		
B.2.1	Mỗi một Nghị quyết được thông qua chỉ chứa một nội dung	Tốt	
B.2.2	Tài liệu ĐHĐCĐ được dịch sang tiếng Anh và được công bố cùng ngày với tài liệu ĐHĐCĐ bằng tiếng Việt	Tốt	
Thông báo của ĐHĐCĐ có những chi tiết sau không:			
B.2.3	Tài liệu ĐHĐCĐ có công bố tiểu sử của các ứng cử viên cho HĐQT (bao gồm các thông tin: tuổi, bằng cấp, lần bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm và các vị trí HĐQT đang nắm giữ tại các công ty niêm yết khác)	Tốt	
B.2.4	Tài liệu họp nêu danh sách công ty kiểm toán để lựa chọn	Tốt	
B.2.5	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có giải thích về chính sách chia cổ tức	Tốt	
B.2.6	Tài liệu họp ĐHĐCĐ có công bố cụ thể mức chia cổ tức	Tốt	
B.2.7	Giấy ủy quyền ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng	Tốt	
B.3	Phải cấm giao dịch nội gián và lạm dụng mua bán tư lợi cá nhân		
B.3.1	Công ty có chính sách và / hoặc quy định cấm thành viên HĐQT và nhân viên không được kiếm lợi từ những kiến thức không được công bố ra bên ngoài	Tốt	
B.3.2	Thành viên HĐQT được yêu cầu báo cáo về giao dịch cổ phiếu của họ trong vòng 03 ngày làm việc	Tốt	
B.4	Giao dịch bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị và cán bộ quản lý cấp cao		
B.4.1	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT công bố lợi ích có liên quan trong các giao dịch và mọi xung đột lợi ích với công ty không?	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
B.4.2	Công ty có quy định yêu cầu phải có một tiểu ban bao gồm các thành viên HĐQT độc lập rà soát giao dịch bên liên quan trọng yếu / quan trọng để xác định liệu những giao dịch đó có phục vụ lợi ích tốt nhất của công ty và cổ đông không?	Tốt	
B.4.3	Công ty có chính sách yêu cầu thành viên HĐQT không tham gia họp HĐQT trong các cuộc họp về các hoạt động, giao dịch mà thành viên đó có xung đột lợi ích?	Tốt	
B.4.4	Công ty có chính sách về khoản vay cho thành viên HĐQT, trong đó quy định cấm hoạt động này hoặc đảm bảo rằng các khoản vay được thực hiện trên cơ sở giao dịch hợp lý theo lãi suất thị trường	Tốt	
B.5	Bảo vệ cổ đông thiểu số trước các hành vi lạm dụng		
B.5.1	Có giao dịch bên liên quan nào có tính chất hỗ trợ tài chính cho các đơn vị không phải là công ty con trực thuộc không?	Tốt	
B.5.2	Công ty có công bố về việc giao dịch bên liên quan được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?	Tốt	

PHẦN C – VAI TRÒ CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
C.1	Quyền của các bên có quyền lợi liên quan được Pháp luật quy định hoặc theo các thỏa thuận song phương phải được tôn trọng		
Công ty có công bố chính sách:			
C.1.1	Công ty có công bố chính sách về bảo vệ lợi ích của khách hàng	Tốt	
C.1.2	Công ty có giải thích về nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp của mình	Tốt	
C.1.3	Công ty có công bố chính sách đảm bảo chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững	Tốt	
C.1.4	Công ty có chính sách rõ ràng trong việc hỗ trợ cộng đồng	Tốt	
C.1.5	Công ty có công bố về chương trình và quy trình chống tham nhũng	Tốt	
C.1.6	Công ty có công bố chính sách bảo vệ các chủ nợ	Tốt	
Công ty có công bố các hoạt động mà công ty đã thực hiện để triển khai các chính sách nói trên?			
C.1.7	Công ty nêu các hành động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của khách hàng	Tốt	
C.1.8	Công ty nêu cụ thể các tiêu chí tuyển chọn nhà cung cấp	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
C.1.9	Công ty nêu cụ thể về việc thực hiện chuỗi giá trị thân thiện với môi trường và hướng đến phát triển bền vững	Tốt	
C.1.10	Công ty nêu rõ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng	Tốt	
C.1.11	Công ty nêu rõ các hoạt động trong chương trình chống tham nhũng	Tốt	
C.1.12	Công ty nêu rõ hoạt động cụ thể nhằm bảo vệ lợi ích của chủ nợ	Tốt	
C.1.13	Công ty có mục riêng về trách nhiệm xã hội (trong Báo cáo thường niên hoặc tách thành một báo cáo riêng)	Tốt	
C.2	Khi lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan được pháp luật bảo vệ, các bên có quyền lợi liên quan phải có cơ hội được khiếu nại hiệu quả khi quyền lợi của họ bị vi phạm		
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (VD: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ	Tốt	
C.3	Cơ chế nâng cao hiệu quả tham gia của người lao động cần được phép xây dựng		
C.3.1	Công ty nêu rõ các chính sách về sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên	Tốt	
C.3.2	Công ty công bố các số liệu cụ thể liên quan đến sức khỏe, an toàn và phúc lợi cho nhân viên	Tốt	
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên	Tốt	
C.3.4	Công ty công bố số liệu cụ thể về chương trình đào tạo, huấn luyện và phát triển cho nhân viên	Tốt	
C.3.5	Công ty có chính sách khen thưởng dựa vào kết quả hoạt động của công ty trong dài hạn	Tốt	
C.4	Các bên có quyền lợi liên quan, bao gồm cả người lao động và tổ chức đại diện cho họ, phải được tự do truyền đạt những lo ngại của họ về những việc làm không hợp pháp hoặc không phù hợp đạo đức lên Hội đồng Quản trị và việc này không được ảnh hưởng tới quyền lợi của họ		
C.4.1	Công ty có chính sách bảo vệ nhân viên tố giác về các hành vi vi phạm trong công ty	Tốt	

PHẦN D – CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ MINH BẠCH

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
D.1	Cấu trúc sở hữu minh bạch		
D.1.1	Công bố thông tin sở hữu: danh tính cổ đông lớn nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên	Tốt	
D.1.2	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà cổ đông lớn nắm giữ	Tốt	
D.1.3	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên hội đồng quản trị nắm giữ	Tốt	
D.1.4	Công bố thông tin sở hữu: cả số cổ phần trực tiếp và gián tiếp mà các thành viên Ban Điều hành nắm giữ	Tốt	
D.1.5	Công bố thông tin chi tiết của các công ty con, liên kết, liên doanh: cả tên và số cổ phần mà công ty nắm giữ ở các công ty này	Tốt	
D.2	Chất lượng của Báo cáo thường niên		
Báo cáo thường niên có công bố:			
D.2.1	Các rủi ro chủ yếu của công ty ngoài các rủi ro tài chính	Tốt	
D.2.2	Mục tiêu của công ty	Tốt	
D.2.3	Các chỉ số tài chính, ví dụ như một trong các chỉ tiêu căn bản sau: ROI, ROS, ROE và EPS	Tốt	
D.2.4	Các chỉ số phi tài chính, ví dụ như thị phần hoặc chỉ số hài lòng khách hàng	Tốt	
D.2.5	Chính sách cổ tức, cụ thể về chính sách chi trả, tỷ lệ cổ tức dự kiến	Tốt	
D.2.6	Chính sách tố giác sai phạm của công ty	Tốt	
D.2.7	Lý lịch thành viên HĐQT bao gồm đầy đủ các thông tin sau: tuổi, bằng cấp, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm liên quan và các vị trí trong HĐQT mà thành viên đó nắm giữ ở các công ty niêm yết khác	Tốt	
D.2.8	Các chương trình đào tạo, tập huấn các thành viên HĐQT tham gia trong năm đánh giá	Tốt	
D.2.9	Số lần họp của HĐQT	Tốt	
D.2.10	Chi tiết tham dự các cuộc họp HĐQT của mỗi thành viên HĐQT	Tốt	
D.2.11	Chi tiết thù lao của mỗi thành viên HĐQT	Tốt	
Tuyên bố khẳng định về quản trị công ty			
D.2.12	Lời xác nhận của công ty về việc đã thực thi đầy đủ quy định Quản trị công ty, trường hợp chưa thực hiện được thì nêu rõ vấn đề và giải thích nguyên nhân	Tốt	
D.3	Công bố giao dịch bên liên quan		
D.3.1	Yêu cầu công ty nêu chính sách xem xét và phê duyệt các giao dịch trọng yếu của các bên liên quan	Tốt	
D.3.2	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trọng yếu của các bên liên quan: Tên và mối quan hệ giữa công ty với các bên liên quan	Tốt	
D.3.3	Thực hiện công bố thông tin về giao dịch trọng yếu của các bên liên quan: bản chất và giá trị của mỗi giao dịch trọng yếu giữa công ty và các bên liên quan	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
D.4	Thành viên Hội đồng Quản trị và giao dịch cổ phiếu của công ty		
D.4.1	Công bố giao dịch cổ phần của cổ đông nội bộ	Tốt	
D.5	Kiểm toán độc lập và báo cáo kiểm toán		
D.5.1	Công bố phí kiểm toán	Chưa thực hiện đầy đủ	Công ty có công bố thông tin về ký kết hợp đồng với công ty kiểm toán nhưng chưa công bố mức phí
D.6	Phương tiện truyền thông		
Công ty có sử dụng các hình thức truyền thông sau đây:			
D.6.1	Báo cáo Quý	Tốt	
D.6.2	Website của công ty	Tốt	
D.6.3	Ý kiến của chuyên gia phân tích	Tốt	
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông / hợp báo	Tốt	
D.7	Nộp / công bố Báo cáo thường niên / Báo cáo tài chính đúng hạn		
D.7.1	Báo cáo tài chính được công bố trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tốt	
D.7.2	Báo cáo thường niên được công bố trong vòng một trăm hai mươi (120) ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Tốt	
D.7.3	Lời xác nhận trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất từ HĐQT và các cá nhân liên quan	Tốt	
D.8	Website của Công ty		
Công ty có website công bố thông tin cập nhật về:			
D.8.1	Hoạt động kinh doanh	Tốt	
D.8.2	Báo cáo tài chính năm hiện tại và các năm trước	Tốt	
D.8.3	Tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông	Tốt	
D.8.4	Cấu trúc sở hữu	Tốt	
D.8.5	Cơ cấu tổ chức	Tốt	
D.8.6	Báo cáo thường niên có thể tải được	Tốt	
D.8.7	Thông báo, tài liệu họp ĐHCĐ thường niên và bất thường	Tốt	
D.8.8	Biên bản họp ĐHCĐ thường niên và bất thường	Tốt	
D.8.9	Điều lệ công ty	Tốt	
D.9	Quan hệ nhà đầu tư		
D.9.1	Công bố chi tiết liên hệ của nhân viên phụ trách Quan hệ cổ đông (điện thoại, fax và email)	Tốt	

PHẦN E – TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
E.1	Nhiệm vụ và trách nhiệm của Hội đồng Quản trị		
Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và chính sách quản trị công ty được xác định rõ ràng			
E.1.1	Công bố chính sách Quản trị công ty, điều lệ hoạt động HĐQT	Tốt	
E.1.2	Các loại quyết định phải có phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai	Tốt	
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của HĐQT có được quy định rõ ràng	Tốt	
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh	Tốt	
E.1.5	HĐQT có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	Tốt	
E.1.6	Thành viênHĐQT có giám sát / theo dõi việc thực hiện chiến lược của Công ty	Tốt	
E.2	Cơ cấu Hội đồng Quản trị		
Bộ Quy tắc đạo đức hoặc ứng xử			
E.2.1	Công ty công bố chi tiết bộ Quy tắc đạo đức	Tốt	
E.2.2	Công ty nêu rõ rằng: tất cả HĐQT, thành viên Ban Điều hành và nhân viên được yêu cầu tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	Tốt	
E.2.3	Công ty nêu rõ cách thực thi và kiểm soát việc tuân thủ bộ Quy tắc ứng xử	Tốt	
Thành phần và cơ cấu của Hội đồng Quản trị			
E.2.4	HĐQT có tối thiểu 50% thành viên độc lập	Chưa thực hiện đầy đủ	HDBank hiện có 02/09 thành viên độc lập và tuân thủ theo quy định hiện hành của Pháp luật Việt Nam và sẽ hướng đến thông lệ quản trị công ty trong khu vực
E.2.5	Thành viên HĐQT độc lập có độc lập với ban lãnh đạo và cổ đông lớn không?	Tốt	
E.2.6	Công ty có quy định giới hạn nhiệm kỳ của thành viên HĐQT độc lập không quá 09 năm	Tốt	
E.2.7	Công ty có đặt ra chính sách: mỗi thành viên HĐQT độc lập / không điều hành được giữ tối đa 05 vị trí HĐQT cùng một lúc trong các công ty niêm yết khác	Tốt	
E.2.8	Công ty có thành viên HĐQT độc lập nào đang nắm giữ tổng cộng hơn 05 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết	Tốt	
E.2.9	Công ty không có thành viên HĐQT điều hành nào đang nắm giữ hơn 02 chức vụ trong HĐQT ở các công ty niêm yết khác ngoài tập đoàn	Tốt	
Tiểu ban Nhân sự			
E.2.10	Công ty có tiểu ban Nhân sự	Tốt	
E.2.11	Thành viên trong Tiểu ban Nhân sự phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
E.2.12	Chủ tịch tiểu ban Nhân sự là thành viên HĐQT độc lập	Tốt	
E.2.13	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của tiểu ban Nhân sự	Tốt	
E.2.14	Tiểu ban Nhân sự họp ít nhất hai (02) lần trong năm	Tốt	
E.2.15	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban Nhân sự	Tốt	
Tiểu ban Thù lao / Tiểu ban Lương thưởng			
E.2.16	Công ty có tiểu ban Lương thưởng	Tốt	
E.2.17	Thành viên trong tiểu ban Lương thưởng phần lớn là thành viên HĐQT độc lập (hơn 50%)	Tốt	
E.2.18	Chủ tịch tiểu ban Lương thưởng là thành viên HĐQT độc lập	Tốt	
E.2.19	Công ty có công bố vai trò, nhiệm vụ và điều lệ hoạt động của tiểu ban Lương thưởng	Tốt	
E.2.20	Tiểu ban Lương thưởng họp ít nhất hai (02) lần trong năm	Tốt	
E.2.21	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên tiểu ban Lương thưởng	Tốt	
Tiểu ban Kiểm toán			
E.2.22	Công ty có Tiểu ban Kiểm toán	Tốt	
E.2.23	Tiểu ban Kiểm toán / Ban Kiểm soát có bao gồm toàn bộ thành viên không điều hành với đa số thành viên / ủy viên độc lập	Tốt	
E.2.24	Chủ tịch của Tiểu ban Kiểm toán / Ban Kiểm soát có phải là thành viên độc lập	Tốt	
E.2.25	Công ty có công bố quy chế hoạt động / cơ cấu quản trị / điều lệ của Tiểu ban Kiểm toán / Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.26	BCTN có công bố lý lịch và chuyên môn của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán / Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.27	Có ít nhất 01 thành viên độc lập của Tiểu ban có chuyên môn về kế toán (bằng cấp hoặc kinh nghiệm kế toán)	Tốt	
E.2.28	Tiểu ban Kiểm toán / Ban Kiểm soát có họp tối thiểu bốn (04) lần / năm	Tốt	
E.2.29	Công bố chi tiết tham dự cuộc họp của các thành viên Tiểu ban Kiểm toán / Ban Kiểm soát	Tốt	
E.2.30	Tiểu ban Kiểm toán / Ban Kiểm soát có nhiệm vụ chính trong việc đưa ra khuyến nghị về bổ nhiệm và miễn nhiệm kiểm toán độc lập	Tốt	
E.3	Quy trình Hội đồng Quản trị	Tốt	
Họp và tham dự họp Hội đồng Quản trị			
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước năm tài chính	Tốt	
E.3.2	HĐQT họp ít nhất 06 lần trong năm	Tốt	
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT tham gia ít nhất 75% tổng số cuộc họp HĐQT trong năm đánh giá	Tốt	
E.3.4	Công ty có yêu cầu tỉ lệ biểu quyết thông qua là tối thiểu 02/03 trong các quyết định của HĐQT?	Tốt	
E.3.5	Có ít nhất 01 cuộc họp giữa các thành viên HĐQT không điều hành mà không có mặt các thành viên điều hành trong năm đánh giá	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
Tiếp cận thông tin			
E.3.6	Tài liệu hợp HĐQT được gửi tới các thành viên tối thiểu 05 ngày làm việc trước khi cuộc họp diễn ra	Tốt	
E.3.7	Công ty có nêu rõ trách nhiệm quan trọng của thư ký công ty trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện vai trò của mình	Tốt	
E.3.8	Thư ký công ty có chuyên môn về luật, kế toán hoặc thư ký	Tốt	
Bổ nhiệm và bầu lại Hội đồng Quản trị			
E.3.9	Công ty công bố tiêu chuẩn lựa chọn thành viên HĐQT mới	Tốt	
E.3.10	Công ty công bố quy trình bổ nhiệm thành viên HĐQT mới	Tốt	
E.3.11	Tất cả các thành viên HĐQT phải được bầu lại tối thiểu ba (03) năm một (01) lần	Chưa thực hiện đầy đủ	Nhiệm kỳ HĐQT là 05 năm theo quy định của Pháp luật Việt Nam
Các vấn đề thù lao			
E.3.12	Công bố chính sách / thông lệ về thù lao (phí, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) đối với thành viên HĐQT điều hành và Tổng Giám đốc	Tốt	
E.3.13	Công bố cấu trúc thù lao của thành viên HĐQT không điều hành	Tốt	
E.3.14	Cổ đông và HĐQT có thông qua thù lao của Ban Điều hành	Tốt	
E.3.15	Thành viên độc lập không điều hành có nhận quyền chọn và thưởng cổ phần hoặc các loại thưởng khác	Tốt	
E.3.16	Công ty có bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập	Tốt	
E.3.17	Công bố danh tính của Trưởng ban kiểm toán nội bộ, hoặc trường hợp thuê dịch vụ bên ngoài thì nêu lên tên công ty dịch vụ độc lập	Tốt	
E.3.18	Việc bổ nhiệm và bãi nhiệm của nhân viên kiểm toán nội bộ phải thông qua Tiểu ban Kiểm toán	Tốt	
Giám sát rủi ro			
E.3.19	Công ty công bố quy trình kiểm soát nội bộ và hệ thống quản lý rủi ro thích hợp	Tốt	
E.3.20	HĐQT tiến hành kiểm tra, xem xét các lĩnh vực trọng yếu cần kiểm soát (hoạt động, tài chính, tuân thủ) và hệ thống quản lý rủi ro của công ty trong năm	Tốt	
E.3.21	Công ty công bố các rủi ro chính cần được kiểm soát, ngoài rủi ro tài chính	Tốt	
E.3.22	BCTN của công ty có lời xác nhận từ HĐQT hoặc Ban Kiểm soát rằng hệ thống quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ hoạt động hiệu quả và chính xác	Tốt	

MÃ	TIÊU CHÍ	TÌNH HÌNH TUÂN THỦ TẠI HDBANK	GHI CHÚ / ĐỀ XUẤT CẢI THIỆN
E.4	Nhân sự trong Hội đồng Quản trị		
Chủ tịch Hội đồng Quản trị			
E.4.1	Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc không cùng 01 người đảm nhiệm	Tốt	
E.4.2	Chủ tịch HĐQT là thành viên độc lập	Chưa thực hiện đầy đủ	Chủ tịch HĐQT là thành viên HĐQT không điều hành
E.4.3	Chủ tịch HĐQT là Tổng Giám đốc của công ty trong vòng 03 năm trước đây	Tốt	
E.4.4	Công ty công bố vai trò và trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT	Tốt	
Kỹ năng và năng lực			
E.4.5	Công ty có thành viên HĐQT không điều hành có kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty	Tốt	
E.4.6	Công ty công bố chính sách đa dạng hóa thành phần HĐQT	Tốt	
E.5	Hiệu quả Hội đồng Quản trị		
Phát triển thành viên Hội đồng Quản trị			
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho các thành viên HĐQT mới	Tốt	
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích các thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo chuyên môn / quản trị cao hơn	Tốt	
Bổ nhiệm và hiệu quả của Tổng Giám đốc / Ban Điều hành			
E.5.3	Công ty có công bố kế hoạch HĐQT chuẩn bị cho thế hệ lãnh đạo tương lai (Tổng Giám đốc và cán bộ điều hành chủ chốt)	Tốt	
E.5.4	HĐQT có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với Tổng Giám đốc	Tốt	
Đánh giá Hội đồng Quản trị			
E.5.5	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT	Tốt	
E.5.6	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT	Tốt	
E.5.7	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với HĐQT	Tốt	
E.5.8	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT	Tốt	
E.5.9	Công ty có công bố quy trình đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT	Tốt	
E.5.10	Công ty có công bố tiêu chuẩn đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng thành viên HĐQT	Tốt	
Đánh giá thành viên Hội đồng Quản trị			
E.5.11	Công ty có tiến hành đánh giá hoạt động hàng năm đối với từng các tiểu ban HĐQT	Tốt	

ĐỊNH HƯỚNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG NĂM 2018

HDBank luôn nỗ lực mang lại cho khách hàng, đối tác và xã hội các giải pháp, sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng tốt nhất, hiệu quả nhất. Dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến và trình độ quản lý chuyên sâu, HDBank quyết tâm trở thành ngân hàng bán lẻ và tiêu dùng toàn diện, hiệu quả với vị thế trong top dẫn đầu, đầu tư mạnh mẽ và ứng dụng hiệu quả các công nghệ ngân hàng hiện đại. Để hoàn thành những mục tiêu đó, HĐQT đề ra những định hướng hoạt động sau:

- Tổ chức tốt các ĐHCĐ định kỳ hàng năm, các cuộc họp HĐQT định kỳ;
- Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch hành động cụ thể cho hoạt động của Ngân hàng năm 2018;
- Chỉ đạo thực hiện hoàn thành kế hoạch mở rộng, phát triển mạng lưới đã được NHNN phê duyệt;
- Chỉ đạo triển khai phương án tiếp tục tái cơ cấu Ngân hàng: mua bán, sáp nhập, chọn lựa đối tác chiến lược

Tăng cường minh bạch thông tin, nâng cao mức độ tin cậy của thông tin cung cấp ra thị trường

Cổ đông và nhà đầu tư thường xuyên được cập nhật các thông tin liên quan hoạt động kinh doanh của ngân hàng, những đổi mới trong định hướng hoạt động, các sự kiện quan trọng của ngân hàng... thông qua nhiều kênh thông tin như gửi thư trực tiếp đến địa chỉ của cổ đông, thông cáo báo chí, công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của HDBank, bản tin nhà đầu tư và các hội nghị nhà đầu tư. Đặc biệt trong năm qua, nội dung trang thông tin điện tử của HDBank đã được hoàn thiện hơn, với các bản tin nhà đầu tư được cập nhật hàng tháng, bản trình bày kết quả kinh doanh được công bố hàng quý, văn bản công bố thông tin được sắp xếp lại khoa học và thân thiện hơn... Những đổi mới này đã giúp cổ đông cũng như mọi đối tác của HDBank dễ dàng truy cập và tra cứu thông tin về HDBank một cách dễ dàng, hiệu quả. Mọi thông tin phản hồi, ý kiến đóng góp của

nhằm đưa HDBank trở thành một trong những ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam về quy mô, có chất lượng quản trị hiệu quả, phát triển bền vững;

- Chỉ đạo củng cố và phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo chủ chốt từ cấp Chi nhánh đến các Khối Kinh doanh, Phòng / Ban / Trung tâm tại Hội sở;
- Tăng cường vai trò trách nhiệm của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT trong việc tham mưu, giám sát các lĩnh vực tín dụng, đầu tư, quản lý rủi ro, quản lý tài sản Nợ - tài sản Có (ALCO), Nhân sự, Công nghệ thông tin;
- Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc và Ban Điều hành, nhằm chỉ đạo giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ kinh doanh.

cổ đông luôn được tiếp nhận và xử lý một cách tích cực thông qua hòm thư điện tử và số điện thoại trực tiếp tới Văn phòng lãnh đạo.

Ngoài việc thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC và Thông tư số 155/2015/TT-BTC, HDBank còn chủ động công bố kịp thời các thông tin được đánh giá là trọng yếu, có thể ảnh hưởng đến lợi ích của nhà đầu tư; chủ động công bố thông tin về các sản phẩm dịch vụ mới, các bước tiến trong hợp tác với đối tác, khách hàng chiến lược để nhà đầu tư có thể nắm bắt kịp thời các thông tin liên quan đến hoạt động của Ngân hàng.



BÁO CÁO CỦA CÁC ỦY BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Quản lý Rủi ro là Cơ quan do HĐQT thành lập để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT. Ủy ban Quản lý Rủi ro có các nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản sau:

- Xem xét, tham mưu cho HĐQT xác định khẩu vị rủi ro của HDBank;
- Xem xét, tham mưu cho HĐQT phê duyệt các Chính sách Quản lý rủi ro thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT;
- Xem xét, tham mưu cho HĐQT phê duyệt các Giới hạn rủi ro về tín dụng, thị trường, thanh khoản, lãi suất, hoạt động thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT;

Thành viên của Ủy ban Quản lý Rủi ro

Ủy ban Quản lý Rủi ro hoạt động với thành phần bao gồm 01 chủ tịch, 01 phó chủ tịch, 03 thành viên và 01 thư ký tổng hợp:

1. Bà Nguyễn Thị Tâm – Thành viên HĐQT độc lập – Chủ tịch Ủy ban Quản lý Rủi ro
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT – Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Quản lý Rủi ro
3. Ông Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch HĐQT – Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro
4. Ông Nguyễn Hữu Đăng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro
5. Ông Nguyễn Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro và Kiểm soát tuân thủ – Thành viên Ủy ban Quản lý Rủi ro
6. Ông Giang Thiện Kim – Phó Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro – Thư ký Tổng hợp Ủy ban Quản lý Rủi ro

Hoạt động nổi bật

Năm 2017, Ủy ban Quản lý Rủi ro đã tiến hành họp hàng tháng với sự tham dự của thành viên HĐQT chuyên trách Quản lý Rủi ro, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Quản lý Rủi ro, Phó Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro và một số lãnh đạo của các phòng ban liên quan (nêu trên), trong đó tập trung vào:

- Đánh giá tình hình các chỉ số an toàn hoạt động của ngân hàng;
- Xem xét các rủi ro liên quan đến tín dụng, thị trường, thanh khoản, hoạt động;
- Phân tích, đánh giá tình hình nợ xấu, thu hồi nợ xấu, phân tích nợ xấu theo loại cho vay, theo đối tượng cho vay, theo sản phẩm...

- Tham mưu cho HĐQT về việc đảm bảo cơ cấu tổ chức, nguồn lực, hệ thống phù hợp để duy trì công tác quản lý rủi ro trong toàn HDBank;
- Giám sát, đánh giá tính hiệu quả của toàn bộ Hệ thống Quản lý rủi ro trên cơ sở tình hình thực tế về rủi ro của HDBank;
- Báo cáo định kỳ cho HĐQT về tình hình thực tế rủi ro, công tác quản lý rủi ro, hệ thống quản lý rủi ro của HDBank.

Từ đó, kiến nghị ban hành mới / sửa đổi bổ sung các chính sách / quy định / quy trình của Ngân hàng, xem xét lại các sản phẩm; xây dựng / bổ sung các phần mềm liên quan để tăng cường công tác quản lý rủi ro; đưa ra các cảnh báo cần thiết; giám sát việc triển khai thực hiện của các bộ phận liên quan.

Năm 2017, sau các kỳ họp, Ủy ban Quản lý Rủi ro đã đề ra 80 hành động phòng chống sự cố các Khối / Phòng ban, các đơn vị kinh doanh phải thực hiện và đã hoàn thành 93% (75 hành động), các hành động tồn đọng sẽ được tiếp tục hoàn thành sớm. Bên cạnh đó, Ủy ban Quản lý Rủi ro còn đưa ra 49 yêu cầu khác đối với các đơn vị để phòng ngừa rủi ro, tỷ lệ hoàn thành đến 31/12/2017 là 84% (hoàn thành 41 yêu cầu), 08 yêu cầu còn lại hiện đang được triển khai.

Định hướng năm 2018

- Tiếp tục tổ chức họp định kỳ hàng tháng và nâng cao chất lượng, tiến độ các đơn vị thực hiện phòng chống rủi ro trong toàn ngân hàng;
- Điều chỉnh các giới hạn, hạn mức, quy định liên quan quản lý rủi ro cho phù hợp với năm 2018;
- Giám sát Ban dự án triển khai Thông tư 41 & Basel II phù hợp với quy định Pháp luật, trên cơ sở tham khảo lộ trình đã được công ty kiểm toán hàng đầu của nước ngoài tư vấn.

ỦY BAN TÍN DỤNG

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Tín dụng là cơ quan phê duyệt tín dụng cao nhất của HDBank, có chức năng phê duyệt chính sách tín dụng, chính sách quản lý rủi ro tín dụng của HDBank và các khoản cấp tín dụng cho khách hàng trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT. Ủy ban Tín dụng có các nhiệm vụ, quyền hạn cơ bản sau:

- Phê duyệt mức tăng trưởng dư nợ tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn tối đa được chấp thuận trong từng thời kỳ; thông qua định hướng và cơ cấu dư nợ trên toàn hệ thống theo lĩnh vực, ngành nghề, mặt hàng, địa bàn kinh doanh;
- Phê duyệt chính sách tín dụng, gồm cả chính sách giá, chính sách đối với Khách hàng;
- Phê duyệt, điều chỉnh chính sách quản lý rủi ro tín dụng, biện pháp phòng ngừa, hạn chế rủi ro tín dụng phù hợp với tình hình hoạt động tín dụng của HDBank trong từng thời kỳ;
- Chỉ đạo triển khai và giám sát việc thực hiện chính sách, công tác quản lý rủi ro tín dụng đã được thông qua;
- Phê duyệt các khoản cấp tín dụng vượt mức phán quyết của Hội đồng Tín dụng Hội sở;
- Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quyết định của HĐQT.

Thành viên của Ủy ban Tín Dụng

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT – Chủ tịch
2. Ông Lưu Đức Khánh – Phó Chủ tịch Chuyên trách HĐQT – Phó Chủ tịch
3. Ông Nguyễn Hữu Đăng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Phó Chủ tịch
4. Ông Lê Thành Trung – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
5. Ông Trần Hoài Nam – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
6. Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
7. Ông Trần Thái Hòa – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
8. Ông Phạm Quốc Thanh – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
9. Ông Nguyễn Minh Đức – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
10. Ông Lê Thanh Hải – Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp – Thành viên
11. Ông Trần Quốc Anh – Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân – Thành viên
12. Ông Thái Minh Tú – Giám đốc Trung tâm Tín dụng Doanh nghiệp – Thành viên

Hoạt động nổi bật

Trong năm 2017, HDBank đã tổ chức trên 370 cuộc họp, xử lý nhiều các hồ sơ tín dụng dành cho doanh nghiệp và cá nhân, tiếp tục phê duyệt và quyết định các vấn đề phát sinh liên quan đến khoản cấp tín dụng cho khách hàng trong phạm vi thẩm quyền.

Định hướng năm 2018

HDBank tiếp tục tổ chức họp phê duyệt tín dụng định kỳ hàng tuần và áp dụng các cơ chế tổ chức trình nhanh, họp phê duyệt nhanh khi phát sinh hồ sơ để đáp ứng nhanh các nhu cầu tín dụng phát sinh nhưng vẫn đảm bảo công tác quản lý rủi ro.

Thực hiện phê duyệt các chính sách tín dụng, chính sách quản lý rủi ro để định hướng hoạt động tín dụng phù hợp yêu cầu.



ỦY BAN NHÂN SỰ



Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Nhân sự là cơ quan do HĐQT thành lập nhằm tham mưu cho HĐQT về việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ theo quy định hiện hành nhằm hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quản lý nguồn nhân lực của HDBank. Ủy ban Nhân sự có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của HĐQT về vấn đề kiến thiết tổ chức bộ máy hoạt động của HDBank;
- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu quản trị điều hành, về tổ chức HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và định hướng chiến lược phát triển của HDBank;
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và người điều hành của HDBank theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ HDBank;
- Nghiên cứu, đánh giá, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành mới, sửa đổi bổ sung các chính sách, quy chế, quy định nội bộ về quản lý nhân sự (điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý), chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, về tuyển dụng nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với cán bộ, nhân viên của HDBank;
- Tham mưu cho HĐQT quyết định việc tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, điều động, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các chức danh quản lý theo quy định hiện hành của HDBank;

- Định kỳ hàng năm tổ chức rà soát, đánh giá nguồn nhân lực của HDBank; có kế hoạch kiểm tra việc thực hiện các vấn đề về công tác nhân sự; đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của HDBank trình HĐQT phê duyệt;
- Đề xuất, kiến nghị xây dựng môi trường làm việc thuận lợi cho người lao động, trong đó có chế độ lao động, khen thưởng, kỷ luật, chăm sóc sức khỏe, quan hệ với công đoàn và các tổ chức đoàn thể khác;
- Xây dựng các biện pháp quản trị rủi ro nhân sự của HDBank trình HĐQT ban hành.

Thành viên của Ủy ban Nhân sự

1. Bà Lê Thị Băng Tâm – Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch Ủy Ban Nhân sự
2. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT – Phó Chủ tịch Ủy Ban Nhân sự
3. Ông Nguyễn Hữu Đăng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Thành viên Ủy Ban Nhân sự
4. Ông Lý Vinh Quang – Thành viên HĐQT độc lập – Thành viên Ủy Ban Nhân sự
5. Ông Lê Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng lãnh đạo – Thành viên Ủy Ban Nhân sự
6. Giám đốc / Phó Giám đốc phụ trách Khối Nhân sự – Thư ký tổng hợp

Hoạt động nổi bật 2017

Các thành viên Ủy ban Nhân sự thường xuyên trao đổi, hội ý đưa ra các tư vấn, kiến nghị cho HĐQT về các vấn đề bổ nhiệm, miễn nhiệm, chuyển chuyển, điều động nhân sự cấp cao, công tác tổ chức sắp xếp nhân sự và các vấn đề liên quan đến chính sách nhân sự, tổ chức bộ máy và chiến lược phát triển toàn hàng.

- Công tác tư vấn, tham mưu cho HĐQT về công tác quản trị nguồn nhân lực:
- Đánh giá và tham mưu cho HĐQT trong công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cao cấp, chủ chốt: Bổ nhiệm 01 Giám đốc Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng và 01 Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp;
- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu tổ chức và nhân sự của các Khối / Phòng / Ban, đơn vị kinh doanh: thành lập mới 05 chi nhánh và 14 phòng giao dịch, tách / thành lập trung tâm Xử lý nợ, Trung tâm Quản lý và Hỗ trợ tín dụng, Phòng Ngân hàng điện tử thuộc Khối Khách hàng cá nhân, sát nhập trung tâm dịch vụ khách hàng và Trung tâm bán hàng qua điện thoại.
- Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng môi trường làm việc và cải thiện chế độ đãi ngộ cho người lao động:
- Chỉ đạo Ban Điều hành, Khối Nhân sự tập trung coi trọng công tác đào tạo đội ngũ quản lý kế cận; tổ chức thành công các chương trình đào tạo dành cho đội ngũ cán bộ nguồn tiềm năng cho vị trí Giám đốc chi nhánh, Trưởng Phòng Giao dịch và cấp quản lý của mảng Dịch vụ khách hàng;
- Xem xét, đánh giá và tư vấn cho HĐQT trong việc cải thiện lương và chế độ đãi ngộ cho cán bộ nhân viên toàn Ngân hàng.
- Công tác, đánh giá thi đua, khen thưởng: Tham mưu cho HĐQT, chỉ đạo Ban Điều hành, Khối Nhân sự về việc sử dụng các phương pháp đánh giá khoa học, khách quan, ghi nhận thành tích công bằng cho cán bộ nhân viên, ví dụ quy chế tạm ứng lương kinh doanh dựa trên lợi nhuận bình quân đầu người...

Định hướng năm 2018

Tham mưu cho HĐQT, chỉ đạo Ban Điều hành, Khối Nhân sự xây dựng nguồn nhân lực đủ về số lượng và chất lượng, nâng cao năng suất lao động.

- Đảm bảo chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cũng như tuyển dụng các vị trí chủ chốt nhằm thực hiện đúng kế hoạch phát triển mạng lưới đã được NHNN phê duyệt (gồm 05 chi nhánh và 40 phòng giao dịch);
- Rà soát, đánh giá, sắp xếp lại đội ngũ nhân lực hiện tại với mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động, năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực, giảm bớt tỷ trọng lao động gián tiếp, không tạo ra doanh thu, tăng cường nhân lực cho các bộ phận kinh doanh trực tiếp;
- Đảm bảo đào tạo nguồn nhân lực đầy đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phát triển của HDBank, triển khai có chất lượng hơn nữa chương trình đào tạo cán bộ nguồn 2018;
- Xây dựng chính sách giữ chân người tài, đảm bảo đánh giá và ghi nhận thành tích công bằng cho các cán bộ nhân viên;
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc chuyên nghiệp, xứng tầm một công ty đại chúng, chú trọng nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên.



ỦY BAN CÔNG NGHỆ

Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban Công nghệ là cơ quan do HĐQT thành lập, có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tham mưu và thay mặt cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách chiến lược phát triển công nghệ thông tin thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến hoạt động an toàn và tin cậy của hệ thống công nghệ thông tin đối với hoạt động ngân hàng theo quy định của Pháp luật và Điều lệ HDBank;
- Tham mưu, phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn đối với hoạt động vận hành liên tục hệ thống công nghệ thông tin của HDBank trước những nguy cơ và rủi ro tiềm ẩn có thể ảnh hưởng đến hoạt động HDBank và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách đối với hoạt động của hệ thống công nghệ thông tin hiện hành của HDBank để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của HĐQT trong từng thời kỳ;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo yêu cầu, chỉ đạo của HĐQT.

Thành viên của Ủy ban Công nghệ

1. Ông Lim Peng Khoon – Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử – Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Hữu Đặng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Phó Chủ tịch
3. Ông Chu Việt Cường – Thành viên HĐQT – Thành viên
4. Ông Phạm Văn Đẩu – Giám đốc Tài chính – Thành viên
5. Ông Trần Quốc Anh – Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân – Thành viên
6. Ông Nguyễn Phúc Dương – Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử – Thành viên
7. Ông Tào Thành Danh – Phó Giám đốc Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử – Thành viên
8. Bà Lê Anh Nhật Thư – Thư ký Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử – Thư ký

Hoạt động nổi bật

Trong năm 2017, Ủy ban Công nghệ thông qua 06 cuộc họp với định kỳ 02 tháng / lần bao gồm các nội dung chính như sau:

- Theo dõi, rà soát, thảo luận và đưa ra chỉ đạo cho các dự án chính liên quan Công nghệ thông tin trong năm 2017 như:
 - Dự án Thẻ: Hiện tại, dự án đã hoàn thành triển khai 3D Secure và Thẻ Khách hàng Doanh nghiệp, đồng thời, Ban dự án tiếp tục làm việc với các đối tác Outsource Thẻ quốc tế và đầu tư nâng cấp hệ thống IST;
 - Thiết bị hỗ trợ bán hàng: Tổng số thiết bị đã trang bị cho đơn vị kinh doanh là 1.360 thiết bị, trong đó người dùng khách hàng cá nhân có nhập liệu là 186 người dùng nhập liệu cho 235 khách hàng; 49 người dùng khách hàng doanh nghiệp nhập liệu cho 97 khách hàng;
 - Dự án Basel II: Chỉ đạo phối hợp thực hiện các yêu cầu tuân thủ quy định của NHNN, phối hợp với đối tác để triển khai xây dựng báo cáo tuân thủ tiêu chuẩn Basel II;
 - Đầu tư bổ sung bản quyền phần mềm (license) Microsoft, Oracle: Chỉ đạo phối hợp thực hiện với đối tác Microsoft và Oracle để tuân thủ bản quyền phần mềm và đảm bảo hiệu quả tối ưu cho Ngân hàng.
- Đề xuất, đánh giá, theo dõi tiến độ để án xây dựng Khối công nghệ thông tin thành Trung tâm lợi nhuận:

Chỉ đạo Khối Công nghệ thông tin và Ngân hàng điện tử phối hợp với Khối Tài chính kế hoạch và các Khối Kinh doanh phối hợp xây dựng đề án xây dựng Khối Công nghệ thông tin thành Trung tâm lợi nhuận theo chủ trương từ Ủy ban Công nghệ.

- Chỉ đạo, theo dõi tiến độ để án xây dựng HDBank thành ngân hàng số hàng đầu Việt Nam:

Tập trung xây dựng hệ sinh thái khách hàng theo chỉ đạo từ HĐQT: chỉ đạo lên kế hoạch cụ thể cho 05 năm về chi phí – lợi nhuận trên mục tiêu đạt được 15 triệu khách hàng vào năm 2021 dựa vào hệ sinh thái khách hàng từ Vietjet Air, HD SAISON, Saigon Coop, vv...

- Xem xét, phê duyệt kế hoạch công nghệ thông tin giai đoạn 2017 – 2020 bao gồm các dự án trọng điểm và chi phí đầu tư mới liên quan đến công nghệ thông tin.

Định hướng năm 2018

Năm 2018, Ủy ban Công nghệ tiếp tục vận hành, thảo luận và chỉ đạo những nội dung mang tính chiến lược về công nghệ thông qua các cuộc họp định kỳ hàng tháng và có lập biên bản họp, cụ thể:

- Tham mưu cho HĐQT, theo dõi và chỉ đạo mục tiêu chủ động khai thác hệ sinh thái khách hàng thông qua hệ thống ngân hàng số.
- Tham mưu, phân tích, đánh giá hiệu quả những dự án trọng điểm liên quan đến công nghệ thông tin nhằm tăng cường tự động hóa, cải tiến quy trình, chất lượng dịch vụ, tăng cường bảo mật, góp phần phát triển kinh doanh...
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp cho các chi phí đầu tư liên quan đến các dự án công nghệ thông tin.

ỦY BAN QUẢN LÝ TÀI SẢN NỢ - TÀI SẢN CÓ (ỦY BAN ALCO)



Chức năng và nhiệm vụ

Ủy ban ALCO là cơ quan do HĐQT thành lập, có các chức năng, nhiệm vụ sau:

- Tham mưu cho HĐQT trong việc xây dựng chiến lược, định hướng và ban hành các quy định, chính sách trong phạm vi thẩm quyền của mình liên quan đến vấn đề quản lý tài sản nợ, tài sản có của HDBank nhằm tối đa hóa lợi nhuận đồng thời đảm bảo đáp ứng nhu cầu về thanh khoản trong hoạt động ngân hàng phù hợp với quy định Pháp luật và Điều lệ HDBank;
- Xây dựng chính sách quản lý tập trung toàn bộ mọi nguồn vốn của HDBank, đảm bảo khả năng thanh toán và nguồn vốn cho hoạt động của Ngân hàng; xây dựng chính sách quản lý rủi ro tài sản nợ, tài sản có như rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại hối, rủi ro chính sách; xây dựng hệ thống các giới hạn quản lý tài sản nợ, tài sản có tại HDBank; xác định cơ cấu tài sản nợ, tài sản có tối ưu;
- Giám sát việc thực hiện các định hướng, chính sách, quy định liên quan đến quản lý tài sản nợ, tài sản có do HĐQT ban hành;
- Các chức năng, nhiệm vụ khác theo sự phân công của HĐQT trong từng thời kỳ.

Thành viên của Ủy ban ALCO

1. Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT – Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Hữu Đặng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Phó Chủ tịch
3. Bà Nguyễn Thị Tâm – Thành viên HĐQT độc lập – Thành viên
4. Ông Lim Peng Khoon – Thành viên HĐQT độc lập – Thành viên

Trong đó, bộ phận hỗ trợ giúp việc của Ủy ban ALCO gồm:

5. Ông Phạm Quốc Thanh – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
6. Ông Trần Quốc Anh – Giám đốc Khối Khách hàng Cá nhân – Thành viên
7. Ông Trần Hoài Nam – Phó Tổng Giám đốc – Thành viên
8. Ông Lê Thanh Tùng – Phó Tổng Giám đốc kiêm Chánh Văn phòng lãnh đạo – Thành viên
9. Ông Phạm Văn Đầu – Giám đốc Tài chính – Thành viên
10. Ông Hoàng Đức Long – Phó Giám đốc Khối Nguồn vốn và Kinh doanh tiền tệ – Thành viên
11. Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên – Kế toán trưởng – Thư ký tổng hợp

Hoạt động nổi bật

Trong năm 2017, Ủy ban ALCO tổ chức 12 cuộc họp vào định kỳ hàng tháng, đã tư vấn cho HĐQT ra các chính sách, quyết định liên quan đến việc quản lý rủi ro thanh khoản – rủi ro lãi suất; thiết lập cơ cấu nguồn vốn huy động và chi phí huy động vốn tối ưu để hỗ trợ sự phát triển bền vững của HDBank; quản lý cấu trúc bảng cân đối kế toán giúp đạt được các mục tiêu kinh doanh năm 2017 đồng thời điều chỉnh chính sách cơ chế mua bán vốn FTP phù hợp với tình hình thực tế nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị kinh doanh và các sản phẩm cho vay, huy động của Ngân hàng.

Định hướng năm 2018

- Ban hành hạn mức cho bộ chỉ tiêu quản trị nội bộ năm 2018;
- Ban hành tỷ trọng của các tài sản trọng yếu trên tổng tài sản nhằm tối ưu hóa lợi nhuận;
- Điều hành và quản lý lãi suất (bao gồm lãi suất điều chuyển vốn) phù hợp với thị trường và định hướng kinh doanh 2018 của HDBank;
- Quản lý chặt chẽ rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất;
- Rà soát và điều chỉnh chính sách quản lý tài sản nợ và tài sản có theo thông tư 41 và Basel II khi dự án được triển khai.





VĂN PHÒNG LÃNH ĐẠO

Chức năng và nhiệm vụ

Là đơn vị giúp việc cho HĐQT và Tổng Giám đốc, báo cáo trực tiếp cho các Thành viên HĐQT và Tổng Giám đốc. Về cơ cấu tổ chức, Văn phòng lãnh đạo gồm các bộ phận sau:

- Theo dõi các công việc được triển khai theo kế hoạch và chương trình do HĐQT, Ban Điều hành thông qua;
- Tiếp nhận, xem xét trước khi đệ trình hồ sơ của các Đơn vị HDBank lên HĐQT, Ban Điều hành;

- Chuẩn bị các báo cáo, tài liệu phục vụ trong các phiên họp của HĐQT và Ban Điều hành;
- Bộ phận đối ngoại cổ đông: thực hiện các công tác quản lý cổ đông;
- Ban quản lý dự án: rà soát, xây dựng các chiến lược của ngân hàng theo yêu cầu của HĐQT và Tổng Giám đốc từng thời kỳ, xây dựng các quy định, quy trình quản lý dự án và quản lý các dự án của toàn hệ thống HDBank.

Hoạt động nổi bật

- Hoạt động nổi bật năm 2017:
 - Tổ chức và phối hợp thực hiện thành công đợt IPO HDBank;
 - Tổ chức thành công các sự kiện xúc tiến đầu tư vào HDBank;
 - Cung cấp thông tin và chăm sóc cổ đông;
 - Tổ chức các sự kiện lớn như: lễ tổng kết hoạt động kinh doanh 2017, lễ đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì, ĐHCĐ 2017;
 - Tin học hóa Văn phòng lãnh đạo;
 - Thực hiện tốt công tác đánh giá các đơn vị tại Hội sở, đơn vị kinh doanh về chất lượng dịch vụ, thực thi quy định 5S, quan hệ nội bộ;
 - Kiểm soát và hỗ trợ các đơn vị kinh doanh trong công tác thực hiện chỉ tiêu kinh doanh 2017.
- Hoạt động năm 2018: trên cơ sở thành tích đã đạt được năm 2017, trong năm tới tập thể Văn phòng lãnh đạo sẽ tiếp tục phát huy hơn nữa năng lực tham mưu, hỗ trợ cho các thành viên HĐQT, Ban Điều hành.
 - Tiếp tục thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông và nhà đầu tư, là cầu nối thông tin giữa ngân hàng và các công ty chứng khoán, đơn vị tư vấn;
 - Tiếp tục giám sát và hỗ trợ các đơn vị kinh doanh trong công tác thực hiện chỉ tiêu 2017;
 - Phối hợp tổ chức tốt các sự kiện lớn của HDBank;
 - Thực hiện tốt các công tác đánh giá và nâng cao chất lượng dịch vụ;
 - Tích cực tham gia triển khai tin học hóa HDBank.



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

GIỚI THIỆU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát tại thời điểm 31/12/2017:

Tại thời điểm 31/12/2017, Ban Kiểm soát HDBank gồm có 03 thành viên chuyên trách. Cơ cấu Ban Kiểm soát không thay đổi so với thời điểm đầu năm. Danh sách cụ thể các thành viên Ban Kiểm soát và số lượng cổ phần HDBank sở hữu tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN ĐANG SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Đào Duy Tường	Trưởng Ban Kiểm soát	26.613.106	2,70%
2	Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên Ban Kiểm soát	100.000	0,01%
3	Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên Ban Kiểm soát	2.540	0,00%

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Thành viên Ban Kiểm soát có các quyền hạn và nghĩa vụ theo Điều lệ Ngân hàng, quy định của Luật Doanh nghiệp và Pháp luật liên quan, bao gồm:
 - Được quyền tiếp cận các tài liệu và thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Ngân hàng;
 - Được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của ngân hàng cung cấp số liệu giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công;
 - Được quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát và yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát họp bất thường;
 - Có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Ngân hàng và quy định nội bộ của Ban Kiểm soát một cách minh bạch, trung thực, thận trọng vì lợi ích tốt nhất của ngân hàng và cổ đông;
 - Có trách nhiệm Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình;
- Ngoài các quyền hạn và nghĩa vụ được quy định trong Điều lệ Ngân hàng, Ban Kiểm soát còn kiêm nhiệm các nghĩa vụ và quyền hạn sau:
 - Thực hiện giám sát tính hợp pháp trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng của HĐQT và Ban Điều hành và giám sát tình hình tài chính Ngân hàng. Trong trường hợp phát hiện hành vi vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ của các thành viên HĐQT và Ban Điều hành, Ban Kiểm soát có trách nhiệm lập văn bản thông báo tới Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm phải chấm dứt hành vi này và đề xuất các giải pháp khắc phục hậu quả;
 - Rà soát, kiểm tra, đánh giá các hoạt động kinh doanh, sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro;
 - Có trách nhiệm đề xuất, kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng;
 - Tham dự các cuộc họp HĐQT, đóng góp ý kiến và đưa ra kiến nghị nhưng không được biểu quyết.

Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017

Ban Kiểm soát đã thực hiện giám sát công tác quản trị, điều hành ngân hàng của HĐQT, Ban Điều hành nhằm đảm bảo hoạt động của HDBank được thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua, đồng thời tuân thủ theo quy định Pháp luật và Điều lệ ngân hàng. Qua đó, Ban Kiểm soát đánh giá HĐQT, Ban Điều hành đã điều hành hoạt động HDBank theo đúng các mục tiêu, nhiệm vụ chính do ĐHĐCĐ đề ra, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật và Điều lệ ngân hàng.

Trong năm, Ban Kiểm soát thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng của HĐQT, Ban Điều hành nhằm nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của ngân hàng. Ban Kiểm soát đã được cung cấp đầy đủ các thông tin, các tài liệu, báo cáo liên quan đến công tác quản trị, điều hành nhằm phục vụ cho công tác giám sát.

Triển khai công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch; thực hiện đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác kiểm toán, đổi mới phương thức ứng xử đối với từng mức độ nghiêm trọng của vấn đề phát hiện; đánh giá hiệu quả vận hành của hệ thống kiểm soát nội bộ, trong đó chú trọng đánh giá hiệu quả hoạt động của phòng ban Hội sở trong hệ thống vận hành. Từ các ghi nhận của Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát đã đưa ra những đề xuất, kiến nghị với HĐQT cũng như Ban Điều hành nhằm nâng cao hiệu quả trong vận hành, giảm thiểu rủi ro, hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao phó, đồng thời đảm bảo tính tuân thủ với quy định của Pháp luật, điều lệ HDBank. Trong năm 2017, Kiểm toán nội bộ đã thực hiện kiểm toán hoạt động nghiệp vụ tại 115 đơn vị, đạt 115% kế hoạch; kiểm tra đột xuất 266 cuộc, đạt 106,4% kế hoạch. Bên cạnh đó, Kiểm toán nội bộ thường xuyên tham gia trong công tác triển khai chương trình Basel II của ngân hàng. Về công tác đào tạo, Ban Kiểm soát chú trọng đến công tác đào tạo đối với các chức danh thuộc Kiểm toán nội bộ. Trong năm, Kiểm toán nội bộ thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ về chuyên môn nghiệp vụ, cập nhật kiến thức, quy định mới liên quan đến hoạt động của HDBank nhằm đảm bảo chất lượng kiểm toán hiệu quả.

Giám sát công tác quản trị Ngân hàng của HĐQT

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 09 phiên họp định kỳ, ngoài ra để ban hành kịp thời các nghị quyết, quyết định, HĐQT thường xuyên lấy ý kiến các thành viên HĐQT bằng văn bản. HĐQT đã ban hành các nghị quyết và quyết định để sửa đổi, ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định nhằm hoàn thiện công tác quản trị Ngân hàng, kiện toàn nhân sự cấp cao. Trong các phiên họp HĐQT nói riêng và hoạt động của HĐQT nói chung, các thành viên HĐQT đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, đã phát huy được kinh nghiệm, năng lực lãnh đạo của từng thành viên HĐQT. HĐQT đã hoạt động theo đúng quyền hạn và nhiệm vụ quy định trong Điều lệ Ngân hàng, kịp thời ban hành các chỉ đạo nhằm đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng trong giới hạn cho phép của NHNN, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng,

trích lập dự phòng rủi ro theo quy định, tăng cường xử lý nợ ngoại bảng, xử lý nợ xấu, tuân thủ các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng. Các nghị quyết, quyết định đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Ngân hàng, phù hợp với thực tiễn kinh doanh, đáp ứng được yêu cầu quản trị và nhu cầu phát triển kinh doanh của Ngân hàng.

Giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

Dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát, ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và việc thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 của Ngân hàng diễn ra theo đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Ngân hàng.

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam và thống nhất xác nhận như sau: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của HDBank tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, được trình bày theo đúng quy định của NHNN, phù hợp với hệ thống kế toán các Tổ chức tín dụng, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh

Ban Kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young Việt Nam và thống nhất xác nhận như sau: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của HDBank tại thời điểm ngày 31/12/2017, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017, được trình bày theo đúng quy định của NHNN, phù hợp với hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

Năm 2017, Ban Kiểm soát đã tổ chức 06 phiên họp, đồng thời thường xuyên trao đổi, thảo luận, thông qua các nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ được giao nhằm triển khai hiệu quả kế hoạch công tác năm và đánh giá kết quả thực hiện định kỳ hàng quý. Các thành viên Ban Kiểm soát đã tích cực triển khai và hoàn thành tốt nhiệm vụ được phân công.

NGÀY	SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN THAM DỰ	NỘI DUNG HỌP
21/04/2017	3/3	Bầu Trưởng Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022
20/07/2017	3/3	Sơ kết hoạt động kiểm toán nội bộ 06 tháng đầu năm Thông qua kết quả thẩm tra Báo cáo Tài chính 06 tháng năm 2017 Triển khai nhiệm vụ 06 tháng cuối năm
11/10/2017	3/3	Tổng kết hoạt động Kiểm toán nội bộ 09 tháng đầu năm 2017
20/11/2017	3/3	Tổng kết công tác Kiểm toán nội bộ năm 2017
21/12/2017	3/3	Triển khai công tác Kiểm toán nội bộ năm 2018
28/12/2017	3/3	Tổng kết hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2017 Triển khai kế hoạch công tác năm 2018 của Ban Kiểm soát

Sự phối hợp của Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành

Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT, Ban Điều hành và cán bộ quản lý khác của HDBank luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ các quy định của Pháp luật, của HDBank và vì lợi ích chung của Ngân hàng. HĐQT, Ban Điều hành tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ.

Đại diện Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ các phiên họp định kỳ của HĐQT, Ban Điều hành và một số cuộc họp quan trọng khác nhằm nắm bắt tình hình và làm cơ sở cho việc giám sát việc quản trị, điều hành Ngân hàng. Thông qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát đã có những kiến nghị, đề xuất với HĐQT để tăng cường khả năng quản trị, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh. Các khuyến nghị, đề xuất của Ban Kiểm soát đều được HĐQT, Ban Điều hành xem xét, chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Năm 2018, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện chức năng giám sát với các nhiệm vụ chính như sau:
- Giám sát hoạt động của HDBank luôn tuân thủ quy định của Pháp luật, NHNN Việt Nam và Điều lệ HDBank.
 - HĐQT, Ban Điều hành, trong việc quản trị điều hành hoạt động của HDBank an toàn hiệu quả, bám sát theo 06 chương trình hành động trọng tâm của Ban Điều hành đề ra:
 - Tăng trưởng hiệu quả, lợi nhuận và các chỉ số tài chính đạt theo chiến lược cam kết với nhà đầu tư, kiểm soát tốt tín dụng;
 - Phát triển ngân hàng điện tử, đảm bảo an ninh, an toàn trong thanh toán điện tử, thanh toán thẻ;
 - Tăng cường công tác quản lý rủi ro, giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, đẩy mạnh công tác quản lý và thu hồi nợ xấu;
 - Xây dựng nguồn nhân lực đủ về số lượng và chất lượng, nâng cao chất lượng nhân sự;
 - Nâng cao chất lượng hoạt động vận hành, phối hợp tốt giữa các Khối / Phòng / Ban và đơn vị kinh doanh vì mục tiêu phát triển chung của HDBank;
 - Đẩy mạnh công tác truyền thông, phát triển thương hiệu HDBank.

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC VÀ CHI PHÍ CHO TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

Chính sách thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát được chi trả theo chế độ và phê duyệt của ĐHĐCĐ. Các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng thù lao gắn với vị trí công việc và mức độ hoàn thành nhiệm vụ, tổng thù lao nằm trong hạn mức được phê duyệt. Chế độ đãi ngộ của HĐQT và Ban Kiểm soát được chi trả theo đúng các quy định của Luật Lao động và các quy định khác của HDBank, cụ thể như: chế độ sử dụng ô tô, chế độ sử dụng điện thoại di động, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong nước và đa quốc gia, các loại bảo hiểm khác, chế độ kiểm tra sức khỏe định kỳ, chế độ công tác phí.

Chi tiết thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2017 như sau:

Thù lao của Hội đồng Quản trị

STT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	2017 (VND)
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch HĐQT	1.674.899.000
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó chủ tịch thường trực HĐQT	Hưởng lương
3	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập	1.015.000.000
4	Ông Lưu Đức Khánh	Phó chủ tịch chuyên trách HĐQT	244.775.000
5	Ông Nguyễn Hữu Đăng	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Hưởng lương
6	Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên HĐQT	951.000.000
7	Ông Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	675.000.000
8	Ông Lý Vinh Quang	Thành viên HĐQT độc lập	250.000.000
9	Ông Lim Peng Khoon	Thành viên HĐQT	912.597.460

Thù lao của Ban Kiểm soát

STT	HỌ TÊN	CHỨC DANH	2017
1	Ông Đào Duy Tường	Trưởng Ban Kiểm soát	1.502.994.160
2	Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên	846.881.000
3	Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	278.500.000

HỢP ĐỒNG / GIAO DỊCH ĐÃ ĐƯỢC KÝ KẾT HOẶC ĐÃ ĐƯỢC THỰC HIỆN TRONG NĂM VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết xem Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017, phần thuyết minh “Giao dịch các bên liên quan”.





KIỂM SOÁT NỘI BỘ

HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức do HDBank ban hành, được thực hiện và duy trì để tạo ra sự đảm bảo hợp lý về khả năng đạt được mục tiêu của Ngân hàng.

Hoạt động kiểm soát nội bộ được tổ chức đảm bảo nguyên tắc ba (03) tuyến bảo vệ gồm:

- Tuyến thứ nhất: các cá nhân, bộ phận trực tiếp giao dịch, tiếp xúc với khách hàng, đối tác và tạo ra doanh thu; thực hiện chức năng, nhiệm vụ tác nghiệp hàng ngày theo các quy trình, quy định nội bộ đối với từng giao dịch, hoạt động kinh doanh của Ngân hàng;
- Tuyến thứ hai: các cá nhân, bộ phận hỗ trợ hoạt động kiểm soát nội bộ (pháp lý, tuân thủ, nhân sự, kế toán, công nghệ) và trực tiếp thực hiện chức năng quản lý rủi ro, đánh giá nội bộ mức độ đủ vốn của Ngân hàng;
- Tuyến thứ ba: các cá nhân, bộ phận thực hiện kiểm toán nội bộ của Ngân hàng.

Hệ thống kiểm soát nội bộ gồm các cấu phần như sau:

Môi trường kiểm soát

- Xây dựng các chuẩn mực đạo đức và ứng xử cho nhân viên; đảm bảo toàn bộ nhân viên nhận được, hiểu và tuân thủ các chuẩn mực này;
- Xác định rõ vai trò, nhiệm vụ, trách nhiệm quản trị và giám sát của HĐQT; thẩm quyền tương ứng với từng cấp quản trị và điều hành;

- Thiết lập các kênh trao đổi thông tin mở giữa HĐQT với Ban Kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập phù hợp với quy mô và đặc thù của ngân hàng;
- Xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, kênh báo cáo và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức.

Đánh giá rủi ro

- Quá trình nhận diện và đánh giá rủi ro bao gồm việc phát hiện và đánh giá tất cả các yếu tố bên trong và bên ngoài có ảnh hưởng tiêu cực đến việc đạt được mục tiêu của ngân hàng;
- Xây dựng cơ cấu tổ chức phù hợp và hệ thống chính sách quy trình hoạt động nhằm phát hiện, đánh giá và quản lý rủi ro có ảnh hưởng đến các mục tiêu hoạt động kinh doanh.

Hoạt động kiểm soát

- Xây dựng các hoạt động kiểm soát trong quy trình nghiệp vụ nhằm hạn chế các rủi ro ở mức độ hợp lý và đạt được mục tiêu hoạt động kinh doanh;
- Xây dựng các hoạt động kiểm soát bằng công nghệ thông tin để hỗ trợ việc đạt được các mục tiêu đề ra.

Thông tin và trao đổi

- Duy trì hệ thống thông tin thích hợp liên quan đến hoạt động kinh doanh;
- Thiết lập các kênh thông tin, trao đổi nội bộ và với bên ngoài phù hợp nhằm đảm bảo các mục đích kinh doanh.

Hoạt động giám sát

- Tổ chức lựa chọn, triển khai và thực hiện các đánh giá định kỳ và bất thường nhằm xác định việc các cấu phần kiểm soát nội bộ có thực tế tồn tại và phát huy hiệu quả hay không;
- Tổ chức đánh giá các thiếu hụt trong kiểm soát nội bộ và tuyên truyền kịp thời tới người có trách nhiệm thực hiện biện pháp khắc phục.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Môi trường kiểm soát với hệ thống, quy trình kiểm soát chuẩn mực, làm nền tảng cho công tác kiểm soát hiệu quả, hiệu suất. Hệ thống kiểm soát thường xuyên được cập nhật và cải tiến;

- Các nguy cơ rủi ro có ảnh hưởng đến mục tiêu và lợi ích của ngân hàng và cổ đông được đánh giá, báo cáo và kiểm soát kịp thời, phù hợp;
- Hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo sự phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch. Cán bộ nhân viên ở mọi vị trí đều phải có bản mô tả công việc, các chỉ tiêu KPIs và được đảm bảo điều kiện cần thiết để thực hiện các quy trình kiểm soát liên quan;
- Hệ thống thông tin về tài chính, tổ chức hoạt động tuân thủ yêu cầu về quản trị điều hành;
- Hệ thống công nghệ thông tin luôn được bảo trì, bảo vệ, giám sát, nâng cấp và áp dụng các cơ chế quản lý dự phòng độc lập, bảo đảm hoạt động kinh doanh và các hoạt động liên quan đến kiểm soát nội bộ.

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Môi trường kiểm soát với hệ thống, quy trình kiểm soát chuẩn mực, làm nền tảng cho công tác kiểm soát hiệu quả, hiệu suất. Hệ thống kiểm soát thường xuyên được cập nhật và cải tiến;
- Các nguy cơ rủi ro có ảnh hưởng đến mục tiêu và lợi ích của ngân hàng và cổ đông được đánh giá, báo cáo và kiểm soát kịp thời, phù hợp;
- Hệ thống kiểm soát nội bộ đảm bảo sự phân cấp ủy quyền rõ ràng, minh bạch. Cán bộ nhân viên ở mọi vị trí đều phải có bản mô tả công việc, các chỉ tiêu KPIs và được đảm bảo điều kiện cần thiết để thực hiện các quy trình kiểm soát liên quan;

- Hệ thống thông tin về tài chính, tổ chức hoạt động tuân thủ yêu cầu về quản trị điều hành;
- Hệ thống công nghệ thông tin luôn được bảo trì, bảo vệ, giám sát, nâng cấp và áp dụng các cơ chế quản lý dự phòng độc lập, bảo đảm hoạt động kinh doanh và các hoạt động liên quan đến kiểm soát nội bộ.



KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HỆ THỐNG KIỂM TOÁN NỘI BỘ

Kiểm toán nội bộ HDBank được thành lập theo quy định NHNN, là một bộ phận cấu thành hệ thống kiểm soát của HDBank. Kiểm toán nội bộ được tổ chức hoạt động theo ngành dọc dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát theo nguyên tắc độc lập, khách quan và chuyên nghiệp.

Điều hành hoạt động của Kiểm toán nội bộ là Trưởng Kiểm toán nội bộ với sự giúp việc của Phó trưởng kiểm toán nội bộ và các Trưởng kiểm toán nội bộ khu vực. Đến cuối năm 2017, tổng số nhân sự của Kiểm toán nội bộ là 37 người, chốt trên 03 khu vực là Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và Đồng Nai.

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

Hoạt động kiểm toán nội bộ triển khai theo cụm đơn vị, theo khu vực và theo nghiệp vụ, với phương pháp kiểm toán đan chéo, mở rộng và phối hợp. Thực hiện theo các hình thức kiểm toán, như: kiểm toán theo đoàn tại từng đơn vị / cụm đơn vị đối với các hoạt động nghiệp vụ của các đơn vị trong toàn hệ thống; kiểm toán Chuyên đề đối với những quy trình nghiệp vụ đánh giá theo định hướng rủi ro, có yếu tố chưa đảm bảo ngăn ngừa / kiểm soát sai sót trong vận hành, kiểm toán chuyên đề đối với các hoạt động nghiệp vụ có tính hệ thống; kiểm tra đột xuất đối với công tác an toàn kho quỹ, tiền mặt, hồ sơ tài sản đảm bảo, quản lý ấn chỉ quan trọng,... nhằm phát hiện / kiểm soát các vi phạm phát sinh có tính thời điểm. Tổ chức kiểm toán trong năm theo kế hoạch hoặc theo yêu cầu của HĐQT, Ban Kiểm soát hoặc khi phát hiện thông tin về dấu hiệu sai phạm, về khả năng phát sinh rủi ro.

Hàng năm, HDBank căn cứ vào kết quả kiểm toán năm trước nhằm xác định vùng rủi ro, căn cứ định hướng hoạt động của Ngân hàng, mục tiêu quản trị của Lãnh đạo,... để xây dựng và thông qua Ban Kiểm soát, HĐQT và Tổng Giám đốc Kế hoạch kiểm toán năm kế tiếp.

HOẠT ĐỘNG CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ NĂM 2017

Năm 2017, Kiểm toán nội bộ đã thực hiện hơn 100% kế hoạch, gồm: kiểm tra theo đoàn 115 / 220 đơn vị kinh doanh, kiểm tra đột xuất 266 cuộc tại các đơn vị kinh doanh, kiểm tra 03 chuyên đề.

Qua kết quả kiểm toán, ngoài những sai sót phát hiện trong quá trình kiểm toán, khuyến nghị đơn vị kinh doanh khắc phục, những sai sót hoặc phát hiện rủi ro do thiếu kiểm soát của các Phòng ban / Khối / Hội sở hoặc do văn bản còn bất cập, kiểm toán nội bộ làm việc và yêu cầu các Phòng ban / Khối nghiệp vụ / Hội sở rà soát, chấn chỉnh hoặc có biện pháp tăng cường kiểm soát; làm việc với Khối Công nghệ thông tin & Ngân hàng điện tử thiết kế chốt chặn ngay trong chương trình nhằm ngăn chặn sai sót trong vận hành. Ngoài ra, qua công tác kiểm toán cũng đã đánh giá được chất lượng kiểm soát theo ngành dọc đối với các phòng ban, nghiệp vụ Hội sở, góp ý sửa đổi biện pháp / tăng cường công tác kiểm soát của Hội sở.

Ngoài ra, Kiểm toán đã phân tích, đánh giá những yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động chung của hệ thống, đến hoạt động của từng đơn vị kinh doanh nhằm mục tiêu quản trị hệ thống, mặt khác để cảnh báo cho lãnh đạo đơn vị kinh doanh lưu ý có biện pháp khắc phục.

Kiểm toán nội bộ triển khai giám sát từ xa bằng các báo cáo truy xuất hàng ngày trên hệ thống theo tiêu chí giám sát để phát hiện kịp thời những bất ổn nhằm có biện pháp kiểm tra thích hợp.

ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC KIỂM TOÁN NĂM 2018

Ngoài những định hướng có tính chất thường xuyên, năm 2018, Kiểm toán nội bộ triển khai công tác kiểm toán theo các tiêu chí kiểm soát sau:

- Tiếp tục định hướng kiểm toán theo mục tiêu tìm giải pháp ngăn chặn rủi ro bằng công nghệ thông tin và cơ chế kiểm soát trong quy trình nghiệp vụ từ phân tích những sai sót được phát hiện;
- Phân tích nguyên nhân phát sinh nợ quá hạn theo từng sản phẩm, phân tích trách nhiệm của từng khâu của quy trình;
- Tiếp tục triển khai giám sát từ xa nhằm phát hiện các dấu hiệu bất thường để định hướng kiểm tra;
- Tổ chức kiểm toán theo cụm đơn vị nhằm có đánh giá về trách nhiệm quản lý đối với đơn vị chủ quản, triển khai kiểm toán đối với các phòng ban nghiệp vụ Hội sở;
- Cải tiến báo cáo kiểm toán theo hai (02) mục tiêu quản trị phục vụ cho cấp lãnh đạo và yêu cầu hoàn chỉnh hồ sơ sai sót cho các đơn vị được kiểm toán; tăng cường phân tích ảnh hưởng và trách nhiệm giám sát của Hội sở đối với đơn vị kinh doanh.

QUẢN LÝ RỦI RO

QUẢN LÝ RỦI RO VÀ BẢO TOÀN VỐN

Hoạt động quản lý rủi ro năm 2017

Năm 2017, HDBank đã đánh dấu sự hoàn thiện các hệ thống quản lý rủi ro bằng việc sửa đổi các quy chế, quy định quản lý rủi ro nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, hoàn thiện hệ thống. HDBank đã và đang triển khai công tác tự rà soát và kiểm soát các rủi ro về tín dụng, thị trường, thanh khoản, hoạt động nhằm chủ động phòng chống và cảnh báo kịp thời các rủi ro có thể xảy ra. Chính vì vậy, các tỷ lệ an toàn hoạt động của HDBank luôn nằm trong giới hạn cho phép của NHNN. Ngoài ra, HDBank thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo nhằm hoàn thiện kiến thức về quản lý rủi ro, cập nhật quy định mới và nâng cao ý thức quản lý rủi ro từ cấp quản lý đến nhân viên thông qua các chương trình đào tạo.

Trong năm 2017, công tác quản lý rủi ro của HDBank cũng được định hình qua việc xây dựng lộ trình triển khai Basel II với định hướng trở thành một trong những ngân hàng có hệ thống quản lý rủi ro hiện đại, hoạt động lành mạnh và bền vững, cam kết lợi ích cao nhất cho khách hàng.

Cơ cấu tổ chức quản trị rủi ro

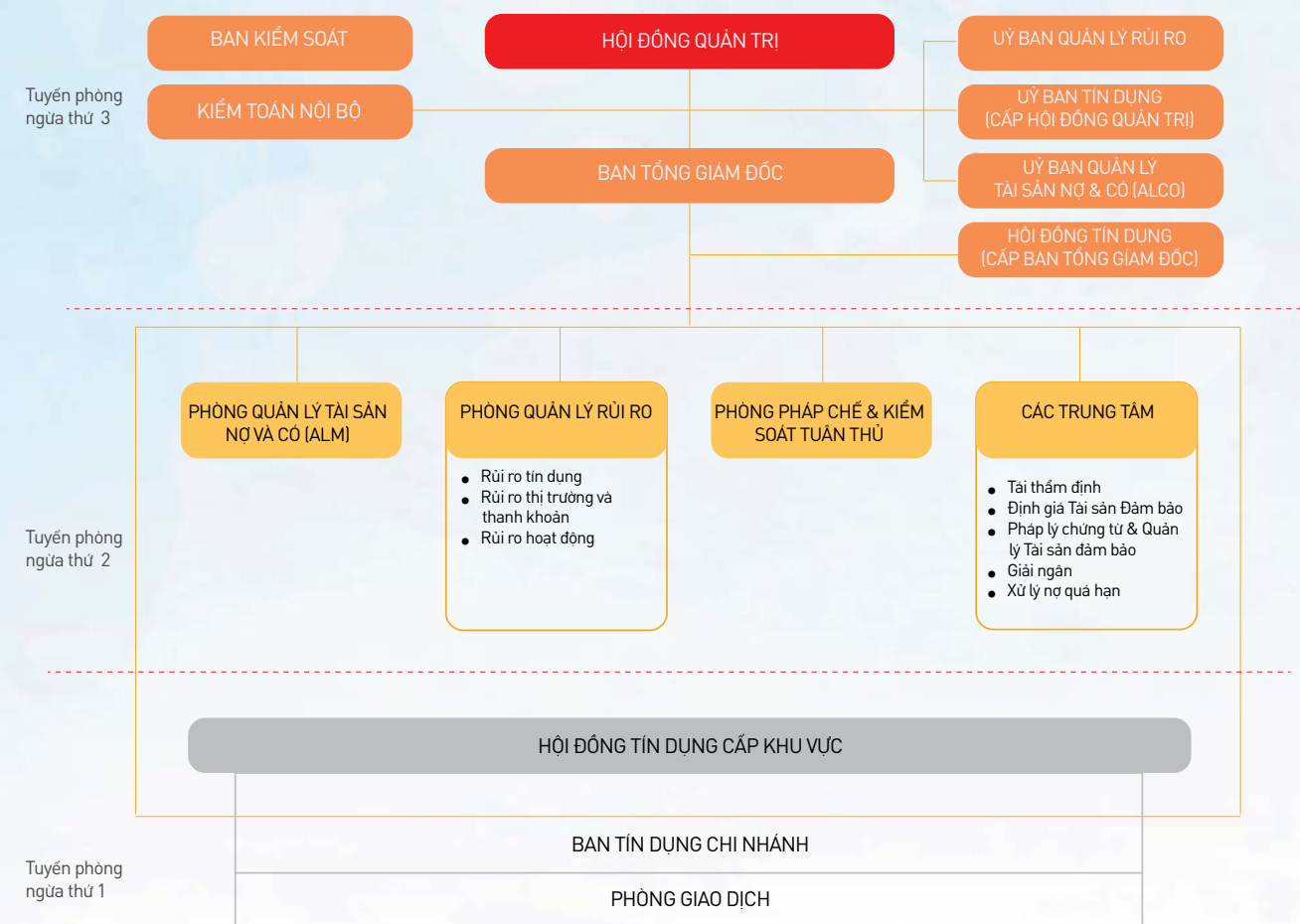
HDBank tổ chức triển khai quản lý rủi ro theo mô hình 03 tuyến bảo vệ của Basel: kiểm soát giao dịch tại các đơn vị kinh doanh, triển khai hệ thống giám sát của các Phòng ban Hội sở và kiểm tra, đánh giá độc lập của Ban Kiểm soát / Kiểm toán nội bộ.

Cơ cấu quản trị rủi ro của HDBank được chia làm ba (03) cấp: Quản trị rủi ro thuộc HĐQT, Quản trị rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc và Quản trị rủi ro thuộc các Chi nhánh. Cơ cấu này cũng được phản ánh ngay trong cơ cấu tổ chức của HDBank.

- Quản trị rủi ro thuộc Hội đồng Quản trị bao gồm các bộ phận hỗ trợ cho HĐQT như Ủy ban Quản lý Rủi ro, Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ và Có (ALCO), Ủy ban Tín dụng cấp HĐQT.
- Quản trị rủi ro thuộc Ban Tổng Giám đốc bao gồm:
 - Hội đồng Tín dụng cấp Ban Tổng Giám đốc; Hội Đồng Tín dụng cấp khu vực;
 - Một số phòng ban, Hội sở, bao gồm: Phòng Quản lý Rủi ro (thuộc Khối Quản lý Rủi ro), Phòng Quản lý Tài sản nợ & có, Phòng Kiểm soát tuân thủ, Phòng Pháp chế;
 - Các Trung tâm Hội sở, bao gồm: Trung tâm Tài thẩm định Tín dụng Cá nhân / Doanh nghiệp, Trung tâm Định giá Tài sản bảo đảm, Trung tâm Giải ngân, Trung tâm Pháp lý Chứng từ tín dụng, Trung tâm Xử lý nợ quá hạn;
 - Quản trị rủi ro thuộc các Chi nhánh: bao gồm Ban Tín dụng Chi nhánh; Phòng Quản lý và hỗ trợ tín dụng và các kiểm soát viên Chi nhánh.



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ RỦI RO



Hệ thống quy định, giới hạn, chỉ số an toàn

Hệ thống các quy định, giới hạn và chỉ số an toàn tiếp tục được Ngân hàng xây dựng và hoàn thiện. Hệ thống các quy định được tổ chức theo ba cấp: Quy chế (do HĐQT ban hành để ra các định hướng, chính sách chung), Quy định và Hướng dẫn / Sản phẩm (do Tổng Giám đốc ban hành, triển khai phù hợp trong từng thời kỳ), bao gồm tất cả các nghiệp vụ, nhằm chuẩn hóa hoạt động và đảm bảo an toàn cho Ngân hàng.

Từ năm 2013, Ngân hàng đã triển khai thành công hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và tiêu chuẩn 5S (Sàng lọc – Sắp xếp – Sạch sẽ – Sẵn sàng – Sẵn sàng).

Ngoài ra, Ngân hàng cũng xây dựng và điều chỉnh thường xuyên hệ thống các giới hạn liên quan đến các nghiệp vụ tín dụng, kinh doanh tiền tệ, đầu tư và các chỉ số an toàn hoạt động (KRI) liên quan về thanh khoản, tính cân đối của tài sản Nợ và Có..., phù hợp với quy định của NHNN Việt Nam và với đặc thù hoạt động của HDBank.

Hệ thống kiểm tra, giám sát

Hệ thống giám sát, kiểm soát, kiểm tra được HDBank đặc biệt chú trọng và làm cơ sở để phát hiện, cảnh báo, ngăn chặn rủi ro. Hệ thống này áp dụng đồng thời nhiều phương pháp: Tự động thông qua hệ thống Công nghệ thông tin, định kỳ (hàng ngày, hàng tháng ...), thực hiện bởi các Phòng Ban Kiểm soát chuyên trách hoặc ngay trong từng giao dịch phát sinh, trong đó HDBank đã triển khai công tác giám sát các giao dịch đáng ngờ nếu có phát sinh tại các đơn vị.

Các báo cáo về kết quả giám sát, kiểm tra thực tế với số liệu, phân tích, cảnh báo, đề xuất cụ thể, được gửi kịp thời đến Ban Điều hành, HĐQT để có chỉ đạo xử lý phù hợp, kịp thời.

Áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo Basel II

Trong quý IV năm 2016, Ngân hàng đã thuê Công ty Kiểm toán Ernst & Young tư vấn rà soát hiện trạng hoạt động quản lý rủi ro so với yêu cầu Basel II (Gap) và rà soát kết quả dự kiến sẽ tính toán vốn yêu cầu (CAR) theo Basel II, làm cơ sở để xây dựng lộ trình (Roadmap) triển khai áp dụng hệ thống quản lý rủi ro theo Basel II trong vòng 2 - 3 năm tới, với rất nhiều dự án hoàn thiện hệ thống quản lý rủi ro hiện có, bao gồm cơ cấu tổ chức, quy định, giới hạn, mô hình, dữ liệu, phần mềm... Trong năm 2018, HDBank tiếp tục triển khai dự án Basel II với sự tư vấn của các đối tác nước ngoài nhằm đảm bảo tuân thủ quy định của NHNN trước thời hạn 2020.

CÁC HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ RỦI RO

Quản trị rủi ro tín dụng

HDBank đã thiết lập hệ thống cấp tín dụng chặt chẽ xuyên suốt từ Hội sở đến các đơn vị kinh doanh bao gồm đầy đủ các bộ phận ở tất cả các khâu: Bán hàng, thẩm định, phê duyệt, giải ngân, thu nợ. Quy trình cấp tín dụng được áp dụng theo nguyên tắc độc lập ở các khâu đề xuất – thẩm định/định giá – phê duyệt, trong đó xác định rõ từng bước và trách nhiệm của từng đối tượng tham gia.

HDBank cũng đã xây dựng các quy định khá chặt chẽ về cấp tín dụng, tài sản bảo đảm, xây dựng các giới hạn về cơ cấu cho vay theo ngành nghề, mục đích, loại tài sản bảo đảm... nhằm hạn chế các rủi ro tập trung.

Bên cạnh đó, HDBank đã xây dựng thành công (với sự tư vấn của Công ty Kiểm toán hàng đầu) hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ đối với khách hàng là cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức tín dụng và đã trình NHNN áp dụng chính thức kể từ năm 2011, làm cơ sở quan trọng trong quá trình xem xét cấp tín dụng, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro. HDBank cũng đã thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng này.

HDBank đang triển khai, hoàn thiện nhiều hệ thống, công cụ nhằm cải tiến cũng như kiểm soát tốt hơn, trong đó có hệ thống quản lý khởi tạo khoản vay (Loan Origination), hệ thống quản lý giới hạn (Limit Control), hệ thống phê duyệt tập trung tại các trung tâm phê duyệt, hệ thống giải ngân và thực hiện thủ tục hợp đồng, công chứng tập trung tại các trung tâm quản lý hỗ trợ tín dụng...

Công tác xử lý nợ quá hạn tiếp tục được chú trọng thông qua hoạt động thường xuyên của Ủy ban chỉ đạo xử lý nợ quá hạn với tham gia của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và phối hợp của các khu vực, áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu hiệu quả, phù hợp với chính sách Nhà nước. Trong năm 2017, HDBank đã triển khai rất tốt công tác xử lý nợ xấu phù hợp với chính sách chung của NHNN và đạt tỷ lệ nợ xấu 1,5%.

Quản trị rủi ro thanh khoản, thị trường

HDBank tiếp tục hoàn thiện mô hình quản lý rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất (với sự tư vấn của Công ty kiểm toán hàng đầu) phù hợp với chuẩn mực quốc tế như phân tích chênh lệch kỳ hạn, chênh lệch kỳ thay đổi lãi suất, độ nhạy biến động NII, phân tích kích bản, thử sức chịu đựng... và các chỉ số theo Basel II như chỉ số đảm bảo thanh khoản (LCR), chỉ số đảm bảo nguồn vốn (NSFR).

Bộ phận Quản lý Rủi ro Thanh khoản & Thị trường đã thực hiện giám sát, cảnh báo thường xuyên các giới hạn trong kinh doanh ngoại hối, đầu tư chứng khoán nợ & vốn. Các chỉ số an toàn thanh khoản, an toàn hoạt động theo quy định của NHNN luôn được đảm bảo.

Ngoài ra, HDBank cũng từng bước áp dụng tính VAR cho hoạt động kinh doanh ngoại hối (theo tư vấn của chuyên gia dự án JICA – NHNN) nhằm dự báo mức tổn thất tối đa và sẽ tiếp tục triển khai cho các hoạt động tương tự khác.

Quản trị rủi ro hoạt động

Chức năng quản lý rủi ro hoạt động tiếp tục được hoàn thiện thông qua chính sách quản lý rủi ro hoạt động và từng bước triển khai giám sát các chỉ số rủi ro liên quan đến nhân sự, hệ thống công nghệ thông tin v.v.

HDBank đã từng bước triển khai hoạt động thu thập dữ liệu tổn thất (LDC- Loss Data Collection) và hoạt động tự đánh giá chốt kiểm soát & rủi ro (RCSA) theo mô hình của Công ty tư vấn nước ngoài.

Hệ thống dữ liệu và quản trị dữ liệu

Cuối năm 2016, HDBank tiếp tục rà soát hệ thống quản trị dữ liệu và các trường (field) dữ liệu trên hệ thống (theo tư vấn của Công ty Kiểm toán hàng đầu), làm cơ sở để triển khai các dự án hoàn thiện dữ liệu và quản trị dữ liệu phù hợp theo thông lệ quốc tế.



PHÁP CHẾ VÀ TUÂN THỦ

HOẠT ĐỘNG PHÁP CHẾ

Tóm tắt hoạt động pháp chế 2017

Nhận thức rõ vai trò nền tảng và xương sống của công tác pháp chế và tuân thủ trong hoạt động của một doanh nghiệp nói chung và hoạt động của doanh nghiệp trong ngành ngân hàng nói riêng, năm 2017, HDBank đã thực hiện và đạt được mục tiêu đặt ra là:

- Đảm bảo hoạt động của hệ thống HDBank an toàn pháp lý. Đặc biệt trong bối cảnh các quy định Pháp luật chính, liên quan có sự thay đổi, ban hành mới (như Bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp, Luật Kinh doanh Bất động sản, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, các thông tư nghiệp vụ của NHNN ban hành...), dẫn đến các hoạt động giao dịch, kinh doanh của Ngân hàng ở góc độ pháp lý sẽ có sự thay đổi theo, do đó, việc rà soát, điều chỉnh và kiểm soát pháp lý các quy định nội bộ, quy trình nghiệp vụ, sản phẩm kinh doanh và hệ thống biểu mẫu giao dịch cũng đã được thực hiện và hoàn thiện tốt. Bên cạnh đó, một phần nghiệp vụ quan trọng và thường xuyên là công tác Kiểm soát đảm bảo an toàn pháp lý, bảo vệ và gia tăng quyền, lợi ích của HDBank trong các giao dịch, hợp đồng,

thỏa thuận với đối tác, khách hàng luôn được thực hiện kỹ lưỡng, chặt chẽ và kịp thời, đáp ứng nhu cầu kinh doanh, phát triển của hệ thống;

- Công tác đại diện Ngân hàng tham gia tố tụng trước các cơ quan Pháp luật, tham gia giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng cũng như tránh các thiệt hại liên quan xảy ra cũng được thực hiện bài bản và đúng quy định;
- Phổ biến Pháp luật liên quan thông qua nhiều kênh và nhiều biện pháp để cán bộ nhân viên có thể nắm bắt, ứng dụng vào nghiệp vụ của mình;
- Cho công tác tâm vĩ mô, HDBank đã có các góp ý xây dựng các dự thảo quy định Pháp luật liên quan và kiến nghị quy định cần thay đổi, góp phần hoàn thiện hệ thống quy định Pháp luật, quy định của NHNN được phù hợp, rõ ràng, thông suốt và sát với thực tế, nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh cho hệ thống các Ngân hàng thương mại.

Định hướng hoạt động pháp chế 2018

Tiếp nối các kết quả đạt được cũng như xu hướng hoạt động sau khi HDBank tham gia niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, công tác pháp chế và tuân thủ đặt ra mục tiêu cao hơn, do đó:

- Bên cạnh mục tiêu HDBank tiếp tục thực hiện và nâng cao công tác pháp chế ngân hàng, tư vấn Pháp luật cho toàn hệ thống, kiểm soát pháp lý cho các giao dịch, hoạt động của HDBank, sâu và rộng, đảm bảo chất lượng kết quả thực hiện, vừa đảm bảo tính tuân thủ cao trong hoạt động, an toàn và phát triển bền vững, vừa đảm bảo hài hòa với mục tiêu kinh doanh. HDBank còn phải cần triển khai các công tác để bảo đảm tuân thủ các quy định trong công bố thông tin, minh bạch trong hoạt động của công ty niêm yết, các công tác phòng chống rửa tiền, phòng chống tham nhũng theo yêu cầu của quy định và các cơ quan hữu quan sẽ được giám sát, thực thi chặt chẽ;
- Tạo thêm lợi thế cho hoạt động của HDBank, tiếp tục tư vấn pháp lý cho các giải pháp, sản phẩm, quy định phục vụ kinh doanh, chính sách mảng kinh doanh chính của HDBank, gia tăng giá trị doanh nghiệp cao, gia tăng lợi ích cho cổ đông, cho các nhà đầu tư tin tưởng HDBank;
- Các vụ kiện, vụ án liên quan đến hoạt động của ngành ngân hàng ngày càng phức tạp và phát sinh, cần lực lượng thiện chiến pháp lý để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do đó, bộ phận chuyên trách công tác tham gia tố tụng sẽ được quy hoạch và bồi dưỡng, đảm bảo đủ khả năng tốt đại diện bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng theo quy định Pháp luật;
- Tham gia tư vấn và thực hiện công việc pháp lý đối với các Dự án chiến lược của Ngân hàng, cho sự phát triển chung của hệ thống.



HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT TUÂN THỦ

Chức năng:

- Phòng Kiểm soát tuân thủ được bố trí độc lập, giúp Ban Tổng Giám đốc kiểm tra, kiểm soát hoạt động của các Khối / Phòng / Ban / Trung tâm, các đơn vị kinh doanh; hỗ trợ các đơn vị kinh doanh kiểm soát hoạt động trong nội bộ đơn vị;
- Theo dõi tuân thủ các chính sách, thủ tục trên toàn hệ thống HDBank và báo cáo cho Ban Tổng giám đốc.

Nhiệm vụ:

- Xác định, đo lường và đánh giá rủi ro tuân thủ;
- Hướng dẫn và phổ biến các nguyên tắc tuân thủ;
- Các nhiệm vụ khác: đấu mối thực hiện phòng, chống tham nhũng; đấu mối thực hiện phòng, chống rửa tiền của HDBank; đấu mối theo dõi chấn chỉnh, khắc phục sau thanh tra, kiểm tra tại HDBank...

Tóm tắt hoạt động kiểm soát tuân thủ 2017:

- Xây dựng chương trình theo dõi chỉnh sửa sau thanh tra, kiểm toán để tự động hóa việc nhắc nhở chỉnh sửa hàng tháng;
- Xây dựng thêm chỉ tiêu giám sát trên hệ thống để kịp thời phát hiện dấu hiệu vi phạm trong giao dịch, hoạt động nghiệp vụ;
- Làm tốt công tác phối hợp chuyển thông tin vi phạm tuân thủ để các Khối nghiệp vụ có biện pháp chế tài đối với đơn vị vi phạm.

Định hướng hoạt động kiểm soát tuân thủ 2018

- Tăng cường công tác giám sát từ xa, kịp thời phát hiện dấu hiệu nghi ngờ trong quá trình hoạt động tại đơn vị kinh doanh để ngăn chặn các rủi ro tiềm ẩn;
- Đánh giá mức độ rủi ro của sản phẩm từ đó tập trung kiểm tra đối với các sản phẩm tiềm ẩn tính rủi ro cao;
- Kiểm tra tuân thủ chú trọng vào rủi ro, phân tích bản chất các sai phạm, đánh giá nguyên nhân sai phạm để trình biện pháp khắc phục tránh lặp lại lỗi, hạn chế rủi ro phát sinh.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa các cổ đông

Trong những năm qua, HDBank luôn chú trọng thực hiện các nghĩa vụ với cổ đông dựa trên nguyên tắc tuân thủ Pháp luật và đảm bảo lợi ích cao nhất, công bằng cho các bên. Việc thực thi các chính sách bảo vệ quyền lợi cổ đông và đảm bảo sự bình đẳng giữa cổ đông lớn và cổ đông thiểu số luôn được HDBank chú trọng để đảm bảo các cổ đông được cung cấp thông tin kịp thời, minh bạch. Các quyền lợi về tài sản, được tham gia ý kiến và các quyền lợi khác của cổ đông theo Luật Doanh nghiệp, Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng đều được đảm bảo.

Chính sách chi trả cổ tức

HDBank hiểu rằng một trong những quyền quan trọng nhất của cổ đông là quyền được nhận cổ tức. Trong nhiều năm qua, Ngân hàng luôn nằm trong số ít các ngân hàng trên thị trường thực hiện chi trả cổ tức đều đặn bằng tiền mặt và / hoặc cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thưởng. Đây là một phần trong chính sách của ngân hàng nhằm thực hiện cam kết đảm bảo lợi ích cao nhất cho các cổ đông. Bên cạnh đó, HDBank đã thực hiện cung cấp đầy đủ thông tin, giải đáp kịp thời mọi thắc mắc, giúp cổ đông hiểu rõ thủ tục chi trả cổ tức, tạo ra sự đồng thuận giữa cổ đông và ngân hàng.

TỶ LỆ CHI TRẢ CỔ TỨC QUA CÁC NĂM

THỜI GIAN THỰC TẾ CHI TRẢ CỔ TỨC	2013	2014	2015	2016	2017
1. Tỷ lệ chi trả cổ tức / Vốn điều lệ	3,50%	5,00%	-	10,00%	7,00%
2. Tỷ lệ phát hành cổ phiếu thưởng / Vốn điều lệ			-	-	2,00%
Tổng cộng	3,50%	5,00%	-	10,00%	9,00%
Hình thức chi trả	Tiền mặt	Tiền mặt	-	Tiền mặt	Cổ phiếu

Nguồn: HDBank

GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐỐI VỚI CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY NIÊM YẾT

STT	NGƯỜI THỰC HIỆN GIAO DỊCH	QUAN HỆ VỚI NGƯỜI NỘI BỘ	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU ĐẦU KÝ		SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KÝ		LÝ DO TĂNG, GIẢM (MUA, BÁN, CHUYỂN ĐỔI, THƯỜNG...)
			SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	SỐ CỔ PHIẾU	TỶ LỆ (%)	
1	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực	18.303.580	2,07	35.961.580	3,67	Mua cổ phần chào bán riêng lẻ
2	Ông Phạm Văn Đẩu	Giám đốc Tài chính	0	0,00	42.182.999	4,30	Mua cổ phần chào bán riêng lẻ
3	Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh	Vợ Ông Nguyễn Hữu Đăng (Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc)	3.406.689	0,39	0	0,00	Chuyển nhượng
4	Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	70.523	0,01	0	0,00	Chuyển nhượng
5	Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái	Phó Tổng Giám đốc	27.136	0,00	0	0,00	Chuyển nhượng
6	Bà Lê Thị Tiếp	Vợ ông Nguyễn Thành Đô (Phó Chủ tịch - Thành viên HĐQT độc lập)	265.070	0,03	0	0,00	Chuyển nhượng
7	Bà Hồ Đăng Hoàng Quyền	Kế toán trưởng	1.000	0,00	0	0,00	Chuyển nhượng





DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN (TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2017)

STT	TÊN TỔ CHỨC / CÁ NHÂN	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY (NẾU CÓ)	THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU LÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	THỜI ĐIỂM KHÔNG CÒN LÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	LÝ DO	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KỲ (%)	LOẠI CỔ ĐÔNG	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ									
1	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch HĐQT	22/10/2010			0	0,0000	Nội bộ	
	Bà Lưu Thị Việt Hồng					3.270.000	0,3333	Người có liên quan	Con gái
2	Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch Thường trực HĐQT	30/06/2005			35.961.580	3,6658	Nội bộ	
	Công ty Cổ phần Sovico					130.899.221	13,3434	Người có liên quan	Cổ đông chính - Tổng giám đốc - Đại diện
3	Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch Chuyên trách HĐQT	03/07/2009			2.725.000	0,2778	Nội bộ	
4	Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT độc lập	21/04/2017					Nội bộ	
	Ông Trần Tú Thi					50.000	0,0051	Người có liên quan	Con rể
5	Ông Nguyễn Hữu Đăng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	31/12/2010			26.149.536	2,6656	Nội bộ	
6	Ông Chu Việt Cường	Thành viên HĐQT	25/04/2014			100.000	0,0102	Nội bộ	

STT	TÊN TỔ CHỨC/ CÁ NHÂN	CHỨC VỤ TẠI CÔNG TY (NẾU CÓ)	THỜI ĐIỂM BẮT ĐẦU LÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	THỜI ĐIỂM KHÔNG CÒN LÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN	LÝ DO	SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU CUỐI KỲ	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHIẾU CUỐI KỲ (%)	LOẠI CỔ ĐÔNG	QUAN HỆ VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ
BAN ĐIỀU HÀNH									
1	Ông Nguyễn Hữu Đăng	Tổng Giám đốc	22/10/2010			26.149.536	2,6656	Nội bộ	
2	Ông Phạm Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	11/03/2013					Nội bộ	
	Bà Phạm Thị Truyền					100.000	0,0102	Người có liên quan	Chị ruột
3	Ông Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài chính				42.182.999	4,30	Nội bộ	
4	Ông Đào Duy Tường	Trưởng Ban Kiểm soát	03/12/2010			26.613.106	2,7129	Nội bộ	
	Ông Đào Anh Minh					200.000	0,0204	Người có liên quan	Con trai
5	Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên Ban Kiểm soát	23/07/2008			2.540	0,0003	Nội bộ	
6	Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên Ban Kiểm soát	26/04/2013			100.000	0,0102	Nội bộ	
7	Bà Nguyễn Thị Bích					2.180	0,0002	người có liên quan	Em gái



THÔNG TIN VỀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN VÀ THÔNG TIN GIÁ CỔ PHIẾU

CỔ PHẦN:

Tổng số 980.999.979 cổ phần phổ thông của HDBank (tương đương với điều lệ của HDBank là 9.809.999.790.000 đồng) bao gồm:

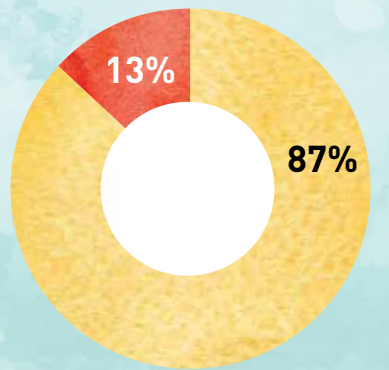
- Số lượng cổ phần lưu hành: 980.999.771 cổ phần
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 208 cổ phiếu
 - Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 716.265.997 cổ phần
 - Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng (do quy định về niêm yết và phát hành riêng lẻ): 264.733.982 cổ phần
- HDBank không có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (TẠI 31/12/2017)

Theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn – sở hữu trên 5% vốn cổ phần, cổ đông nhỏ)

STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ CỔ PHẦN
1	Cổ đông lớn (*)	1	130.899.221	13,34%
2	Cổ đông nhỏ	2.303	850.100.758	86,66%
	Tổng cộng	2.304	980.999.979	100%

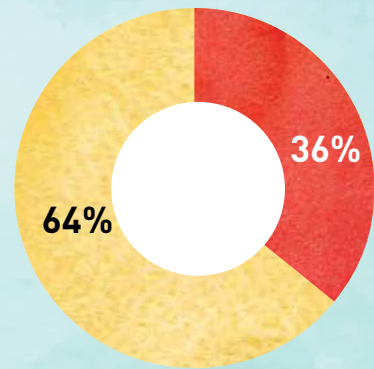
(*) HDBank chỉ có một cổ đông lớn sở hữu >5% cổ phần là Công ty Cổ phần Sovico, hiện sở hữu 13,34% cổ phần của Ngân hàng. Không có bất kỳ cổ đông nào khác sở hữu đến 5% cổ phần của Ngân hàng.



Cổ đông lớn Cổ đông nhỏ

Theo tiêu chí cổ đông pháp nhân và cổ đông thể nhân

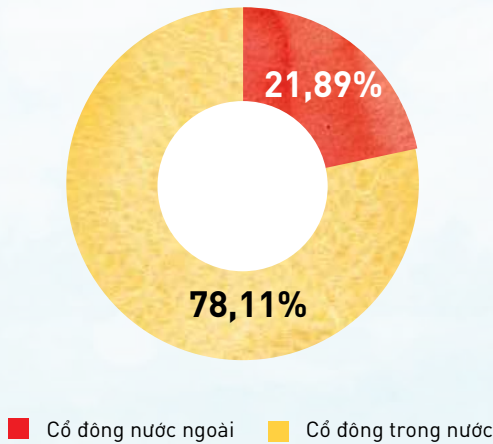
STT	NỘI DUNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ CỔ PHẦN
I. Cổ đông trong nước				
1	Pháp nhân (trong đó 1 cổ phiếu quỹ, 208 cổ phần)	43	409.208.674	41,71%
2	Thể nhân	2.181	357.050.465	36,40%
3	Tổng cộng	2.224	766.259.139	78,11%
II. Cổ đông nước ngoài				
1	Pháp nhân	76	214.264.955	21,84%
2	Thể nhân	4	475.885	0,05%
3	Tổng cộng	80	214.740.840	21,89%
TỔNG CỘNG (I + II)		2.304	980.999.979	100 %



Cổ đông thể nhân Cổ đông pháp nhân

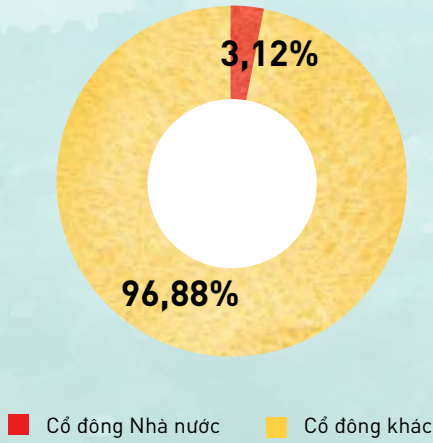
Theo tiêu chí cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài

LOẠI CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
Cổ đông trong nước	2.224	766.259.139	78,11%
Cổ đông nước ngoài	80	214.265.431	21,89%
TỔNG CỘNG	2.304	980.999.979	100%



Theo tiêu chí cổ đông Nhà nước và cổ đông khác

LOẠI CỔ ĐÔNG	TỔNG SỐ CỔ ĐÔNG	SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN	TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
Cổ đông Nhà nước	7	30.602.537	3,12%
Cổ đông khác	2.297	950.397.442	96,88%
TỔNG CỘNG	2.304	980.999.979	100%



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Trong năm 2017, HDBank có 02 đợt tăng vốn điều lệ, cụ thể:

Đợt 1: Vào ngày 30/10/2017, HDBank phát hành cổ phiếu trả cổ tức và phát hành cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Vốn điều lệ tăng từ 8.100.000.000.000 đồng lên 8.828.999.810.000 đồng.

Đợt 2: Vào ngày 14/12/2017, HDBank phát hành cổ phiếu riêng lẻ. Vốn điều lệ tăng từ 8.828.999.810.000 đồng lên 9.809.999.790.000 đồng.

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Trong năm 2017, HDBank không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ. Tính đến thời điểm 31.12.2017, HDBank đang nắm giữ 208 cổ phiếu quỹ.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

188 GIỚI THIỆU VỀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

194 CÁC NỘI DUNG VỀ
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Hướng đến *bền vững*
Phát triển cộng đồng



GIỚI THIỆU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

GIỚI THIỆU VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2017 chứng kiến sự chuyển mình mạnh mẽ của HDBank với mức tăng trưởng vượt bậc về doanh thu và hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp. Là năm bản lề của chiến lược phát triển giai đoạn 2017 - 2021, năm vừa qua cũng chính là giai đoạn chuẩn bị then chốt để con tàu HDBank sẵn sàng cho hành trình vươn ra biển lớn. Với định hướng chiến lược rõ ràng, tinh thần chủ động hội nhập, cùng triết lý kinh doanh cốt lõi “Ra khơi để cam kết mang lại lợi ích cao nhất cho các bên liên quan”, HDBank đặt lòng nhiệt huyết của tập thể cán bộ công nhân viên, tâm huyết của Ban lãnh đạo vào định hướng phát triển bền vững, lan tỏa các giá trị tốt đẹp, trở thành nhân tố đóng góp đáng kể cho sự phát triển lâu dài của mỗi cá nhân, nền kinh tế và toàn xã hội.

Bên cạnh mục tiêu tăng trưởng tài chính, HDBank cũng đồng thời tham gia tích cực vào sự phát triển môi trường và xã hội. Chỉ tiêu phát triển bền vững, phương pháp giải quyết các vấn đề Ngân hàng đang đối mặt và hiệu quả đạt được trong năm 2017 đã được HDBank lần đầu công bố thông tin vào năm 2017. Các nội dung này được tổng hợp dựa trên hoạt động của Ngân hàng mẹ và các công ty con về các vấn đề được các bên liên quan quan tâm nhiều nhất, các lĩnh vực trọng yếu về vấn đề môi trường và xã hội, cũng như những khía cạnh khác nhằm phản ánh đầy đủ hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

PHẠM VI, GIAI ĐOẠN CÔNG BỐ THÔNG TIN

Việc công bố thông tin được lập trong phạm vi hoạt động của HDBank trên lãnh thổ Việt Nam bao gồm Ngân hàng mẹ có trụ sở chính tại Thành phố Hồ Chí Minh, các công ty con và tất cả chi nhánh, phòng giao dịch trên toàn quốc. Thông tin và dữ liệu sử dụng để công bố thông tin được cập nhật theo năm tài chính của Ngân hàng và các công ty con, bắt đầu từ ngày 01/01/2017 và kết thúc ngày 31/12/2017. Các thông tin về việc làm, an toàn lao động, xã hội, môi trường được tổng hợp từ các hoạt động thực tế tại HDBank; phản ánh kết quả hoạt động năm 2017; đồng thời đề cập đến định hướng và chiến lược của HDBank trong những năm tới đối với vấn đề phát triển bền vững.

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Việc công bố thông tin được xây dựng dựa trên hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, IFC theo Tài liệu hướng dẫn doanh nghiệp lập Báo cáo thường niên năm 2016 của Viet Nam Annual Report Awards (ARA) và Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

HDBank luôn nỗ lực đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan đối với tính minh bạch thông tin, tăng trưởng bền vững trong kinh doanh, thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng và xã hội. Vì vậy, HDBank rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành từ Quý nhà đầu tư, khách hàng và đối tác.

Thông tin liên hệ:

Người phụ trách công bố thông tin:	Ông Nguyễn Hữu Đăng – Tổng Giám đốc HDBank
Email:	vanphonglanhdao@hdbank.com.vn
Điện thoại:	(028) 62 915 916
Website:	www.hdbank.com.vn (mục Liên hệ - Hỗ trợ trực tuyến)
Địa chỉ:	Toà nhà HDBank, 25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh



MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA HDBANK

Mô hình phát triển bền vững của HDBank được xây dựng nhằm mục tiêu tạo ra ảnh hưởng tích cực đến ba (03) nhóm đối tượng: Ngân hàng, thị trường và xã hội.

Ảnh hưởng tích cực trong Ngân hàng

- Tăng trưởng hoạt động kinh doanh bền vững;
- Xây dựng môi trường làm việc lý tưởng, mang lại nhiều giá trị lợi ích cho nhân viên;
- Tích cực đầu tư phát triển nguồn nhân lực;
- Tăng cường quản trị rủi ro và giám sát tuân thủ;
- Minh bạch thông tin.

Ảnh hưởng tích cực trên thị trường

- Cam kết lợi ích cao nhất cho cổ đông, khách hàng và nhà đầu tư;
- Góp phần thúc đẩy sự phát triển thị trường Tài chính - Ngân hàng Việt Nam;
- Tăng cường năng lực huy động vốn và các kênh phân phối trong lẫn ngoài nước;
- Thúc đẩy sự phát triển kinh tế địa phương nói riêng và xã hội nói chung.

Ảnh hưởng tích cực trong xã hội

- Hoàn thành trách nhiệm tài chính với các cơ quan chức năng;
- Chung tay hành động và đóng góp vì cộng đồng;
- Tuân thủ Pháp luật về bảo vệ môi trường.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ BỀN VỮNG CỦA HDBANK

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, HDBank thường xuyên rà soát lại các quy trình hoạt động liên quan đến mục tiêu phát triển bền vững thông qua việc chủ động trao đổi với các bên liên quan. Quá trình đối thoại tích cực giữa HDBank với các bên liên quan nhằm đảm bảo thực hiện các giải pháp hiệu quả và phù hợp với chiến lược cũng như định hướng phát triển bền vững.

Chương trình phát triển bền vững được áp dụng vào thực tiễn của công ty thông qua mô hình quản trị sau đây:

Hội đồng Quản trị

- Chỉ đạo chung về các vấn đề chiến lược của HDBank liên quan đến phát triển bền vững;
- Phê duyệt các mục tiêu và kế hoạch hành động.

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành

- Xây dựng và trình HĐQT các mục tiêu, kế hoạch hành động về phát triển bền vững của HDBank;
- Chia sẻ chiến lược, mục tiêu và kế hoạch phát triển bền vững trong toàn Ngân hàng;
- Đảm bảo kế hoạch phát triển bền vững đạt mục tiêu đề ra.

Các khối và bộ phận chức năng

Triển khai và hiện thực hóa kế hoạch phát triển bền vững theo định hướng của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành.

Nhân viên

Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể hàng ngày liên quan đến các mục tiêu phát triển bền vững của HDBank.



GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

HDBank xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa Ngân hàng với các bên liên quan dựa trên triết lý kinh doanh cốt lõi "Cam kết lợi ích cao nhất". Để thúc đẩy sự giao tiếp minh bạch và trách nhiệm với các bên liên quan, HDBank duy trì nhiều kênh giao tiếp mở, trao đổi quan điểm và kiến thức về các vấn đề phát triển bền vững thông qua hoạt động tương tác và phản hồi nhằm đảm bảo Ngân hàng tiếp nhận được tất cả ý kiến đóng góp. Quá trình gắn kết các bên liên quan đã khuyến khích sự tham gia tích cực từ các phía để gia tăng giá trị và thúc đẩy hiệu quả hoạt động kinh doanh của HDBank.

Các bên liên quan trọng yếu của HDBank

Các bên liên quan trọng yếu của HDBank bao gồm tất cả tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc có lợi ích từ hoạt động của Ngân hàng. Họ có thể là các đối tượng bên trong hoặc bên ngoài Ngân hàng, chịu tác động hoặc có khả năng ảnh hưởng tới hoạt động của Ngân hàng trên một phương diện nào đó, bao gồm:

- Khách hàng;
- Cổ đông / Nhà đầu tư;
- Người lao động;
- Các cơ quan chức năng;
- Truyền thông/ Báo chí;
- Đối tác, nhà cung cấp;
- Cộng đồng.

Hoạt động gắn kết các bên liên quan

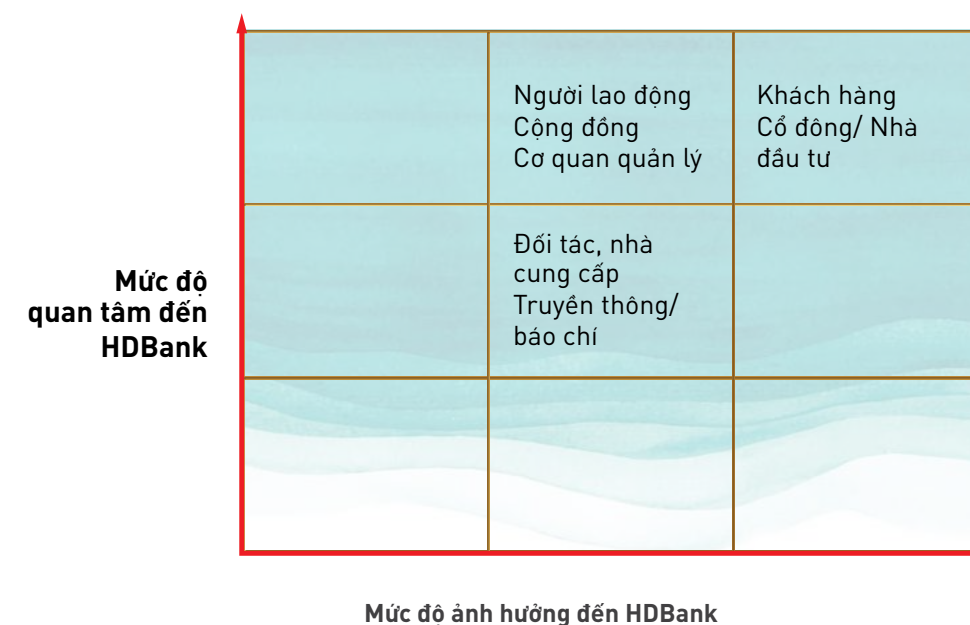
Thông tin, ý kiến phản hồi từ các bên liên quan là một trong những yếu tố quan trọng tác động đến tư duy, cách thức hành động của HDBank trong việc quản lý và vận hành mọi hoạt động. Qua những lần trao đổi, tiếp xúc, Ngân hàng đã rút ra được các vấn đề được các bên quan tâm và xác nhận tính trọng yếu của các vấn đề này đối với hoạt động của HDBank.

Để đảm bảo tính hài hòa, cân đối và bền vững trong các mối liên quan tổng thể, HDBank thường xuyên tương tác, gắn kết với các bên liên quan thông qua chuỗi hoạt động:

CÁC BÊN LIÊN QUAN	KÊNH TƯƠNG TÁC	CHỦ ĐỀ TRAO ĐỔI
Khách hàng	- Gặp gỡ trực tiếp, trao đổi qua điện thoại, email với đội ngũ tư vấn, dịch vụ; - Trung tâm chăm sóc khách hàng; - Các kênh truyền thông khác; - Các buổi hội thảo và hội nghị; - Hộp thư góp ý tại các Phòng giao dịch.	- Chất lượng dịch vụ cung cấp; - Tiếp nhận và giải quyết thắc mắc, khiếu nại của khách hàng; - Thông tin về sản phẩm dịch vụ cung cấp.
Cổ đông/ Nhà đầu tư	- ĐHĐCĐ thường niên; - Trao đổi qua điện thoại, email; - Website HDBank; - Gặp gỡ trực tiếp; - Bản tin nhà đầu tư.	Thông tin đã được công bố bao gồm: - Báo cáo tài chính; - Báo cáo thường niên; - Cập nhật kết quả hoạt động kinh doanh hàng quý; - Định hướng, chiến lược phát triển; - Các thông tin công bố theo quy định của Ủy ban Chứng khoán.
Người lao động	- Kênh truyền thông nội bộ; - Mạng nội bộ; - Tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên; - Điện thoại và email; - Các chương trình đào tạo; - Các hoạt động giao lưu nội bộ: thể thao, văn nghệ.	- Các chế độ, chính sách về lương, thưởng, phúc lợi công ty đang áp dụng; - Hiệu quả công việc; - Môi trường làm việc; - Đào tạo phát triển kỹ năng nghề nghiệp.
Cơ quan quản lý	- Các cuộc họp, làm việc song phương, đa phương; - Tham gia các hội nghị, hội thảo do Bộ ban ngành tổ chức; - Báo cáo xin ý kiến, hướng dẫn thực hiện; - Các kênh truyền thông khác (website, email, điện thoại).	- Tình hình tài chính được công bố trong Báo cáo thường niên, báo cáo hàng tháng/ hàng quý theo quy định; - Việc tuân thủ các quy định của Pháp luật; - Những khó khăn Ngân hàng gặp phải trong quá trình thực thi các chính sách, quy định của Pháp luật.
Truyền thông / báo chí	- Hộp báo và phòng vấn; - Diễn đàn và hội thảo do Báo chí tổ chức; - Các kênh truyền thông khác: • Điện thoại và email • Hỏi đáp qua website của HDBank • Thông cáo báo chí	- Công bố minh bạch kết quả hoạt động; kinh doanh hàng năm, cập nhật thông tin về chiến lược; - Công bố thông tin khi có sự kiện quan trọng.
Đối tác, nhà cung cấp	- Đối thoại, gặp gỡ; - Điện thoại, email.	- Chất lượng dịch vụ; - Các yếu tố về môi trường sản xuất, an toàn trong sức khỏe người lao động.
Cộng đồng	- Gặp gỡ, đối thoại trực tiếp; - Phối hợp chính quyền địa phương; - Báo chí.	- Các hoạt động chăm sóc sức khỏe cộng đồng; - Các sự kiện từ thiện và quyên góp; - Các hoạt động vì môi trường và phát triển địa phương.

Đánh giá mức độ ưu tiên của các bên liên quan

HDBank thực hiện phân loại, đánh giá thứ tự ưu tiên của các bên liên quan dựa trên mức độ quan tâm và tầm ảnh hưởng đối với hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Trên cơ sở đó, HDBank xây dựng kế hoạch gắn kết với hầu hết các bên liên quan thông qua kết quả phân loại, sau đó thiết lập cơ chế, quy trình tiếp cận các nhóm đối tượng khác nhau.



Xác định các lĩnh vực trong yếu tố công bố thông tin

Dựa trên mức độ trọng yếu của các bên liên quan, kết hợp với hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, IFC và Thông tư 155/2015/TT-BTC Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Bộ Tài chính, HDBank xác định các nội dung phát triển bền vững áp dụng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính bao gồm:

- Tuân thủ về môi trường
- Việc làm
- An toàn và sức khoẻ nghề nghiệp
- Giáo dục và đào tạo
- Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng
- Lao động trẻ em
- Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc
- Quyền của người bản địa
- Cộng đồng địa phương
- Tiếp thị và nhãn hiệu
- Thị trường vốn xanh

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

TUÂN THỦ VỀ MÔI TRƯỜNG

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ tài chính nên hầu hết các hoạt động của HDBank chỉ sử dụng năng lượng ở mức cơ bản, không tác động nguy hại tới môi trường. Tuy nhiên, để bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường, giảm thiểu mức tiêu thụ năng lượng và khí thải gây hiệu ứng nhà kính, HDBank đã và đang tiếp tục truyền tải những thông điệp phát huy tinh thần tiết kiệm đến toàn thể cán bộ nhân viên.

Một số biện pháp HDBank đang áp dụng trên toàn hệ thống:

- Tái sử dụng giấy đã in một mặt để in ấn tài liệu tham khảo;
- Tái sử dụng bình mực máy in tối thiểu 03 lần cho đến khi không thể đáp ứng chất lượng tài liệu in;
- Tắt hệ thống điều hòa kể từ sau 18 giờ và tắt toàn bộ thiết bị điện trước khi rời khỏi văn phòng;

- Lắp đặt hệ thống tự ngắt điện theo cài đặt đối với các bảng biển hiệu quảng cáo;
- Trang bị thiết bị tiết kiệm nước cho các nhà vệ sinh;
- Thay vì thải loại các thiết bị công nghệ thông tin, công cụ lao động, trang thiết bị văn phòng hư hỏng, đội ngũ nhân viên HDBank sẽ sửa chữa để tái sử dụng. Với cách này, các tòa nhà do HDBank quản lý đã giảm thiểu đáng kể lượng rác thải rắn ra môi trường.

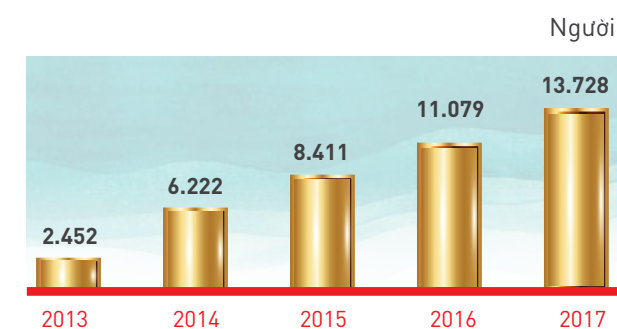
- HDBank luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định của Pháp luật về bảo vệ môi trường. Tất cả tòa nhà văn phòng do HDBank quản lý đều có đầy đủ phương án về thu gom và xử lý rác thải rắn, rác thải sinh hoạt; cấp thoát nước và xử lý nước thải...

Kết quả, năm 2017 vừa qua, HDBank đã hoàn thành và đáp ứng tốt các tiêu chí về bảo vệ môi trường theo quy định của Pháp luật.

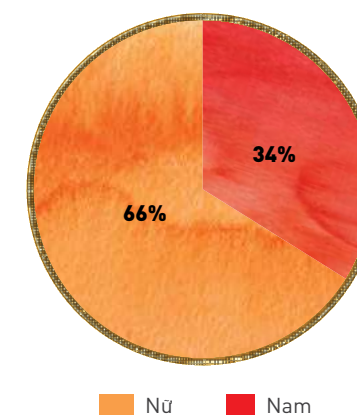
VIỆC LÀM

Cơ cấu lao động tại HDBank và các công ty thành viên (Tính đến hết ngày 31/12/2017)

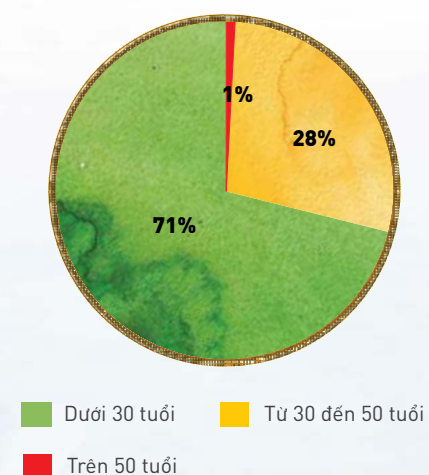
SỐ LƯỢNG LAO ĐỘNG QUA CÁC NĂM



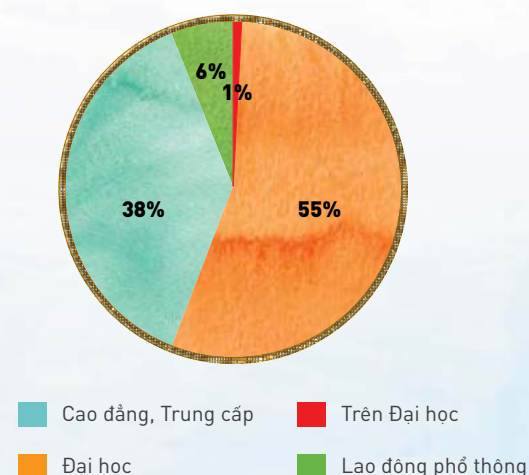
PHÂN CHIA THEO GIỚI



PHÂN CHIA THEO ĐỘ TUỔI



PHÂN CHIA THEO TRÌNH ĐỘ

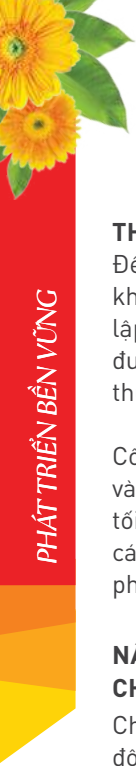


Tổng số nhân sự HDBank và các công ty thành viên tính đến hết ngày 31/12/2017 là 13.728 người, tăng 27% so với cuối năm 2016. Năm 2017, HDBank và các công ty thành viên đã đạt được một số thành tựu nhất định trong công tác quản lý nhân sự, nâng cao chất lượng dịch vụ nội bộ, điều chỉnh mức thu nhập của cán bộ nhân viên phù hợp với thị trường ngành. Ngoài ra, HDBank và các công ty thành viên còn triển khai chương trình thi tuyển và đào tạo Cán bộ nguồn quản lý tiềm năng để tạo dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao đáp ứng nhu cầu kinh doanh và mở rộng mạng lưới, đồng thời tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên được khẳng định bản thân, được vinh danh và tìm kiếm cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp, cũng như gắn bó lâu dài với HDBank và các công ty thành viên.

HDBank quyết tâm và nỗ lực trong việc liên tục kiện toàn xây dựng và hoàn thiện các hệ thống nền tảng quản trị nguồn nhân lực, tạo cơ sở cho việc mở rộng hoạt động một cách vững chắc, an toàn và đáp ứng hiệu quả yêu cầu về tăng trưởng quy mô của Ngân hàng. HDBank đã xây dựng nhiều chương trình về nhân sự cho từng thời kỳ phát triển nhằm tạo dựng môi trường làm việc: thân thiện, hiệu quả, chuyên nghiệp và sáng tạo. Chương trình nhân sự dựa trên ba yếu tố trụ cột sau:

- Thu hút, tuyển dụng và giữ chân nhân tài;
- Nâng cao hiệu quả làm việc và bảo đảm lương - chế độ phúc lợi mang tính cạnh tranh;
- Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực một cách hiệu quả và toàn diện.





THU HÚT, TUYỂN DỤNG VÀ GIỮ CHÂN NHÂN TÀI

Để bảo đảm tinh minh bạch, công bằng, trung thực và khách quan, HDBank và các công ty thành viên đã thành lập Hội đồng tuyển dụng để đảm bảo toàn bộ nhân sự được tuyển dụng đều phù hợp với nhu cầu công việc nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh phát triển của đơn vị.

Công tác hành chính quản lý nhân sự luôn được theo dõi và cập nhật kịp thời các quy định, nghị định, luật... nhằm tối ưu hóa về mặt thủ tục. Luôn tạo điều kiện cho tất cả cán bộ nhân viên được cống hiến hết sức mình cho sự phát triển của HDBank.

NÂNG CAO HIỆU QUẢ LÀM VIỆC VÀ BẢO ĐẢM LƯƠNG - CHẾ ĐỘ PHÚC LỢI MANG TÍNH CẠNH TRANH

Chính sách đánh giá hiệu quả công việc gắn liền với chế độ, phúc lợi tạo tính cạnh tranh, phát triển công bằng cho cán bộ nhân viên. HDBank và các công ty thành viên đã áp dụng thông lệ / chuẩn mực quốc tế tốt nhất vào Hệ thống quản lý và đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ nhân viên theo các chỉ tiêu đồng nhất, liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu của Ngân hàng với mục tiêu của Đơn vị và mỗi cá nhân. Triển khai chương trình đánh giá hiệu quả làm việc (KPIs) cho toàn bộ cán bộ nhân viên theo phương pháp bảng thẻ điểm cân bằng (Balanced Score-card), kết hợp với chương trình đánh giá KPIs online.



Lao động trẻ em

HDBank tuyệt đối tuân thủ các quy định của Pháp luật Việt Nam về việc không sử dụng lao động là trẻ em vào các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc

Trong quá trình hoạt động, xây dựng, thực thi các chính sách nhân sự, HDBank luôn đề cao tinh công bằng, không phân biệt đối xử, ngược đãi người lao động. Vì vậy, HDBank không có trường hợp lao động nào bị ngược đãi, phân biệt đối xử hoặc bắt buộc.

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, chính sách theo đúng quy định của Nhà nước. Ngoài ra, HDBank và các công ty thành viên còn bổ sung những chính sách phi tài chính như mua bảo hiểm tai nạn 24/24, và bảo hiểm sức khỏe đặc biệt dành cho Ban lãnh đạo và cấp quản lý với tính ưu việt như: hỗ trợ điều trị trong trường hợp bị thương tật, bệnh hiểm nghèo hoặc phẫu thuật bệnh, các khoản hỗ trợ khi gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng bởi thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, rủi ro về con người...

ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC MỘT CÁCH HIỆU QUẢ VÀ TOÀN DIỆN

Trung tâm Đào tạo HDBank và các công ty thành viên đã xây dựng các bộ tài liệu đào tạo chuẩn theo chức danh, theo chuyên ngành và các kỹ năng mềm khác, đặc biệt xây dựng và đưa vào đào tạo thành công bộ ngân hàng đề thi dành cho cán bộ quản lý, Kiểm soát viên, Giao dịch viên, Chuyên viên Quan hệ khách hàng, Hỗ trợ tín dụng.

Công tác đứng lớp được nâng cao và ngày càng chuyên nghiệp hơn. Trung tâm Đào tạo HDBank và các công ty thành viên luôn đa dạng hóa hình thức đào tạo nhằm tăng cường hiệu quả và chất lượng đào tạo phục vụ mục tiêu kinh doanh.

Riêng năm 2017, HDBank và các công ty thành viên đã triển khai 331.805 giờ đào tạo cho 58.970 lượt đào tạo. Trong đó:

- Cấp quản lý: 5.053 lượt
- Cấp nhân viên: 53.917 lượt

HDBank và các công ty thành viên không ngừng kiện toàn công tác quản trị nguồn nhân lực để đưa HDBank trở thành thương hiệu luôn thu hút các nhân tài.

Quyền của người bản địa

Ngân hàng ghi nhận không có biên bản/thông báo nào liên quan đến việc vi phạm luật pháp và quy định liên quan đến quyền của người bản địa.

Cộng đồng địa phương

Trong nhiều năm qua, song song với việc đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông, khách hàng và cán bộ nhân viên, HDBank luôn đi đầu trong các hoạt động từ thiện xã hội, với mong muốn chia sẻ nhiều hơn với cộng đồng. Năm 2017, HDBank tiếp tục để lại dấu ấn về tinh thần nhân văn với nhiều hoạt động thiện nguyện ý nghĩa trên khắp cả nước.

Tài trợ Y tế

Hưởng ứng lời kêu gọi Bảo hiểm y tế toàn dân, từ năm 2012 đến nay, phối hợp với Hội Bảo trợ Bệnh nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh, hơn 14.000 tấm thẻ bảo hiểm y tế do HDBank tài trợ chi phí đã được đến tay những người cận nghèo trên khắp cả nước. Nhờ tấm thẻ bảo hiểm y tế này mà hàng trăm ngàn người bị bệnh hiểm nghèo có được cơ hội chữa bệnh, giảm thiểu nguy cơ nghèo vì chi phí y tế, nhiều người cận nghèo trên khắp cả nước, những người dân ở vùng sâu, vùng xa chú trọng hơn về sức khỏe bản thân, được chăm sóc sức khỏe, được tiếp cận các dịch vụ y tế. Song song đó, trong hành trình “Mang lại ánh sáng cho người mù nghèo bị đục thủy tinh thể” do Hội Bảo trợ Bệnh Nhân nghèo Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức, tính đến năm 2017, HDBank đã tài trợ chi phí cho hơn 500.000 người nghèo được điều trị và phẫu thuật mắt. Hơn thế, những bà con ở vùng nghèo, khó khăn như ở Bình Thuận, Tây Ninh; các bà con ở vùng xa về Thành phố Hồ Chí Minh chữa trị, HDBank phối hợp với các địa phương tài trợ chi phí đi lại, những bữa cơm tình thương, tặng những món quà thiết thực, tổ chức động viên, thăm hỏi...

Tài trợ Giáo dục

Đầu tư cho giáo dục cũng chính là vun đắp cho tương lai. Hiểu được điều này, nhiều năm qua, HDBank không ngừng nỗ lực đồng hành cùng các thế hệ học sinh, sinh viên, tiếp thêm sức mạnh để các em vững bước đến trường, trau dồi tri thức. Trong năm 2017, Ban lãnh đạo và nhân viên HDBank đã đến thăm, tặng quà cho Cơ sở trợ giúp trẻ em - Quỹ Bảo trợ trẻ em tỉnh Nghệ An; Làng trẻ em SOS Đà Nẵng; Trung tâm Bảo trợ trẻ em khuyết tật Thị Nghè (Thành phố Hồ Chí Minh)... Tháng 09/2017, ngay khi tiếp nhận thông tin về tình trạng thiệt hại nặng nề do thiên tai gây ra cho 02 huyện miền núi Mường La (Sơn La) và Mù Cang Chải (Yên Bái), HDBank đã nhanh chóng tập hợp nguồn chi phí, quà tặng và kịp thời có mặt tại địa phương để chia sẻ cùng bà con, đặc biệt là các em học sinh khó khăn nơi đây.

Đầu tư xây dựng nông thôn mới

Năm 2017, HDBank đã tài trợ kinh phí để xây dựng 15 căn nhà tình thương với số tiền 605 triệu đồng; hỗ trợ bà con nghèo tại huyện Kỳ Anh (Hà Tĩnh) tu sửa nhà cửa sau cơn bão số 10; xây dựng 04 cây cầu cho huyện Cần Giuộc

(Long An). Bên cạnh đó, nhằm giúp bà con có động lực thoát nghèo, HDBank còn trao tặng 50 con bò giống cho người dân tại huyện Cần Đức (Long An); hỗ trợ mua trâu bò giống cho 33 hộ nghèo của 02 huyện Nghĩa Hành và Tư Nghĩa (Quảng Ngãi).

Đầu tư cho thế hệ trẻ Việt Nam

Tiếp nối thành công của các mùa giải trước, HDBank tiếp tục đồng hành cùng Giải Cờ vua quốc tế thường niên do Liên đoàn Cờ vua Việt Nam tổ chức. Từ cái nôi là Giải Cờ vua quốc tế HDBank, thương hiệu trí tuệ Việt Nam đã được chấp cánh vươn xa trên làng cờ thế giới với những cái tên như Lê Quang Liêm, Đào Thiên Hải, Phạm Lê Thảo Nguyên, Nguyễn Thị Mai Hưng...

Từ năm 2017, HDBank dành nhiều tâm huyết cho bộ môn bóng đá Futsal với vai trò là nhà tài trợ kim cương cho Giải HDBank Futsal - Vô địch Quốc gia, HDBank Futsal - Cup Quốc gia và Giải Futsal Đồng Nam Á. Bằng cái tâm và cái tâm của một doanh nghiệp lớn, HDBank mong muốn góp sức nuôi dưỡng thế hệ cầu thủ trẻ tài năng, đồng thời đưa Futsal trở thành giải bóng đá uy tín, hấp dẫn, xứng tầm châu lục và quốc tế.

Tài trợ Bản tin “Kết nối miền Tây”

Năm 2017, HDBank trở thành nhà tài trợ chính cho Bản tin “Kết nối miền Tây” trên kênh VTV9. Với thời lượng phát sóng 30 phút mỗi ngày, Bản tin đã mang đến những câu chuyện thú vị về mảnh đất miền Tây, cùng nhiều thông tin hữu ích về chính trị, quốc tế, văn hóa, thể thao cho đồng bào khán giả trong và ngoài nước.

Tài trợ chương trình “Tiền khéo, tiền khôn”

HDBank là nhà đồng tài trợ cho chương trình trò chơi truyền hình “Tiền khéo, tiền khôn” trên kênh VTV3. Thông qua việc phổ biến kiến thức về những tiện ích, sản phẩm, dịch vụ ngân hàng, HDBank và đơn vị sản xuất chương trình đã thành công khi góp phần nâng cao ý thức và thay đổi hành vi của người dân, giúp phòng ngừa các rủi ro và sử dụng đồng tiền hiệu quả nhất. “Tiền khéo, tiền khôn” đã trở thành chương trình quen thuộc, được nhiều khán giả quan tâm đón xem.



Chương trình tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ

Chương trình tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ vay vốn cơ quan Hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã bước qua năm thứ 09 tại HDBank. Số lượng khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ trên khắp cả nước biết đến chương trình và doanh số giải ngân tăng mạnh qua các năm:

NĂM	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Số lượng khách hàng tham gia lũy kế (người)	21	52	141	307	327	386
Doanh số giải ngân lũy kế (tỷ đồng)	34	73	167	390	558	631

Hầu hết doanh nghiệp vừa và nhỏ tại HDBank đều hưởng ứng chương trình một cách tích cực. Mỗi năm, HDBank luôn sử dụng hết hạn mức được giao để đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng.

Chương trình kết nối Ngân hàng – doanh nghiệp năm 2017

Với chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp năm 2017, HDBank đã giải ngân 500 tỷ cho các khách hàng doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh với lãi suất cho vay ngắn hạn phổ biến từ 6,5%/năm, trung - dài hạn ưu đãi từ 08% - 10%/năm. HDBank tham gia đầy đủ các đợt ký kết ngân hàng – doanh nghiệp do NHNN – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai với tiêu chí kỹ thật, làm thật, ký và giải ngân đúng cam kết, doanh nghiệp sử dụng vốn đúng hiệu quả. Kết thúc năm 2017, HDBank giải ngân toàn bộ hạn mức như đã đăng ký.

Truyền thông và thương hiệu

Sau gần 30 năm hình thành và phát triển, hoạt động truyền thông, quản lý và phát triển thương hiệu luôn được HDBank chú trọng, nhất là trong thời gian 05 năm trở lại đây.

Năm 2017, HDBank tiếp tục có một năm bùng nổ về hoạt động truyền thông trên các kênh trực tiếp, gián tiếp và các hoạt động tài trợ, sự kiện... Bằng những phương pháp hiện đại, nắm bắt xu hướng, xuất hiện đúng thời điểm..., các hoạt động truyền thông của HDBank thu hút sự quan tâm của khách hàng, đối tác trong và ngoài nước.

Các chương trình tiêu điểm trong năm có thể kể đến như quảng bá thương hiệu, hoạt động tài trợ ấn tượng tại APEC Việt Nam 2017; lần đầu tiên tài trợ cho Futsal; lần thứ 07 tổ chức giải Cờ Vua quốc tế HDBank...

Trong năm 2017, với mục tiêu chăm sóc khách hàng hiện hữu và thu hút khách hàng tiềm năng, HDBank đã triển khai 161 chương trình khuyến mãi, các hoạt động tiếp thị trực tiếp đến từng nhóm đối tượng, từng khu vực, vùng miền... để phục vụ phát triển kinh doanh trên toàn hệ thống.

Chương trình bình ổn thị trường năm 2017

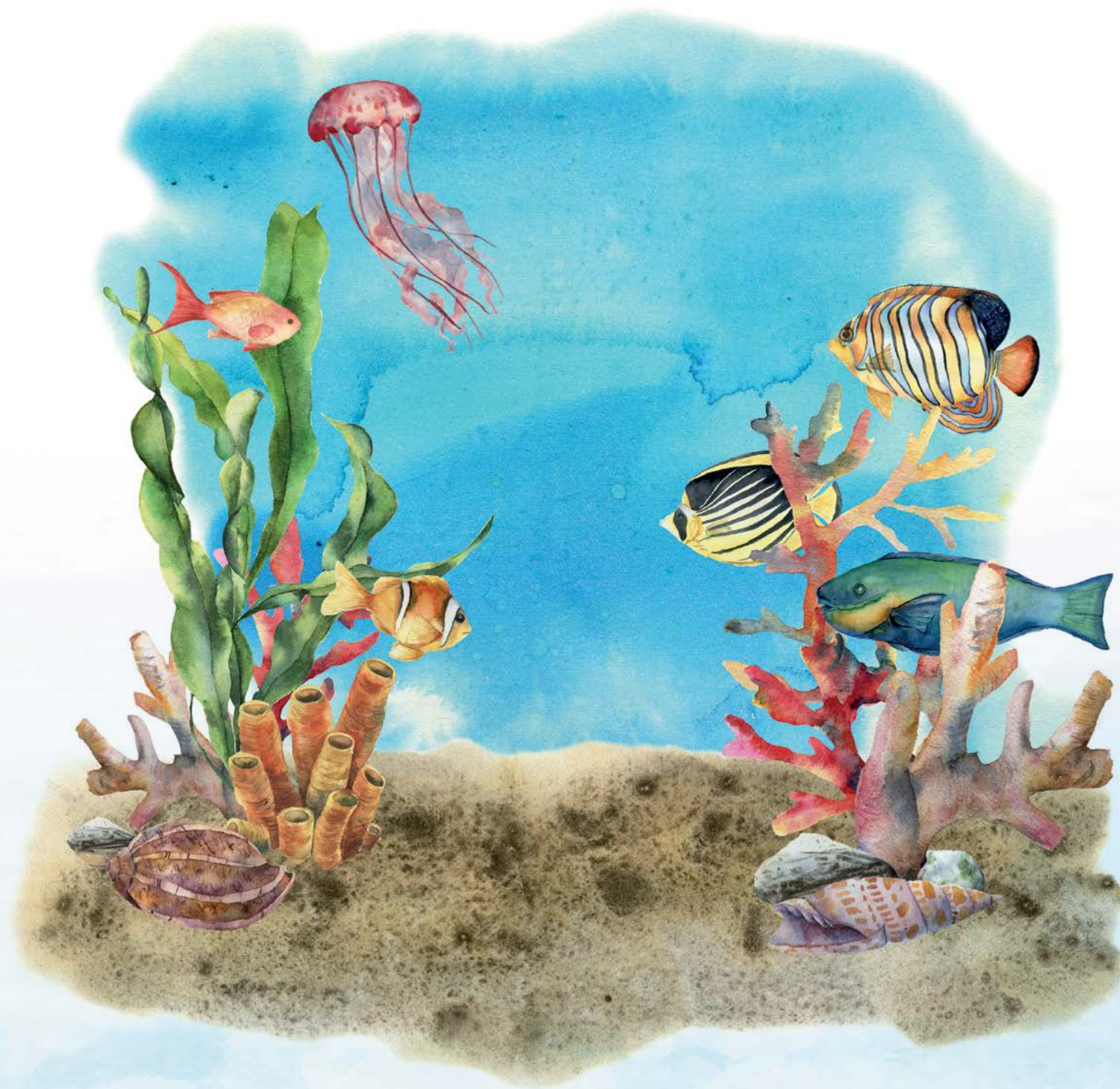
Tham gia với tư cách là tổ chức tín dụng cung cấp vốn với lãi suất ưu đãi, HDBank tiếp tục triển khai Chương trình Bình ổn thị trường Thành phố Hồ Chí Minh với tổng hạn mức lên tới 500 tỷ. Theo chương trình, các khách hàng vay ngắn hạn để sản xuất, dự trữ hàng hóa; doanh nghiệp tham gia chuỗi cung ứng hàng hóa; doanh nghiệp vay trung và dài hạn để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, nhà xưởng, trang trại, điểm bán... sẽ được vay với lãi suất ưu đãi. Năm 2017, doanh số giải ngân đạt gần 100% hạn mức đề ra. HDBank tự hào đã góp phần vào công tác bình ổn giá của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đem lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp và người tiêu dùng, đặc biệt là công nhân, lao động nghèo, những hộ gia đình kinh tế khó khăn.

Các phương cách tiếp cận khách hàng của HDBank luôn đổi mới từ hình thức đến các kênh truyền thông. Đặc biệt, HDBank quan tâm và vận dụng các ứng dụng truyền thông trên nền tảng kỹ thuật số; quan tâm đến việc phủ sóng, quản trị thông tin trên các cộng đồng mạng xã hội (Facebook, Youtube, Zalo...).

HDBank quản lý hình ảnh thương hiệu theo chuẩn nhận diện thương hiệu đồng nhất trên 240 điểm khắp các tỉnh thành trong cả nước; các điểm đặt biển quảng cáo thương hiệu HDBank được nghiên cứu xuất hiện đồng bộ tạo nên hình ảnh thương hiệu dễ nhớ, ấn tượng.

Thị trường vốn xanh

Với mục tiêu hướng tới Ngân Hàng Xanh trong tương lai, năm 2017 là năm thứ hai HDBank cùng 03 tổ chức tín dụng khác tiếp tục triển khai hợp đồng hợp tác nhận ủy thác vốn từ Quỹ phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đối tượng khách hàng HDBank hướng đến sử dụng nguồn vốn ủy thác từ Quỹ này là doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến, chế tạo và cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải.





Sẽ chia *thành quả*
Tiếp thêm năng lượng



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

200	THÔNG TIN CHUNG	209	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
202	BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	210	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
204	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	212	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
206	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT		



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 02 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-GP của NHNN Việt Nam cấp ngày 06 tháng 06 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN Việt Nam cho phép.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Chủ tịch thường trực	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Ông Lưu Đức Khánh	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Thành Đô	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Ông Nguyễn Hữu Đặng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Ông Chu Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Ông Lim Peng Khoon	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017
Ông Lý Vinh Quang	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Đào Duy Tường	Trưởng ban	Ngày 21 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Phụng	Thành viên	Ngày 21 tháng 04 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Tích	Thành viên	Ngày 21 tháng 04 năm 2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc Tài chính và Kế toán Trưởng của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/từ nhiệm
Ông Nguyễn Hữu Đặng	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 10 năm 2015
Bà Nguyễn Đoàn Duy Ái	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 08 năm 2007
Ông Phạm Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 11 tháng 03 năm 2016
Ông Nguyễn Minh Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 12 năm 2013
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 09 năm 2009
Ông Nguyễn Thanh Phương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 01 năm 2018
Ông Lê Thành Trung	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 15 tháng 02 năm 2016
Ông Trần Hoài Nam	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 02 năm 2016
Ông Trần Thái Hòa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 05 năm 2015
Ông Phạm Thiện Long	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2018
Ông Phạm Văn Đầu	Giám đốc Tài Chính	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 09 năm 2009
Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên	Kế toán Trưởng	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 07 năm 2011

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hữu Đặng, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng và các công ty con.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm tài chính. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2018



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt và vàng bạc	6	1.511.629	1.636.010
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	7	1.922.256	2.389.302
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác		21.861.168	18.580.047
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	8.1	19.650.607	15.971.314
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	8.2	2.210.561	2.608.733
Chứng khoán kinh doanh	9	4.690.398	396.937
Chứng khoán kinh doanh		4.693.398	400.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		[3.000]	[3.063]
Cho vay khách hàng		103.336.329	81.303.975
Cho vay khách hàng	11	104.497.028	82.224.372
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	13	[1.160.699]	[920.397]
Hoạt động mua nợ	12	3.875	5.489
Mua nợ		7.749	8.690
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		[3.874]	[3.201]
Chứng khoán đầu tư		45.802.141	34.261.091
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	14.1	37.417.732	24.267.353
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	14.2	9.614.647	11.020.813
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	14.4	[1.230.238]	[1.027.075]
Góp vốn, đầu tư dài hạn		378.237	384.406
Đầu tư dài hạn khác		490.087	495.945
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	15	[111.850]	[111.539]
Tài sản cố định		1.526.617	1.351.960
Tài sản cố định hữu hình	16.1	526.448	524.984
Nguyên giá tài sản cố định		1.078.472	1.003.485
Hao mòn tài sản cố định		[552.024]	[478.501]
Tài sản cố định vô hình	16.2	1.000.169	826.976
Nguyên giá tài sản cố định		1.181.235	987.948
Hao mòn tài sản cố định		[181.066]	[160.972]
Bất động sản đầu tư	17	45.769	88.381
Nguyên giá bất động sản đầu tư		46.037	88.765
Hao mòn bất động sản đầu tư		[268]	[384]
Tài sản Có khác		8.255.852	9.896.674
Các khoản phải thu	18.1	3.423.647	5.290.387
Các khoản lãi, phí phải thu	18.2	3.416.359	3.113.887
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	25.2	21.238	17.311
Tài sản Có khác	18.3	1.455.489	1.510.547
Trong đó: Lợi thế thương mại	5	33.614	39.377
Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	18.4	[60.881]	[35.458]
TỔNG TÀI SẢN		189.334.271	150.294.272

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	19	156.253	177.635
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	20	37.217.378	19.684.665
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	20.1	12.244.362	13.621.415
Vay các tổ chức tín dụng khác	20.2	24.973.016	6.063.250
Tiền gửi của khách hàng	21	120.537.469	103.299.771
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	10	70.098	9.326
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	22	2.927.741	2.843.432
Phát hành giấy tờ có giá	23	9.793.000	11.027.014
Các khoản nợ khác		3.873.226	3.309.786
Các khoản lãi, phí phải trả	24.1	2.695.865	2.463.250
Các khoản phải trả và công nợ khác	24.2	1.177.361	846.536
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		174.575.165	140.351.629
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn		11.852.342	8.104.686
Vốn điều lệ		9.810.000	8.100.000
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định		89	89
Thặng dư vốn cổ phần		2.042.255	4.599
Cổ phiếu quỹ		[2]	[2]
Các quỹ dự trữ		453.708	465.280
Lợi nhuận chưa phân phối		1.769.506	747.047
Lợi ích cổ đông không kiểm soát		683.550	625.630
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	26.1	14.759.106	9.942.643
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ, VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT		189.334.271	150.294.272



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn		9.052	9.862
Cam kết giao dịch hối đoái		41.764.910	35.669.948
- Cam kết mua ngoại tệ		3.880.370	2.942.536
- Cam kết bán ngoại tệ		3.166.761	1.288.271
- Cam kết giao dịch hoán đổi		34.717.779	31.439.141
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		1.073.114	1.046.968
Bảo lãnh khác		3.392.157	2.592.745
Tổng cộng	40	46.239.233	39.319.523

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	28	14.959.081	11.321.302
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	29	(8.611.781)	(6.643.222)
Thu nhập lãi thuần		6.347.300	4.678.080
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		268.640	167.320
Chi phí hoạt động dịch vụ		(72.207)	(49.096)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	30	196.433	118.224
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	31	157.437	209.284
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	32	5.708	82.503
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	33	484.895	151.159
Thu nhập từ hoạt động khác		299.104	195.119
Chi phí hoạt động khác		(28.939)	(28.428)
Lãi thuần từ hoạt động khác	34	270.165	166.691
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	35	43.881	12.285
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		7.505.819	5.418.226
Chi phí cho nhân viên		(2.003.352)	(1.467.206)
Chi phí khấu hao		(104.447)	(116.835)
Chi phí hoạt động khác		(1.964.478)	(1.692.947)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	36	(4.072.277)	(3.276.988)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		3.433.542	2.141.238
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	13	(1.016.760)	(993.605)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		2.416.782	1.147.633
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.1	(466.302)	(226.810)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	25.2	3.927	(6.325)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(462.375)	(233.135)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		1.954.407	914.498
Phân bổ cho:		1.746.487	738.132
Các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Ngân hàng			
Cổ đông không kiểm soát	26.1	207.920	176.366
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	27	1.966	833

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		15.053.877	10.324.704
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(8.378.071)	(5.924.390)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		174.592	109.474
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		604.363	669.155
Thu nhập khác		86.840	57.593
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	34	171.947	89.342
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(3.967.519)	(3.066.362)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	25	(493.742)	(208.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		3.252.287	2.051.338
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(37.613.486)	(35.478.903)
(Tăng)/giảm các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(106.000)	2.243.570
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(16.356.325)	(13.048.241)
Giảm các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác		60.772	39.044
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(22.272.094)	(25.665.537)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn		(560.470)	(604.220)
Giảm khác về tài sản hoạt động		1.620.631	1.556.481
Những thay đổi về nợ phải trả hoạt động		33.974.222	39.815.673
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(21.382)	(2.310.686)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các tổ chức tín dụng		17.532.713	13.089.734
Tăng tiền gửi của khách hàng (bao gồm cả Kho bạc Nhà nước)		17.237.698	28.757.052
Tăng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà tổ chức tín dụng chịu rủi ro		84.309	20.869
(Giảm)/tăng phát hành giấy tờ có giá		(1.234.014)	70.014
Tăng các công cụ tài chính phải sinh và các khoản nợ tài chính khác		-	9.326
Tăng khác về nợ phải trả hoạt động		378.498	179.898
Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng		(3.600)	(534)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(386.977)	6.388.108

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	16	(22.219)	(272.208)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		11.260	29.134
Mua sắm bất động sản đầu tư		-	(12.769)
Tiền thu từ bán, thanh lý bất động sản đầu tư		56.566	8.662
Tiền chi từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-	-
Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác		12.527	83.072
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		43.881	12.285
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		102.015	(151.824)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ tăng vốn cổ phần từ góp vốn và/hoặc phát hành cổ phiếu		3.018.656	-
Tiền thu từ phát hành giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	4.080.000
Tiền chi thanh toán giấy tờ có giá dài hạn có đủ điều kiện tính vào vốn tự có và các khoản vốn vay dài hạn khác		-	(970.000)
Cổ tức trả cho cổ đông	26.3	(150.000)	(809.987)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		2.868.656	2.300.013
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.583.694	8.536.297
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		22.605.359	14.069.062
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	25.189.053	22.605.359

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh (“Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 47/QĐ-UB của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11 tháng 02 năm 1989 và Giấy phép số 00019/NH-GP của NHNN Việt Nam cấp ngày 06 tháng 06 năm 1992.

Ngân hàng được thành lập nhằm thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác, cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN Việt Nam cho phép.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 9.810 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 8.100 tỷ VND).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại tòa nhà HD Tower, số 25 Bis đường Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) văn phòng đại diện khu vực miền bắc, năm mươi bảy (57) chi nhánh, một trăm tám mốt (181) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Ngân hàng có hai (02) công ty con như sau:

Tên công ty	Giấy phép đăng ký kinh doanh số	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của NH
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	3602376446 ngày 13 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, được điều chỉnh lần thứ sáu (06) vào ngày 13 tháng 01 năm 2015	Quản lý tài sản	100%
Công ty Tài chính TNHH HD SAISON (“HD SAISON”), tên gọi trước đây là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	0304990133 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 07 năm 2007, được điều chỉnh lần thứ mười ba (13) vào ngày 05 tháng 02 năm 2018	Tài chính/ Ngân hàng	50%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng và các công ty con vào 31 tháng 12 năm 2017 là 13.728 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 11.102 người).

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các Công ty con là đồng Việt Nam (“VND”). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 này, các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng”). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất.

3. CHUẨN MỤC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 và Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN của NHNN Việt Nam và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- » Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 04 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 01);
- » Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 06 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 02);
- » Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 06 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 03);
- » Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 06 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 04); và
- » Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 04 Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (đợt 05).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 và Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng do NHNN ban hành là các khoản mục không có số dư.

3.

CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.3

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát các công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát đối với các công ty con.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.4

Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

4.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1

Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán và phương thức trình bày báo cáo tài chính hợp nhất liên quan đến các nghiệp vụ sau:

Nghị định số 93/2017/NĐ-CP về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước.

Ngày 07 tháng 08 năm 2017, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 93/2017/NĐ-CP (“Nghị định 93”) về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước.

Nghị định 93 thay thế cho Nghị định số 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ, và có hiệu lực từ ngày 25 tháng 09 năm 2017, trừ quy định về đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Nghị định 93 sửa đổi, bổ sung các quy định về đảm bảo an toàn vốn, doanh thu, chi phí, đồng tiền hạch toán và trình tự phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

4.

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1

Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Thông tư số 39/2016/TT-NHNN quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng

Ngày 30 tháng 12 năm 2016, NHNN đã ban hành Thông tư số 39/2016/TT-NHNN thông qua quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 03 năm 2017.

4.2

Các chính sách kế toán đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 29 tháng 12 năm 2017, NHNN ban hành Thông tư số 22/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004 và Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007 của Thống đốc NHNN Việt Nam (“Thông tư 22”).

Các thay đổi chính của Thông tư 22 bao gồm:

- » Sửa đổi, bổ sung các hướng dẫn về hạch toán các nghiệp vụ liên quan đến ngoại tệ và vàng;
- » Sửa đổi một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng;
- » Sửa đổi các hướng dẫn hạch toán một số tài khoản trong Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng; và
- » Sửa đổi, bổ sung một số quy định về Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng.

Thông tư 22 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 04 năm 2018.

4.3

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng tiền gửi NHNN, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4

Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác được trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư 09/2014/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 18 tháng 03 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”).

Theo đó, Ngân hàng và các công ty con trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4.7.

Theo Thông tư 02, Ngân hàng và các công ty con không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Hoạt động mua nợ

Các khoản nợ mua về được ghi nhận theo số tiền đã thanh toán để mua nợ và được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại trước khi mua. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi Ngân hàng mua khoản nợ đó, Ngân hàng phải ghi nhận số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi Ngân hàng mua nợ.

Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro các khoản mua nợ theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh 4.7.

4.6 Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 01 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 01 năm đến 05 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 05 năm tính từ ngày giải ngân.

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4.7.

4.7 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản bảo đảm đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2017. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (tiếp theo)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng cụ thể
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc - Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (tiếp theo)

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng và các Công ty con mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng và các Công ty con phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng và các Công ty con phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp. Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản bảo đảm được quy định trong Thông tư 02.

Dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 năm 2017 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

4.8 Bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”)

Ngân hàng thực hiện bán nợ cho VAMC theo giá trị ghi sổ theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 09 tháng 07 năm 2013 về “Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam”, Thông tư số 19/2013/TT-NHNN “Quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam”, Thông tư số 14/2015/TT-NHNN và Thông tư số 08/2016/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và Công văn số 8499/NHNN-TCKT về việc “Hướng dẫn hạch toán nghiệp vụ mua bán nợ xấu của VAMC và tổ chức tín dụng”. Theo đó, giá bán là số dư nợ gốc của khách hàng vay trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó và nhận dưới dạng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành.

Sau khi hoàn thành thủ tục bán nợ xấu cho VAMC, Ngân hàng và các Công ty con tiến hành hạch toán tất toán gốc và dự phòng cho vay khách hàng và ghi nhận mệnh giá trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành bằng giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng cụ thể đã trích của khoản nợ bán. Khi nhận lại khoản nợ đã bán cho VAMC, Ngân hàng và Các công ty con sử dụng nguồn dự phòng rủi ro cụ thể đã trích hàng năm cho trái phiếu đặc biệt để xử lý nợ xấu, phần chênh lệch giữa dự phòng rủi ro đã trích lập và giá trị khoản vay/trái phiếu còn lại chưa thu hồi được sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Thu nhập khác”.

4.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá mười (10) năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.10 Chứng khoán kinh doanh

4.10.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán nợ được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

4.10.2 Đo lường

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.7.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo. Định kỳ, chứng khoán vốn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng.

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tiền lãi và cổ tức bằng tiền thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở thực thu.

4.10.3 Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

4.11 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

4.11.1 Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/ Ban Tổng Giám đốc.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/ phụ trội là chênh lệch âm / dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (tiếp theo)

4.11.1 Phân loại và ghi nhận (tiếp theo)

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu / phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

4.11.2 Đo lường

Định kỳ, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Chứng khoán vốn được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường được xác định theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên khoản mục “Lãi/(lỗ) thuần từ chứng khoán đầu tư”.

Chứng khoán nợ niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết thì Ngân hàng tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh số 4.7.

4.12 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và luôn được phân ánh theo mệnh giá trong thời gian nắm giữ. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt, định kỳ, Ngân hàng tính toán và trích lập dự phòng rủi ro cụ thể hàng năm theo hướng dẫn tại Thông tư 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 08 năm 2015 của NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo Thông tư 14/2015/TT-NHNN, hàng năm, trong thời hạn 05 ngày làm việc liền kề trước ngày tương ứng với ngày đáo hạn của trái phiếu đặc biệt, Ngân hàng phải trích lập đầy đủ số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu của năm trích lập đối với từng trái phiếu đặc biệt được tính theo công thức sau:

$$X_{(m)} = \frac{Y}{n} \times m - (Z_m + X_{m-1})$$

Trong đó:

- $X_{(m)}$ là số tiền dự phòng cụ thể tối thiểu phải trích lập đối với trái phiếu đặc biệt tại năm thứ m;
- X_{m-1} là số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập đối với trái phiếu đặc biệt lũy kế đến hết năm thứ m-1;
- Y là mệnh giá trái phiếu đặc biệt;
- n là thời hạn của trái phiếu đặc biệt (tính bằng năm);
- m là số năm kể từ thời điểm phát hành trái phiếu đặc biệt đến thời điểm trích lập;
- Z_m là số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu lũy kế đến thời điểm trích lập (năm thứ m). Tổ chức tín dụng bán nợ phối hợp với Công ty Quản lý tài sản để xác định số tiền thu hồi này.

Tại ngày trái phiếu đặc biệt được tất toán, các khoản lãi phát sinh do tổ chức tín dụng thu hồi được từ khoản nợ được hạch toán vào “Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự”.

Trường hợp $(Z_m + X_{m-1}) \geq (Y/n \times m)$ thì số tiền trích lập dự phòng cụ thể $(X(m))$ được tính là không (0).

Dự phòng cụ thể cho trái phiếu đặc biệt được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 trên khoản mục “Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng”. Trái phiếu đặc biệt này không phải trích lập dự phòng chung.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán Nợ được Ngân hàng và các công ty con mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi suất và Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn. Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể. Trong trường hợp chứng khoán được bán hẳn trước thời điểm đáo hạn, các chứng khoán này sẽ được phân loại lại sang chứng khoán kinh doanh hay chứng khoán sẵn sàng để bán.

Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

4.13 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Góp vốn đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác từ 11% quyền biểu quyết trở xuống. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Trong trường hợp cổ phiếu của các đơn vị được đầu tư đăng ký trên sàn giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom), dự phòng giảm giá được trích lập khi giá đăng ký giao dịch nhỏ hơn giá gốc của khoản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Trong các trường hợp khác, dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế được đầu tư gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính theo công thức sau:

Mức dự phòng cho mỗi khoản đầu tư

=

Tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

-

Vốn chủ sở hữu thực có của tổ chức kinh tế

x

Số vốn đầu tư của mỗi bên

Tổng số vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

4.15 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng và các công ty con phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu thông qua xem xét thỏa thuận này có gắn liền với việc sử dụng một tài sản nhất định và bao gồm các điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Ngân hàng và các công ty con có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	10 – 40 năm
---------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được ghi nhận và trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản, chủ sở hữu sử dụng không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

4.18 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn của tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc thiết bị	07 - 14 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 10 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	06 - 49 năm
Phần mềm máy vi tính	03 - 08 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian được cấp quyền sử dụng.

4.19 Các khoản phải thu

4.19.1 Các khoản nợ phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

Các khoản phải thu được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc. Nợ phải thu khó đòi được Ngân hàng và Công ty con thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo quy định của pháp luật về trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro được trình bày tại Thuyết minh 4.7.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.19 Các khoản phải thu (tiếp theo)

4.19.2 Các khoản nợ phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào “Chi phí hoạt động” trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.20 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.21 Tiền gửi và vay của tổ chức tín dụng khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá

Các khoản tiền gửi và vay của các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.22 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.23 Tài sản ủy thác quản lý giữ hộ

Các tài sản giữ cho mục đích ủy thác quản lý giữ hộ không được xem là tài sản của Ngân hàng và các công ty con và vì thế không được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

4.24 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4.7.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.25 Các hợp đồng phải sinh tiền tệ

Ngân hàng và các công ty con ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại; chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vào cuối năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

4.26 Vốn cổ phần

4.26.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu.

4.26.2 Thặng dư vốn cổ phần

Ngân hàng và các Công ty con phản ánh vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

4.26.3 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Ngân hàng và các Công ty con mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Ngân hàng không ghi nhận các khoản lãi / (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.26.4 Các quỹ và dự trữ

Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00% lợi nhuận sau thuế	100,00% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10,00% lợi nhuận sau thuế	Không áp dụng mức tối đa

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

Ngân hàng sẽ thực hiện trích lập các quỹ dự trữ nêu trên dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ vào cuối năm tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.26 Vốn cổ phần (tiếp theo)

4.26.4 Các quỹ và dự trữ (tiếp theo)

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 03 năm 2002, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của Công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập Công ty.

Các quỹ dự trữ của Công ty Tài chính TNHH HD SAISON

Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 07 tháng 08 năm 2017 thay thế Nghị định 57/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012, Công ty thực hiện trích lập các quỹ tương tự như Ngân hàng.

4.27 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản cho vay phân loại từ nhóm 2 đến nhóm 5 theo Thông tư 02 và Thông tư 09 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi Ngân hàng và các công ty con thực nhận.

Ngân hàng có thực hiện các hợp đồng bán cổ phiếu trả chậm. Theo đó, bên mua có nghĩa vụ trả lãi cho thời gian chậm trả theo thỏa thuận trên hợp đồng và các phụ lục hợp đồng. Ngân hàng ghi nhận lãi trên cơ sở thực thu (thuyết minh số 18 và 28).

Doanh thu dịch vụ

Các khoản phí dịch vụ và hoa hồng được hạch toán trên cơ sở dự thu, dự chi.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và các Công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thường nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng và các Công ty con mà chỉ cập nhật thay đổi số lượng cổ phiếu nắm giữ.

Doanh thu và chi phí mua bán nợ

Doanh thu và chi phí bán nợ được ghi nhận theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN của NHNN quy định về hoạt động mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Theo Thông tư 09/2015/TT-NHNN, phần chênh lệch giữa giá mua, bán nợ và giá trị ghi sổ khoản nợ của bên bán nợ được xử lý như sau:

- » Đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng:
 - Trường hợp giá bán nợ cao hơn giá trị ghi sổ khoản nợ thì phần chênh lệch cao hơn được hạch toán vào thu nhập trong năm kế toán của Ngân hàng và các công ty con;
 - Trường hợp giá mua, bán nợ thấp hơn giá trị khoản nợ thì phần chênh lệch thấp hơn được bù đắp từ tiền bồi thường của cá nhân, tập thể (trong trường hợp tổn thất đã được xác định do cá nhân, tập thể gây ra và phải bồi thường theo quy định), tiền bảo hiểm của tổ chức bảo hiểm và quỹ dự phòng rủi ro đã được trích lập trong chi phí, phần còn thiếu được hạch toán vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng và các công ty con trong năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

Doanh thu và chi phí mua bán nợ (tiếp theo)

» Đối với các khoản nợ đang theo dõi ngoại bảng, khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán, thì số tiền bán khoản nợ được hạch toán vào thu nhập khác của Ngân hàng và các công ty con.

Giá trị ghi sổ khoản nợ được mua, bán gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Giá mua, bán nợ là số tiền bên mua nợ phải thanh toán cho bên bán nợ theo hợp đồng mua, bán nợ.

Thu nhập khác

Doanh thu khác được ghi nhận dựa trên cơ sở thực thu.

4.28 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- » Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- » Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Ngân hàng có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.



4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.28 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- » Tài sản thuế hoàn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.
- » Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoàn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoàn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoàn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoàn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoàn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoàn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoàn lại và thuế thu nhập hoàn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoàn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoàn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

4.29 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng và các công ty con, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và các công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất (Thuyết minh 50). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng và các công ty con được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên tài khoản “Vốn chủ sở hữu” và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.30 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất chỉ khi Ngân hàng và các Công ty con có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng và các công ty con dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng, hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.31 Lợi ích của nhân viên

4.31.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng và các công ty con khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng và các công ty con sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 18% (tới tháng 05 năm 2017) và 17,5% (từ ngày 01 tháng 06 năm 2017 trở đi) lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.31.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 48 Bộ Luật Lao động số 10/2012/QH13 có hiệu lực ngày 01 tháng 05 năm 2013, Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.31.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo quy định hiện hành về bảo hiểm thất nghiệp, từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm Thất nghiệp.

5. HỢP NHẤT KINH DOANH

Tại ngày 30 tháng 10 năm 2013, Ngân hàng đã mua 100% vốn của Công ty Tài chính TNHH Một Thành viên Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát Triển Thành Phố Hồ Chí Minh (HDFinance) (tên gọi trước đây là Công ty TNHH Một Thành viên Tài chính Việt Société Générale) theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2013 và Quyết định số 2532/QĐ-NHNN của NHNN Việt Nam. Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 629.376 triệu đồng được thanh toán bằng tiền trong năm 2013. Lợi thế thương mại phát sinh là 115.251 triệu đồng được phân bổ trong 10 năm.

Trong năm 2014, Ngân hàng đã bán 49% tỷ lệ sở hữu trong HDFinance cho Công ty Credit SaiSon, và đổi tên là Công ty Tài chính TNHH HD SAISON (“HD SAISON”). Trong tháng 05 năm 2015, Ngân hàng cũng đã tiếp tục hoàn tất việc chuyển nhượng 1% vốn góp tại HD SAISON cho một nhà đầu tư trong nước với tổng giá bán là 17.000 triệu đồng và ghi nhận khoản lãi thuần là 9.604 triệu đồng. Theo đó, Ngân hàng đã ghi nhận giảm lợi thế thương mại tương ứng với tỷ lệ thoái vốn trong năm tương ứng.

Thay đổi giá trị lợi thế thương mại trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tổng giá trị Lợi thế thương mại (“LTTM”)	115.251	115.251
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	(75.874)	(70.111)
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	39.377	45.140
Lợi thế thương mại giảm trong năm	(5.763)	(5.763)
Giá trị LTTM phân bổ trong năm (Thuyết minh 34)	(5.763)	(5.763)
Lợi thế thương mại chưa phân bổ cuối năm	33.614	39.377

6. TIỀN MẶT VÀ VÀNG BẠC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	903.430	674.017
Tiền mặt bằng ngoại tệ	585.469	952.494
Vàng tiền tệ	22.730	9.499
	1.511.629	1.636.010

7. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bằng VND	1.522.560	2.111.550
Bằng Đô la Mỹ ("USD")	99.696	27.752
Tiền gửi phong tỏa	300.000	250.000
	1.922.256	2.389.302

Tiền gửi tại NHNN Việt Nam bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN Việt Nam. Số dư bình quân tiền gửi thanh toán của Ngân hàng tại NHNN Việt Nam không thấp hơn số tiền phải dự trữ bắt buộc trong tháng. Số tiền dự trữ bắt buộc trong tháng được tính bằng số dư tiền gửi huy động bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước nhân với tỷ lệ dự trữ bắt buộc tương ứng.

Tỷ lệ dự trữ bắt buộc thực tế như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 %/năm
Khách hàng		
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
Tổ chức tín dụng nước ngoài		
Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

8. TIỀN GỬI TẠI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

8.1 Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	12.928.307	12.935.314
- Bằng VND	5.186.600	4.738.561
- Bằng ngoại tệ	7.741.707	8.196.753
Tiền gửi có kỳ hạn	6.722.300	3.036.000
- Bằng VND	5.915.000	3.036.000
- Bằng ngoại tệ	807.300	-
	19.650.607	15.971.314

Thay đổi dự phòng rủi ro tiền gửi các tổ chức tín dụng khác trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	-	103.620
Số hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 36)	-	(450)
Số sử dụng dự phòng trong năm	-	(103.170)
Số cuối năm	-	-

Mức lãi suất hàng năm của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Bằng VND	1,30 – 5,00	4,20 - 5,40
Bằng ngoại tệ	1,50 – 1,60	0,00

8.2 Cho vay các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn		
- Bằng VND	2.210.561	2.309.586
Trong đó: cho vay chiết khấu, tái chiết khấu	904.561	624.586
- Bằng ngoại tệ	-	299.147
	2.210.561	2.608.733

Mức lãi suất hàng năm của các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Bằng VND	1,70 – 5,00	4,20 - 4,90
Bằng ngoại tệ	Không áp dụng	1,50



9. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Chính phủ, Chính quyền địa phương	3.893.398	-
Chứng khoán nợ chưa niêm yết do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	400.000	-
Chứng khoán nợ chưa niêm yết do các TCKT trong nước phát hành	400.000	400.000
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		
Dự phòng chung	(3.000)	(3.063)
	4.690.398	396.937

Chi tiết danh mục chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Mệnh giá Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng	Mệnh giá Triệu đồng	Giá trị ghi sổ Triệu đồng
Chứng khoán nợ do Chính phủ phát hành	3.650.000	3.893.398	-	-
Chứng khoán nợ chưa niêm yết do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành				
Công ty tài chính TNHH MTV Home Credit Việt Nam	400.000	400.000	-	-
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành - Chưa niêm yết				
Công ty TNHH Thương mại Quảng cáo Xây dựng				
Địa Ốc Việt Hàn	400.000	400.000	400.000	400.000
		4.693.398		400.000

Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành trình bày ở trên được phân loại vào nhóm nợ đủ tiêu chuẩn. Thay đổi dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	3.063	6.922
Hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 32)	(63)	(3.859)
Số cuối năm	3.000	3.063

10. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC KHOẢN NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng) Triệu đồng	Giá trị ghi sổ kế toán ròng (theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo)	
		Tài sản Triệu đồng	Công nợ Triệu đồng
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.000.000	-	12.048
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	17.369.172	-	58.050
Tổng cộng	20.369.172	-	70.098
Số thuần			70.098
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	3.245.203	-	2.747
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	16.069.782	13.942	20.521
Tổng cộng	19.314.985	13.942	23.268
Số thuần			9.326

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	100.686.906	78.850.738
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	1.491.581	3.059.047
Cho vay thấu chi và thẻ tín dụng	2.298.173	294.007
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân nước ngoài	20.368	20.580
	104.497.028	82.224.372

11.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	101.103.362	79.734.077
Nợ cần chú ý	1.810.425	1.291.514
Nợ dưới tiêu chuẩn	513.992	376.621
Nợ nghi ngờ	548.566	460.699
Nợ có khả năng mất vốn	520.683	361.461
	104.497.028	82.224.372



11. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

11.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	56.070.884	34.052.485
Nợ trung hạn	24.238.532	29.487.894
Nợ dài hạn	24.187.612	18.683.993
	104.497.028	82.224.372

11.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Cho vay các tổ chức kinh tế	57.112.230	54,65	45.494.950	55,33
Công ty cổ phần	29.966.935	28,67	26.970.387	32,81
Công ty TNHH	22.117.947	21,17	13.072.900	15,90
Công ty TNHH nhà nước	1.860.979	1,78	1.979.449	2,41
Công ty nhà nước khác	1.516.054	1,45	513.032	0,62
Hộ kinh doanh	946.070	0,91	1.276.613	1,55
Công ty cổ phần nhà nước	442.218	0,42	408.783	0,50
Doanh nghiệp tư nhân	184.496	0,18	883.170	1,07
Hợp tác xã	14.674	0,01	23.708	0,03
Khác	62.857	0,06	366.908	0,44
Cho vay cá nhân	47.384.798	45,35	36.729.422	44,67
	104.497.028	100,00	82.224.372	100,00

11.4 Phân tích dư nợ cho vay theo tiền tệ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Bằng VND	97.056.786	92,88	77.665.512	94,46
Bằng ngoại tệ	7.440.242	7,12	4.558.860	5,54
	104.497.028	100,00	82.224.372	100,00

11. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

11.5 Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Triệu đồng	%	Triệu đồng	%
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	41.188.784	39,42	36.063.574	43,86
Xây dựng	11.673.478	11,17	9.059.197	11,02
Hoạt động kinh doanh bất động sản	6.836.437	6,54	4.679.177	5,69
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	6.176.009	5,91	4.387.144	5,34
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	5.665.539	5,42	4.534.253	5,51
Công nghiệp chế biến, chế tạo	6.607.808	6,32	4.571.492	5,56
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	3.112.468	2,98	2.608.913	3,17
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và động cơ khác	2.094.572	2,00	2.084.496	2,54
Vận tải kho bãi	2.076.111	1,99	2.256.132	2,74
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	2.450.185	2,34	1.430.077	1,74
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	364.682	0,35	362.498	0,44
Giáo dục và đào tạo	126.453	0,12	155.806	0,19
Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	145.459	0,14	82.933	0,10
Thông tin và truyền thông	87.524	0,08	406.587	0,49
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	88.486	0,08	68.974	0,08
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	78.569	0,08	468.166	0,57
Khai khoáng	167.306	0,16	85.655	0,10
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	51.751	0,05	103.309	0,13
Hoạt động dịch vụ khác	15.505.407	14,85	8.815.989	10,73
	104.497.028	100,00	82.224.372	100,00

Mức lãi suất hàng năm đối với các khoản cho vay khách hàng của ngân hàng và công ty con tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Cho vay thương mại		
- Bằng VND	0,00 – 79,02	0,00 – 79,02
- Bằng ngoại tệ	0,01 – 7,51	1,20 – 7,45

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Mua nợ bằng VND	7.749	8.690
Dự phòng rủi ro (Thuyết minh 13)	(3.874)	(3.201)
	3.875	5.489

Giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Nợ gốc đã mua	10.442	11.383
Lãi của khoản nợ đã mua	-	-
	10.442	11.383

Kết quả phân loại nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và dự phòng rủi ro các khoản mua nợ tương ứng cần phải trích lập theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng và các công ty con như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ có khả năng mất vốn	7.749	(3.874)	-	(3.874)

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm này như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.201	-	3.201
Số dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 13)	1.052	-	1.052
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro	(379)	-	(379)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.874	-	3.874

Thay đổi dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.201	-	3.201
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	-	-	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	3.201	-	3.201

13. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	794.562	715.852
Số trích lập/(hoàn nhập) dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ(Thuyết minh 12)	1.052	-
Số trích lập dự phòng trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh 14.4)	221.146	277.753
Tổng chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.016.760	993.605

Kết quả phân loại nợ tại ngày 30 tháng 11 năm 2017 và dự phòng rủi ro các khoản cho vay cần phải trích lập theo quy định tại Thông tư số 02/2013/TT-NHNN, Thông tư số 09/2014/TT-NHNN và theo chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng và các công ty con như sau:

Phân loại	Dư nợ cho vay Triệu đồng	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng số dự phòng Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	97.739.157	-	733.043	733.043
Nợ cần chú ý	2.014.577	47.118	15.109	62.227
Nợ dưới tiêu chuẩn	528.484	45.746	3.964	49.710
Nợ nghi ngờ	562.132	187.634	4.216	191.850
Nợ có khả năng mất vốn	558.551	124.351	-	124.351
	101.402.901	404.849	756.332	1.161.181

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm này như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	327.570	592.827	920.397
Số trích lập dự phòng rủi ro đến 30 tháng 11	569.659	163.505	733.164
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro đến 30 tháng 11	(492.380)	-	(492.380)
Số dư dự phòng rủi ro tại ngày 30 tháng 11 năm 2017	404.849	756.332	1.161.181
Số trích lập dự phòng rủi ro trong tháng 12	58.835	2.563	61.398
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong tháng 12	(61.880)	-	(61.880)
Số cuối năm	401.804	758.895	1.160.699

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm trước như sau:

	Dự phòng cụ thể Triệu đồng	Dự phòng chung Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	301.573	404.022	705.595
Số trích lập dự phòng rủi ro trong năm	527.047	188.805	715.852
Sử dụng dự phòng xử lý rủi ro trong năm	(501.050)	-	(501.050)
Số cuối năm	327.570	592.827	920.397

14. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

14.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng khoán Nợ		
Chứng khoán Chính phủ	30.323.311	18.153.613
Chứng khoán Nợ do các tổ chức tín dụng khác trong nước phát hành	800.000	-
Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	5.162.202	5.259.048
	36.285.513	23.412.661
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	1.132.219	854.692
	1.132.219	854.692
	37.417.732	24.267.353
Dự phòng rủi ro chứng khoán sẵn sàng để bán		
- Dự phòng giảm giá	(76.093)	(91.220)
- Dự phòng chung	(40.327)	(35.474)
- Dự phòng cụ thể	(237.741)	(237.741)
	(354.161)	(364.435)
Giá trị thuần	37.063.571	23.902.918

- Trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 03 đến 15 năm và lãi suất từ 0,00%/năm đến 11,50%/năm, lãi trả hàng năm. Trong đó, một số trái phiếu với tổng mệnh giá là 4.674.000 triệu đồng đang được cầm cố để thực hiện vay vốn tại một số tổ chức tín dụng khác và để được cấp hạn mức cho các nghiệp vụ thực hiện với NHNN Việt Nam.
- Chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác có thời hạn 01 đến 03 năm với lãi suất từ 6,80%/năm đến 10,50%, lãi trả hàng năm.
- Trái phiếu của các TCKT khác có thời hạn từ 01 đến 10 năm, lãi được trả định kỳ 03 tháng/lần, 06 tháng/lần, hoặc 01 năm/lần. Lãi suất hiện tại của các trái phiếu là từ 8,90%/năm đến 11,00%/năm và thay đổi định kỳ 03 tháng/lần, 06 tháng/lần hoặc 01 năm/lần tùy theo loại trái phiếu của từng Công ty. Trái phiếu của một số tổ chức kinh tế có tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất, dự án bất động sản, cổ phiếu.

14. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

14.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ (a)	1.474.123	5.772.021
Trái phiếu đặc biệt VAMC (b)	1.838.855	2.229.084
Trái phiếu Ngân hàng phát triển Việt Nam (c)	503.846	519.708
Trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành - Chưa niêm yết (d)	5.797.823	2.500.000
	9.614.647	11.020.813
Dự phòng rủi ro chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		
- Dự phòng chung	-	(1.499)
- Dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC (Thuyết minh 14.2)	(876.077)	(661.141)
Giá trị thuần	8.738.570	10.358.173

- (a) Đây là các trái phiếu Chính phủ có thời hạn từ 03 đến 05 năm với lãi suất từ 5,00%/năm đến 6,9%/năm, lãi được thanh toán định kỳ 01 năm/lần.
- (b) Đây là trái phiếu đặc biệt được Công ty TNHH Một thành viên Quản lý tài sản của các Tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành nhằm mục đích mua lại các khoản nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu có thời hạn 05 năm, lãi suất 0,00%/năm. Mệnh giá trái phiếu phát hành là chênh lệch giữa số dư nợ của khách hàng và dự phòng rủi ro cụ thể đã trích chưa được sử dụng tại thời điểm mua.

Biến động tăng/(giảm) của trái phiếu VAMC trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	2.229.084	3.012.652
Tất toán trong năm	(390.229)	(783.568)
Số cuối năm	1.838.855	2.229.084

- (c) Đây là các trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam có thời hạn từ 03 đến 10 năm với mức lãi suất từ 5,70%/năm đến 9,20%/năm, trong đó, tiền lãi được thanh toán định kỳ một (01) năm/lần.
- (d) Đây là các trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành có thời hạn từ 01 năm đến 10 năm và có lãi suất từ 6,76%/năm đến 10,50%/năm, trong đó, tiền lãi được thanh toán định kỳ 06 tháng/lần hoặc 01 năm/lần.

14.3 Phân tích chất lượng chứng khoán được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Trái phiếu các tổ chức kinh tế khác		
- Nợ đủ tiêu chuẩn	4.862.202	4.959.048
- Nợ có khả năng mất vốn	300.000	300.000
	5.162.202	5.259.048

14. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

14.4 Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư

Biến động dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	364.435	132.126
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	1.499	3.740
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	661.141	383.388
	1.027.075	519.254
Giảm do sử dụng để xử lý các khoản nợ được bán cho VAMC	(6.210)	-
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
(Thuyết minh 33)	(10.274)	232.309
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành) (Thuyết minh 33)	(1.499)	(2.241)
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành (Thuyết minh 13)	221.146	277.753
	203.163	507.821
Số cuối năm		
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	354.161	364.435
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (không bao gồm trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành)	-	1.499
Trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	876.077	661.141
	1.230.238	1.027.075

15 DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	111.539	111.074
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 36)	311	465
Số cuối năm	111.850	111.539

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

16.1 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc Triệu đồng	Máy móc thiết bị Triệu đồng	Phương tiện vận tải Triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý Triệu đồng	TSCĐ khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá						
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	428.367	152.165	172.711	241.122	9.120	1.003.485
Mua trong năm	40.784	8.451	21.903	13.684	1.190	86.012
Thanh lý, nhượng bán	(2.277)	(4.668)	(2.895)	(1.078)	(107)	(11.025)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	466.874	155.948	191.719	253.728	10.203	1.078.472
Giá trị hao mòn lũy kế						
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	69.209	112.996	104.610	184.741	6.945	478.501
Khấu hao trong năm	16.377	15.449	19.097	32.402	781	84.106
Thanh lý, nhượng bán	(2.230)	(4.643)	(2.608)	(998)	(104)	(10.583)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	83.356	123.802	121.099	216.145	7.622	552.024
Giá trị còn lại						
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	359.158	39.169	68.101	56.381	2.175	524.984
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	383.518	32.146	70.620	37.583	2.581	526.448

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 276.428 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 169.734 triệu đồng).

16. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)

16.2 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất có thời hạn Triệu đồng	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm máy vi tính Triệu đồng	Tài sản khác Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	45.386	759.438	181.223	1.901	987.948
Mua trong năm	1.851	180.032	12.047	386	194.316
Thanh lý trong năm	-	(967)	(62)	-	(1.029)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	47.237	938.503	193.208	2.287	1.181.235
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.067	-	157.304	1.601	160.972
Hao mòn trong năm	1.128	-	18.779	249	20.156
Thanh lý trong năm	-	-	(62)	-	(62)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.195	-	176.021	1.850	181.066
Giá trị còn lại					
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	43.319	759.438	23.919	300	826.976
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	44.042	938.503	17.187	437	1.000.169

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 139.679 triệu đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 79.011 triệu đồng).

17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm các Quyền sử dụng đất không có thời hạn và nhà ở gắn liền trên đất mà Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh sở hữu từ việc bán đấu giá tài sản gắn xiết nợ. Tuy nhiên, các tài sản này được nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, Ban Tổng Giám đốc không thể xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thông tin tại ngày kết thúc năm tài chính.

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu đồng	Quyền sử dụng đất Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.599	75.166	88.765
Kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.612	11.000	12.612
Thanh lý, nhượng bán	(11.828)	(43.512)	(55.340)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.383	42.654	46.037
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	384	-	384
Khấu hao trong năm	185	-	185
Giảm trong năm	(301)	-	(301)
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	268	-	268
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.215	75.166	88.381
Ngày 31 tháng 12 năm 2017	3.115	42.654	45.769



18. TÀI SẢN CÓ KHÁC

18.1 Các khoản phải thu

	Thuyết minh	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Phải thu từ bán chứng khoán trả chậm	(i)	1.646.701	3.236.182
Tạm ứng mua sắm TSCĐ	(ii)	672.454	885.318
Phải thu từ thanh lý TSCĐ		280.000	315.000
Chi phí công trình		247.247	139.386
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ		164.604	124.638
Ký quỹ/Tạm ứng thuê văn phòng, TSCĐ và công cụ dụng cụ		77.404	75.874
Tạm ứng chi phí xử lý tài sản bảo đảm		24.806	24.338
Tạm ứng cho khoản tiền gửi tiết kiệm trả lãi giao ngay		22.645	23.594
Tạm ứng góp vốn đầu tư		4.950	11.619
Phải thu Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy (Vinashin)		11.456	22.912
Phải thu khoản ủy thác tiền gửi		6.979	8.909
Phải thu từ chuyển nhượng vốn góp, cổ phần		3.080	3.080
Đặt cọc thuê/mua văn phòng làm việc		-	160.000
Phải thu từ hoạt động cho thuê tòa nhà Abacus		-	18.750
Các khoản phải thu khác		261.321	240.787
		3.423.647	5.290.387

(i) Đây là các khoản phải thu từ các cá nhân và doanh nghiệp liên quan đến các hợp đồng bán chứng khoán trả chậm với số tiền gốc còn lại là 1.611.486 triệu đồng và lãi phải thu là 35.215 triệu đồng. Theo các hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo, các khoản gốc và lãi liên quan đến khoản phải thu này sẽ được thanh toán vào cuối năm với mức lãi suất được điều chỉnh hàng năm. Các khoản phải thu này sẽ được thanh toán trong các năm 2018 và 2019.

(ii) Tạm ứng mua sắm TSCĐ bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Mua sắm nhà, trụ sở	660.969	877.818
Phương tiện vận chuyển	7.942	-
Mua sắm tài sản khác	3.543	7.500
	672.454	885.318

18.2 Các khoản lãi phí phải thu

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Lãi từ cho vay	1.799.544	1.811.978
Lãi từ chứng khoán đầu tư	1.565.205	1.277.929
Lãi từ tiền gửi	14.215	10.938
Lãi và phí phải thu khác	37.395	13.042
	3.416.359	3.113.887

18. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

18.3 Tài sản Có khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chi phí trả trước và chờ phân bổ	1.002.629	1.056.943
Tài sản gán nợ chờ xử lý	377.717	385.610
Vật liệu và công cụ	38.079	25.167
Lợi thế thương mại	33.614	39.377
Tài sản Có khác	3.450	3.450
	1.455.489	1.510.547

18.4 Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác

Dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác bao gồm:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Dự phòng rủi ro khác	60.881	35.458

Thay đổi dự phòng rủi ro khác trong năm như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Số đầu năm	35.458	38.989
Số trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 36)	36.878	44.337
Xử lý rủi ro	(11.455)	(47.868)
Số cuối năm	60.881	35.458

19. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (i)	132.815	155.844
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	16.830	21.791
Quỹ Phát Triển Doanh Nghiệp Vừa và Nhỏ (iii)	6.608	-
	156.253	177.635

(i) Đây là khoản vay theo dự án Tài trợ Doanh nghiệp vừa và nhỏ giai đoạn II và giai đoạn III do Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) tài trợ thông qua NHNN Việt Nam. Theo thỏa thuận khung về cho vay lại ngày 01 tháng 11 năm 2007, Ngân hàng được vay để tài trợ cho các doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn phù hợp với các điều kiện quy định của dự án. Gốc trả theo lịch trả nợ đính kèm từng hợp đồng, lãi trả hàng quý.

(ii) Đây là khoản vay theo dự án Tài chính Tín dụng Nhà ở do Ngân hàng Phát triển Châu Á tài trợ thông qua NHNN. Theo thỏa thuận ngày 16 tháng 01 năm 2006, bản sửa đổi ngày 24 tháng 11 năm 2006 và phụ lục ngày 11 tháng 10 năm 2010 ký với NHNN, trị giá khoản vay là 68.000 triệu đồng, thời hạn vay là 20 năm kể từ ngày 06 tháng 01 năm 2004, lãi suất vay được tính trên cơ sở lãi suất điều chỉnh vào cuối mỗi quý và tính theo phương pháp bình quân gia quyền của tất cả các loại tiền gửi có kỳ hạn trong hệ thống ngân hàng.

(iii) Đây là khoản vay từ Quỹ Phát Triển doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEDF) với lãi suất 7,00%/năm, thời hạn vay từ 60 đến 67 tháng. Gốc và lãi được trả định kỳ hàng tháng.



20. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác	12.244.362	13.621.415
Vay từ các tổ chức tín dụng khác	24.973.016	6.063.250
	37.217.378	19.684.665

20.1 Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn Bằng VND	5.070.339	4.524.040
Tiền gửi có kỳ hạn Bằng VND	6.508.000	5.773.525
Bằng ngoại tệ	666.023	3.323.850
	12.244.362	13.621.415

Mức lãi suất năm tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Tiền gửi CKH bằng VND	1,00 - 2,60	3,50 - 5,50
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	1,60 - 1,80	1,00 - 1,65

20.2 Vay các tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vay các tổ chức tín dụng trong nước bằng VND	22.087.916	3.949.786
Vay các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước bằng ngoại tệ	2.885.100	2.113.464
	24.973.016	6.063.250

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các khoản vay bằng VND từ các tổ chức tín dụng khác có kỳ hạn từ 07 cho đến 364 ngày, với lãi suất từ 1,10%/năm đến 9,00%/năm.

Các khoản vay từ các tổ chức tín dụng bằng đồng Đô la Mỹ, có kỳ hạn từ 02 tháng đến 05 năm chịu lãi suất từ 1,70% đến 9,85%/năm.

Bao gồm trong các khoản tiền gửi và tiền vay này (bao gồm vay thông thường và vay chiết khấu giấy tờ có giá) có các khoản tiền gửi và tiền vay trị giá 24.785.213 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.453.687 triệu đồng) được đảm bảo bằng các chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán trị giá 25.044.000 triệu đồng (Ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.716.000 triệu đồng).

21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

21.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn (“KKH”)	14.554.660	9.813.269
Tiền gửi KKH bằng VND	13.202.716	9.258.445
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	1.351.944	554.824
Tiền gửi có kỳ hạn (“CKH”)	30.232.906	22.874.767
Tiền gửi CKH bằng VND	28.852.055	22.097.095
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	1.380.851	777.672
Tiền gửi tiết kiệm	74.762.053	69.853.278
Tiền gửi tiết kiệm bằng VND	73.920.025	68.698.004
Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	842.028	1.155.274
Tiền gửi vốn chuyên dùng	537.286	229.095
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	229.300	223.164
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	307.986	5.931
Tiền ký quỹ	248.588	191.470
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	201.686	164.232
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	46.902	27.238
Các khoản phải trả khách hàng khác	201.976	337.892
Tiền gửi tiết kiệm khác	201.976	337.892
	120.537.469	103.299.771

Mức lãi suất hàng năm của các khoản tiền gửi của khách hàng tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm %/năm	Số đầu năm %/năm
Tiền gửi KKH bằng VND	0,00 - 1,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng VND	0,7	0,07 - 1,00
Tiền gửi KKH bằng ngoại tệ	0,00 - 0,2	0,00 - 0,01
Tiền gửi tiết kiệm KKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi CKH bằng VND	0,80 - 7,80	0,80 - 9,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng VND	0,00 - 9,50	0,20 - 9,50
Tiền gửi CKH bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi tiết kiệm CKH bằng ngoại tệ	0,00 - 1,60	0,00 - 1,60

Đối với tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn, trong trường hợp khách hàng rút trước hạn, lãi suất nhận được sẽ áp dụng theo lãi suất không kỳ hạn.



21. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

21.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng và loại hình doanh nghiệp

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	43.631.327	31.533.537
Công ty cổ phần khác	20.443.288	11.601.598
Công ty TNHH nhà nước 100%	6.315.561	4.502.869
Công ty nhà nước khác	4.832.887	3.980.657
Công ty TNHH khác	4.270.906	3.543.040
Hợp tác xã	3.043.169	3.047.798
Công ty Cổ phần Nhà nước	1.386.109	749.713
Công ty liên doanh nước ngoài	520.122	1.109.087
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	885.939	600.998
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	749.557	540.521
Công ty TNHH nhà nước sở hữu trên 50% vốn	188.293	413.022
Doanh nghiệp tư nhân	21.961	57.222
Công ty hợp danh	6.054	4.902
Hộ kinh doanh	3.186	2.790
Khác	964.295	1.379.320
Tiền gửi của cá nhân	76.906.142	71.766.234
	120.537.469	103.299.771

22. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TỔ CHỨC TÍN DỤNG CHỊU RỦI RO

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	1.691	5.821
Vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển Nông thôn	1.691	5.821
Vốn nhận tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay bằng ngoại tệ	2.926.050	2.837.611
Vốn tài trợ từ Quỹ Phát triển Nông thôn	1.191	1.259
Vốn tài trợ dự án xây dựng hệ thống cấp nước Nhơn Trạch – Giai đoạn II	54.459	-
Vốn tài trợ chương trình hỗ trợ phát triển chính sách cải cách ngành điện - Giai đoạn III (i)	2.870.400	2.836.352
	2.927.741	2.843.432

(i) Đây là khoản vay 128 triệu đô la Mỹ từ Bộ Tài chính để tài trợ chương trình hỗ trợ chính sách cải cách ngành điện - Giai đoạn III với thời hạn 29 năm từ 04 tháng 08 năm 2015 đến 04 tháng 08 năm 2043 và lãi suất LIBOR 06 tháng của đồng USD cộng với khoản chênh lệch biến đổi được Ngân hàng Thế Giới điều chỉnh định kỳ vào ngày 01 tháng 01 và ngày 01 tháng 07 hàng năm.

23. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi		
Dưới 12 tháng	1.035.000	70.014
Từ 12 tháng đến dưới 05 năm	4.206.000	5.097.000
Từ 05 năm trở lên	92.000	-
Trái phiếu thường		
Từ 12 tháng đến dưới 05 năm	1.460.000	2.860.000
Từ 05 năm trở lên	3.000.000	3.000.000
	9.793.000	11.027.014

Lãi của các trái phiếu có kỳ hạn dưới 10 năm được trả hàng năm với mức lãi suất cố định ban đầu là 7,20% - 8,00%/năm, từ năm thứ hai trở đi sẽ áp dụng mức lãi suất thả nổi, điều chỉnh 01 năm 01 lần và được tính bằng trung bình cộng lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 Ngân hàng lớn tại Việt Nam cộng với biên độ 1,20% - 5,50%/năm.

Lãi của các trái phiếu kỳ hạn 10 năm được trả hàng năm với mức lãi suất cố định trong 05 năm đầu tiên từ 7,70% - 8,50%/năm. Trường hợp sau 05 năm mà Ngân hàng không mua lại thì lãi suất cộng thêm 0,50% mỗi năm.

Mức lãi suất hàng năm của các trái phiếu thường và chứng chỉ tiền gửi tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 %
Chứng chỉ tiền gửi	5,50 – 14,00	1,00 – 13,00
Trái phiếu từ 12 tháng đến dưới 05 năm	7,60 - 12,20	7,50 - 13,00
Từ 05 năm trở lên	7,70 – 8,50	7,70 – 8,50

24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

24.1 Các khoản lãi, phải trả

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VND	1.902.225	1.748.016
Lãi phải trả tiền gửi bằng VND	423.823	307.869
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá bằng VND	164.489	194.869
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VND	153.586	169.104
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư tổ chức tín dụng	20.255	17.415
Lãi phải trả cho tiền vay bằng ngoại tệ	18.853	8.464
Giao dịch hoán đổi	11.933	11.798
Lãi phải trả tiền gửi bằng ngoại tệ	280	4.267
Giao dịch kỳ hạn	72	1.302
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	349	146
	2.695.865	2.463.250



24. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

24.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	89.452	99.420
Các khoản phải trả công nhân viên	78.373	90.426
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	11.079	8.994
Các khoản phải trả bên ngoài	795.871	466.847
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	329.776	171.219
Phải trả nhà cung cấp	167.839	69.550
Phải trả từ nhận góp vốn	150.000	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả (Thuyết minh 25)	65.072	92.512
Hoa hồng phải trả	42.101	113.943
Thuế GTGT phải nộp (Thuyết minh 25)	30.500	7.344
Thuế khác và các khoản phải trả nhà nước (Thuyết minh 25)	10.583	6.727
Phí quản lý phải trả tòa nhà Abacus	-	5.552
Các khoản phải trả khác	292.038	280.269
Doanh thu chờ phân bổ	86.358	71.716
Phải trả về xây dựng cơ bản	3.188	2.764
Các khoản phải trả khác	202.492	205.789
	1.177.361	846.536

25. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

	Phát sinh trong năm			
	Số đầu năm Triệu đồng	Số phải nộp Triệu đồng	Số đã nộp Triệu đồng	Số cuối năm Triệu đồng
Thuế GTGT	7.344	61.448	(38.292)	30.500
Thuế thu nhập doanh nghiệp	92.512	466.302	(493.742)	65.072
Các loại thuế khác	6.727	77.100	(73.244)	10.583
Thuế thu nhập cá nhân	6.369	68.529	(64.724)	10.174
Thuế nhà thầu	358	7.045	(6.994)	409
Thuế môn bài	-	244	(244)	-
Thuế khác	-	1.282	(1.282)	-
	106.583	604.850	(605.278)	106.155

25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành

Ngân hàng và các Công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế trong năm hiện hành (Năm trước: 20%).

Các báo cáo thuế của Ngân hàng và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

25.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm nay vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm trước do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và Các công ty con và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.416.782	1.147.633
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Ngân hàng và các Công ty con	483.356	229.527
Các khoản điều chỉnh giảm:		
- Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(8.776)	(2.457)
- Lỗ tính thuế được sử dụng	-	(24)
- Điều chỉnh khác	(15.120)	(6.202)
Các khoản điều chỉnh tăng:		
- Điều chỉnh số thuế phải nộp các năm trước	404	-
- Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	1.152	1.152
- Điều chỉnh khác	5.286	4.814
Chi phí thuế TNDN trong năm	466.302	226.810

25.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Ảnh hưởng đến báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lỗ / (lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.438	(2.489)	3.927	(6.325)
Dự phòng chứng khoán đầu tư	19.800	19.800	-	-
	21.238	17.311		
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại thuần			3.927	(6.325)

**26. VỐN CHỦ SỞ HỮU****26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn điều lệ Triệu đồng	Thặng dư vốn cổ phần Triệu đồng	Cổ phiếu quỹ Triệu đồng	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản Triệu đồng	Quỹ của tổ chức tín dụng Triệu đồng	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu đồng	Lợi ích cổ đông thiểu số Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	8.100.000	4.599	(2)	89	465.280	747.047	625.630	9.942.643
Tăng vốn đợt 1 (*)	729.000	-	-	-	(162.000)	(567.000)	-	-
Tăng vốn đợt 2 (**)	981.000	2.037.656	-	-	-	-	-	3.018.656
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	-	-	-	-	-	1.746.487	207.920	1.954.407
Trích bổ sung các quỹ cho năm trước	-	-	-	-	154.028	(154.028)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm trước	-	-	-	-	-	(3.000)	-	(3.000)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	-	-	(150.000)	(150.000)
Sử dụng trong năm	-	-	-	-	(3.600)	-	-	(3.600)
Số cuối năm	9.810.000	2.042.255	(2)	89	453.708	1.769.506	683.550	14.759.106

(*) Ngày 17 tháng 10 năm 2017, NHNN Việt Nam đã chấp thuận Phương án tăng vốn điều lệ của Ngân hàng từ 8.100.000.000.000 VND lên 8.828.999.810.000 VND từ việc phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối và phát hành cổ phiếu thưởng từ nguồn Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ. Trên cơ sở đó, Ngân hàng đã thực hiện đăng ký với UBCKNN và phát hành 72.899.981 cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành lên 882.899.773 cổ phiếu.

(**) Ngày 07 tháng 12 năm 2017, NHNN Việt Nam đã chấp thuận Phương án tăng vốn điều lệ của Ngân hàng từ 8.828.999.810.000 VND lên 9.809.999.790.000 VND. Trên cơ sở đó, Ngân hàng đã thực hiện đăng ký với UBCKNN và phát hành 98.099.998 cổ phiếu nâng tổng số cổ phiếu đang lưu hành lên 980.999.771 cổ phiếu.



26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

26.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tình hình thay đổi các quỹ của Ngân hàng và các công ty con trong kỳ được thể hiện trong bảng dưới đây:

Chi tiêu	Quỹ đầu tư phát triển Triệu đồng	Quỹ dự phòng tài chính Triệu đồng	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ Triệu đồng	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Số đầu năm	70	272.105	164.794	28.311	465.280
Tăng vốn trong năm	-	-	(162.000)	-	(162.000)
Trích quỹ trong năm	-	89.006	45.022	20.000	154.028
Sử dụng Quỹ trong năm	-	-	-	(3.600)	(3.600)
Số cuối năm	70	361.111	47.816	44.711	453.708

26.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng và các Công ty con

Ngân hàng và các Công ty con thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau đây theo quy định tại Luật các Tổ chức Tín dụng số 47/2010/QH12 và Nghị định số 93/2017/NĐ-CP và theo Điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5,00% lợi nhuận sau thuế	100,00% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10,00% lợi nhuận sau thuế	Không quy định

26.3 Cổ tức

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ tức phải trả đầu năm	755	742
Cổ tức phải trả trong năm	150.000	810.000
Cổ tức đã trả trong năm	(150.000)	(809.987)
Cổ tức phải trả cuối năm	755	755

Vào ngày 19 tháng 07 năm 2017, Hội đồng Thành viên Công ty Tài chính TNHH HD SAISON đã chấp thuận phân chia 300 tỷ đồng lợi nhuận cho các thành viên góp vốn tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp trong Vốn điều lệ của Công ty Tài chính TNHH HD SAISON.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Tại thời điểm cuối năm, không có sự kiện hoặc tình huống nào có thể dẫn đến lãi suy giảm trên cổ phiếu.

27. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Ngân hàng sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước
Lãi thuần phân bổ cho các cổ đông của Ngân hàng (triệu đồng)	1.746.487	738.132
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (triệu đồng)	-	(3.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (triệu đồng)	1.746.487	735.132
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (không bao gồm cổ phiếu quỹ) (cổ phiếu)	888.275.115	882.899.773
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.966	833

28. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập lãi cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	11.589.319	8.988.316
Thu lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán Nợ	2.314.151	1.663.479
- Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	2.236.990	1.663.479
- Thu lãi từ chứng khoán kinh doanh	77.161	-
Thu nhập lãi tiền gửi	197.359	156.845
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh	52.513	59.809
Thu lãi khác (*)	805.739	452.853
	14.959.081	11.321.302

(*) Bao gồm trong thu lãi khác là khoản lãi thu được từ các cá nhân và doanh nghiệp liên quan đến các hợp đồng bán chứng khoán trả chậm (thuyết minh 18.1) với số tiền là 400.992 triệu đồng.

29. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	6.812.155	5.277.393
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	1.053.005	914.654
Trả lãi tiền vay	378.432	246.132
Chi phí hoạt động tín dụng khác	368.189	205.043
	8.611.781	6.643.222

30. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	122.376	115.093
Dịch vụ ngân quỹ	12.188	11.634
Nghệp vụ ủy thác và đại lý	153	24
Thu phí dịch vụ bảo quản tài sản và dịch vụ bảo hiểm	67.387	305
Thu khác	66.536	40.264
	268.640	167.320
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán	(42.078)	(37.001)
Dịch vụ ngân quỹ	(6.908)	(5.546)
Cước phí bưu điện về mạng viễn thông	(4.619)	(2.373)
Nghệp vụ ủy thác và đại lý	(159)	(185)
Dịch vụ tư vấn	-	(26)
Hoa hồng môi giới	(6.735)	(26)
Chi khác	(11.708)	(3.939)
	(72.207)	(49.096)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	196.433	118.224

31. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh vàng	1.555.842	488.957
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	4.364.791	3.536.281
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	194.399	240.106
	6.115.032	4.265.344
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh vàng	(1.555.591)	(486.875)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(4.312.326)	(3.474.350)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(89.678)	(94.835)
	(5.957.595)	(4.056.060)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	157.437	209.284

32. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	12.474	78.644
Chi về mua bán chứng khoán kinh doanh	(6.829)	-
Hoàn nhập dự phòng chung chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 9)	63	3.859
	5.708	82.503
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh		

33. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán (*)	504.650	397.435
Chi phí về mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	(31.528)	(16.208)
Hoàn nhập / (trích lập) dự phòng chứng khoán sẵn sàng để bán (Thuyết minh 14.4)	10.274	(232.309)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán sẵn sàng để bán	483.396	148.918
Hoàn nhập dự phòng chung chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 14.4)	1.499	2.241
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn	1.499	2.241
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	484.895	151.159

(*) Chi phí huy động bình quân của các khoản tiền gửi có kỳ hạn sử dụng để mua trái phiếu Chính phủ sau khi trừ đi các khoản chiết khấu/phụ trội và tiền lãi phải thu (nếu có) từ trái phiếu Chính phủ tính đến ngày bán là 247.108 triệu đồng.

34. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nợ gốc đã xử lý	171.947	89.342
Thu từ bán nợ	9.771	-
Thu tiền cho thuê lại văn phòng	37.938	26.877
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định và bất động sản đầu tư	11.378	19.756
Thu nhập khác	68.070	59.144
	299.104	195.119
Chi phí hoạt động khác		
Lợi thế thương mại (Thuyết minh 5)	(5.763)	(5.763)
Chi tài trợ	(2.449)	(2.663)
Chi phí khác	(20.727)	(20.002)
	(28.939)	(28.428)
Lãi thuần từ hoạt động khác	270.165	166.691



35. THU NHẬP TỪ GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ tức nhận được từ chứng khoán Vốn đầu tư	43.024	2.814
Cổ tức nhận được từ góp vốn, đầu tư dài hạn	857	9.471
	43.881	12.285

36. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản lệ phí	2.912	2.818
Chi phí cho nhân viên	2.003.352	1.467.206
Chi lương và phụ cấp	1.811.596	1.319.385
Các khoản chi đóng góp theo lương	153.798	114.435
Chi trợ cấp	37.958	33.386
Chi phí khấu hao và khấu trừ	104.447	116.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	104.447	116.835
Chi phí cho hoạt động quản lý công vụ	47.449	39.474
Công tác phí	43.982	36.787
Chi về các hoạt động đoàn thể của tổ chức tín dụng	3.467	2.687
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	110.839	84.241
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng (không tính dự phòng rủi ro tín dụng, rủi ro chứng khoán)	37.189	44.352
Hoàn nhập dự phòng tiền gửi tại tổ chức tín dụng khác (Thuyết minh 8.1)	-	(450)
Trích lập dự phòng tài sản có khác (Thuyết minh 18.4)	36.878	44.337
Trích lập dự phòng đầu tư dài hạn (Thuyết minh 15)	311	465
Chi phí hoạt động khác	1.766.089	1.522.062
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	831.553	635.994
Chi phí quản lý chung	373.132	374.088
Chi phí thuê văn phòng	228.941	203.947
Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	119.268	98.923
Chi phí thông tin liên lạc	90.089	119.497
Chi phí công cụ và dụng cụ	76.306	64.519
Chi phí khác	46.800	25.094
	4.072.277	3.276.988

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán hợp nhất sau đây:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	903.430	674.017
Tiền mặt bằng ngoại tệ	585.469	952.494
Vàng tiền tệ	22.730	9.499
Tiền gửi thanh toán tại NHNN	1.922.256	2.389.302
Tiền gửi không kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác	12.928.307	12.935.314
Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác không quá 03 tháng	6.722.300	3.036.000
Cho vay các tổ chức tín dụng khác có thời hạn không quá 03 tháng	2.104.561	2.608.733
	25.189.053	22.605.359

38. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên trung bình (người)	12.645	10.006
II. Thu nhập của cán bộ, công nhân viên (Triệu đồng)		
1. Tổng quỹ lương	1.717.945	1.245.639
2. Thu nhập khác	93.651	73.746
3. Tổng thu nhập (1+2+3)	1.811.596	1.319.385
4.Tiền lương bình quân tháng (triệu đồng/người)	11,32	10,37
5.Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người)	11,94	10,99

39. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

39.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu

a) Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của khách hàng

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bất động sản	126.515.406	100.908.041
Chứng từ có giá	52.763.956	48.059.753
Động sản	31.246.659	25.982.408
Tài sản khác	58.842.927	33.670.035
	269.368.948	208.620.237



b) Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu của tổ chức tín dụng khác

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Giấy tờ có giá	300.000	450.000

39.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu

Chi tiết các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con được cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay hoặc đã chuyển nhượng theo các hợp đồng bán và mua lại chứng khoán với NHNN và các tổ chức tín dụng khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Giấy tờ có giá	25.044.000	9.716.000

40. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng và các công ty con thực hiện các công cụ tài chính ghi nhận trong các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết giao dịch hối đoái, cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng và các công ty con khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng và các công ty con cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng và các công ty con ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng và các công ty con trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Cam kết bảo lãnh là các cam kết mà Ngân hàng và các công ty con cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba, bao gồm nhiều loại như bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh dự thầu... Rủi ro tín dụng đối với bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán về cơ bản giống với rủi ro cho vay khách hàng, các loại bảo lãnh khác mức độ rủi ro thấp hơn.

Rủi ro đối với nghiệp vụ thư tín dụng thường thấp, với điều kiện Ngân hàng và các công ty con có thể kiểm soát được hàng hóa. Thư tín dụng trả chậm có thể tiềm ẩn rủi ro cao hơn thư tín dụng trả ngay. Khi Ngân hàng và các công ty con thực hiện trả tiền theo thư tín dụng/các cam kết bảo lãnh mà khách hàng không tiến hành thanh toán cho Ngân hàng và các công ty con thì Ngân hàng và các công ty con có quyền cho vay bắt buộc theo thỏa thuận đã ký kết trước đó của Ngân hàng và các công ty con và khách hàng.

Ngân hàng và các công ty con thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng và các công ty con đánh giá.

Cam kết giao dịch hối đoái bao gồm các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay và các cam kết giao dịch hoán đổi. Các cam kết mua, bán ngoại tệ trao ngay là các cam kết mà Ngân hàng và các công ty con sẽ thực hiện việc mua, bán ngoại tệ theo tỷ giá thỏa thuận trong hợp đồng và thực hiện thanh toán trong vòng hai (02) ngày kể từ ngày giao dịch. Cam kết giao dịch hoán đổi là các cam kết mua và bán cùng một lượng ngoại tệ (chỉ có hai đồng tiền được sử dụng trong giao dịch) với cùng một đối tác, trong đó một giao dịch có thời hạn thanh toán giao ngay và một giao dịch có thời hạn thanh toán xác định trong tương lai với tỷ giá của hai giao dịch được xác định đồng thời tại thời điểm xác nhận giao dịch giao ngay.

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	9.052	9.862
Cam kết giao dịch hối đoái	41.764.910	35.669.948
- Cam kết mua ngoại tệ	3.880.370	2.942.536
- Cam kết bán ngoại tệ	3.166.761	1.288.271
- Cam kết giao dịch hoán đổi	34.717.779	31.439.141
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	1.127.402	1.092.889
- Thư tín dụng trả ngay	472.710	556.085
- Thư tín dụng trả chậm	654.692	536.804
Bảo lãnh khác	3.569.437	2.730.003
- Bảo lãnh thanh toán	1.109.368	561.255
- Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	759.239	529.226
- Bảo lãnh dự thầu	41.994	83.945
- Bảo lãnh khác	1.658.836	1.555.577
	46.470.801	39.502.702
Trừ: Tiền ký quỹ	(231.568)	(183.179)
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn và các cam kết đưa ra	46.239.233	39.319.523

41. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng và các công ty con nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - Kiểm soát ngân hàng và các công ty con;
 - Có vốn góp (sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) vào ngân hàng và các công ty con và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới ngân hàng và các công ty con;
 - Có quyền đồng kiểm soát ngân hàng và các công ty con;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng và các công ty con là một bên liên doanh, liên kết (sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là công ty con);
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Điều hành (bao gồm Giám đốc Tài chính và Kế toán trưởng) của Ngân hàng và các công ty con;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); hoặc
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Năm nay Triệu đồng	Năm trước Triệu đồng
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Gửi tiền vào tài khoản và trả lãi tiền gửi	21.581.337	8.408.656
	Rút tiền từ tài khoản	21.183.882	8.460.840
	Thu lãi cho vay	43.614	-
	Thu nhập lãi trái phiếu	31.500	31.287
Các công ty Ngân hàng đầu tư góp vốn	Gửi tiền vào tài khoản và trả lãi tiền gửi	62.545.631	32.447.722
	Rút tiền từ tài khoản	60.047.851	32.221.179
	Cho vay	3.513.207	1.096.659
	Thu lãi cho vay	10.938	21.949
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Gửi tiền vào tài khoản và trả lãi tiền gửi	43.052.052	4.252.795
	Rút tiền từ tài khoản	42.769.518	4.590.134
	Cho vay, bảo lãnh và thế chấp	9.957.672	577.823
	Thu nợ tiền vay	1.191.348	169.322
	Thu lãi cho vay	22.228	2.661
	Lương và thưởng	48.309	38.359

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm như sau:

Bên liên quan	Các giao dịch	Phải thu	Phải trả
		Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn	Tiền gửi có kỳ hạn	(603.041)	(186.952)
	Tiền gửi thanh toán	(7.489)	(20.974)
	Tiền gửi đảm bảo ký quỹ	(46)	(46)
	Cho vay	474.300	474.300
	Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	350.000	350.000
	Lãi dự thu từ chứng khoán nợ sẵn sàng để bán	23.819	23.819
	Dự thu lãi cho vay	830	394
Các công ty Ngân hàng đầu tư góp vốn	Tiền gửi có kỳ hạn	(3.206.754)	(837.775)
	Tiền gửi thanh toán và vốn chuyên dùng	(199.811)	(151.002)
	Cho vay	865.153	342.812
	Lãi dự thu	405	5.474
	Tiền gửi đảm bảo thanh toán ký quỹ	(437)	(23)
	Phải thu về chuyển nhượng tài sản	-	315.000
	Đặt cọc thuê mặt bằng	-	20.000
	Tạm ứng góp vốn HDREAL	-	6.669
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành của Ngân hàng và các bên liên quan đến các cá nhân này	Tiền gửi thanh toán	(93.670)	(99.098)
	Tiền gửi tiết kiệm	(729.810)	(429.976)
	Cho vay, bảo lãnh và thế chấp	5.913	440.118
	Lãi dự thu	92	4.328

	Trong nước Triệu đồng	Nước ngoài Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
42. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG			
Tài sản tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (*)			
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	21.199.998	661.170	21.861.168
Cho vay khách hàng	104.497.028	-	104.497.028
Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư	51.725.777	-	51.725.777
Góp vốn, đầu tư dài hạn	490.087	-	490.087
Công nợ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	36.491.938	725.440	37.217.378
Tiền gửi của khách hàng	120.537.469	-	120.537.469
Các công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị giao dịch theo hợp đồng)	20.369.172	-	20.369.172
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng	2.927.741	-	2.927.741
chịu rủi ro	9.793.000	-	9.793.000
Phát hành giấy tờ có giá			
Cam kết ngoại bảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	46.470.801		46.470.801
(*) Không bao gồm dự phòng rủi ro			

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thông tin về thu nhập, chi phí và các khoản mục tài sản, nợ phải trả của các bộ phận theo khu vực địa lý của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Miền Bắc Triệu đồng	Miền Trung Triệu đồng	Miền Nam Triệu đồng	Tổng bộ phận đã báo cáo Triệu đồng	Loại trừ Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	4.565.556	1.736.906	25.451.192	31.753.654	[16.794.573]	14.959.081
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(3.624.873)	(1.312.600)	(20.468.881)	(25.406.354)	16.794.573	(8.611.781)
Thu nhập lãi thuần	940.683	424.306	4.982.311	6.347.300	-	6.347.300
Các khoản thu nhập ngoài lãi	64.773	8.922	1.084.824	1.158.519	-	1.158.519
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	1.005.456	433.228	6.067.135	7.505.819	-	7.505.819
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(382.243)	(203.957)	(3.486.077)	(4.072.277)	-	(4.072.277)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	623.213	229.271	2.581.058	3.433.542	-	3.433.542
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(88.813)	(30.138)	(897.809)	(1.016.760)	-	(1.016.760)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	534.400	199.133	1.683.249	2.416.782	-	2.416.782
TÀI SẢN						
Tiền mặt và vàng	386.215	187.887	937.527	1.511.629	-	1.511.629
Tiền gửi tại NHNN Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác	38.619	59.895	23.684.910	23.783.424	-	23.783.424
Cho vay khách hàng	21.417.211	11.638.925	71.440.892	104.497.028	-	104.497.028
Hoạt động mua nợ	-	-	7.749	7.749	-	7.749
Đầu tư	2.907.109	15.202	49.293.553	52.215.864	-	52.215.864
Tài sản khác	7.245.879	337.668	8.885.479	16.469.026	(6.579.907)	9.889.119
TỔNG TÀI SẢN	31.995.033	12.239.577	154.250.110	198.484.720	(6.579.907)	191.904.813
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản nợ NHNN Việt Nam	83	-	156.170	156.253	-	156.253
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	-	37.217.360	37.217.378	-	37.217.378
Tiền gửi của khách hàng	29.777.699	9.902.649	80.857.121	120.537.469	-	120.537.469
Nợ phải trả khác	1.292.185	2.041.219	19.910.568	23.243.972	(6.579.907)	16.664.065
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ	31.069.985	11.943.868	138.141.219	181.155.072	(6.579.907)	174.575.165



44. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và các công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và các công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và các công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và các công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường (được phân loại thành rủi ro kinh doanh và rủi ro không liên quan đến kinh doanh). Ngoài ra, Ngân hàng và các công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Quy trình kiểm soát rủi ro độc lập không bao gồm các rủi ro kinh doanh như những thay đổi của môi trường, công nghệ và ngành nghề. Những rủi ro này được kiểm soát bởi quy trình xây dựng kế hoạch chiến lược của Ngân hàng và các công ty con.

i. Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng quản trị là những người chịu trách nhiệm cho việc phát hiện và kiểm soát các rủi ro. Tuy nhiên, từng thành viên riêng biệt sẽ chịu trách nhiệm cho việc theo dõi và quản lý các rủi ro.

ii. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị là những người chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

iii. Ủy ban Quản lý rủi ro

Ủy ban Quản lý rủi ro tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và các công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và các công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.

Ủy ban Quản lý rủi ro xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và các công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

iv. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và các công ty con.

v. Kiểm toán nội bộ

Theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, các quy trình hoạt động của Ngân hàng và các công ty con sẽ được kiểm toán bởi bộ phận kiểm toán nội bộ nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ của các thủ tục. Kiểm toán nội bộ thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

vi. Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Rủi ro của Ngân hàng và các công ty con được đo lường bằng cách sử dụng phương pháp phản ánh cả những tổn thất dự đoán được gần như phát sinh trong các trường hợp thông thường và những tổn thất không dự đoán được mà chỉ là những ước tính những tổn thất thực tế sau cùng dựa trên những mô hình thống kê.

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và các công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng và các công ty con cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con sẵn sàng chấp nhận.

Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Thông tin này được trình bày và giải thích cho Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các trường phòng ban. Báo cáo bao gồm tổng mức rủi ro tín dụng, dự báo hệ thống lượng hóa rủi ro tín dụng, các ngoại lệ hạn mức, các chỉ số thanh khoản và thay đổi hồ sơ rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ đánh giá tính thích hợp của việc lập dự phòng cho những tổn thất tín dụng hàng quý. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng và các công ty con.

Đối với tất cả các cấp trong Ngân hàng và các công ty con, các báo cáo rủi ro cụ thể sẽ được lập và phân phối nhằm đảm bảo rằng tất cả các phòng ban kinh doanh đều cập nhật tất cả các thông tin cần thiết một cách đầy đủ và kịp thời.

vii. Giảm thiểu rủi ro

Ngân hàng và các công ty con đã chủ động sử dụng các tài sản thế chấp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

viii. Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và các công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc các hoạt động kinh doanh cùng trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán hoặc quyền lợi được thanh toán của nhóm khách hàng khi nghĩa vụ đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Những mức độ tập trung trên phản ánh các mức độ nhạy cảm của hoạt động Ngân hàng và các công ty con đối với sự phát triển của một khu vực địa lý hoặc ngành nghề nhất định nào đó.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và các công ty con đã có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và các công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

45. RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng và các công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và các công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và các công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tín cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

Lãi suất thực tế cho các khoản tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng và tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại Thuyết minh 7, 8, 11 và 21.

45.1 Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ gộp của nhóm tài sản tài chính đó trên bảng cân đối kế toán hợp nhất được trình bày như sau:

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản nội bảng		
Tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác	21.861.168	18.580.047
Chứng khoán kinh doanh - Chứng khoán nợ	800.000	400.000
Cho vay khách hàng:		
- Cho vay khách hàng cá nhân	47.384.798	36.729.422
- Cho vay khách hàng tổ chức	57.112.230	45.494.950
Hoạt động mua nợ	7.749	8.690
Chứng khoán đầu tư:		
- Chứng khoán nợ - sẵn sàng để bán	5.962.202	5.259.048
- Chứng khoán nợ - giữ đến ngày đáo hạn	5.797.823	2.500.000
Rủi ro tín dụng liên quan đến các tài sản ngoại bảng		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	3.578.489	2.739.865
Các cam kết trong thư tín dụng	1.127.402	1.092.889

Bảng trên thể hiện trường hợp xấu nhất với mức độ mất vốn tối đa của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016, chưa tính đến bất kỳ các tài sản thế chấp được nắm giữ hay các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng nào.

45.2 Các tài sản tài chính chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá

Các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá trị của Ngân hàng và các công ty con bao gồm các khoản nợ nhóm 1 theo quy định của Thông tư số 02/2013/TT-NHNN và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN; các chứng khoán, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác không quá hạn và không phải trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ban hành ngày 28 tháng 06 năm 2013.

Ngân hàng và các công ty con đánh giá rằng Ngân hàng và các công ty con hoàn toàn có khả năng thu hồi đầy đủ và đúng hạn các tài sản tài chính này trong tương lai.

45.3 Các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá

Tuổi nợ của các tài sản tài chính đã quá hạn nhưng không bị giảm giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày dưới đây:

	Quá hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Dưới 90 ngày Triệu đồng	Từ 91 đến 180 ngày Triệu đồng	Từ 181 đến 360 ngày Triệu đồng	Trên 360 ngày Triệu đồng	
Cho vay khách hàng	807.825	218.599	93.348	266.004	1.385.776

Cho vay khách hàng đã quá hạn nhưng không bị giảm giá là các khoản cho vay bị quá hạn nhưng không phải trích lập dự phòng do Ngân hàng đang nắm giữ đầy đủ các tài sản bảo đảm dưới hình thức tiền gửi đối ứng, bất động sản, động sản, các giấy tờ có giá và các loại tài sản bảo đảm khác

46. RỦI RO THỊ TRƯỜNG

46.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất phát sinh do có những thay đổi về lãi suất có ảnh hưởng đến giá trị của các công cụ tài chính. Ngân hàng và các công ty con sẽ có nguy cơ chịu rủi ro lãi suất do sự không tương xứng hay chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định. Ngân hàng và các công ty con quản lý rủi ro này thông qua việc cân đối ngày xác định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả.

Phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế
Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con:

- » Tiền mặt, vàng bạc đá quý; góp vốn đầu tư dài hạn và các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định và tài sản Có khác); các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi;
- » Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán do đó kỳ hạn định lại lãi suất thực tế được xếp loại vào khoản mục đến một tháng;
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất của từng loại chứng khoán; và
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ NHNN, các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác; các khoản cho vay khách hàng; nguồn vốn tài trợ ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro; các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác và khoản mục tiền gửi của khách hàng được xác định như sau:
 - Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất;
 - Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.
- » Thời hạn định lại lãi suất thực tế của khoản mục phát hành giấy tờ có giá dựa trên thời gian đáo hạn thực tế của từng loại giấy tờ có giá.

Bảng dưới đây trình bày thời hạn định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.



	Thời hạn định lại lãi suất			Thời hạn định lại lãi suất					Tổng cộng Triệu đồng
	Quá hạn Triệu đồng	Không chịu lãi Triệu đồng	Đến 01 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 03 tháng Triệu đồng	Từ 03 - 06 tháng Triệu đồng	Từ 06 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 05 năm Triệu đồng	Trên 05 năm Triệu đồng	
Tài sản									
Tiền mặt và vàng bạc	-	1.511.629	-	-	-	-	-	-	1.511.629
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.922.256	-	-	-	-	-	1.922.256
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	19.055.168	2.806.000	-	-	-	-	21.861.168
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	4.693.398	-	-	-	-	-	-	4.693.398
Cho vay khách hàng - gộp	3.393.666	-	7.605.911	85.819.093	1.691.708	3.282.030	2.704.620	-	104.497.028
Hoạt động mua nợ - gộp	7.749	-	-	-	-	-	-	-	7.749
Chứng khoán đầu tư - gộp	300.000	2.971.074	1.033.211	1.857.348	2.800.000	5.704.921	27.603.704	4.762.121	47.032.379
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	490.087	-	-	-	-	-	-	490.087
Tài sản cố định	-	1.526.617	-	-	-	-	-	-	1.526.617
Bất động sản đầu tư	-	45.769	-	-	-	-	-	-	45.769
Tài sản Có khác - gộp	79.013	3.419.261	296.406	3.257.796	525.740	603.213	118.071	17.233	8.316.733
Tổng tài sản	3.780.428	14.657.835	29.912.952	93.740.237	5.017.448	9.590.164	30.426.395	4.779.354	191.904.813
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	156.253	-	-	-	-	156.253
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	33.766.240	334.998	668.100	714.700	612.090	1.121.250	37.217.378
Tiền gửi của khách hàng	-	64.743	47.654.485	22.945.092	21.615.664	22.713.949	5.541.709	1.827	120.537.469
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	70.098	-	-	-	-	-	-	70.098
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	2.882	2.870.400	-	-	-	54.459	2.927.741
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.210.000	1.721.000	751.000	2.046.000	1.473.000	2.592.000	9.793.000
Các khoản nợ khác - gộp	-	1.344.438	435.153	693.331	698.270	540.549	69.940	91.545	3.873.226
Tổng nợ phải trả	-	1.479.279	83.068.760	28.721.074	23.733.034	26.015.198	7.696.739	3.861.081	174.575.165
Mức chênh lệch cảm với lãi suất	3.780.428	13.178.556	(53.155.808)	65.019.163	(18.715.586)	(16.425.034)	22.729.656	918.273	17.329.648

Tại ngày lập báo cáo, Ngân hàng đã thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Theo đó, nếu lãi suất tăng 0,2% thì lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng sẽ giảm 47.104 triệu đồng. Nếu lãi suất giảm 0,2% thì lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng sẽ tăng 47.104 triệu đồng.

Các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện mô hình quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALM), với tư vấn của công ty tư vấn nước ngoài, trong đó có phân tích rủi ro lãi suất và phân tích độ nhạy thu nhập lãi thuần thông qua các tình huống thay đổi của lãi suất thị trường.

46.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Ngân hàng và các công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng và các công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD, EUR và vàng. Ngân hàng và các công ty con đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Ngân hàng và các công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Tỷ giá của các loại ngoại tệ quan trọng tại thời điểm lập báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 50.

Bảng dưới đây thể hiện tài sản và nợ phải trả theo ngoại tệ đã được quy đổi sang VND vào ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	EUR được quy đổi Triệu đồng	USD được quy đổi Triệu đồng	Giá trị vàng tiền tệ được quy đổi Triệu đồng	Các ngoại tệ khác được quy đổi Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tài sản					
Tiền mặt và vàng bạc	111.406	407.158	22.730	66.905	608.199
Tiền gửi tại NHNN	-	99.696	-	-	99.696
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	6.468.538	2.046.182	-	34.287	8.549.007
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	1.024.510	-	15.861	1.040.371
Cho vay khách hàng - gộp	-	7.385.785	-	54.457	7.440.242
Tài sản Có khác – gộp	-	66.329	-	2	66.331
Tổng tài sản	6.579.944	11.029.660	22.730	171.513	17.803.847
Nợ phải trả					
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	3.551.123	-	-	3.551.123
Tiền gửi của khách hàng	37.432	3.793.398	-	98.881	3.929.711
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	2.871.591	-	54.459	2.926.050
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	6.034.500	-	-	13.119	6.047.619
Các khoản nợ khác	11.858	63.895	231	1.489	77.473
Tổng nợ phải trả	6.083.790	10.280.007	231	167.948	16.531.976
Trạng thái tiền tệ nội bảng	496.154	749.653	22.499	3.565	1.271.871
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	(486.000)	210.775	-	881	(274.344)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	10.154	960.428	22.499	4.446	997.527

Tại ngày lập báo cáo, Ngân hàng đã thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Nếu tỷ giá tăng 0,2% thì lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng sẽ tăng 2.877 triệu đồng. Nếu tỷ giá giảm 0,2% thì lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng sẽ giảm 2.877 triệu đồng. Các công ty con chưa thực hiện phân tích độ nhạy đối với tỷ giá cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 do chưa đủ các điều kiện về hệ thống cơ sở dữ liệu và thông tin đầu vào.

46.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Ngân hàng và các công ty con gặp khó khăn trong việc thực hiện những nghĩa vụ cho các khoản nợ phải trả tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Ngân hàng và các công ty con có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những khoản nợ phải trả này đến hạn ở những thời điểm bình thường hoặc khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và các công ty con phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và các công ty con, đồng thời Ngân hàng và các công ty con cần có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và các công ty con cũng cần đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con:

- Tiền gửi tại NHNN Việt Nam được xếp loại tiền gửi thanh toán, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán; ngoại trừ các khoản đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Ngân hàng Phát triển Việt Nam được xác định có khả năng thanh khoản trong vòng 01 tháng do tính thanh khoản cao của các khoản mục này trên thị trường;
- Thời gian đến hạn của các khoản nợ NHNN, các khoản tiền gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn mua cổ phần được coi là hơn một năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi, tiền vay của các tổ chức tín dụng khác; các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ tài chính khác và các khoản tiền gửi của khách hàng được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- Thời gian đến hạn của tài sản cố định được xác định dựa vào thời gian sử dụng hữu ích còn lại của tài sản.



Bảng sau đây trình bày thời hạn đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

	Quá hạn			Trong hạn				Tổng cộng Triệu đồng
	Trên 03 tháng Triệu đồng	Đến 03 tháng Triệu đồng	Đến 01 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 03 tháng Triệu đồng	Từ 03 - 12 tháng Triệu đồng	Từ 01 - 05 năm Triệu đồng	Trên 05 năm Triệu đồng	
Tài sản								
Tiền mặt và vàng bạc	-	-	1.511.629	-	-	-	-	1.511.629
Tiền gửi tại NHNN	-	-	1.922.256	-	-	-	-	1.922.256
Tiền, vàng gửi tại và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	19.055.168	2.806.000	-	-	-	21.861.168
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	-	-	400.000	4.138.626	154.772	4.693.398
Cho vay khách hàng - gộp	1.583.241	1.810.425	8.572.903	13.283.743	38.606.495	18.300.319	22.339.902	104.497.028
Hoạt động mua nợ - gộp	7.749	-	-	-	-	-	-	7.749
Chứng khoán đầu tư - gộp	300.000	-	1.233.145	470.367	6.720.449	30.116.298	8.192.120	47.032.379
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	490.087	490.087
Tài sản cố định	-	-	955.293	4.908	17.870	108.271	440.275	1.526.617
Bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-	-	45.769	45.769
Tài sản Có khác - gộp	79.013	-	1.287.253	2.888.051	1.138.655	2.379.200	544.561	8.316.733
Tổng tài sản	1.970.003	1.810.425	34.537.647	19.453.069	46.883.469	55.042.714	32.207.486	191.904.813
Nợ phải trả								
Các khoản nợ NHNN	-	-	216	225	13.935	119.382	22.495	156.253
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	33.766.240	334.998	1.382.800	612.090	1.121.250	37.217.378
Tiền gửi của khách hàng	-	-	47.719.228	22.945.092	44.329.613	5.541.709	1.827	120.537.469
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	43.320	(31.707)	58.485	-	-	70.098
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	1.000	691	2.926.050	2.927.741
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.210.000	1.721.000	2.797.000	1.473.000	2.592.000	9.793.000
Các khoản nợ khác - gộp	-	-	1.687.682	743.481	1.280.678	69.840	91.545	3.873.226
Tổng nợ phải trả	-	-	84.426.686	25.713.089	49.863.511	7.816.712	6.755.167	174.575.165
Mức chênh thanh khoản ròng	1.970.003	1.810.425	(49.889.039)	(6.260.020)	(2.980.042)	47.226.002	25.452.319	17.329.648

46.4 Rủi ro giá cả thị trường

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và các công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

47. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Số cuối năm Triệu đồng	Số đầu năm Triệu đồng
Các cam kết thuê hoạt động	1.199.482	1.192.053
Trong đó:		
Đến hạn trong 01 năm	17.558	186.341
Đến hạn từ 01 đến 05 năm	372.145	419.585
Đến hạn sau 05 năm	809.779	586.127

48. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, nên Ngân hàng và các công ty con chỉ áp dụng các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan để trình bày thông tin bổ sung theo yêu cầu của Thông tư 210. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng và các công ty con vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam, các quy định liên quan của NHNN Việt Nam.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm tiền mặt, vàng bạc, đá quý, các khoản tiền gửi tại NHNN Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác, các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, các khoản chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư, các khoản phải thu và các tài sản tài chính khác.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, thành một trong các loại sau:

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- a) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- b) Các khoản được Ngân hàng và các công ty con xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- c) Các khoản mà Ngân hàng và các công ty con có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán:

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
- c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng và các công ty con theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản nợ Chính phủ và NHNN; tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác; tiền gửi của khách hàng; vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro; các khoản giấy tờ có giá phát hành; các khoản phải trả và các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng và các công ty con xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Ngân hàng và các công ty con có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Giá trị ghi sổ			Giá trị ghi sổ			
	Kinh doanh Triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn Triệu đồng	Cho vay và phải thu Triệu đồng	Sẵn sàng để bán Triệu đồng	Tài sản khác và nợ tài chính hạch toán theo giá trị phân bổ Triệu đồng	Tổng cộng giá trị ghi sổ Triệu đồng	Giá trị hợp lý Triệu đồng
Tài sản tài chính							
Tiền mặt và vàng bạc	-	-	-	-	1.511.629	1.511.629	1.511.629
Tiền gửi tại NHNN	-	-	-	-	1.922.256	1.922.256	1.922.256
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	2.210.561	-	19.650.607	21.861.168	(*)
Chứng khoán kinh doanh	4.690.398	-	-	-	-	4.690.398	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	103.336.329	-	-	103.336.329	(*)
Mua nợ	-	-	3.875	-	-	3.875	(*)
Chứng khoán đầu tư	-	8.738.570	-	37.063.571	-	45.802.141	(*)
Góp vốn, đầu tư dài hạn khác	-	-	-	378.237	-	378.237	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	5.140.464	-	-	5.140.464	(*)
Tổng cộng	4.690.398	8.738.570	110.691.229	37.441.808	23.084.492	184.646.497	
Nợ phải trả tài chính							
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	156.253	156.253	(*)
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	37.217.378	37.217.378	(*)
Công cụ tài chính phái sinh	70.098	-	-	-	-	70.098	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	120.537.469	120.537.469	(*)
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	2.927.741	2.927.741	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	9.793.000	9.793.000	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	2.695.865	2.695.865	
Tổng cộng	70.098	-	-		173.327.706	173.397.804	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định của NHNN Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**49. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Ngân hàng và các công ty con.

50. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM TÀI CHÍNH

	Số cuối năm Đồng	Số đầu năm Đồng
USD	22.425	22.159
EUR	27.000	23.876
GBP	30.413	27.803
CAD	17.998	16.807
SGD	16.910	15.678
AUD	17.623	16.372
CNY	3.372	3.138
JPY	200,37	194,90
Vàng SJC (lượng)	36.400.000	35.800.000

Người lập:

Bà Hồ Đặng Hoàng Quyên
Kế toán Trưởng

Người kiểm soát:

Ông Phạm Văn Đầu
Giám đốc Tài chính

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hữu Đặng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 03 năm 2018

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG

TRONG NƯỚC

HDBANK

- 1 Hội sở tại Thành phố Hồ Chí Minh
- 1 Văn phòng Đại diện tại Hà Nội
- 238 Chi nhánh, phòng Giao Dịch
- 42 tỉnh thành trên cả nước

MIỀN NAM

- | | |
|--------------------------|-----------------------|
| 1. Thành phố Hồ Chí Minh | 9. An Giang |
| 2. Long An | 10. Kiên Giang |
| 3. Tiền Giang | 11. Cà Mau |
| 4. Bến Tre | 12. Đồng Nai |
| 5. Vĩnh Long | 13. Bà Rịa - Vũng Tàu |
| 6. Đồng Tháp | 14. Bình Dương |
| 7. Cần Thơ | 15. Bình Phước |
| 8. Sóc Trăng | |

MIỀN TRUNG & TÂY NGUYÊN

- | | |
|----------------|--------------------|
| 17. Lâm Đồng | 25. Quảng Ngãi |
| 18. Đắk Lắk | 26. Quảng Nam |
| 19. Gia Lai | 27. Đà Nẵng |
| 20. Kon Tum | 28. Thừa Thiên Huế |
| 21. Bình Thuận | 29. Quảng Bình |
| 22. Khánh Hòa | 30. Hà Tĩnh |
| 23. Phú Yên | 31. Nghệ An |
| 24. Bình Định | |

MIỀN BẮC

- | | |
|---------------|----------------|
| 32. Thanh Hóa | 38. Lạng Sơn |
| 33. Nam Định | 39. Hải Phòng |
| 34. Ninh Bình | 40. Hải Dương |
| 35. Hà Nội | 41. Quảng Ninh |
| 36. Bắc Ninh | 42. Lào Cai |
| 37. Bắc Giang | |



QUỐC TẾ

HDBank đã thiết lập quan hệ đại lý khoảng 400 ngân hàng và chi nhánh tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, bao gồm toàn bộ các thị trường trọng yếu.



THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Hội sở chính
HDBank Nguyễn Đình Chiểu
HDBank CMT8
HDBank Tân Định
HDBank Sài Gòn
HDBank Trương Định
HDBank Nguyễn Văn Cừ
HDBank Đồng Sài Gòn
HDBank Thảo Điền
HDBank Nguyễn Duy Trinh
HDBank Nguyễn Thị Định
HDBank Duy Tân
HDBank Vạn Hạnh
HDBank Nam Kỳ Khởi Nghĩa
HDBank Khánh Hội
HDBank Hoàng Diệu
HDBank Nguyễn Trãi
HDBank Gia Định
HDBank Minh Phụng
HDBank Phú Lâm
HDBank Bình Phú
HDBank Huỳnh Tấn Phát
HDBank Phú Mỹ Hưng
HDBank Bình Điện

HDBank Nam Sài Gòn
HDBank Hiệp Phú
HDBank Phước Long
HDBank Ngõ Gia Tư
HDBank 3-2
HDBank Hòa Hưng
HDBank Hồ Chí Minh
HDBank Lạc Long Quân
HDBank Cây Gõ
HDBank Ta Uyên
HDBank Trương Chinh
HDBank Nguyễn Ảnh Thủ

HDBank Bình Hưng
HDBank Khu Nam

HDBank Hàng Xanh
HDBank Đinh Bộ Lĩnh
HDBank Bình Thạnh
HDBank Lê Quang Định
HDBank Bạch Đằng
HDBank Hoàng Hoa Thám
HDBank Phan Văn Trị
HDBank Nguyễn Oanh
HDBank Gò Vấp
HDBank Thái Sơn
HDBank Phú Nhuận
HDBank Lê Văn Sỹ
HDBank Cộng Hòa
HDBank Lân Bình Thẳng
HDBank Trường Sơn
HDBank Âu Cơ
HDBank Tân Bình
HDBank Hòa Bình
HDBank Tân Phú
HDBank Lê Trọng Tấn
HDBank Nguyễn Sơn
HDBank Linh Đông
HDBank Thủ Đức

TỈNH LONG AN

HDBank Long An
HDBank Long Hậu

TỈNH TIẾN GIANG

HDBank Tiến Giang

TỈNH BẾN TRE

HDBank Bến Tre

TỈNH VINH LONG

HDBank Vinh Long

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

HDBank Cần Thơ
HDBank Xuân Khánh
HDBank Thốt Nốt
HDBank Ô Môn

TỈNH SÓC TRĂNG

HDBank Sóc Trăng
HDBank Châu Thành

TỈNH ĐỒNG THÁP

HDBank Đồng Tháp
HDBank Sa Đéc

TỈNH AN GIANG

HDBank An Giang
HDBank Châu Phú
HDBank Châu Đốc

TỈNH KIÊN GIANG

HDBank Kiên Giang
HDBank Phú Quốc

TỈNH CÀ MAU

HDBank Cà Mau
HDBank Sông Đốc

TỈNH ĐỒNG NAI

HDBank Đồng Nai
HDBank Khu Công Nghiệp AMATA
HDBank Thanh Bình
HDBank Tân Biên
HDBank Phước Bình
HDBank Sở giao dịch Đồng Nai
HDBank Quyết Thắng
HDBank Bửu Long
HDBank Tân Phong
HDBank Tân Mai
HDBank Quang Vinh
HDBank Đồng Khởi

HDBank Hố Nai

HDBank Thanh Phú

HDBank Tân Hiệp

HDBank Tân Hòa

HDBank Vĩnh An

HDBank Tam Hiệp

HDBank Tam Phước

HDBank Long Bình

HDBank Nhơn Trach

HDBank Long Thành

HDBank Xuân Hòa

HDBank Định Quán

HDBank Phương Lâm

HDBank Gia Ray

HDBank Thống Nhất

HDBank Xuân An

HDBank Trảng Borm

HDBank Sông Ray

HDBank Hố Nai 3

HDBank Đồng Hòa

TỈNH BÀ RIA - VÙNG TÀU

HDBank Vũng Tàu

HDBank Lý Thường Kiệt

HDBank Rach Dừa

HDBank Bà Rịa

HDBank Phước Tỉnh

HDBank Châu Đức

TỈNH BÌNH DƯƠNG

HDBank Bình Dương

HDBank Di An

HDBank Sở Sao

HDBank Hòa Lân

HDBank Thủ dầu Một

HDBank Bình An

HDBank Lái Thiêu

HDBank Bàu Bàng

TỈNH BÌNH PHƯỚC

HDBank Bình Phước

TỈNH TÂY NINH

HDBank Tây Ninh

TỈNH LÂM ĐỒNG

HDBank Lâm Đồng

179 - 179A Trần Hưng Đạo, P.3, TP. Sóc Trăng
327 Quốc Lộ 1A, Ấp Trà Quýt A, TT. Châu Thành, H. Châu Thành, Sóc Trăng

62 - 64 Lý Thường Kiệt, P.2, TP. Cao Lãnh
A8 -10 Hùng Vương, P.2, TP. Sa Đéc

217 Lý Thái Tổ, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên
Số 08, TT. Cái Dầu, H. Châu Phú, An Giang
163 - 165 Lê Lợi, tổ 17, khóm Châu Long 2, P. Châu Phú B, TP. Châu Đốc

Lô A7 - 63+64 Ba Thàng Hai, P. Vinh Bảo, TP. Rach Giá
50 đường 30/4, TT. Dương Đông, H. Phú Quốc, TP. Rach Giá

138A - 138B Ngô Quyền, P.9, TP. Cà Mau
66 Trần Hưng Đạo, P.5, TP. Cà Mau

208D Phạm Văn Thuận, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa
Số 50 - 52 đường Đồng Khởi, Khu phố 4, P. Tân Hiệp, TP. Biên Hòa
93 đường 30/4, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
388, đường Nguyễn Ái Quốc, Khu phố 9, P. Hố Nai, TP. Biên Hòa
Xã Phước Bình, H. Long Thành
294-296 KP1, CMT8, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa
53-55 Võ Thị Sau, P. Quyết Thắng, TP. Biên Hòa
17/5A - 17/5B tổ 4, KP2, P. Bửu Long, TP. Biên Hòa
378 QL1, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa
1/20 tổ 3 KP7, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa
19/1 Ấp Đồng Nai, X. Hòa An, TP. Biên Hòa
Kì-ốt 13 -14 KCC Thanh Bình, Nguyễn Trãi, P. Thanh Bình, TP. Biên Hòa
A3 - A8 KP5, P. Tân Biên, TP. Biên Hòa
459A, Ấp 1, X. Thanh Phú, H. Vĩnh Cửu
433 - 435, KP6, Đồng Khởi, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa
58/1 - 60/1 KP2, P. Tân Hòa, TP. Biên Hòa
KP5, TT. Vĩnh An, H. Vĩnh Cửu
151/2, KP4, Phạm Văn Thuận, P. Tam Hiệp, TP. Biên Hòa
256A Ấp Long Đức 1, X. Tam Phước, TP. Biên Hòa
351, Quốc lộ 51, KP1, P. Long Bình Tân, TP. Biên Hòa
357 Hùng Vương, Ấp 3, X. Hiệp Phước, H. Nhơn Trach
173/K5, Lê Duẩn, Khu Văn Hải, TT. Long Thành
520 Hùng Vương, P. Xuân Hòa,TX. Long Khánh, H. Long Khánh
193 Quốc lộ 20, Ấp Hiệp Quyết, TX. Định Quán, H. Định Quán
2117 QL20 Ấp Phương Lâm 1, X. Phú Lâm, H. Tân Phú
362, Trần Phú, KP3, TT. Gia Ray, H. Xuân Lộc
A2/063, Quốc lộ 20, Ấp Bắc Sơn, X. Quang Trung, H. Thống Nhất
KP1, P. Xuân An, TX. Long Khánh, H. Long Khánh
B4 - B5, Khu nhà ở Bắc, Quốc lộ 1A, TT. Trảng Borm, H. Trảng Borm
Ấp 5, X. Sông Ray, H. Cẩm Mỹ
Ấp Thanh Hóa, Quốc lộ 1A, X. Hố Nai 3, H. Trảng Borm
Số 04, Ấp Bàu Cà, X. Trung Hòa, H. Trảng Borm

Số 7 Nguyễn Thái Học, TP. Vũng Tàu
35 Tran Hưng Đạo, P.1, Tỉnh BRVT
213 - 215 đường 30/4, P. Thảng Nhất
267 Cách Mạng Tháng 8, P. Phước Hưng, TX. Bà Rịa, Tỉnh BRVT
Số 10 tổ 2, Ấp Phước Lâm, X. Phước Hưng, H. Long Điền, Tỉnh BRVT
307 Hùng Vương, KP2, TT. Ngãi Giao, H. Châu Đức, Tỉnh BRVT

558 Đại Lộ Bình Dương, P. Hiệp Thành, TX. Thủ Dầu Một
90 đường Di An Trường Tre, Di An
Ấp 2, X. Tân Định, H. Bến Cát
27/2 KP Bình Giao, P.Thuận Giao, TX. Thuận An
Lô B, ô 1 và ô 2, KP chợ Đình Bò Linh, P. Phú Cường, Thủ Dầu Một
38A/3 Quốc lộ 1K, Nội Hòa 2, P. Bình An, TX. Di An
66 Nguyễn Văn Viết, P. Lái Thiêu, TX. Thuận An
Số D1- 5A Khu đô thị Bàu Bàng, X. Lai Uyên, H. Bàu Bàng

Lô 21- 22 Quốc Lộ 14, P. Tân Phú, TX. Đồng Xoài

Số 410 đường 30/4, P. 3, TP. Tây Ninh

1/23 Trần Phú, P.4, TP. Đà Lạt

Báo cáo thường niên 2017

TỈNH ĐẮK LẮK

HDBank Đắk Lắk
HDBank Chư Quynh
HDBank KRông Buk
HDBank Ea H'Leo

TỈNH GIA LAI

HDBank Gia Lai
HDBank Pleiku

TỈNH KON TUM

HDBank Kon Tum

TỈNH BÌNH THUẬN

HDBank Bình Thuận

TỈNH KHÁNH HÒA

HDBank Nha Trang
HDBank Chợ Mới
HDBank Cam Ranh
HDBank Trung Tâm

TỈNH PHÚ YÊN

HDBank Phú Yên

TỈNH BÌNH ĐỊNH

HDBank Bình Định
HDBank An Nhơn

TỈNH QUẢNG NGÃI

HDBank Quảng Ngãi
HDBank Đức Phổ

TỈNH QUẢNG NAM

HDBank Quảng Nam

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

HDBank Đà Nẵng
HDBank Lê Duẩn
HDBank Hải Châu
HDBank Hòa Cường
HDBank Nguyễn Văn Linh

TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

HDBank Huế
HDBank Bắc Sông Hương

TỈNH QUẢNG BÌNH

HDBank Quảng Bình

TỈNH HÀ TĨNH

HDBank Hà Tĩnh
HDBank Vũng Áng

TỈNH NGHỆ AN

HDBank Nghệ An
HDBank Hưng Phúc
HDBank Quán Hánh
HDBank Minh Khai
HDBank Vinh
HDBank Diễn Châu

TỈNH THANH HÓA

HDBank Thanh Hóa
HDBank Lam Sơn

TỈNH NINH BÌNH

HDBank Ninh Bình

TỈNH NAM ĐỊNH

HDBank Nam Định

THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Ban đại diện phía Bắc
HDBank Hà Nội

HDBank Nguyễn Trường Tộ
HDBank Tây Hà Nội
HDBank Cầu Giấy
HDBank Trung Hòa
HDBank Tây Đô
HDBank Trung Yên

38 - 40 Y Jút, P. Tân Tiến, TP. Buôn Ma Thuột
Thôn 1, X. Ea Ktur, H. Cư Kuin
Xóm 6, Thôn Tân Lập, X. Pong Drang, H. Krông Buk
412 Giải Phóng, TT. Ea Drăng, H. Ea H'Leo

Kiot số 1,2,3,4 số 01, Phù Đồng, P. Phù Đồng, Tp. Pleiku
58 Đinh Thiên Hoàng, P. Diên Hồng, TP. Pleiku

64 Trần Phú, P. Quyết Thắng, TP. Kon Tum

119 Trần Hưng Đạo, P. Phù Thủy, TP. Phan Thiết

12 Trần Quý Cáp, P. Vạn Thành
3.05A Đường 23/10, P. Ngọc Hiệp
109 Đại lộ Hùng Vương, P. Cam Lợi
100 Hoàng Văn Thu, P. Vạn Thắng

Số 196 Trần Hưng Đạo, P.3, TP. Tuy Hoà

89 - 91 Mai Xuân Thường, P. Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhon
146 - 148 Ngõ Gia Tư, P. Bình Định, TX. An Nhơn

219- 221 Quang Trung - P. Lê Hồng Phong

310 Nguyễn Nghiêm, TT. Đức Phổ, H. Đức Phổ

244 Lý Thường Kiệt, P. Sơn Phong, TP. Hội An

74 - 76 - 78 Chí Lăng, P. Hải Châu 2, Q. Hải Châu
185 Đồng Đa, P. Thanh Thang, Q. Hải Châu
Lô 500A Điện Biên Phủ, P. Hoà Khê, Q. Thanh Khê
376 Núi Thành, P. Hoà Cường, Q. Hải Châu
150 -152 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê

41- 43 Bến Nghé, P. Phú Hội, TP. Huế

81 Mai Thúc Loan, P. Thuận Thành, TP. Huế

352 Trần Hưng Đạo, P. Nam Lý, TP. Đồng Hới

75 Phan Đình Phùng, P. Bắc Hà, TP. Hà Tĩnh

Thôn Liên Giang, X. Kỳ Long, H. Kỳ Anh

39 Lê Hồng Phong, P. Hưng Bình, TP. Vinh

282 Nguyễn Văn Cừ, P. Hưng Phúc, TP. Vinh

Khối 04 TT. Quán Hánh, H. Nghi Lộc

78 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh

Số 22, Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Vinh

Thôn 7, X. Diễn Kỳ, H. Diễn Châu

Số 13+14 phố Phan Chu Trinh, P. Điện Biên

488 Quang Trung, P. Đồng Vệ

185 Lương Văn Thảng, P. Đồng Thành, TP. Ninh Bình

Số 9 Nguyễn Du, P. Nguyễn Du, TP. Nam Định

Tầng 9, 32 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm

Đơn nguyên I, nhà 2C, khu Đoàn Ngoại giao

Vạn Phúc, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình

27 Nguyễn Trường Tộ, Q. Ba Đình

138 Hoàng Quốc Việt, P. Nghĩa Tân, Q. Cầu Giấy

12 Trương Công Giai, P. Dịch Vọng, Q. Cầu Giấy

M1 - 01 Nguyễn Thị Định, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy

Số 11 Nguyễn Văn Huyền, Tổ 22, P. Quan Hoa, Q. Cầu Giấy

17 Lô 14A, KĐT Trung Yên, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy

HDBank Mỹ Đình
HDBank Trần Duy Hưng
HDBank Nguyễn Khang
HDBank Ba Đình
HDBank Thành Đô
HDBank Kim Liên
HDBank Thành Công
HDBank Kinh Đô
HDBank Hồ Gươm
HDBank Khâm Thiên
HDBank Lương Định Của
HDBank Ở Chợ Dừa
HDBank Nguyễn Lương Bằng
HDBank Thái Thịnh
HDBank Nguyễn Chí Thanh
HDBank Quang Trung

HDBank Hà Đông
HDBank Đồng Đa
HDBank Hai Bà Trưng
HDBank Hà Thành
HDBank Trảng Tiến
HDBank Nam Đô
HDBank Hoàng Mai
HDBank Sài Đồng
HDBank Nam Hà Nội
HDBank Hoàn Kiếm
HDBank Trần Hưng Đạo
HDBank Thủ Đô
HDBank Hồng Hà
HDBank Đồng Đô
HDBank Vạn Xuân
HDBank Tràng An
HDBank Hàng Buồm
HDBank Linh Đàm
HDBank Lê Thanh Nghị
HDBank Long Biên
HDBank Hà Huy Tập
HDBank Từ Liêm
HDBank Mỹ Đình 2

HDBank Mỹ Đình 1
HDBank Hùng Vương
HDBank Tây Hồ
HDBank Yên Thái
HDBank Yên Phụ
HDBank Hoàng Văn Thái
HDBank Thanh Xuân
HDBank Thượng Đình
HDBank Triều Khúc

TỈNH BẮC NINH

HDBank Bắc Ninh
HDBank Từ Sơn

TỈNH BẮC GIANG

HDBank Bắc Giang

TỈNH LẠNG SƠN

HDBank Lạng Sơn
HDBank Đồng Đăng

TỈNH HẢI DƯƠNG

HDBank Hải Dương
HDBank Điện Biên Phủ
HDBank Thành Đông

THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

HDBank Hải Phòng
HDBank Hải Đăng
HDBank Ngô Quyền

TỈNH QUẢNG NINH

HDBank Quảng Ninh
HDBank Cẩm Phả
HDBank Mạo Khê

TỈNH LÀO CAI

HDBank Lào Cai
HDBank Cẩm Đường

01 Lê Đức Thọ, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy
Tầng 1 Tòa nhà CT3, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy
78 Nguyễn Khang, P. Yên Hoà, Q. Cầu Giấy
243A Đề La Thành, P. Lăng Thượng, Q. Đống Đa
Số 20 Tập thể T579C Hào Nam, Q. Đống Đa
Số 59 Xã Đán, P. Phương Liên, Q. Đống Đa
101 và 201 - C18 Nguyễn Hồng, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa
198A Trương Chinh, P. Khương Thượng Q. Đống Đa
165 Thái Hà, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa
96-98 Khâm Thiên,P. Khâm Thiên, Q. Đống Đa
Số 02, ngò 11+13 Lương Định Của, P. Kim Liên, Q. Đống Đa
26 Hoàng Cẩu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa,
200 Nguyễn Lương Bằng, Q. Đống Đa
61 phố Thái Thịnh, Tổ 13b, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa
174 Đường Láng, P. Thịnh Quang, Q. Đống Đa
Lô T1-03, tầng 1, tòa nhà CT2, chung cư Ngô Thi Nhậm, P. Hà Cầu, Q. Hà Đông,
Ô số 5, lô BT1, khu đô thị Vạn Phú , Q. Hà Đông
Số 70 Trần Đại Nghĩa, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng
183 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành, Q. Hai Bà Trưng
288 phố Lạc Trung, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai Bà Trưng
118 Đại Cồ Việt, P. Lê Đại Hành,Q. Hai Bà Trưng.
145 Phố Vong, P. Đồng Tâm, Q. Hai Bà Trưng
86 Võ Thị Sáu, P. Thanh Nhân, Q. Hai Bà Trưng
66 Sài Đồng, Q. Sài Đồng, Q. Long Biên
39 Tuệ Tinh, P. Bưởi Thị Xuân, Q. Hai Bà Trưng
32 Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm
33 Tràng Thi, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm
14 - 16 Hàm Long, Q. Hoàn Kiếm
1 Nguyễn Văn Tố, P. Cửa Đông, Q. Hoàn Kiếm
52 Nguyễn Siêu, P. Hàng Buồm, Q. Hoàn Kiếm
11 Lò Rèn, P. Hàng Bó, Q. Hoàn Kiếm
98B Trần Hưng Đạo, P. Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm.
40 Hàng Thiếc, P. Hàng Gai, Q. Hoàn Kiếm
BT1, Ô Số 7, Bắc Linh Đàm, Nguyễn Hữu Thọ, P. Đại Kim, Q. Hoàng Mai
142 Nguyễn An Ninh, P. Tương Mai, Q. Hoàng Mai
562 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên
547 Ngõ Gia Tư, Đức Giang, Q. Long Biên
Tổ 8 Tu Hoàng, P. Phương Canh, Q. Nam Từ Liêm
Lô 117 Kiểu nhà 1B khu nhà thấp tầng TT3, Tổ 4, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm
Tầng 1, nhà A4 KĐT Mỹ Đình, Q. Nam Từ Liêm,
249A Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q.Tây Hồ
22 Xuân La, P. Xuân La, Q. Tây Hồ
392 Thụy Khuê, P. Bưởi, Q. Tây Hồ
7A, Yên Phụ, P. Yên Phụ, Q. Tây Hồ
142 Hoàng Văn Thái, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân
144 Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân.
Tầng 1 tòa nhà Nam Anh, Số 68 Ngõ 116 Nhân Hòa, Q. Thanh Xuân
Xóm Cẩu, X. Triều Khúc, H. Thanh Trì

Tầng 1 Viglacere, số 15 Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh

198 Trần phú, P. Đồng Ngàn, TX. Từ son

Số 772 Lê Lợi, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang

Số 298 Bà Triệu, P. Vinh Trai, TP. Lạng Sơn

119 Khu Dãy Thép, TT. Đồng Đăng, H. Cao Lộc

360 Nguyễn Lương Bằng, TP. Hải Dương

199 Điện Biên Phủ, P. Bình Hân, TP. Hải Dương

22 Quang Trung, P. Quang Trung, TP. Hải Dương

Số 116 (tầng 2 và tầng 10) Nguyễn Đức Cảnh, P. Cát Dại, Q. Lê Chân

Số 02, lô 22A, Lê Hồng Phong, P. Đồng Khê, Q. Ngô Quyền

Số 376 Tô Hiệu, P. Hồ Nam, Q. Lê Chân

131 đường 25/4, P. Bạch Đằng, TP. Hà Long

Số 402 Trần Phú, P. Cẩm Trung, TP. Cẩm Phả

137 đường Hoàng Hoa Thám, P.Mạo Khê, TX. Đông Triều

143 Hoàng Liên, P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai

Số 6 Đại lộ Trần Hưng Đạo, P. Bắc Cường, TP. Lào Cai





NGÂN HÀNG TMCP PHÁT TRIỂN TPHCM - HDBANK
HỘI SỞ

25Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: **+84 2862 915 916** | Fax: **+84 2862 915 900**

Call Center: **1900 6060** | www.hdbank.com.vn

